VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

chuyện anh chàng họa sĩ cà lăm
võ đình
vĩnh biệt bố già mario puzo
thạch hãn
phỏng vấn trúc chi
triều hoa đại
nói chuyện với người đã chết
vương trí nhàn
đọc "chân mang giày số 6"
nguyễn mộng giác

truyện
mario puzo ● trần doãn nho ● lê minh hà ● nguyễn hiền
bùi bích hà ● nguyễn quí đức ● phạm hải anh

thơ
nguyễn xuân thiệp ● nguyễn đức thanh ● ngũ an
nguyễn thị minh thủy ● trần hồng châu
nguyễn tư phương ● lê thị huệ ● đặng hiền
huỳnh liễu ngạn ● nguyễn thị thanh bình

160
THÁNG 8 1999

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 160 ● tháng 8, 1999

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
VÕ ĐÌNH	3	chuyện anh họa sĩ cà lăm
NGUYỄN XUÂN THIỆP	12	*thời gian*
VƯƠNG TRÍ NHÀN	13	nói chuyện với người đã chết
NGUYỄN ĐỨC THANH	23	*sài gòn*
TRIỀU HOA ĐẠI	25	trúc chi: huế-sàigòn-hànội
NGUYỄN THỊ MINH THÚY	38	*lục bát từ biển, buổi chiều*
LÊ HỮU NGHỊ	39	"điểm" qua các bài điểm sách
NGUYỄN HƯNG QUỐC	49	viết văn với ... cây búa
TRẦN HỒNG CHÂU	71	*tôi vẫn theo em*
TRẦN DOÃN NHO	73	một đêm
NGUYỄN TƯ PHƯƠNG	84	*cuối đời, sao nỡ ngắt trăng về*
LÊ MINH HÀ	85	sông vẫn còn chảy mãi
LÊ THỊ HUỆ	91	*cuồng lưu chữ*
BÙI BÍCH HÀ	92	đôi cánh ước mơ của con
ĐẶNG HIỀN	98	*mưa đông appex*
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	99	mười ngày ở bled
HUỲNH LIỄU NGẠN	112	*nỗi nhà*
NGUYỄN HIỀN	113	trầm luân
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	118	*thơ không lời đáp*
PHẠM HẢI ANH	120	cửa sổ
NGỮ AN	124	*tâm huế*
THẠCH HÃN	125	vĩnh biệt bố già
MARIO PUZO	129	chọn một giấc mơ
NGUYỄN MỘNG GIÁC	144	đọc "chân mang giày số 6"
VĂN HỌC	149	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	152	thư tín, hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1999
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1999

Thư Tòa soạn
Văn Học

"...Câu chuyện của họ khơi khơi trên mây, tỏa ra cái tổng quát, dựa trên nguyên tắc, ôm lấy tổng thể chứ không để dính vào các chuyện thực tiễn trước mắt. Không nói ra, cả hai đều thấy bất lực trước những điều cụ thể, nên tìm yên tâm bằng cách đặt khó khăn cụ thể vào trong một cái khung lớn, và lo tìm giải quyết cái khung ấy trước...Ông có vẻ sáng đối với những toàn cảnh, nhưng lại lạng quạng ở chỗ chật; thoải mái hăng say với giấc mộng vá trời lấp biển nhưng bối rối vụng về không biết làm sao để lấp một lỗ chân trâu..."

Ngẫu nhiên mà đoạn trích văn trên đây trong *Mùa Biển Động* lại rất giống với cách suy nghĩ và ứng phó của chúng ta ngày nay. Những việc cụ thể bày rõ ràng trên mọi bàn viết: một quá khứ còn tươi rói cần chiêm nghiệm, một đời sống mới còn ngỡ ngàng nhưng phải đối phó tức thời, chuyện xuất bản và phát hành khó khăn, lượng độc giả suy giảm, một nền văn học hai mươi năm Miền Nam bị thất tán cần sưu tầm lưu trữ...

Chúng ta giả vờ như những chuyện trước mắt ấy không đáng quan tâm, và mải miết bàn cãi về những điều cao vĩ. Như khi đã giải quyết được những nguyên tắc căn bản, thì mọi sự sẽ hanh thông.

Văn Học không tin mọi sự được giải quyết dễ dàng như vậy. Cho nên trên số báo này, ngoài những tiểu luận và sáng tác bình thường, còn có thêm hai bài "hơi khác thường": đoạn tự truyện "Chọn một giấc mơ" của nhà văn Mỹ vừa mới qua đời Mario Puzo viết về kinh nghiệm di dân của gia đình mình, viết trong tư thế một nhà văn di dân như chúng ta; và bài giới thiệu cuốn "Chân mang giày số 6" của Song Thao. Mario Puzo đã cho chúng ta một bài học quí giá, từ kinh nghiệm của tập thể di dân gốc Ý những năm kinh tế khủng hoảng, chưa kể bài học về cách nhìn thế hệ đi trước và cách ứng xử với quá khứ.❐

Chuyện anh họa sĩ cà lăm
(Lại nói chuyện vẽ, IV)
Võ Đình

Gần hai mươi năm trước, tiệm bán tranh (*art gallery*) đại diện cho tôi có tham dự một cuộc triển lãm quốc tế ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tòa DC Armory vĩ đại, phía đông trụ sở quốc hội, trên bờ sông Anacostia, quần tụ hàng trăm phòng tranh "bỏ túi" với họa phẩm từ rất nhiều quốc gia trên thế giới, khắp năm châu.

Tôi đến thăm triển lãm vì lời nhắn nhủ dai dẳng của *gallery*. Lang thang từ gian hàng này qua gian hàng khác trong hơn tiếng đồng hồ mà lòng có phần ngán ngẩm: Tôi đã chờ đợi nhiều hơn ở một cuộc trưng bày quốc tế! Chỉ khi có một tác phẩm nào đó bắt được sự chú ý của mình tôi mới đứng lại coi kỹ.

Tôi dừng chân ở gian hàng Hồng Kông.

Không như đại đa số tác phẩm khác, hàng ngàn tấm sơn dầu, đấy là một bức tranh thật lớn, mực Tàu trên giấy. Song không phải là một cảnh sơn thủy hữu tình. Hay thảo trùng, hoa điểu. Có dáng núi dáng mây nhưng bố cục dị thường. Tôi đứng sát vào tranh, ngắm kỹ hơn. Kỹ thuật "bút khô", tinh vi, sắc bén, gân guốc. Toàn họa phẩm toát ra một phong cách vừa ung dung rất "Đông phương", vừa hiện đại, quốc tế.

Chỉ có một người trông coi, ngồi trên chiếc ghế nhỏ ở góc phòng. Tráng niên Á Đông, tướng mạo tầm thường, không có gì đáng để ý: tóc ngắn, kính cận, nét mặt hiền lành đứng đắn, bộ âu phục xoàng xĩnh nâu nhạt. Một anh công hay tư chức khiêm tốn. Một kế toán viên, giữ việc sổ sách kiêm gác dan... Tôi nhìn kỹ bức tranh một hồi nữa rồi bỏ đi.

Đi được một quãng, tôi giật mình: Thì ra mình cũng đầy tự mãn và thành kiến thế à!? Bậy, bậy quá! Tôi quay lui lại gian hàng Hồng Kông. Ngắm kỹ bức tranh một lúc lâu nữa rồi quay sang anh đàn ông lúc nãy:

– Xin lỗi ông, cho tôi hỏi thăm. Tôi không nói được tiếng Hoa. Ông

có biết tác giả bức tranh này là ai không?

Anh đàn ông nở một nụ cười hồn nhiên. Cười rộng miệng. Hở cả lợi. Thì ra anh là một người cà lăm nặng. Anh lắp bắp mãi mới nói được đôi lời:

– A, ông thích hả? Tại sao vậy? Cho tôi biết được không?

– Một thử nghiệm, một sáng tạo rất đẹp. Nghệ sĩ Tây phương đã có người khai thác thư pháp Trung Hoa từ lâu rồi. Nghệ sĩ Hoa cũng đã có đôi người cách tân lối vẽ mực của Trung Quốc rồi. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi thấy một họa phẩm sơn thủy cổ truyền mà lại hiện đại như thế này. Độc đáo lắm. Đẹp lắm. Nếu ông biết tác giả là ai, xin chuyển lời ca ngợi dùm tôi...

Anh đàn ông cười. Một cái cười ngượng nghịu, lúng túng. Anh nói:

– Đa tạ, đa tạ. Tôi biết tác giả tranh này...

Bất thần, tôi nhìn thẳng vào mắt anh đàn ông, hỏi:

– Ông vẽ tranh này phải không?

Anh đàn ông càng cười, càng lúng túng:

– V...v...v... vâng, phải.

Chúng tôi bắt tay nhau, và tự giới thiệu.

Trần Khuê (Ch'en Kwei) – không phải tên thật của anh – năm đó, 1981, bốn mươi mốt tuổi, gốc Quảng Đông. Cọng Sản chiếm cả Trung Quốc, Khuê mới lên chín. Mấy năm sau, vượt biên cùng người anh lớn qua Hương Cảng. Được học bổng sang Mỹ, chuyên khoa Vật lý, lãnh bằng tiến sĩ từ Princeton, đại học danh tiếng nhất nhì ở miền Đông Hoa Kỳ, làm việc đã gần mười năm ở một cơ quan của chính phủ liên bang. Ngoài nghề nghiệp là một khoa học gia, Trần Khuê sáng tác hội họa liên tục từ năm mười lăm tuổi. Một nhà vật lý có tầm cỡ, một họa sĩ tài hoa, một tráng niên... cà lăm hạng nặng, Khuê là một người hiếm có. Chúng tôi trở nên khá thân.

Thỉnh thoảng "xuống núi", tôi ghé thăm. Nhà Trần Khuê ở ngoại ô Hoa Thịnh Đốn, phía Tây Bắc, thuộc bang Maryland. Một khu vực sang trọng. Nhà cửa Khuê cũng sang trọng. Chiếc đàn nguyệt cẩn xà cừ, óng ánh vảy bạc, kiêu kỳ bên trên bộ sô-pha bọc da đen, láng lườm. Cái ché lớn (Khang Hi?) nền thẫm, mẫu đơn trắng và hồng rực rỡ trên thảm lót vàng nhạt, gần như trắng. Và, dĩ nhiên, một phòng khách như vậy không thể thiếu cái đàn dương cầm. Cái *Steinway* đồ sộ đen bóng nằm ngay ở tường trong, đối diện với cửa sổ lớn treo màn lụa trong veo. Trên cái *Steinway* là bức chân dung một mệnh phụ đời Thanh, chân dung phong cách Càn Long: giai điệu chính nghiêng về vàng can, vân vi nhiều lắt láy hồng và tía.

Trần Khuê kéo tôi xuống hầm nhà. Gọi là hầm (*basement*) nhưng rộng lớn, trần cao, đèn đuốc sáng trưng. Một cái "hầm" thật khang trang. Kệ lớn kệ nhỏ đầy ắp dụng cụ, chai lọ đủ cỡ. Và hai ba cái bàn vẽ thật lớn, như bàn *Pingpong*. Chủ nhân cười bẽn lẽn:

– Trên kia là cho mọi người. Tôi thích xuống dưới này hơn.

Nhìn quanh, tôi đủ thấy chủ nhân là một người vẽ thực thụ và nghiêm chỉnh. Lọ, bút, nghiên mực, khung tranh, cho chí miếng giẻ một trăm phần trăm bông sợi, tất cả mang hơi hướm của sự sống nghệ thuật. Đây là nơi một họa sĩ làm việc "trối chết". Nhìn tranh Trần Khuê tôi đã thấy tác giả là một người có tài. Bây giờ nhìn nơi chốn anh vẽ, tôi thấy anh là một người cần mẫn, và có quyết tâm.

.....

Một hôm, sau cả năm quen biết đi lại, Trần Khuê bảo tôi:

– Này, Mai huynh (Khuê gọi tôi là *Mai hing*, âm Quảng Đông) tôi tính thế này, chẳng biết anh nghĩ sao.

– Cậu tính sao?

– Tôi định năm tới xin nghỉ việc ở cơ quan. Muốn dành tất cả thì giờ cho chuyện vẽ. Vẽ toàn thời gian. Như anh vậy.

Tôi giật mình, bảo Khuê:

– Ấy, tôi đâu biết cậu chán vật lý học đến thế!

Trần Khuê cười, càng hở lợi, càng cà lăm:

– Đâu có chán. Tôi yêu vật lý lắm chớ.

– Yêu, sao bỏ?

– Ấy, tại muốn vẽ nhiều hơn nữa kia.

– Bỏ việc, lấy gì mà sống?

– Bán tranh! Ăn tiền để dành.

Tôi khoát tay:

– Thôi, xin ông đi. Ông làm việc ở cơ quan đó nhiều năm rồi. Lương lậu khá quá rồi. Bỏ uổng lắm.

– Không bỏ thì làm sao vẽ được nhiều hơn?

– Vẽ nhiều hơn mà làm cái gì chứ?

– A, vẽ nhiều hơn sướng hơn chứ!

– Chưa chắc ông đã vẽ được nhiều hơn đâu. Mà có vẽ được nhiều hơn nữa, chưa chắc ông đã sướng hơn đâu.

– Sao lại không?

Trần Khuê và tôi đang đứng cạnh cái bàn vẽ mênh mông của anh. Tôi nói:

– Chuyện này dài dòng. Ngồi xuống đã.

Chúng tôi ngồi lên cái ghế dài kê dọc bàn vẽ. Khuê lúi húi châm

thêm trà. Tôi nói:

– Nay cậu còn làm việc như một nhà vật lý nhé. Chỉ vẽ khi về nhà và rảnh rang. Vẽ buổi tối khi vợ con đã đi ngủ. Vẽ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ. Bây giờ bỏ việc ở nhà cậu sẽ có nhiều thì giờ hơn. Nhiều hơn bao nhiêu? Đại khái cho là gấp đôi đi. Ừ, cứ cho là nhiều thì giờ hơn gấp đôi đi. Nhưng tôi nói cậu nghe, vì không làm việc bên ngoài, không có gì bảo đảm là cậu sẽ tăng thì giờ lên gấp đôi cả. Cậu sẽ đụng đầu phải vô số những vấn đề khác trước mắt mà cậu không tránh né được. Cậu sẽ không còn cái vị thế của "người đi làm" nữa. *You'll have lost the importance of someone who works for a living and brings the bacon home.* Đem thùng rác ra lề đường nè. Lượm tờ báo đem vô nhà nè. Cho chó ăn nè. Cần phải cắt sân cỏ nè. Máy cắt cỏ để mãi không chịu nổ, phải đem đi sửa nè. Vân vân. Tôi có thể làm cho cậu cả một danh sách vài chục thứ khác đòi hỏi sự lưu tâm của cậu. Vài chục thứ quan trọng hơn, nặng nề hơn, lỉnh kỉnh hơn...

– Thôi, miễn. Tôi hiểu rồi. Nói tiếp đi, Mai huynh.

– Đó là mới nói chuyện *thì giờ* vẽ. Còn năng lực vẽ thì sao? Nói đúng hơn, *năng lực sáng tạo*. Con người khi nào cũng cần thở. Lâu lâu mới cần ăn, uống, bài tiết. Một ngày hăm bốn tiếng, ăn, uống, bài tiết mà cũng chỉ vài ba lần thôi, huống hồ "sáng tạo". Óc sáng tạo không phải là một cái máy, khi muốn sáng tạo chỉ việc mở máy. Sáng tạo không phải là sáng tác. Sáng tác mới chỉ là sản xuất, làm ra tác phẩm, làm ra bức tranh. Sáng tạo là có thể làm ra một bức tranh dở dang, chưa hoàn thành, nhưng đã mang những yếu tố có tính cách thiết yếu, cá biệt, viên mãn. Ngày nào người họa sĩ cũng có thể sáng tác một họa phẩm. Không phải ngày nào y cũng có thể sáng tạo hội họa. Cậu là một nghệ sĩ sáng tác hay là một nghệ sĩ sáng tạo?

Đó mới là chuyện cầm bút. Chưa nói đến chuyện tiền bạc. Bán tranh? Cậu đừng tưởng bở. Tôi biết cậu là thứ họa sĩ có lý tưởng và nghị lực. Nhưng rồi cậu sẽ phải đương đầu liên tục với mấy tay buôn tranh. Làm việc chuyên môn với cái bằng tiến sĩ là cậu mang một thứ áo giáp. Cậu thừa sức bảo mấy tay buôn tranh: "Không ưa tranh này à? Thì thôi, để tôi cất chơi." Nhưng một khi họ biết tổng lợi tức của cậu do bán tranh mà ra, nồi cơm của cậu thực sự nằm trong tay họ, cậu dựa vào chuyện bán tranh mà sống, mà vẽ, chúng nó lại thừa sức bảo cậu: "Này, Mít-tơ Ch'en, bức kia kìa, năm ngoái năm kia gì đó, dễ bán hơn. Năm nay, ông vẽ toàn cái gì kỳ cục, khó bán quá!". Thế là cậu mệt rồi. Mất ngủ rồi. Ăn không ngon rồi. Chiều chuộng khách hàng, bán nhiều tranh, lượm nhiều tiền, OK. Nhưng đã vậy thì thôi, đừng nói chuyện sáng tạo sáng tiếc nữa, vô ích.

Sức đẩy kinh tế, có thật, nó thúc cậu vẽ vào cho nhiều. Nhưng liệu cậu ngồi nhìn mấy đứa con hoang của mình, một lũ mặt dạn mày dày lơ lơ láo láo cậu có mắc cỡ không? Tôi nghĩ rằng nếu qua Mỹ để làm đầy tớ cho mấy tay lái tranh thì thà rằng trước kia đừng vượt biên sang Hồng Kông, ở lại Quảng Đông mà làm cu-li!

Trần Khuê khoát tay:

– Biết rồi, biết rồi, nhưng Mai huynh này, tôi tính sẽ không bán tranh qua mấy tay buôn tranh, mấy *galleries* nữa. Tôi biết cái mà người ta gọi là *"gallery circuit"* là gì rồi. *Circuit* hay *circus* thì cũng vậy thôi. Tôi có quần chúng của tôi. Có những người, Trung Hoa cũng có mà Hoa Kỳ cũng có, họ hâm mộ tranh tôi và sẵn sàng bỏ tiền ra mua... Tôi biết rằng lợi tức bán tranh sẽ chỉ là một phần rất nhỏ của lợi tức hiện nay nhưng tôi, chúng tôi, sẵn sàng chấp nhận...

Thấy người sắp sửa "vấp phải đá, quàng phải dây" mà không hô hoán lên là có tội. Tôi đành phải nói ra mặc dù chẳng thích thú gì việc thọc gậy bánh xe. Tôi nói với Trần Khuê:

– Ấy, cậu hãy coi chừng cái quần chúng đó. Tôi tin rằng cậu nói thật, họ hâm mộ tranh cậu và sẵn sàng mua tranh cậu... Nhưng Trần Khuê, cậu biết không, tâm lý khách chơi tranh thường là kỳ cục lắm. Cậu có bao giờ nghĩ rằng họ mua tranh cậu vì những lý do chẳng ăn nhằm gì cả với giá trị tự thân của tác phẩm cậu? Chẳng hạn, một, cậu là một nhà vật lý xuất sắc, được nhà nước Hiệp Chủng Quốc tin cậy, trao cho trọng trách điều khiển chương trình gì đó ở cơ quan nọ: hẳn là cậu phải tài giỏi hơn người. Hai, người ta suy rằng nếu cậu được đại diện thường trực bởi một *gallery* ở trung tâm thủ đô Hoa Kỳ, thì hiển nhiên là vì cậu có đủ uy tín và địa vị nào đó như một nghệ sĩ. Hiển nhiên, cậu là một họa tác gia người ta bỏ tiền ra mua tranh mà không sợ bị hố! Và ba, giới thượng lưu người Hoa ưa thích tranh cậu là chuyện dễ hiểu đã đành mà người Âu Mỹ cũng muốn treo tranh cậu. Vì sao? Vì bức tranh dáng dấp Á Đông trong một phòng khách là một cái gì sang cả, quí phái lắm. Tranh cậu lại hiện đại. Người ta sẽ nhìn chủ nhân ngôi nhà như một người vừa lịch lãm, có óc quốc tế, vừa biết thưởng thức cái đẹp tân thời. Treo tranh Vương Duy, nói giả thử thôi vì có tranh Vương Duy đâu mà treo, chỉ mới là sang trọng và có phong độ. Treo tranh Trần Khuê, sang thì chắc là không sang bằng, nhưng vừa có phong độ, vừa có vẻ... chịu chơi. Hiện đại hơn, "bụi" hơn. *Chic* quá cỡ đi chứ!

Cậu có chắc bỏ ba yếu tố trên đi, chỉ còn có Trần Khuê và tác phẩm người ta sẽ còn yêu chuộng như trước không? Hay là bà triệu phú Đài Bắc, ông chủ tịch đại công ty Boston, sau khi cà kê mất mấy tiếng đồng

hồ của cậu rồi cứ chần chờ mãi không chịu ký cái ngân phiếu chỉ vì cái đỉnh núi cậu vẽ nó chẳng có dáng dấp "cô phong đỉnh" như trong "tranh Tàu" gì cả. Hay dòng suối cậu vẽ nó chẳng uốn éo róc rách kiểu Đổng Nguyên đời Đường, hay Trầm Du đời Minh gì cả.

Thấy Trần Khuê ngồi im, mặt mày thiểu não, tôi thương hại, đổi đề tài:

– A, tôi biết rồi. Cậu muốn nghỉ việc ở sở để vẽ toàn thời gian vì trong thâm tâm cậu khổ sở về cái danh nghĩa chứ gì? Cậu không muốn làm một họa sĩ nghiệp dư. Cậu muốn làm một họa sĩ chuyên nghiệp kia, đúng không? Có vậy không?

Xúc động, Khuê càng cà lăm tợn. Mỗi một tiếng "có" mà lắp bắp mãi mới phun ra được. Tôi an ủi:

– Cậu nghĩ xem, Vương Duy không là họa sĩ nghiệp dư à? Tô Đông Pha không là họa sĩ nghiệp dư à? Cậu có thể ngồi cùng chiếu, thưởng trà với lắm bậc tiền bối đấy. Ai vẽ hơn mấy ông thánh đó? OK, dù gì thì quan niệm nghệ sĩ chuyên nghiệp cũng chỉ mới xuất hiện đây thôi – sau thời kỳ Phục Hưng ở Âu châu. Một quan niệm ngày càng bám rễ trong tâm thức quần chúng. Ngày nay, nhìn vào đâu mà không thấy con người chuyên nghiệp. Thế giới chuyên môn hóa tối đa. "Con Người Phục Hưng" mất dạng ở các nước tiên tiến, và ngất ngư ở các nước lạc hậu. Nói gì đâu xa xôi, ngay chính cậu đây, tiến sĩ vật lý, chuyên trị "Động Học về Chất Lỏng", trong nhà có cái ống nước trở chứng, có phải cậu hay bà xã phải cầu cứu đến bàn tay anh thợ ống nước chuyên nghiệp không hay là cậu lại tay kềm tay búa, loay hoay cả nửa ngày trời với thành tích là ống nứt, nước tóe ra lan tràn cả sàn cả thảm không? Nhưng cậu thừa biết, ở đời đâu phải chỉ có chuyện sửa ống nước. Ngay trong chuyện giải trí cũng toàn là những tay chuyên môn: lực sĩ chuyên nghiệp, vũ công chuyên nghiệp, ca sĩ chuyên nghiệp... Gần gũi với chúng mình hơn có văn sĩ chuyên nghiệp, nhạc sĩ chuyên nghiệp, họa sĩ chuyên nghiệp... Họa sĩ nghiệp dư à? Chẳng ra cái thể thống gì cả. Thảo nào cậu khổ tâm. Tôi thông cảm. Thông cảm lắm.

Nhiên không, Trần Khuê có vẻ trầm tĩnh hẳn. Bớt cà lăm đi:

– Thật ra, tôi không "ke" gì lắm về chuyện danh nghĩa đâu, Mai huynh ạ. Chuyên nghiệp, nghiệp dư, với tôi thật ra không thành vấn đề. Tôi chỉ muốn bỏ việc làm, ở nhà ngày nào cũng vẽ, muốn vẽ lúc nào là vẽ lúc đó. Vậy thôi. Ngồi ở sở lắm khi bứt rứt không chịu được.

– Tôi hiểu, tôi hiểu. Nhưng then chốt không nằm ở đó.

– Không nằm ở đó thì nằm ở đâu?

– Ngồi ở sở, không được vẽ, cậu khổ là chuyện của cậu. Vấn đề rắc rối hơn kia. Vấn đề là làm nghệ thuật và thành tựu. Tôi nói *thành tựu* trong

nghĩa đạt tới điều mình nhắm tới trong nghệ thuật. Tôi không nói "thành công" thường được hiểu, nhất là ở Hoa Kỳ, như được hoan nghênh, và thu lượm được lợi lộc. Được hoan nghênh mà lại còn... hốt bạc, ai không ham?! Nhưng đó không phải là điều làm ta thắc mắc. Cái làm ta thắc mắc là làm nghệ thuật chuyên nghiệp, và làm nghệ thuật nghiệp dư có những hậu quả gì trên sự thành tựu nghệ thuật. Và với cậu, đây là vấn đề then chốt, đúng không? Vương Duy với Tô Đông Pha, xa và xưa lắm rồi. Ngày nay, người ta cho rằng sống nhờ vào lợi tức cây bút mang lại là họa sĩ chuyên nghiệp. Còn sống nhờ vào lợi tức nào khác trong khi vẫn làm nghệ thuật với cây bút là họa sĩ nghiệp dư. Và họa sĩ chuyên nghiệp được người ta coi trọng hơn họa sĩ nghiệp dư. Sao lại có chuyện kỳ cục vậy? Chuyên nghiệp hay nghiệp dư đều có điều khó xử. Chuyên nghiệp, người họa sĩ có nhịp sáng tác nhanh hơn, mạnh hơn, đều đặn hơn. Nhưng trong trường hợp những họa sĩ đã lỡ "thành công", óc sáng tạo cũng có thể bị làm cho thui chột, què quặt đi. Người họa sĩ nghiệp dư có tự do hơn, có đảm bảo kinh tế vững chắc hơn, nhưng sáng tác lại tùy hứng nhiều hơn, và không có gì bảo đảm là óc sáng tạo được kích thích một cách thuận lợi hơn. Chung qui vì việc làm văn nghệ, thật ra, đâu có được quyết định bởi những hoàn cảnh, những nhãn hiệu "nhà nghề" hay "không nhà nghề", "tài tử" hay "không tài tử". Cậu biết chuyện Paul Cézanne thi trượt ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris chứ gì? Ông rút lui về quê hương, dưới Aix-en-Provence, thừa hưởng gia tài ông bố để lại. Không đi làm. Không trưng bày. Không bán tranh (ngoại trừ một hai bức gửi lên Paris cho nhóm Ấn tượng, bạn cũ của ổng). Không du lịch. Không thăm viếng. Không tiệc tùng. Ở Aix suốt đời trong ngôi nhà cũ, vẽ đi vẽ lại mấy trái táo trái lê trong bếp hay núi Ste Victoire trong vùng. Về già, chết cũng tại Aix, và trở thành cho hậu thế, ông cha đẻ của nền hội họa hiện đại. Khó mà dán lên cái trán hói mênh mông của Cézanne một nhãn hiệu chuyên nghiệp hay nghiệp dư lắm. Ngày xưa, Vương Duy làm quan, Tô Đông Pha cũng làm quan. Bây giờ cậu là một thứ chuyên viên cao cấp vậy cũng là làm "quan" rồi chứ gì. Làm quan mà vẽ và làm thơ đặng như ông Vương, làm quan mà phóng ra mấy bài phú và mấy cành tre "tới" như ông Tô thì dù có ăn lương nhà nước Hiệp Chủng Quốc mà vẽ được như cậu, là vui lắm rồi...

Trần Khuê không có vẻ được thuyết phục lắm. Nhất định cứ cho rằng làm cái gì với tính cách chuyên nghiệp vẫn là có năng suất cao hơn, có khả năng phát triển tài năng lớn hơn là với tính cách nghiệp dư. Tôi hòa hoãn:

– O.K. Có thể. Ta nhìn kỹ xem. Nghệ thuật khác với kỹ thuật đã đành

mà trong một số những ngành chúng ta thường gọi là nghệ thuật kỹ thuật vẫn đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Những nghệ thuật đó thường có tính cách trình diễn. Những tay đàn chẳng hạn. Kéo vĩ cầm như Isaac Stern, như Yehudi Menuhin không thể là tùy hứng được. Phải khổ luyện mỗi ngày, năm này qua năm khác, suốt đời. Tôi không rành chơi bóng rổ nhưng có lần thấy lực sĩ chuyên nghiệp Michael Jordan tung hoành trên sàn gỗ mà thất kinh. Nhìn cái cách Jordan thảy trái bóng vào rổ trong khi con người anh ta đang *lưng chừng* trong không gian thì thấy được làm sao Hạ Hầu Đôn ngồi trên lưng ngựa phi nước đại mà giương cung bắn trúng hồng tâm!

Trần Khuê cười toe, sung sướng:

– Mai huynh, anh cũng biết Hạ Hầu Đôn à? Người Việt Nam cũng đọc Tam Quốc Chí à?

– Có chứ, mê lắm. Nhưng này, tôi nghe đâu, cỡ Jordan vậy mà ngày nào cũng vẫn còn luyện ném bóng vào rổ. Chuyên nghiệp đến thế là cùng. Tuy nhiên...

Trần Khuê có vẻ còn thích thú vì tôi nhắc đến tên vị hổ tướng của Tào Tháo. Nhưng Khuê nén cười:

– Tuy nhiên?

– Tuy nhiên, tính cách chuyên nghiệp ở người nghệ sĩ sáng tạo khác hẳn tính cách chuyên nghiệp ở người nghệ sĩ trình diễn. Cậu hiểu cho, tôi nói *trình diễn* trong nghĩa đúng đắn, tuyệt đối không có ý miệt thị. Tôi tin rằng sáng tạo là một hiện tượng huyền bí. Trong một giây khắc nào đó có một cái gì như là ánh chớp sáng lòa trong tâm thức người nghệ sĩ. Tôi ưa cái ý niệm *divine spark* mặc dù không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo. Một ánh chớp, một tia lửa! Và vì thế tôi nghĩ rằng nếu biết chuẩn bị, biết "dọn mình", người nghệ sĩ nghiệp dư cũng sẽ có được kinh nghiệm đó, chứ không cứ phải là một nghệ sĩ chuyên nghiệp. Cũng vì nghĩ như vậy cho nên tôi cho rằng sự thành tựu nghệ thuật, rốt cuộc, được quyết định bởi *bản lãnh* của người làm nghệ thuật, bất luận người đó chuyên nghiệp hay nghiệp dư. Bản lãnh đó là gì? Đó là lý tưởng. Là nghị lực. Và tài năng. Và ý chí. Và một yếu tố nữa vô cùng cần thiết vì nếu không có nó thì mọi yếu tố kia cũng hụt hẫng, vô dụng. Đó là lòng yêu mến nghệ thuật. Không, yêu mến không đủ mạnh, không đủ sâu. Phải nói *đam mê*. *Passion*. Đam mê đến mức không có gì có thể làm nguội lạnh đi được. Tiền tài, danh vọng không mua chuộc được. Người đời rẻ rúng, dè bỉu, không thay đổi được hướng đi. Ngay đến cả túng thiếu, đói lạnh cũng không dập tắt nhuệ khí đi được. Đông, Tây, cổ, kim, không thiếu những nghệ sĩ ở mỗi ngành đã chứng tỏ sự đam mê đó. Cuộc sống cho nghệ thuật giống như một hình

khối kim tự tháp. Lý tưởng, nghị lực, tài năng, ý chí là bốn cạnh của mặt đáy. Giữ cân bằng cho ngọn tháp: Đam Mê. Ngọn không thể hiện hữu nếu không có đáy. Cạnh nương tựa nhau để đưa lên thành ngọn. Năm yếu tố đó làm nên bản lãnh của người nghệ sĩ. Đó là cốt tủy. Chuyên nghiệp hay nghiệp dư chỉ là hoàn cảnh riêng tư, cái "nghiệp" của một cá nhân. Có những éo le kỳ lạ: Nhiều nghệ sĩ nghiệp dư vượt hẳn nghệ sĩ chuyên nghiệp về óc sáng tạo. Lại có người hội đủ bao nhiêu điều kiện để trở thành một nghệ sĩ chuyên nghiệp vậy mà cứ long đong suốt đời trong tình trạng nghiệp dư của mình. Bản lãnh là một thứ *lửa nóng*, mà ngầm, mà ngún. Tiếng Anh/Mỹ có một thành ngữ thật hay: "Lửa Trong Bụng" *(Fire in the belly)*. Cậu thừa quen biết với cái lửa đó. Vậy thì cậu phải biết, chung qui, bản lãnh của người nghệ sĩ là yếu tố quyết định tối hậu, quan trọng nhất, sâu xa nhất. Bản lãnh ấy, cậu đã tỏ là cậu nắm trong tay. Con đường bao năm qua cậu vẫn đi là một con đường không hiển trở nhưng gian nan, không khúc khuỷu nhưng gập ghềnh. Tuy thế, đó cũng là một con đường sáng sủa, an toàn. Đừng tưởng có con đường nào thong dong hơn. Đừng có mơ tưởng hão huyền!

Một thời gian khá lâu, Trần Khuê và tôi không có dịp gặp nhau. Cuối năm 1983 ở Virginia có cuộc trình chiếu dương bản các tác phẩm đánh dấu 25 năm hội họa của tôi, Trần Khuê có đến thăm. Đem cho tôi cái quà. Đó là một cái triện son bằng đá, do chính tay Khuê vẽ mẫu và khắc. Hai chữ Hán triện lệ, tên tôi. Tôi hỏi Trần Khuê:

– Sao, vật lý gia còn làm việc với nhà nước chứ?

– Còn...

Một lúc sau, Khuê cười thoải mái, nói tiếp:

– Nghĩ lại, nghĩ thật kỹ, thấy Mai huynh nói phải.

Tôi bảo Khuê:

– Người Việt chúng tôi thường nói: "Đoạn trường ai có qua cầu mới hay". Tiếng Hoa chắc thế nào cũng có một câu tương tự chứ gì?

Trần Khuê cười lớn:

– Có, có chứ. Mai huynh biết không? Dạo này mình bớt cà lăm rồi. Còn chút chút thôi. Chắc là do bớt ray rứt vì chuyện nọ. Chuyên nghiệp với nghiệp dư ấy mà. Bớt nhiều đi!❐

VI.1999

Thời gian

NGUYỄN XUÂN THIỆP

tưởng chòm sao rua đã tắt
tưởng cánh chim đã bay khuất
dâu ngờ ta ngồi bên nhau
buổi chiều. những bông tường vi sót

không gian. một làn hương ngái
vết răng. miếng xoài vàng mơ
gió mang những khu rừng nhiệt đới
và bàn tay mọc ánh trăng xưa

không xa trong mùa hạ đỏ
không đi trong đông xám sầu
trái đất ngừng quay đạo ấy
có còn mùa nào nữa đâu

chỉ còn anh và em
thời gian. xanh hồ nước tịnh
lặng soi đôi cánh chim
không. không bao giờ mất

chiều vẫn bên khung cửa sổ
nắng trên sách và tranh
nụ cười em như đóa lửa
đốt môi tôi một lần

đốt đời nhau bằng gỗ mun
khi tóc em mùi thạch thảo
ôi đôi mắt là thuyền
thời gian xuôi về bến đậu

thời gian của một nhánh hường

tháng bảy, 1999

Nói với người đã chết

Vương Trí Nhàn

Lời Tòa soạn: *Trong số những nhà phê bình trong nước, Vương Trí Nhàn tạo được một vị trí riêng nhờ lối viết sáng tạo, sâu sắc và độc đáo của anh. Trong cuốn tiểu luận phê bình "Cánh Bướm Và Đoá Hướng Dương" mới xuất bản, Vương Trí Nhàn tưởng tượng ra những cuộc phỏng vấn các văn thi sĩ quá cố, như Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương, Tản Đà. Văn Học đăng lại trích đoạn ba cuộc phỏng vấn ấy để chia sẻ cái thú đọc sách với bạn đọc.*

* Hồ Xuân Hương
Một ham muốn sống "thật đã đầy, thật trọn vẹn"

Trong số những câu thơ nổi tiếng nhất của Hồ Xuân Hương, có hai câu chỉ đơn thuần là một giả định, song đầy chất thách thức:

Ví đây đổi phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?

Có vẻ như người viết nên hai câu ấy là con người không chịu an phận, con người nghĩ rằng lẽ ra cuộc đời này có thể không giống như người ta đang thấy. Tất cả nên được sắp xếp lại. Và như vậy thì cái hội hóa trang này sẽ biết bao kỳ thú.

Câu thơ của Hồ Xuân Hương gợi mở cho tất cả chúng ta nhiều giả định khác. Những giả định riêng bên cạnh những giả định chung. Những giả định lớn lao và cả những giả định rất bình thường nữa. Riêng trong phạm vi những người đọc và yêu thơ Xuân Hương, nghĩ và cảm bằng thơ Xuân Hương, tôi tưởng nhiều người chúng ta đều có chung một ước ao: có dịp gặp Xuân Hương, nghe Xuân Hương trò chuyện. Nghĩa là được giả định rằng Xuân Hương không phải là người của hai trăm năm trước, mà bà đang sống và làm việc giữa chúng ta, và những bài thơ như *Mời trầu, Đề đền Sầm Nghi Đống, Mắng học trò dốt*... chỉ vừa được viết ráo mực.

Bởi lẽ trong thơ, bà là một trong những tác giả cổ điển có cái dáng vẻ hiện đại bậc nhất, nên chi, về mặt tính cách, chắc chắn đấy cũng là một người dễ hợp với thời đại chúng ta, dễ chấp nhận cái đa đoan của thời đại chúng ta và cả những hình thức quan hệ mà thời đại ta đang có.

Tự bạch là các cách mà các siêu sao điện ảnh và âm nhạc, siêu người mẫu cùng với cầu thủ bóng đá nổi tiếng thường sử dụng để tiếp xúc với bạn đọc. Dưới đây, là một đoạn mà Hồ Xuân Hương trong giả định của tôi – Hồ Xuân Hương người cùng thời với chúng ta – tự bạch, thông qua gợi ý của một số câu hỏi ngắn.

– Bà có cho rằng, trong nền thơ Việt Nam, bà tượng trưng cho một cái gì thái quá, một ngoại lệ?

– Tôi thích câu của một đồng nghiệp người Pháp, sống sau tôi hơn nửa thế kỷ, ông Flaubert: "Trong nghệ thuật, không nên sợ sự thái quá, nhưng đó phải là một sự thái quá liên tục, và nhất là cần thiết cho người có cái vẻ thái quá đó."

Còn câu này có đúng khi vận vào tôi hay không, xin để các anh suy nghĩ lấy.

– Cảm tưởng của bà khi nghe những lời giải thích của nhiều thế hệ bạn đọc và các đồng nghiệp.

– Được trở thành đối tượng cho người ta bàn cãi cũng thú chứ! Và tôi lại càng thú vị khi biết rằng những lời giải thích ấy hết sức khác nhau, trong thâm tâm, mỗi người đều biết rằng còn lâu mới tìm ra bản chất đích thực của tôi.

– Xin bà thử bình luận về một vài lời giải thích mà bà cho là chưa trúng cách.

– Hãy nói trước một điều: Thơ tôi quá gắt, quá mạnh. Những ai yếu thần kinh chớ nên chạm đến nó. Chắc gần đây, các anh đã được đọc di cảo của ông Hoài Thanh, trong đó có các nhận xét về những bài như *Một trái trăng thu chín mõm mòm*. Theo Hoài Thanh, vì giận ghét xã hội, tôi đã ném các thứ dơ dáy lên thiên nhiên. Và cái nhìn ấy, đối với thiên nhiên, đúng là một cái nhìn bệnh tật người đời sau không nên chấp nhận. Tôi cho rằng trong cái việc không thích đọc thơ tôi, cũng như không chịu được *Số Đỏ* (mà tác giả *Thi Nhân Việt Nam* gọi là văn chương hạ cấp, đồ rác rưởi), Hoài Thanh đã trung thực với chính mình, mặc dù, các anh thử giả định, nếu các ý kiến này của Hoài Thanh mà được tin theo, thì người ta sẽ đối xử với tôi và Vũ Trọng Phụng như thế nào!

Trở lại những bình luận sai lạc. Không kể những kẻ bài bác, hãy nói những người thiện chí nhất. Ông Nguyễn Đức Bính bảo tôi trở về với thời

nguyên thủy. Tôi đâu có thế! Tôi gần gũi với các khao khát không yên của con người hiện đại. Người nguyên thủy đâu có lắm chuyện như tôi! Hoặc ông Chế Lan Viên bảo tôi là *he hé tài tình*. Chữ tài tình ấy, tôi chả từ chối. Nhưng có lẽ phải đổi *he hé* thành *lấp lửng* mới đúng. Đôi khi, tôi giả bộ che đậy, để gợi trí tò mò, còn trong tinh thần, bao giờ tôi cũng muốn nói đến cùng, nói toạc mọi chuyện.

– Cảm hứng chi phối bà trong sáng tác?

– Trò chơi. Lúc nhỏ, tôi là con bé hiếu động. Khi đã trưởng thành, tôi thường vừa thích thú, vừa có đôi chút khó chịu khi bắt gặp mình vẫn có tính ham chơi, tức trong lời lẽ cử chỉ, vẫn bị thói tinh nghịch trước đây chi phối. Như trong việc sử dụng các thể thơ chẳng hạn. Có người hỏi tôi tại sao chỉ làm thơ Đường luật. Bởi họ hiểu là Đường luật có nhiều cái gò bó. Nhìn tôi tự do lui tới giữa những lề luật rắc rối của nó, người ta chắc tôi sẽ có lúc mỏi gối chồn chân rồi đầu hàng nó, bị nó cầm tù. May thay điều ấy không bao giờ xảy ra. Thế là cái trò vui của tôi càng có sức lôi cuốn và tôi lại càng tìm ra đủ cách để trị thể thơ ngoại nhập kia bằng được. Có lẽ ở một thể dễ bắt vần và dễ kéo dài như lục bát, uy thế của tôi không có dịp bộc lộ rõ đến thế.

– Thế còn khi bà nói những điều cấm kỵ, cũng là một thứ trò chơi hay sao?

– Gần như thế. Nhiều người hay nghĩ chuyện ấy, muốn nghe, mà không dám nói, thì tôi nói cho họ sướng.

– Có điều bà đã trở đi trở lại tới mức quá quắt.

– Ai đó từng bảo: mỗi nhà văn, nhà thơ chỉ có một điều gì đó để nói, và suốt đời, chỉ nói điều đó mà thôi.

Nhưng này, đừng nghĩ rằng cái gì tôi cũng cố tình làm ra. Trong thơ tôi có cả những cái mà tôi không muốn. Ở con người tôi, không thiếu những điều phi lý mà tôi không kiểm soát nổi, chờ đến khi nó hiện hình trong thơ, tôi mới hay biết là có.

– Trong con người, bà ghét những thói xấu gì? Hạng người nào thường khiến bà nổi máu châm chọc?

– Sự che giấu tầm thường. Sự bất tài, dấu hiệu rõ rệt của những kiếp sống lờ đờ, èo uột. Sự giả dối không cần thiết, không vì một mục đích to lớn nào hết. Đó là những thói tôi khó chịu nhất. Có lẽ vì thế, trong thơ, tôi sẵn sàng trở thành hung thần của các đấng nam nhi còn đủ các bộ phận, song lại mang tính cách hoạn quan, và cứ vừa sống theo kiểu ngái ngủ vậy, vừa leo lẻo khoe mình là quân tử. Tôi cũng thường hiện ra như kẻ thù của đám đàn ông mặt nạc đóm dày, nhạt nhẽo vô vị song lại lắm ham muốn vặt, thứ đàn ông *dê cỏn* quá nhiều chất là là sát mặt đất của đàn bà.

Thêm nữa, loại đàn ông hèn hạ, xong việc là chối, là giở mặt, tôi cũng hết sức khinh bỉ.

– Nhiều khi, sự giận dữ ở bà bị đẩy đến cùng, và vì vậy, người ta bảo bà mất hết nữ tính?

– Không đúng! So với đàn ông, phụ nữ chúng tôi bao giờ cũng hết mình hơn. Hiền dịu cũng hiền dịu hơn, mà tai quái cũng tai quái hơn. Chúng tôi thường xa lạ với sự chừng mực, bởi lẽ hiểu rằng cuộc sống chỉ có một lần, không dám là mình đi thì không bao giờ trở thành mình cả.

– Ngoài một ít bất hạnh riêng tư, ở bà còn có nỗi buồn nào khác?

– Không đợi đến thế kỷ XX, tôi đã hiểu rằng sự làm người vốn rất khó khăn. Tôi biết trong con người, ước mơ thường đi xa hơn hành động. Tôi quá nhạy cảm với những gì dư thừa lỉnh kỉnh trong con người. Tôi lại cười nhanh hơn người khác... Tất cả những điều ấy làm tôi buồn.

– Và cái cách để vượt qua nỗi buồn?

– Cũng vẫn chỉ một cách đó – biết cười. Khi nói rằng chung quanh có quá nhiều điều lạ lùng kỳ quặc tức là có thể phần nào làm dịu bớt những gì có thật, nó vẫn đè nặng trong ta.

– Liệu còn có gì làm bà e dè? Bà có cảm thấy cần phải ghen tị – một sự ghen tị chính đáng – với một ai đó?

– Có chứ. Nguyễn Du. Thơ chữ Hán của ông thật sâu sắc. Đọc xong, tôi thấy mình còn có chỗ tầm thường. Còn phô quá, tức là còn có cái vẻ le te, chơi trội, ra điều tài hơn, xoa đầu chòng ghẹo mọi người. Trong khi ấy, Nguyễn Du hầu như chỉ quan tâm đến điều ông suy nghĩ, và dẫn người đọc đến thẳng với những điều ấy, mà không dễnh dàng chơi nghịch dọc đường. Người ta vẫn hay dẫn ra câu thơ Nguyễn Du tả cây liễu. *Tối điên cuồng xứ tối phong lưu* (Lúc càng điên càng đẹp) và bảo rằng nó thích hợp với tinh thần tìm tòi của các nghệ sĩ ở thế kỷ XX. Về phần mình, khi mới đọc nó lần đầu, tôi đã ghê sợ. Tưởng như cả đời thơ của tôi cũng chỉ thu gọn trong một khái quát ghê gớm đó. Nhưng thôi, đặt bên cạnh Nguyễn Du, tôi vẫn còn có chút an ủi. Là trừ *Truyện Kiều* không kể, thơ tôi thường xuyên ở giữa tâm trí mọi người khuấy đảo họ, không để cho họ yên, thế là được rồi.

– Vâng, ai cũng biết rằng trong việc tìm hiểu văn học cổ điển Việt Nam, người nước ngoài thường dễ đến với bà hơn Nguyễn Du.

– Tôi cũng biết. Thơ tôi oái oăm thế mà họ vẫn thích dịch, bởi nó nói rằng những gì mà nhân loại này quan tâm thì cũng không xa lạ với người Việt Nam. Trong tôi, người ta nghe ra những âm hưởng của Boccocaccio, Rabelais...

Nhưng muốn hiểu được dân tộc này, nhất thiết phải đến với Nguyễn

Du. Đọc ông người ta không nghĩ rằng ông hiện đại hay cổ điển mà chỉ nghĩ rằng con người là vậy, thơ là vậy.

– Theo bà hiểu, đóng góp của bà trong văn học là gì?

– Tôi là cái ham muốn muôn đời của con người, muốn được sống thật đã đầy, thật trọn vẹn. Và cũng là cái ham muốn vượt lên trên mọi ràng buộc, không chịu khuất phục các quy phạm, muốn vứt bỏ hết mọi sự thiêng liêng đắp điếm giả tạo để tìm tới cái thiêng liêng chân chính của đời sống.

* Trần Tế Xương
Lẳng lặng mà nghe nó chúc nhau...

Tuy sống và viết chủ yếu vào ba chục năm cuối cùng của thế kỷ trước, Tú Xương vẫn còn kịp biết đến 7 năm của thế kỷ 20.

Ông mất khi Tản Đà ra đời đã 18 năm, Khái Hưng 11 năm, Tú Mỡ 7 năm và Nguyễn Công Hoan 4 năm.

Song đó chỉ là một trong những lý do để lý giải chất hiện đại trong thơ Tú Xương. Còn có những lý do khác quan trọng hơn, nó nằm ngay ở tâm lý tác giả, cách cảm nhận đời sống của tác giả...

Bởi lẽ vào thời của mình, Tú Xương chưa có được các cuộc trò chuyện với bạn đọc nào khác ngoài thơ, có thể dự đoán ông không ngần ngại khi cần bộc bạch tâm sự của mình với hậu thế.

– Cuộc phỏng vấn của chúng tôi là để chuẩn bị cho một số báo tết. Chắc ông cũng thừa biết rằng ngày tết, dân ta nhiều người có thói quen tự nhiên là lẩm nhẩm lại vài câu của ông, những là "Anh em đừng tưởng tết tôi nghèo" với lại "Khéo bảo nhau rằng mới với me - Bảo nhau rằng cũ chẳng ai nghe"

– Người ta đọc tôi cả trong ngày thường ấy chứ.

– Dẫu sao, tiếng pháo nổ, màu bánh chưng xanh, câu đối đỏ thường khiến ông xúc động?

– Nó chỉ là một dịp để tôi thấy cuộc đời phô bày rõ thêm những nhố nhăng vốn có (cười). Vả chăng, tết nhất thường vẫn sẵn cái ăn cái uống. *"Ý hẳn thịt xôi lèn chặt dạ - Cho nên con tự mới lời ra"*; vào những ngày ấy, cái sự rậm rật có đến với các nhà thơ thì cũng là lẽ thường tình.

– Nếu thế e các thi sĩ thuần khiết lại cho rằng quá thiên về vật chất, không thanh cao, không đáng trọng, và biến thơ thành một thứ dung tục?

– Theo quan niệm an bần lạc đạo của nhà nho chứ gì? Cái đó tôi biết.

Chính vì phải vùng vẫy để cố thoát ra khỏi sự kiềm chế vốn có – đúng hơn là tự kiềm chế, nông nỗi của những kẻ bị nho học ngấm vào người quá lâu – mà thơ tôi đôi lúc có ngả sang giọng gay gắt và cả trâng tráo nữa. Nhưng nghĩ lại, vẫn thấy mình phải. Sẽ là vẻ vang, theo tôi, nếu một người làm thơ được xem là người phát ngôn cho những dục vọng và vạch vòi ra đủ thứ ham hố trần tục đang xé rách bao tâm hồn đồng loại.

– Hẳn ông cũng biết rằng với một tuyên ngôn như thế, ông trở nên rất gần với con người hiện đại?

– Gần chứ. Chúng tôi gần nhau ở nhiều thứ. Nhu cầu tiêu thụ. Khao khát tiện nghi. Cảm giác về một sự náo động thường xuyên. Cảm giác về tốc độ. Nói thế không phải tôi vơ vào đâu mà thực sự đã có thơ tôi làm chứng.

– Nhưng về thơ, nói vậy là xa rời truyền thống thi ca dân tộc?

– Truyền thống điền viên? Tôi cho cái đó đủ rồi. Tôi muốn nối tiếp một cái mạch khác, mạch của Trạng Quỳnh, Trạng Lợn, thơ Hồ Xuân Hương... Tóm lại là mạch văn học đô thị, ở đó, con người thường xuyên cô đơn, khinh bạc, cay đắng, bồn chồn.

– Đời sống đô thị đánh mất ở người ta nhiều thứ, đó là điều ông không tính tới sao?

– Sự quân bình trong tâm hồn. Cảm giác gần gũi hòa hợp với thiên nhiên... Tôi đồng ý là đời sống tinh thần của con người đô thị có bị mất đi một ít nhân tố đẹp đẽ nào đó. Nhưng để bù lại, họ được làm giàu thêm bởi những nhận thức mới như trên vừa nói. Đúng ra, mỗi nhà thơ chỉ làm được một ít phần việc của mình. Ở thời của tôi, để nối tiếp dòng thơ điền viên êm ả, đã có cụ Tam Nguyên Yên Đổ. Cụ luôn luôn đi tìm sự yên ổn trong tâm hồn, và sự thực là đã tìm thấy. Còn tôi, tôi có việc khác. Chắc hậu thế các anh thừa hiểu rằng trong thơ Tú Xương người ta không còn thì giờ để ngắm nghía tán tụng về trăng, mà chỉ có những câu hỏi đặt ra với trăng thôi. Song, có phải vì thế mà thiên hạ không đọc thơ tôi đâu (*cười*). Này, nói vụng với nhau, trong cách nhìn nhận thiên nhiên, tôi còn hiện đại hơn khối ông thi sĩ làm thơ sau tôi vài chục năm, vào thời THƠ MỚI ấy nhé!

– Tú Xương còn hiện đại ở chỗ thường công khai nói thẳng về mình, sẵn sàng nhạo báng mình, cái đó cũng là do chủ định chăng?

– Con người không biết tự cười giễu, con người mà u mê đến nỗi toàn lo bốc thơm, tô công tụng đức cho mình thì dơ dáng quá, còn ra cái lý cố gì để phải bàn! Đâu phải đến tôi, người ta mới biết *tự trào*. Tôi chỉ khác người ở chỗ nói bằng hết, nói tuột ra cả những buông tuồng nhảm nhí vốn có.

– Nhà thơ trong ông không định dùng thơ để "tải đạo", và cá nhân ông không định làm mẫu cho mọi người nữa?

– Tôi xa lạ với mọi thứ văn chương giáo hóa. Chính đời tôi, tôi còn chưa tính được, tôi không rõ mình phong lưu hay túng kiết, trong sạch hay lầm lỗi, không rõ nên sống ra sao, ước muốn cái gì... thì tôi còn khuyên dạy ai được. Để đến với sự thiêng liêng, tôi không biết đường. Trái lại, sự sống ở cái dạng suồng sã của nó, mới chính là điều tôi biết, vậy cứ nói ra, không chừng lại có ích cho kẻ khác.

– Nghe ra ông vẫn còn tâm huyết với thơ, với những điều ông đã viết. Ngược lại, trong một số bài thơ, ông ra sức xỉ vả nghề thơ, nào là "một việc văn chương thôi cũng nhảm", nào là "muốn bỏ văn chương học võ biền"... Như thế là sao?

– Kinh nghiệm đời tôi bảo với tôi rằng: Người ta không bỏ nổi văn chương thì hãy làm văn. Nó là chuyện nghiệp chướng. Không ai lại đi chọn nó cả. Tôi chán những kẻ lấy văn chương để lập thân, với lại chán những sự cảm thông hão huyền, nước mắt ngắn nước mắt dài sụt sịt trong thơ lắm rồi. Lúc nào cũng leo lẻo nói đến tình, chưa chắc đã là kẻ có tình với đời, còn trong thứ thơ ngoa ngoắt chua cay như thơ tôi, có tình hay không, xin thiên hạ cứ đọc sẽ rõ.

– Nhân dịp năm mới, ông có nhắn nhủ gì thêm với bạn đọc?

– Ở trên, các anh có bảo rằng giờ đây, người ta còn thích đọc thơ tết của tôi. Trong loạt thơ tết đó, hẳn anh biết bài *Lẳng lặng mà nghe nó chúc nhau*. Mặc dù đã được viết ra ngót nghét trăm năm, nghe chừng bây giờ mấy câu cuối trong bài thơ ấy có vẻ vẫn hợp với các anh. Vậy cũng mong được xem như lời nhắn nhủ của một kẻ đã qua đời những năm đầu thế kỷ, gửi cho những ai đang sống những năm cuối cùng của thế kỷ này:

Bắt chước ai, ta chúc mấy lời
Chúc cho khắp hết cả trên đời
Vua quan sĩ thứ, người muôn nước
Sao được cho ra cái giống người

* Tản Đà
Tự nhiên, thành thực, cùng một chút say sưa...

Về tài làm văn làm thơ của mình, trong bài *Hầu trời* gợi cho chúng ta hình ảnh của một Táo quân, Tản Đà đã kể là ông từng đọc cho cả thiên đình nghe:

Đọc hết văn vần, sang văn xuôi
Hết văn thuyết lý, lại văn chơi

Đương cơn đắc ý đọc đã thích
Chè trời nhấp giọng càng tốt hơi
Văn dài hơi tốt ran cung mây
Trời nghe Trời cũng lấy làm hay
Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi
Hằng Nga Chức Nữ chau đôi mày
Song Thành Tiểu Ngọc lắng tai đứng
Đọc xong mỗi bài, cùng vỗ tay.

Còn như về tài làm báo, ông cũng không tiện giấu diếm: Lên trời chơi (trong *Giấc mộng con*, ông tưởng tượng vậy), vừa nhất kiến gặp cụ Hàn Thuyên, ông đã bị cụ giữ lại để cùng... làm tờ *Thiên triều nhật báo*. Và trong ít ngày ở đó, ông đã viết bài cho đủ các mục xã thuyết, văn uyển, thời sự, tiểu thuyết. Không thấy nói là ông có được giao viết phỏng vấn không. Nhưng xem những đoạn trò chuyện với Đông Phương Sóc, Hàn Thuyên, Nguyễn Trãi... thì cho đoán là ông cũng rất thích lối đàm đạo "xuyên thời gian", xem đấy là một trò chơi thú vị. Có lẽ vì vậy, mà vừa nghe chúng tôi đề nghị, ông đã vui lòng chấp thuận ngay cuộc phỏng vấn.

Phóng viên: *Đọc tác phẩm của ông, nhất là các tự truyện, thấy ông kể là sống khá ung dung, trừ mấy năm cuối túng quẫn còn trước đó, lúc nào cũng có người giúp tiền để tiêu, có rượu để uống, thức ăn ngon để nhắm. Vậy mà ông vẫn hay kêu, những là "Nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng" với lại "văn chương hạ giới rẻ như bèo", rồi ông lại được tiếng là nhà thơ đầu tiên sống bằng ngòi bút, tại sao?*

Tản Đà: Từ tôi trở về trước, có hạng nhà nho tài tử, luôn luôn nghĩ rằng mình sinh ra để làm thơ làm văn cho mọi người vui, vậy thiên hạ phải nuôi mình nếu để mình đói mình khổ là thiên hạ có lỗi. Tôi là loại hậu duệ cuối cùng của dòng nhà nho tài tử đó, nên đúng là có hay kêu, mà cũng đã cố kiềm chế nên mới kêu có thế! (*cười*). Nghe nói hình như các anh bây giờ lại cũng giống tôi, ăn phải đũa của tôi, đang được bao cấp, giờ phải tự nuôi lấy thân, nên cũng hay đập chân đập tay than thở! Nên nhớ trước các anh và sau tôi, các ông Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân... vào cái thời các anh gọi là tiền chiến ấy, cũng phải viết để sống, ai ăn chịu với nghề thì làm tiếp, ai ế hàng văn không người mua thì đi buôn, hoặc đi làm thuê làm mướn, chứ có thắc mắc bao giờ. Học gì thì học, chứ học cái sự than thở của tôi, đâu có nên!

– *Ông nghĩ gì về thơ văn, nói nôm na là thấy sướng hay khổ?*

– Có thích thì mới làm, chứ có ai buộc mình phải cầm bút? Như tôi tự nghĩ, với người làm nghề nhà nòi như tôi, viết là một lạc thú, như được ăn

ngon mặc đẹp. Nhưng với người đời, chắc họ thấy mình khổ, họ không ao ước những nỗi chua cay mặn chát của mình làm gì. Vậy bảo chả sướng tí nào cũng được. Ai muốn sướng đừng làm thơ.

– Người ta có học để trở thành thi sĩ được không?

– Không. Nhưng phải học thì mới thành được thi sĩ lớn.

– Nếu như cần kể ra một vài nguyên tắc chi phối ông trong sống và viết, thì đó là nguyên tắc gì?

– Chỉ có một: theo tự nhiên. Nhưng phải là cái tự nhiên nồng nàn, thắm thiết chứ không phải cứ nằm ườn ra lười biếng rồi bảo là tự nhiên thì không ai chịu được. Này, tôi bảo thật, học được tự nhiên như tôi còn mệt: Kể cả khi tôi dông dài kể chuyện, khi tôi cầu kỳ tỷ mẩn trong ăn uống và đối xử, người ta vẫn thấy tôi tự nhiên, ấy thế mới khó.

– Nghề nào, theo ông, là gần với nghề làm thơ hơn cả?

– Nghề cô đầu.

– Xin ông cắt nghĩa rõ hơn?

– Là nghề phải lấy thanh sắc ra mà chiều thiên hạ. Chết nỗi, sự phô diễn thanh sắc ấy cũng là niềm sung sướng của mình, nên mình cứ lao vào như thiêu thân.

– Có phải cô đầu nào cũng thông minh tài hoa như nhân vật Vân Anh của ông trong Thề non nước đâu. Nhiều kẻ khác quá tầm thường.

– Thì nghề nào chả gồm rất nhiều chúng sinh mặt trắng nhợt nhạt và chỉ có một số rất ít vượt hẳn lên trên so với đám đông? Chẳng lẽ nghề văn của tôi, của anh là một ngoại lệ ư?

– "Đôi hàng nước mắt đôi làn sóng - Nửa đám ma chồng nửa tiệc quan" – Sao trong bài Vịnh Kiều, ông nghiệt vậy?

– Tôi nghiệt với cô ấy, như đôi lúc đã nghiệt với chính mình. Cũng như cô ấy, tôi ham vui, nhẹ dạ, nông nổi, dễ quên.

– Thế cái gì mới là mối đe dọa với nghề văn?

– Thói khệnh khạng của mấy ông quan dở.

– Ngoài thơ, ông còn làm báo, viết văn, viết cả sách cho trẻ con học nữa. Làm việc cật lực như vậy, nhằm chứng minh cái gì?

– Không gì là không làm được. Ví như người ta bảo tôi vốn xuất thân nho học, chỉ giỏi chữ ta, không làm báo như tây được, thì tôi làm cho họ biết.

– Đâu là lý do khiến ông cảm thấy dễ dàng hòa nhập vào nền văn chương đang được Âu hóa lúc ấy?

– Sự thành thực. Thành thực dám là mình, nói to lên những điều mình cảm, mình nghĩ, không cần tính đến chuyện là khôn hay dại. Tôi cho rằng văn chương cả đông lẫn tây đều cần đến sự thành thực ấy. Ví dụ như

những rung động trước một người đẹp. Lại ví dụ như chuyện ăn uống. Trong *Giấc mộng lớn*, tôi đã kể lần ở Cổ Đằng "... đương ăn rau đổi ra ăn thịt. Mỗi ngày cũng chỉ có một bữa ăn, mỗi bữa ăn hoặc là cái thủ heo, hoặc con gà con vịt hoặc con cá... Đương lúc ăn rau thời ở trong nhà đi ra sân, có khi phải vịn theo hàng ghế, đến khi ăn thịt thời sao mà khỏe mạnh lạ thường. Nhân nghĩ đến câu *thực nhục giả dũng hãn* (ăn thịt có sức khỏe) có khi là phải; mà sự ăn quan hệ với người khá nhỏ ru!". Ngờ rằng nhiều người cũng thích ẩm thực như mình, ăn ngon cũng thấy sướng, nhưng lại ngại nói ra. Họ sợ, tôi thì không.

– Đương thời một học giả có hạng đã bỉ bác ông là tha hồ nói theo ý mình, như người "trần truồng mà đi ngoài phố", hẳn ông giận lắm?

– Đã gọi là người viết thực sự ai chẳng có lối cực đoan, chỉ thấy có việc của mình đáng làm, cái cách của mình hay ho, còn thiên hạ thì hỏng hết... Nghĩ lại thấy nên đánh một chữ đại xá, người nọ đại xá người kia, là xong. Như các anh bây giờ gọi là thông cảm ấy. Tôi không thích người ta cứ buộc tôi phải thù ghét mãi những người đã có lúc cãi cọ với tôi. Nhỡ ở dưới suối vàng, tôi với họ lại thân nhau thì sao?!

– Ông nghĩ thế nào khi viết "Phiêu lưu tên lính đội tiên phong?". Có phải ông thích làm người dẫn đường?

– Thích cũng chẳng được. Làm gì có ai chọn được thời mình sống, mấy lại cái vai tuồng của mình ở thời ấy, bao giờ. Chẳng qua, như đã nói, tôi phải cái tính ở chỗ mọi người không thích làm, mình lại thích làm, ở chỗ mọi người nghĩ mình không làm được, mình làm cho họ trông thấy. Lại coi thế là sướng. Ấy, tội là tội chỗ ấy. Tiên phong với ai đâu, chỉ tiên phong với chính mình. Mà thấy ai chăm chăm bắt chước như mình, lại ngán luôn, không muốn nhìn mặt nữa.

– Ông nghĩ sao khi thấy ở nửa cuối thế kỷ XX này, trên trần thế chúng tôi, thơ in ra nhiều vô kể.

– Ối dào, về cái sự lạm phát ấy, tôi cũng đã lãnh đủ rồi. Các anh cứ giở lại Nam Phong mà xem số nào cũng vài chục bài thơ, tính lại thơ ngổn ngang cả đống, kém gì thời các anh bây giờ. Nhưng thử hỏi, ngoài thơ tôi với mấy bài của Đông Hồ, Trần Tuấn Khải, thì thơ thời ấy còn lại cái gì? Khi ai cũng biết làm thơ, nghĩa là thơ bắt đầu hỏng. Như trong đá bóng mà các anh thích ấy, phải có nhà thơ chuyên nghiệp và có "đẳng cấp" cao, cái mà các anh bây giờ bảo là ngoại hạng hay gì gì đó.

– Nhưng như thế, trước sau lại rơi vào cảnh "thơ ca bán phố phường?"

– Khổ thật, cay đắng thật, nhưng thà có sự phân biệt thật giả như thế còn hơn ngồi mà khen nhau, ai cũng đáng khen mà chẳng ai thành nhà thơ cả.

Sài gòn
NGUYỄN ĐỨC THANH

Sài gòn nhớ. Sài gòn thương
Mai về cuộc hẹn với hương khói tàn
Ba trăm năm. Bước ly tan
Nước con sông cũ chở ngàn nỗi đau
Sài gòn mưa nắng lạc nhau
Trăng lăng loàn đứng bên cầu ngó ai
Em về nối mộng sớm mai
Ta con chim hót lời ai oán sầu.

– *Khi nào ông cảm thấy bài thơ mình viết đáng gọi là bài thơ hay?*

– Tự mình thấy sung sướng, như được bát canh ngon, chén rượu quý.

– *Cái sướng ấy, sẽ dẫn đến sự say sưa?*

– Say nghĩa là được sống một cuộc sống khác. Vượt lên cái thông thường hàng ngày, không bị nó quấy nhiễu, vậy sướng thì phải say chứ sao.

– *Và ông sẽ khuyên mọi người cùng tận hưởng như ngày nào ông cầu chúc cho khắp mọi nhà "Tha hồ rượu sớm trà trưa - Nghiêng chai dốc chén say sưa tối ngày"?*

– Không hẳn thế. Mỗi người nên có cái say riêng của mình. Chỉ những người không say cái gì, cứ tỉnh khô ra, tôi mới cho là hỏng.

Lại nói chuyện hưởng thụ. Tôi làm thì tôi phải được hưởng. Tôi chỉ hưởng trên cái phần tôi làm ra, không tranh phần của người khác là được. Các anh còn nhớ là tôi có lúc phải đi làm nghề gieo quẻ Hà Lạc để kiếm sống đó sao? Vả lại, nói của đáng tội, nhỡ tôi có cách hưởng thụ đẹp, xem tôi hưởng thụ, người ta thấy vui thì sao? Thế thì việc gì phải xấu hổ cho thêm rách việc (*cười*). Hình như ở chỗ này, tôi cũng theo kịp lối nghĩ của các anh sống ở cuối thế kỷ đấy chứ!

– *Nếu được sống lại, ông sẽ làm gì?*

– Đến lên trời, tôi còn làm báo, nữa là được sống giữa dương gian, nhất định tôi sẽ viết, có phải vừa kêu vừa viết cũng chẳng sao.❐

Thiên kỷ

NGÔ NGUYÊN DŨNG

mây dọng bãi xanh rừng
cây um tùm ký ức
căng ngang hai thạch vực
nhật ký mùa khai xuân

ký ức dá có lần
vọng ầm ầm tiếng sóng
thời gian cắt lát mỏng
ghi hàng hàng di âm

sử sách dất trăm năm
cháy cường toan củi mục
ký ức tro than thức
núi gấp triền thỏ than

ký ức lòng tay mang
dất chia dường sinh mệnh
mưa ròng ròng sử lạnh
mực nhòa kinh từng trang

sáng một nỗi sao băng
ký ức chòm thiên kỷ
soi nghìn năm ánh sáng
vằng vặc chân lý câm

ký ức cát sinh mầm
không trung lòa tiếng sấm
phất tay làm dịa dộng
phận người chìm biệt tăm

20.6.99

Trúc Chi : Huế-Sàigòn-Hà Nội

Triều Hoa Đại

Triều Hoa Đại (THĐ): *Trước tiên, tôi xin được phép nói lên lời cám ơn ở đây đến anh, vì rằng rất bận rộn với công kia việc nọ nhưng anh vẫn nhận lời dành cho Văn Học làm cuộc "phỏng vấn" sau đây. Vậy thì, có lẽ anh em mình nên bắt đầu từ cái chỗ khi anh mới viết văn và làm thơ ấy.*

Trúc Chi (TC): Thật ra, khi anh ngỏ ý muốn hai anh em mình ngồi nói chuyện với nhau rồi sau đó, đưa câu chuyện lên *Văn Học*, tôi cảm thấy lạ lạ, vui vui. Ngày trước, hồi còn vác giấy bút và máy ghi âm đi phỏng vấn thiên hạ, mình cứ sắp xếp một số câu hỏi trong đầu xong rồi thì nhẩm cho thuộc lòng thứ tự là yên tâm, cứ dựa vào cái dàn ấy mà *...kiến cơ nhi tác*. Bây giờ "bị" phỏng vấn. Anh chưa hỏi câu nào cả mà tôi đã thấy bí! Dẫu sao, cũng xin cám ơn anh đã nghĩ đến tôi. Đã cho rằng những gì mà anh sắp sửa khơi cho tôi có dịp nói ra không làm tốn thì giờ của bạn đọc một cách vô bổ.

THĐ: *Anh bắt đầu viết từ bao giờ?*

TC: Tôi thích viết văn và làm thơ từ hồi còn nhỏ. Lớn lên, cuộc đời nó chọn cho mình một cái nghề vốn không ăn khớp cho lắm với chuyện sáng tác, đó là nghề làm thông tín viên. Anh tính, ngày đêm cứ phải sống với máy điện thoại ở sở, ở nhà. Nghĩa là phải luôn lắng nghe tiếng máy nó réo. Mà lại không réo rắt mới bực mình chớ. Ở sở thì không nói làm chi. Mà động đến về nhà thì lại phải bật radio lên mà nghe tin tức đều đều, hết đài Saigon đến đài Hà Nội, đài Giải Phóng, đài ngoại quốc. Lý do là phải canh xem có điều gì các hãng thông tấn khác đã biết mà mình chưa biết hay chăng. Cứ như vậy ngày nọ qua ngày kia, năm này qua năm kia. Hại tim lắm. Mà tim tôi thì không cần phải khám khiếc gì tôi cũng dư biết là nó thuộc vào loại không được nguyên vẹn cho lắm. Tổn thọ lắm. Mỗi

ngày là một chuỗi thấp thỏm dài dằng dặc. Không có cách chi mà ăn cắp thì giờ của sở được. Họa hoằn lắm mới có được một buổi mà thì giờ là của riêng mình.

Tóm lại, tôi mê chữ nghĩa từ lâu. Nhìn lại thấy mình không chung thủy với chuyện viết lách như lòng mình muốn, khi có khi không, thấy mình cũng bạc, cũng dở. Ngày trẻ và ngay cả bây giờ, hình như tôi ham sống hơn. Nhưng mà trong thâm tâm, cái bóng dáng ấy của người yêu, người tình ấy, tôi muốn nói đến chuyện viết lách, vẫn luôn còn đó.

THĐ: *Nhưng mà trong thời gian hành nghề báo chí, anh vẫn viết đấy chứ?*

TC: Có. Nhưng mà vì tôi làm việc cho mấy cơ quan thông tin ngoại quốc, thành ra đâu có viết được bằng tiếng Việt. Kiến thức của tôi về ngoại ngữ thì cũng chỉ vừa đủ để dùng làm phương tiện kiếm sống thôi. Còn như muốn sống, mà không cần phải kiếm cái gì cả, ngoài cái chuyện đi tìm chính mình qua kinh nghiệm của mình, của đất nước, muốn sống trong khi viết, riêng tôi, tôi chỉ có thể sống với tiếng Việt thôi. Trước 75, tôi có tom góp được một tập bút ký ghi một chút kinh nghiệm, đôi ba kỷ niệm vui buồn ở Việt Nam và những nước mà tôi có dịp ghé qua, hoặc ở lại một thời gian tương đối lâu khi hành nghề. Định tìm một nhà xuất bản để hỏi in, nhưng lúc ấy là những ngày đầy biến động trước tháng tư năm 75. Rối ruột rồi quên luôn bản thảo, kể như là mất luôn. Thật ra, dạo ấy tôi thường làm thơ nhiều hơn là viết văn xuôi. Mà cũng không nhiều nhõi chi.

Dạo ấy, tôi cũng có viết bài điểm phim, điểm kịch, một đôi bài đặc ký về sinh hoạt văn nghệ ở nơi tôi đang làm việc, viết bằng tiếng Việt cho một đôi tạp chí trong nước, nhưng những bài ấy có tính cách tường thuật nhiều hơn. Không có chỗ cho cái phần giả tưởng vốn là một phần không thể không có trong một bài viết, một đoạn văn thuộc vào loại sáng tác thuần túy.

Tôi dùng từ *giả tưởng* mà không dùng từ *hư cấu* chỉ là vì tự nhiên mà tôi không thích hai chữ *hư cấu*. Không có lý do nào cả, khoan nói đến chuyện lý do có chính đáng hay không. Hồi tôi gặp nó lần đầu đâu đó trên một tạp chí văn học khoảng cuối thập niên 50, đọc to lên, tự nhiên tôi nghe chối tai, nghe không lọt. Có một số từ Hán Việt nữa mà tôi cũng ưa tránh, bởi vì tuy hiểu nghĩa nhưng chúng không gợi được trong tôi chút gì khác ngoài cái nghĩa đen. Thành thử, cũng là vạn bất đắc dĩ tôi mới gọi *hư cấu* đến, thường tôi vẫn thích *giả tưởng* đã quen dùng từ lâu...

THĐ: *Sau khi nghỉ làm việc thông tin, anh có viết được chi nhiều không?*

TC: Xin lỗi bạn đọc, xin lỗi anh. Vì hư cấu mà đâm ra lạc đề! Nguy hiểm thật. Sau năm 75, tôi có viết cho một số tạp chí tiếng Việt bên Pháp. Ở Mỹ tôi cũng có đóng góp trong một vài tạp chí, đặc san và thường xuyên nhất tôi viết cho Văn Học Nghệ Thuật khoảng 78-79.

THĐ: *Tức là cái tên cũ của Văn Học.*

TC: Vâng. Hồi ấy, tờ Văn Học Nghệ Thuật do hai anh Võ Phiến và Lê Tất Điều chủ trương. Có cả anh Lâm Triết nữa. Vui mà cũng buồn. Dạo ấy, nhìn cái tư thế nhũn nhặn khép nép của mấy chồng sách báo tiếng Việt trong các tiệm tạp hóa Việt Nam, thấy sách vở đứng hoặc nằm chờ khách bên cạnh những hũ ruốc, thẩu mắm tôm, những gói bún khô, măng khô, mì gói, bột ngọt...tôi đã lấy làm buồn cho tương lai của chữ nghĩa ở ngoại quốc lắm. Cái tâm trạng tôi dạo ấy cũng là tâm trạng của anh Lê Tất Điều khi anh viết - dưới bút hiệu Cao Tân

Nhà tôi ở trên đồi

Mỗi ngày đi làm thấy đời xuống dốc!

THĐ: *Còn bây giờ anh thấy sao? Có hay không một nền văn học Việt Nam hải ngoại?*

TC: Văn học hải ngoại à? Hơi khó. Bây giờ là 20 mươi năm sau cái thời kỳ sách báo được xếp chung với nước mắm và xì dầu, tôi thấy chữ nghĩa đã dành lại được chỗ đứng của nó trong lòng người đọc - ở đây tôi đang nói đến người Việt ở nước ngoài. Lại thêm Internet nữa. Khá hơn nhiều. Tốt chứ sao.

Sau này, các nhà nghiên cứu sinh hoạt của người mình ở nước ngoài, tom góp lại, đãi lọc ra thế nào lại không tìm ra được một số tác phẩm có giá trị. Giá trị văn chương, giá trị lịch sử, giá trị khoa học... những điều đó nằm ngoài tầm của câu chuyện hôm nay của chúng mình, nhưng mà vô lẽ có đến hàng nghìn tên sách trong các hiệu sách tiếng Việt ở năm châu - tôi muốn nói sách xuất bản ở ngoại quốc - mà sau này thành giấy lộn cả hay sao?

Về chuyện nhìn Văn học hải ngoại như là một thực thể với những nét riêng biệt, đặc biệt của nó tôi thấy quả là phức tạp. Tôi chưa hề dành nhiều thì giờ để suy nghĩ cho kỹ. Nhưng mà lâu nay, như anh cũng đã biết, đã có nhiều cây bút ở trong và ngoài nước viết về vấn đề này, ngần ấy ý kiến trên các tạp chí kể cũng tạm đủ cho người đọc rút kết luận riêng. Không phải tôi tránh né câu hỏi của anh đâu. Tôi đặt vấn đề như thế này:

Xem câu hỏi như là một bài toán. Tạm sử dụng một phương pháp thường vẫn được dùng trong hình học, đại số học. Chúng ta cứ ta cho rằng bài toán đã có giải đáp. Nói cách khác, trời xui đất khiến sao mà có một thiên tài di cư nào đó đẻ ra được một kiệt tác cỡ *Kiều*, lúc ấy người đọc bất

luận ở trong hay ngoài nước sẽ chú trọng đến giá trị văn chương nhiều hơn là nơi xuất xứ của tác phẩm. Hải ngoại hay hải nội lúc ấy tự khắc thành ra thứ yếu. Tôi mê *Kiều* lắm, nhưng mà không phải mỗi lần giở ra là tôi tự hỏi Nguyễn Du ngồi ở đâu mà viết *Truyện Kiều*, dù đó là một điều nên và cần phải biết.

Mà nghĩ cho kỹ, chuyện đi lại của sách vở báo chí giữa trong và ngoài nước hiện nay cứ như là đem tốt đen tốt đỏ mà đi đêm khi đánh bài tam cúc. Chớ còn ngày nào mà sách vở trong nước được tự do xuất bản, phát hành mà không sợ phạm húy, tên người đã húy mà có một số sự việc cũng húy luôn mới chán chứ, ngày nào mà sách tiếng Việt xuất bản ở đây hay bên châu Âu, châu Úc được bay về nước mà không cần phải có *visa* lúc đó...nó sẽ như thế nào anh cũng biết rồi.

Tôi lạc quan vô ý thức chăng, lạc quan ẩu ? Đích thị là vậy rồi chớ còn chi nữa. Nhưng mà nhất thời cứ nghĩ đến cái ngày ấy cho nó vui mà viết chớ. Tôi có anh bạn đồng nghiệp cũ người Pháp hồi trước những lúc cần phải đi một đường ngoạn mục mà tiên liệu hình tình một trận chiến nào đó, hoặc phải tung một chưởng tiên đoán thời cuộc, mà lại bí, vẫn thường nói đùa rằng "chỉ có cái nhất thời mới trường tồn."*

THĐ: *Tôi chắc chắn rằng anh có đọc Văn Học số Xuân Kỷ Mão vừa qua. Trong số báo ấy anh chủ hút có đề cập tới "tình trạng lão hóa trong sinh hoạt văn học" âu lo trẻ mỗi ngày một già mà măng thì mọc chậm quá. Riêng anh, anh thấy thế nào?*

TC: Anh Triều Hoa Đại ơi, chơi khó nhau chi dữ rứa. Chuyện này cũng nát óc và nhức óc nữa. Tôi có đọc trên *Văn Học*, số Tết Kỹ Mão, mấy ý kiến của anh Nguyễn Mộng Giác và sau đó, của độc giả về vấn đề này. Mà tôi thì lại không thích, mà cũng không hay lý luận về văn chương, về văn học.

Tôi thường dùng cảm tính chứ không phải lý tính mà ve vãn chữ nghĩa của tôi. Tôi mê một thành ngữ, một chữ nào đó, thì tôi đến với nó, nếu nó cũng phải lòng tôi thì nó khứng chịu, không e thẹn, không ngượng ngập. Mà đọc thơ văn của người khác cũng vậy. Tôi thích khơi khơi vậy thôi. Không có dày công phân tích bố cục, tình tiết, giả tưởng .... Vậy mà cái thích khơi khơi ấy nó lại để lại trong tôi những ấn tượng sâu đậm nhất. Nó giúp cho tôi rất nhiều, nó tạo ra trong tôi những vui buồn rất đẹp trong việc thưởng giám những tác phẩm nghệ thuật có chân giá trị, mà không cứ là phải lớn hoặc nhỏ. Lối xem thơ xem sách của tôi vậy đó. Thích thì có lúc tẩn mẩn đem ra nghiền lại. Tôi không đọc với con mắt của một nhà phê bình. Tôi phải rào trước như vậy là vì cái chuyện... đón sau của tôi, tôi sợ bạn đọc nghe không lọt lỗ tai. Nhưng mà anh đã hỏi thì cũng phải xin

thưa.

Đã nói đến một quyển sách là nói đến người viết, chuyện hoặc sự việc trong sách và người đọc.

Vậy thì đầu tiên, chúng mình hãy nói về những người viết và cái tuổi ngày càng tăng của người cầm bút. Bắt đầu bằng kẻ đang ba hoa thiên địa với anh đây cho nó tiện. Tôi nay đến cái tuổi mà năm tháng cứ lù lù cả chồng, không có chỗ mà chất. Trẻ ra mới là nghịch lý. Vậy là phần này, ngay cả các bạn làm thơ và viết văn bên nữ giới cũng đồng ý, tuy rằng phần lớn các chị bên ấy thường vẫn sợ già hơn là anh em mình phía bên này. Có chị bạn thân úp mở vừa giấu vừa khoe một cách hết sức dễ thương rằng nay chị đã được "sáu bó". Tôi vội vàng làm một phép trừ mà nói rằng sáu bó nhưng mà mỗi bó chỉ có sáu que, thì cũng...không sao cả. Giỡn một chút, chớ không thì chuyện chữ nghĩa nghiêm túc quá, dễ làm bạn đọc buồn ngủ.

Tôi thực tâm nghĩ rằng sức lực suy giảm với năm tháng là chuyện đương nhiên, còn đầu óc còn trẻ thì còn viết, nếu vẫn còn cảm thấy mình còn viết được. Đi đâu cho xa, mới bữa đầu tháng nay, tôi nhận được một bộ ba quyển dày cộm, bộ *Văn Học Miền Nam*, của một cây bút đã ngoài 70 là ông Võ Phiến. Ngòi bút của ông còn trẻ lắm.

Trong hơn hai mươi năm nay, số người cầm bút đã thành danh có giảm bớt đi, người thì qua đời như các ông Vũ Khắc Khoan, Nguyên Sa, Mai Thảo, Duyên Anh, Nguyễn Tất Nhiên, Nh. Tay Ngàn. Người thì vì lý do nào đó, tạm ngưng viết, hoặc ngưng hẳn. Nhưng mà, không biết anh có để ý không, chớ trong mười mấy năm qua tôi thấy có nhiều bút hiệu mới lắm. Tôi nghĩ đời nào cũng có người mê viết, mê làm thơ. Lớp này nghỉ tay, lớp khác xông tới. Tôi không bi quan về điểm này.

Qua đến phần lão hóa của đề tài, tức là cái chuyện...chỉ có ngần ấy sự việc, chỉ có ngần ấy chuyện mà cứ nói đi nói lại mãi. Chuyện này thật ra với cái nhìn tài tử, không chuyên nghiệp của tôi, tôi thấy... bất thành vấn đề. Cũng là một sự việc, một chuyện, một đề tài mà luôn có cái mới trong lối nhìn của người cầm bút có tài và có được tự do sáng tác. Chính cái phong cách của người viết được thể hiện đầy đủ trong nhân vật, trong sự việc của tác phẩm là điều làm cho những đề tài xưa rích xưa rang luôn luôn hấp dẫn.Thử lấy một đề tài không xa lạ chi đối với anh và tôi, với thế hệ chúng ta, đó là đề tài chiến tranh. Tôi nghĩ và mong rằng mọi người Việt Nam nay đã chán phè, chán ngấy cái chuyện bom đạn súng ống, giết chóc. Vậy mà cái nhìn của Tolstoi, cái phong cách của Tolstoi khi ông viết về sinh hoạt của người cầm súng cũng như những người không cầm súng trong chiến thời chính là điều làm cho bộ trường thiên *Chiến Tranh*

Và Hòa Bình trở nên bất tử. Ai ra sao tôi không biết chứ cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn theo dõi bước đi của anh chàng Pierre Bezoukhov trong đó và vẫn thấy nó...mới.

Còn chuyện số độc giả Việt Nam ở ngoại quốc đang ở trong tình trạng...lơ thơ hóa, nay mai lại phải dùng đến chữ lèo tèo hóa, thì quả là cụ thể trước mắt... Nhưng bây giờ anh lại hỏi tôi làm sao cho số người đọc ngày càng đông thì tôi chịu. Nhưng mà, ngồi viết mà cứ phải lo quanh lo quẩn rằng *viết đưa ai ai biết mà đưa* thì cũng nguy hiểm! Không lấy gì làm phấn khởi lắm. Tạm thời cứ...cố gắng viết, được chữ nào hay chữ đó.

THĐ: *Những năm thập niên 60, 70 tôi nhớ đến một bài hát có những câu như "Huế, Saigon Hà Nội hai mươi năm chinh chiến còn đây...Việt Nam ơi những con người ngồi nhớ thương nhau." Anh thấy đấy, quê hương của chúng ta tang thương là vậy đồng bào ta khổ đau là thế đấy. Ở đây tôi muốn hỏi anh là: "trong những năm làm phóng viên cho đài BBC, rồi hãng thông tấn Reuter anh đã có nhiều dịp tiếp xúc với những người bạn ngoại quốc, vậy trong những dịp tiếp xúc ấy anh có lời "biện bạch" nào không cho cái cảnh máu đổ thịt rơi ấy không?*

TC: Biện bạch thì không. Nhưng mà cãi nhau với họ thì kể như là ngày một, cãi nhau dài dài năm này qua năm kia. Kể cũng tốn hơi thật! Cãi vậy thôi chứ cũng không ai thuyết phục được ai về cái nhìn của mỗi người đứng trước cuộc chiến. Đa số thông tín viên ngoại quốc qua Việt nam thời ấy không ai chịu hiểu rằng Mặt Trận Giải Phóng là con đẻ của Hà Nội, chỉ ngần ấy thôi anh cũng đủ hiểu được lối suy nghĩ của họ. Tôi nói đa số, nhưng cũng có những người như Arthur Dommen của tờ Los Angeles Times, Henry Kamm của New York Times, Mark Frankland của tờ Observer bên Luân Đôn, Jean Claude Pomonti của tờ Le Monde bên Pháp, Jean Louis Arnaud của hãng AFP. Tôi xin phép nói với anh là tôi kể tên những người bạn nổi tiếng của tôi không phải vì cốt để khoe là có quen biết họ. Càng khoe mình "quen lớn" bao nhiêu thì lại chỉ tổ làm cho thiên hạ thấy rằng mình là...không cái gì cả!

Tôi nhắc đến họ là vì họ thuộc vào số rất ít những ký giả am tường lịch sử và tình hình Việt Nam lúc đó. Tôi có dịp nói chuyện với họ nhiều lần và rất lâu. Thường hay gặp nhau ngay ở phở Công Lý, phở Hiền Vương, có khi ăn cháo khuya ở Chợ Cũ nữa. Nhớ lại cũng vui.

Họ là số rất ít không đứng về phe phản chiến hồi đó, phản chiến được hiểu theo nghĩa Hà Nội, Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa mê hòa bình, còn Saigon và Hoa Thịnh Đốn là phe chủ chiến! Ngay cả trong Nam mình cũng có một số *mệnh danh* là trí thức tả khuynh - tôi nhấn mạnh hai chữ *mệnh danh* bởi vì lớp khoa bảng ấy, đương nhiên là có kiến thức chuyên

môn của họ trong nhiều ngành, luật, văn chương, triết, toán..., nhưng kiến thức ấy chưa hẳn đã hội những điều kiện cần và đủ để chúng ta có thể xem họ như là những thành phần của *intelligentsia,* tức là những người hiểu biết rộng, uyên bác về học thuật tư tưởng của nước mình, nước người.- những người ấy cũng mê thiên đàng Mác-Lê lắm, cũng đấu tranh cho hòa bình, cũng phản chiến như ai. Nhưng mà như chúng ta đã thấy, thiên đàng của chủ nghĩa Mác-Lê nó khác với địa đàng cọng sản. Liệu họ có đủ cái mà người Pháp gọi là *probité intellectuelle*, cái liêm khiết của người trí thức để nhận rằng họ thiếu sáng suốt, hoặc có suy nghĩ mà nghĩ chưa tới hoặc ấu trĩ về mặt chính trị mà để cho tuyên truyền cọng sản đánh lừa mà gián tiếp tiếp tay cho sự sụp đổ của miền Nam hay không? Tôi cũng không biết nữa. Nhưng mà dù sao thì nay đa số những phần tử mệnh danh là trí thức ấy cũng...vượt biên cả rồi! Còn ở lại trong nước thì nay có may lắm lắm hình như cũng ngồi chơi xơi nước cả. Về phần họ, *la farce est jouée*, tấn tuồng đã xong rồi! Nghĩa đen của chữ *farce* thật ra là trò hề.

THĐ: *Cũng nhân nhớ đến bài hát mà tôi vừa nhắc đến mà tôi nghĩ có thể gọi anh là Trúc Chi: Huế-Saigon-Hà Nội sau mấy bài viết của anh trong chuyến đi Việt Nam vừa rồi. Anh thấy sao?*

TC: Nếu anh gọi tôi là Trúc Chi: Huế-Saigon-Hà Nội theo cái nghĩa tôi có dịp đi nhiều nhờ vào nghề nghiệp cũ, thì cũng xin nhận cái...mỹ danh ấy. Nó cũng hợp với cái tật lang thang bẩm sinh của tôi. Tôi đi được nhiều nơi ở miền Nam chứ ở ngoài Bắc, tôi không biết chi hết, ngoài chuyến đi Hà Nội năm ngoái, mà cũng không thấy được chi nhiều, thì giờ eo hẹp quá. Hồi trước, được đi nhờ cái nghề của mình chứ không phải giàu có chi mà quăng tiền ra mà đi chơi trong khói lửa.

THĐ: *Còn Huế-Saigon-Hà Nội theo cái nghĩa trong bài hát nọ?*

TC: Tuyệt đối không dám nhận vì không đủ tư cách. Hình như bài hát đó là của anh Trịnh Công Sơn. Anh Sơn là một nhà thơ của tình yêu, trong đó có tình người. Lời ca trong nhạc anh Sơn loáng thoáng chút Lão Trang, đẹp và bát ngát lắm. Nhiều câu thoát và đạt. Còn tôi, năm thì mười họa, những lúc hiếm hoi mà tôi có dịp tự xét mình, thì cứ liếc sơ sơ qua cũng thấy là mình đầy tham sân si, loay hoay lúng túng mãi trong cái vòng dục lạc của thế nhân, lấy chi mà hướng thượng, lấy chi mà kêu gọi tình người, mà kêu gọi thiên hạ thương yêu nhau.

THĐ: *Anh vừa nói đến cái chuyện "dạo ấy tôi thường làm thơ nhiều hơn là viết văn xuôi", lý do là làm sao vậy? Có phải vì yêu không? Có phải những Loan những Phượng mà anh làm thơ nhiều hơn viết văn không? Thế còn bây giờ anh có làm thơ nữa không?*

TC: Chắc chắn là vì tình mà làm thơ rồi. Không có tình làm sao có

được thơ, làm sao có được nghệ thuật phải không anh? Nhưng mà không phải luôn luôn là tình yêu. Thường tôi hay bỏ vào thơ những gì tôi muốn nói với chính tôi. Còn trong văn thì tôi viết những điều mà thực tâm tôi muốn ngỏ với độc giả, những điều tôi mong được người khác để ý tới. Tuy rằng không phải là luôn luôn như vậy. Lý do? Tôi cũng không biết tại sao nữa.

Còn Loan với Phượng ấy à? Truy nhau quá xá vậy! Anh Triều Hoa Đại à, anh cũng làm thơ nhiều, anh biết rồi. Bóng dáng một nụ cười, âm sắc của một giọng nói, một cái nhìn, một chút hờn dỗi, đôi chút ngang trái, éo le trong hoàn cảnh, tất cả những thứ đó trong cuộc sống tình cảm, nói trắng ra là trong đời tình của mình, nó xui cho mình cứ thỉnh thoảng lại lai láng bồi hồi. Thế thôi. Còn trên thực tế, trong cuộc sống hàng ngày, theo chỗ tôi biết thì đa số đâu có sống với tình đâu, ngược lại hình như là thiên hạ gắn bó với tình đuôi hơn. Còn làm thơ thì tôi vẫn làm đấy chứ.

THĐ: *Anh vừa mới nói đến chuyện trời xui đất khiến biết đâu một thiên tài di cư để ra một kiệt tác cỡ Kiều lúc ấy người đọc bất luận ở trong hay ngoài nước sẽ chú trọng đến giá trị văn chương hơn là nơi xuất xứ." Có phải anh muốn nói rằng văn chương chữ nghĩa thì không có biên giới hay chăng? Chuyện trời xui đất khiến là chuyện rủi may, may rủi. Bộ anh tin vào cái may, cái rủi ấy sao?*

TC: Ước mong mà thấy đó là một điều rất khó có thể xảy ra rồi tôi nói vậy đó thôi. Còn những kiệt tác trong nghệ thuật quả là thời nào, nơi nào cũng có người thích. Anh cứ nghiệm đấy thì anh thấy. Có những bức danh họa, những nhạc khúc mà anh mê đấy, mà lắm lúc anh cũng không để ý xem nó là tranh ấn tượng của Pháp hay là nhạc cổ điển thời kỳ lãng mạn ở Âu châu.

À, còn tin ở cái chuyện rủi may thì cũng tùy cái cách mình nhìn cuộc đời, nhất là đôi khi vì một lý do nào đó đang đi bất chợt dừng lại, khựng lại, ném một cái nhìn có suy tư vào những gì đã xảy ra cho mình trong cuộc sống, xảy ra cho những gì mình thương yêu, những người mình thương yêu. Anh xem đấy, cụ Nguyễn Du cố ý vớt Kiều lên , cụ cố ý cho bà vãi Giác Duyên chờ sẵn đấy, dù là làm theo lời bà Tam Hợp Đạo Cô, vậy mà ông Chu Mạnh Trinh vẫn thấy là "duyên may run rủi lưới Tiền Đường".

THĐ: *Có lẽ anh em mình nên nói qua chuyện khác vậy.*

TC: O.K. Nhưng mà chuyện gì vậy?

THĐ: *Thì vẫn chuyện của anh ấy mà. Chuyện sau bao năm tháng lưu lạc, rồi một ngày trở về mái nhà xưa, anh đã "gối mái tóc bạc lên kỷ niệm mà nghe mưa. Buồn."*

TC : À, cái lần về Huế cách đây cũng đã nửa năm...kể cũng có buồn thật. Tóc trắng hết cả rồi mà lại bước ngay vào khung trời của thủa...tóc xanh. Thấy rõ bước đi của ngày tháng lắm. Vừa nói chuyện với anh mà vừa nhớ câu "ngày xanh như ngựa, đầu xanh bạc" của Tản Đà.

THĐ: *Nghe anh nhắc đến nơi xưa chốn cũ không hiểu sao lòng tôi bỗng dưng chùng xuống, một thời tôi cũng đã ở đó, không nghe, không biết "tiếng mưa. Buồn." Có lẽ tuổi đời mới lớn. Chắc anh có nhiều và nhiều lắm những kỷ niệm khó quên, những câu hò điệu hát, những tiếng ru con buồn rũ rượi chẳng hạn, có thể anh ôn lại được một ít không?*

TC: Cái thiên hình vạn trạng của những hình ảnh trong quá khứ - mà không cứ là kỷ niệm - trong lòng mỗi người, nói sao cho hết. Còn kỷ niệm dĩ nhiên là nhiều, nhưng mà khơi cho được xúc cảm trong lòng tôi mỗi lần nghĩ đến cố hương vẫn là nhạc cổ ở Huế. Tôi thường rất dễ bị ám ảnh bởi cái âm sắc của một giọng nói, bởi một câu hò, điệu nhạc. Anh đã hỏi thì xin kể anh nghe.

Ngày tôi mới vào Quốc Học, hồi ấy còn gọi là trường Khải Định, chiều đi học về qua Đập Đá, nhiều lần tôi gặp một người tên là Xu, ở Huế gọi là Cụ Xu, vừa lầm lũi bước chậm vừa thổi sáo. Nhiều điệu buồn lắm, não nuột lắm. Sau này mới biết rằng ông là một cây sáo bậc thầy ở cố đô thời đó. Năm ngoái, vào một chiều mưa trên đoạn đường cũ, tự nhiên tôi vụt có cảm tưởng là tôi thấy lại cái bóng con người tài hoa ấy với đầy đủ áo tơi nón lá, với cây sáo trúc trên tay. Tôi biết ông Xu chết đã lâu rồi mà tự nhiên tôi bắt lại được dư âm tiếng sáo ấy, tôi thấy nó áo não, thảm thiết lạ lùng. Buồn thảm hơn cả tiếng sáo của người mù trong cái xen cuối của phim RAN do Kurosawa làm đạo diễn.

THĐ: *Còn nữa chứ. những Mụ, những Mệ, những O, những chiếc áo dài và những mái tóc thề đã làm nên Huế mộng mơ, làm thế nào mà anh quên được.*

TC: Quả tình, tôi có tần ngần trước cổng trường Quốc Học và Đồng Khánh, nay tên chi tôi cũng không để ý, mà không thấy một tà áo nào cả, toàn là Âu phục giống như thanh niên nam nữ ở California vậy.

Còn tóc thề thì có đấy, nhưng mà hình như là nó không đi với quần jeans cho lắm! Tôi thấy nó sai sái. Cái kiểu tóc là một phần của một bộ y phục. Cũng là vấn cả, mà có khi vấn tóc trần, có khi bao. Cũng là bối cả mà có lúc bối chặt, bối lỏng, bối cao, bối thấp, bối hoa.Cũng là kẹp là cài nhưng mà cài ngược, cài nghiêng, kẹp sau gáy, kẹp một bên, chặt lỏng nó tùy ở nơi cái toàn thể mà nền móng từ trước tới nay là cái áo dài. Bây giờ...tóc thề trên chiếc quần jeans, chắc cũng có cái đẹp của nó mà tôi nhận chưa ra. Cái quần cao bồi ấy, tiện thật đấy nhưng mà cũng khó thướt

tha, phải không anh. Nhưng mà tôi lại đang đề cập đến một đề tài cũng cũ rích cũ rang, tức là làm thế vào dung hòa hoặc phối hợp cái đẹp và cái tiện trong cuộc sống. Còn riêng Huế, riêng đối với tôi vẫn đẹp, vẫn thơ, vẫn mộng.

THĐ: *Thế thì anh có chạnh nhớ đến những nàng Tôn-nữ ngày xưa của anh không, bao nhiêu lần anh đã nói hoặc các nàng đã nói với anh "You told me you loved me."*

TC: Câu hỏi của anh làm tôi nhớ đến tâm sự Nguyễn Du trong một bài thơ chữ Hán mà ông viết khi trở lại Thăng Long sau một thời gian xa cách, trong đó có câu *Tương thức mỹ nhân khan bão tử/Đồng du hiệp thiếu tẫn thành ông*, đại ý nói rằng những người đẹp mà ông từng quen biết bây giờ đã con bế, con bồng, con xách, con mang, còn bạn bè cùng đi chơi với nhau ngày trước nay thảy đều già ráo. Thành ra, Nguyễn Du còn may, còn thấy lại được những người đẹp của thời trẻ của ông, còn gặp lại bạn cũ. Còn riêng tôi, trong chuyến về Huế vừa rồi, không gặp lại một chỗ quen biết nào bên phía nữ, kẻ chết, người đi ở tỉnh khác, người sống ở nước ngoài, mà nam thì chỉ còn vỏn vẹn một người bạn học cùng lớp nay ốm yếu, bệnh tật. Cũng buồn. Thật ra thì các chị bạn cũ của tôi, bây giờ bế đến cháu ngoại cháu nội chứ không còn bế con nữa!

THĐ: *Ai một lần đến Huế mà không tìm cho được bún bò Mụ Rớt, bánh bèo nơi Vĩ Dạ hoặc phải ăn cho biết cơm Âm Phủ ra sao. Sau bao năm xa quê hương nay trở lại mái nhà xưa, anh có thưởng thức lại những món ăn ấy không?*

TC: Có chứ. Nếm đủ thứ. Nhưng mà anh Triều Hoa Đại này, đừng có chan quá khứ vào đấy, đừng có chấm chúng nó vào ngày qua mới thưởng thức được cái tuyệt đối của khẩu vị hiện tại. Bây giờ ở Huế có bún xáo Mụ Lẹc, có khác với ngày trước, có biến thể, biến dạng, nhưng cũng thuộc loại...ngon ngậm mà nghe. Tôi đã làm một nghỉn hai tô rưỡi vào một buổi sáng có mưa thu !

Nhân nói chuyện ăn. Bánh ướt thịt nướng ở Huế xưa vẫn chấm nước tương. Kỳ vừa rồi, tôi hơi ngạc nhiên khi thấy người ta dọn món đó với nước mắm pha trong một quán nổi tiếng ở Kim Long. Tôi lấy làm bực mình lắm. Không ngờ mà dâu bể len lỏi vào tận chén nước chấm. Nó cũng tương đương với dĩa đậu phụ rán ngoài Bắc mà bây giờ lại đem chấm xốt cà chua chẳng hạn. Dĩ nhiên là ăn được, nhưng mà như vậy là cũng phụ lòng tiền nhân. Ông cha mình chế biến ra một cách ăn uống nào đó, không phải là một sớm một chiều mà nó có được cái khẩu vị được số đông yêu thích. Có cái dày công trong đó mà mình cũng nên lưu ý một chút khi muốn canh tân cải cách.

THĐ: *Còn chuyện Sàigon nữa chứ. Sau bao nhiêu năm xa cách, nay về lại quê hương, anh thấy "hòn ngọc Viễn Đông" ngày nay ra sao?*

TC: Tôi về Saigòn vào dịp kỷ niệm Ba Trăm Năm. Nhân dịp này có nhiều sinh hoạt văn nghệ, thể thao đặc biệt thành ra thành phố tưng bừng nhộn nhịp lắm. Số người trẻ tham gia rất đông. Tôi có cảm tưởng đường phố đông người hơn ngày trước. Mà hình như Saigon có một mật độ dân số khá cao, tôi không biết rõ là bao nhiêu. Tôi chỉ ghé Saigon có một hai hôm, không có dịp thấy được nhiều. Đi dạo lang thang đây đó, có một đôi con đường cũ nay nhận không ra nữa....

THĐ: *Thay đổi đến thế cơ à. Thế còn Hà Nội thì sao? Nghe anh nhắc đến mưa trong bài "Hà Nội" và Hà Nội, bỗng dưng tôi lại nhớ đến hai câu thơ của Trần Dần: Tôi bước đi không thấy phố thấy nhà/Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ. Vậy chứ lúc ấy anh nhớ đến cái gì? Và, Hà Nội ngày nay thế nào, anh có "thấy phố thấy nhà" thay đổi nhiều hơn ngày trước không?*

TC: Tôi ra Hà Nội lần đầu tiên khi còn nhỏ lắm, không nhớ được chi nhiều, thành ra khi thấy lại Hà Nội cách đây hơn nửa năm, cũng không biết nó thay đổi như thế nào nữa. Không biết thế nào mà so sánh. Cái "biết" của tôi về Hà Nội có được nhờ vào bạn bè, sách vở, báo chí. Biết được chút gì đó về một nơi chốn nào đó dẫu sao thì cũng là phiến diện, nếu chỉ biết qua sách vở. Phải đến tận nơi mà sống, mà quan sát. Mà tôi thì lại chưa sống ở Hà Nội bao giờ. Ra được mấy hôm, có mở mắt ra để nhìn thật, nhưng cũng không biết thêm được chi mấy.

THĐ: *Ở đời chuyện được, thua, mất, còn là lẽ thường tình. Nhưng cái não lòng là đã có không biết bao nhiêu lớp người hy sinh thân thế, sự nghiệp, tuổi đời cho Tổ Quốc, quê hương, nhưng đến nay nhìn lại:" Chú mất cái gì cháu không biết nhưng mà... cháu có được gì đâu?" Ôi sao mà nó đành đoạn lắm thế. Đấy chỉ là tâm sự riêng, thế nhưng còn chuyện được, thua, mất còn của cả một dân tộc thì sao? Anh thấy có đắng cay cho quê hương, cho đất nước mình không?*

TC : Dĩ nhiên là đắng cay, không thì anh với tôi đã không ngồi ở đây, ở nước ngoài, mà nói chuyện với nhau, phải không anh?

Tại sao chiến tranh Việt Nam lại xẩy ra, xin dành câu trả lời cho các sử gia thời này và đời sau. Tôi chỉ xin nói một điều sau đây: hai anh em ruột lúc đầu gây gổ nhau, đấm đá sơ sơ bầm dập chân tay, sau được hàng xóm cho mượn gậy gộc mà quần nhau, thằng vỡ đầu, thằng sứt trán. Rồi một trong hai đứa lại rêu rao lên cho cả hàng xóm biết là "Tôi thắng." Ngần ấy cũng đủ mua vui, đủ làm trò cười cho xóm làng rồi.

Nhưng mà anh Triều Hoa Đại à, bắn nhau ngoài mặt trận là một

chuyện, nhưng khi tiếng súng đã ngưng rồi mà lại còn đem hơn một triệu quân nhân, đồng bào của mình ở miền Nam mà đày ải hành hạ trong những trại tù khổ sai, cốt cho họ chết dần chết mòn là một chuyện khác. Chưa nói chi đến chuyện vơ vét tài sản của người dân miền Nam dưới nhiều hình thức. Những chính sách ấy, chính sách hẳn hoi chứ không phải là sơ xuất lầm lỗi của địa phương đâu, khiến cho riêng tôi, tôi thấy mắc cỡ khi nghĩ đến mấy chữ bốn nghìn năm văn hiến, nếu quả chúng ta có đủ bốn nghìn năm văn hiến. Bình tĩnh mà hành hạ đồng bào một cách có hệ thống như vậy, là bôi một vết nhơ lên lịch sử nước nhà mà ngay cả thời gian với cái dược tính thần diệu của nó, cũng không gột rửa được. Có đắng cay là đắng cay như rứa đó.

THĐ: *Viết về Hà Nội, anh đã nhắc đến chùa Keo, chùa Trầm, đến Hàng Ngang, Hàng Đào, anh đã nhắc đến mối tình xưa. Người ta gửi tình vào "ô mai sấu ngon lắm, hôm nào rentrée (tựu trường), Loan đem vào anh ăn thử" Thế Loan của anh có đem cho anh ăn thử trái nhót dầm chưa nhỉ?*

TC: Trái nhót thì tôi có ăn tự ngày nhỏ.Tôi còn nhớ là phải chà nó mãi vào tay áo. Còn nhót dầm thì chưa.

THĐ: *Nhìn "bó cúc vàng thật tươi, cánh thật nõn, lá dưới cuống mọng nước" anh biết ngay là cúc trồng ở vùng Nghi Tàm. Bỗng dưng tôi nhớ đến bài thơ của Phùng Quán "Đêm Nghi Tàm đọc thơ Đỗ Phủ cho vợ nghe" sao mà nó tuyệt vời lắm vậy hả trời! Anh thích cúc Nghi Tàm tôi chắc mẩm thế nào anh lại không thích bài thơ ấy.*

TC: Nói cho đoan đích, khi em gái bán hoa mời tôi mua, tôi đoán non đoán già như vậy là vì nghe nói Nghi Tàm chuyên trồng hoa, nên tôi hỏi em gái vậy thôi, chứ tôi nào có biết mặt mũi Nghi Tàm như thế nào đâu.Ờ mà cũng ngẫu nhiên mà anh nhắc đến Phùng Quán. Tôi có đọc bài thơ ấy năm ngoái trong một tạp chí xuất bản ở đây, không nhớ được toàn bài. Nhưng mà tôi cũng đã thấy được dáng dấp con người nghệ sĩ Phùng Quán qua mấy câu trong một bài khác

Có những phút ngã lòng
Tôi vịn vào thơ mà đứng dậy.

Vịn vào những thứ vô hình, kể cả thơ, mà đi, mà tiến tới, mà đứng dậy, coi vậy mà có nhiều hy vọng hơn, vững vàng hơn...chắc ăn hơn!

THĐ: *"Việt Nam đi sau thế giới 50 năm" Đó là câu trả lời nhân một cuộc phỏng vấn Nguyễn Huy Thiệp. Theo tôi hiểu thì có lẽ ông ta muốn nói đến vấn đề kinh tế và trật tự xã hội. Thế còn vấn đề văn hóa thì sao, theo anh Việt Nam của chúng ta đi sau hay đi trước thế giới bao nhiêu năm?*

TC: Khó. Tôi cũng không biết thế nào là đi trước thế nào là đi sau trong vấn đề văn hóa. Tìm cách định nghĩa xem văn hóa Việt Nam có những đặc tính chi trước đã. Những đặc tính ấy hình thành rồi phát triển như thế nào? Lúc ấy mới có tiêu chuẩn mà so sánh được. Lúc ấy mới nói chuyện trước sau được. Mà việc này thì tôi...đầu hàng! Bát ngát lắm.

THĐ: *Vẫn trong cuộc phỏng vấn ấy có người đã hỏi Nguyễn Huy Thiệp:"Ông có muốn người ngoại quốc đến Việt Nam không?" Ông ấy bảo là:" Muốn chứ, họ mang văn minh vào Việt Nam." Tôi được biết anh mới trở về thăm quê nhà, vậy anh có nhìn nhận lời nói ấy là đúng hay không?*

TC: Tôi nghĩ không cần phải về Việt Nam chúng ta cũng thấy rằng trên thế giới hiện nay mọi quốc gia đều phụ thuộc lẫn nhau. Độc lập theo nghĩa đen là đứng một mình, nay là một điều không thể có được. Thay vào đó là tình trạng liên lập, tương lập. Tôi tạm dùng mấy từ ấy để chỉ sự *interdependence* hiện nay giữa các nước. Vì lý do kinh tế và thương mãi, luôn có một số người ở nước này vào làm việc, kinh doanh, buôn bán ở một nước khác. Không muốn để cho người ngoài vào nước mình cũng không được. Trong trường hợp Việt Nam, ít ra sự hiện diện của người ngoại quốc cùng với những dịch vụ thương mãi, kinh tế của họ tạo cơ hội cho người trong nước thấy được tiến bộ kỹ thuật, tổ chức, phương pháp làm việc có khoa học đưa lại năng suất cao trong mọi ngành. Đó cũng là một khía cạnh của văn minh. Nên lắm chứ. Không tiếp xúc nhiều, không thấy những điều mới lạ nơi kẻ khác, e rằng mình đâm ra chủ quan mà quá tự mãn với cái cũ của mình chăng.

THĐ: *Đi đã nhiều, sống cũng đã lắm, bây giờ đã đến cái tuổi "gối mái tóc bạc lên kỷ niệm mà nghe mưa. Buồn." Hỏi thực anh thế này : bây giờ đây nhà văn Trúc Chi ao ước những gì cho riêng mình và cho cả quê hương đất nước?*

TC : Điều tôi muốn thấy nơi quê hương mà chắc chắn cũng là ước mơ của mọi người Việt, dù ở trong hay ngoài nước, là một nước Việt Nam thanh bình trong đó quyền làm dân và quyền làm người của mọi người được tôn trọng, bảo đảm.

Còn riêng cho tôi à? Thành thật mà nói, đến cái tuổi này rồi mà tôi vẫn chưa khôn ra một chút xíu nào cả, vẫn còn ngu, tôi vẫn muốn cả bầu trời đấy chứ. Chỉ có khác là ngày trẻ tưởng mình làm được nhiều chuyện, bây giờ... mới vỡ lẽ! *Lão lai tài tận* rồi, biết là mình chỉ làm được một đôi điều, nên cũng phải gồng mình mà cố gắng làm cho nó ra hồn, có làm được hay không là một chuyện khác. Nhưng mà cứ làm. Tôi vẫn tự khích lệ tôi bằng hai câu của Vũ Hoàng Chương "Một nét dao bay nghìn thủa

Lục bát từ biển, buổi chiều
NGUYỄN THỊ MINH THỦY

biển chiều, bãi vắng, sóng dồn
nghe đời như dã hoàng hôn ít nhiều
trời quạnh hiu, ý quạnh hiu
có con chim nhắc trăm điều lao dao
có tôi sống giữa ba đào
hồn trôi theo nhịp sóng gào đêm đêm
có người soải cánh đi tìm
mà trong mù mịt đã chìm tăm hơi
có khuya giở sách tìm lời
lấy tình xa dỗ giấc đời long dong
muốn say, uống hớp rượu nồng
ấm lòng giây phút, bệnh bồng nỗi đau
muốn quên, như nước qua cầu
nước thành mây vẫn ngậm sầu khôn tan

còn ai tiếc giấc mộng tàn
như tôi, ngồi nhớ chuyện hàn ôn xưa?

đẹp/Dù sai hay trúng cũng là dư" khi ông nói về việc làm của Kinh Kha ở bên kia bờ Dịch thủy. Già rồi mà chưa chịu già chăng? Nhưng mà, trời sinh ra mình vậy, biết làm thế nào được. Làm khác đi là tự dối mình, tôi không thích.

THĐ: *Thưa anh Trúc Chi, xin được hỏi một câu chót: nghe "thiên hạ đồn rằng" anh đang gom lại những bài đã viết để giao cho tạp chí Văn Học xuất bản thành một cuốn tùy bút phải thế không? Vậy cuốn sách ấy có tên là gì và bao giờ thì mới được trình làng đây thưa anh?*

TC: Tôi có ý định ấy thật. Nhưng mà ít lâu nay lu bu nhiều việc, không có thì giờ để soạn ra xem lại. Chắc cũng đến sang thu mới xong được. Còn tên thì tôi chưa nghĩ tới. Chắc lại chỉ lấy tên của một trong những bài ấy. Chưa xong mà đã tính chuyện trình làng. Sợ lại gánh lấy cái tiếng đe hàng tổng. Khi nào anh nhận được một cuốn tôi gửi biếu anh thì anh biết là nó oe oe cất tiếng rồi đấy. Xin cám ơn anh và cám ơn độc giả đã kiên nhẫn nghe tôi nói chuyện tào lao.❐

**Il n'y a que le temporaire qui dure.*

Thử "điểm" qua các bài điểm sách trên các báo văn học nghệ thuật

Lê Hữu Nghị

Trên những tạp chí văn học nghệ thuật ở hải ngoại, thỉnh thoảng có thấy xuất hiện những bài viết theo lối "điểm sách" hay "đọc sách", dưới những hình thức khác nhau, những tên gọi khác nhau, lúc thì "Đọc Truyện... (tác giả X)", khi thì "Đọc Thơ... (tác giả Y)", có lúc "Thử Đọc... (tên sách)", có khi "Nhân Đọc..., Suy Nghĩ Về..."... vân vân. Thường thì đấy chỉ là những bài giới thiệu sách hơn là điểm sách (có vẻ là những lời "tựa" hay "bạt" gì đó được in ở những trang đầu hoặc trang cuối một cuốn sách xuất bản). Tác giả những bài viết này có khi là những cây bút chuyên về nhận định, phê bình văn học, có khi vừa là nhà văn vừa là nhà phê bình, lý luận, có khi là người trong ban biên tập của tờ báo, có khi là người cộng tác với tờ báo... Tác giả của những sách được "điểm" thường là những nhà văn, nhà thơ, những cây bút tên tuổi (sau này hay gọi là "thành danh") trước hoặc sau năm bảy mươi lăm, và không ít những cây bút mới (trẻ, hoặc không trẻ nhưng "mới" viết) mà người điểm sách muốn giới thiệu rộng rãi đến người đọc.

Tôi nhớ, ngày trước, mỗi khi cầm tới một báo văn học nghệ thuật nào, mục điểm sách thường nằm ở những trang cuối của tờ báo nhưng lại là một trong những mục mà tôi luôn luôn muốn tìm đọc trước hết, chỉ sau lá thư gửi độc giả của ban biên tập. Một số sách nằm trên kệ sách khiêm tốn của tôi là những cuốn tôi đã tìm mua sau khi đọc qua những bài điểm sách đó. Nếu đấy không phải là những cuốn sách giá trị thuộc loại "gối đầu giường" thì ít nhất cũng chứa đựng một đôi điều lý thú. Những cuốn sách khi gấp lại còn có được chút gì đọng lại trong đầu người đọc. Ít khi phải mua lầm. Không phải những sách được "điểm" đều là sách hay, cả

đến những sách "không hay" cũng được đưa vào mục điểm sách. Nội dung bài điểm sách có giới thiệu, có mô tả hình thức quyển sách, có trích dẫn, có tóm tắt, có nhận xét phê bình đánh giá, khen, chê, hay, dở. Khi nói "hay", giải thích được tại sao hay, hay chỗ nào; khi nói "dở", giải thích được tại sao dở, dở chỗ nào. Tôi cũng tìm đọc cả những sách bị chỉ trích, phê bình gay gắt vì tò mò muốn biết, muốn đọc để xem thử cuốn sách viết ra sao, những lời nhận xét phê bình của người điểm sách có hoàn toàn xác đáng (?). Người điểm sách thường là những nhà văn, nhà phê bình tên tuổi. Những sách được điểm gồm đủ mọi thể loại: truyện dài, truyện ngắn, truyện dịch, biên khảo, hồi ký, bút ký, tiểu luận, thơ, kịch... vân vân. Tác giả của những sách này thường là những cây viết được nhiều người đọc biết đến. Những người viết mới có tài năng đôi khi cũng được đưa vào mục điểm sách để giới thiệu đến người đọc, tất nhiên cũng gồm cả những nhận xét phê bình cẩn thận. (Những người viết mới... kém tài năng dĩ nhiên là không được đưa vào mục điểm sách). Nếu tôi không lầm, còn có một tờ báo xuất bản định kỳ hàng tháng chuyên giới thiệu với người đọc về sinh hoạt báo chí, tình hình xuất bản, thường xuyên có những bài điểm sách của những cây bút chuyên nghiệp. (Tờ "Tin Sách" thì phải). Những cây bút này không nhiều, như đã nói, thường là những nhà văn, nhà phê bình văn học tên tuổi và có uy tín, dễ tạo được niềm tin nơi độc giả.

Những bài điểm sách trên các báo chí lúc sau này thường không hấp dẫn tôi lắm. Các bài viết gọi là "điểm sách" bây giờ thường chỉ là những bài giới thiệu, hoặc quảng cáo cho cuốn sách xuất bản. Có khi chỉ cần đọc qua vài ba câu đầu cũng đoán trước được những câu sau... Đành lật qua trang khác vậy. Thành thử, chưa biết là cuốn sách được giới thiệu có giá trị hay không, đã thấy trước "giá trị" của những bài điểm sách kiểu đó, đã phải đặt dấu hỏi về mức độ đáng tin cậy của bài "điểm sách"... Đã lâu lắm tôi không còn cái thú được thưởng thức những bài điểm sách đúng đắn, với những ý kiến nhận xét khách quan, với lối phân tích nhận định tinh tế, sắc bén, của những cây bút lão luyện mà ngày trước tôi vẫn thường chăm chú đọc trước khi quyết định liệu có nên bỏ tiền ra mua cuốn sách. Đọc, và thán phục kiến thức sâu rộng, phê phán tinh nhạy, khen chê đúng mực của người viết phê bình, qua đó người đọc là tôi cũng học hỏi được nhiều thứ, nâng cao được trình độ nhận thức và thưởng ngoạn... Mua phải một cuốn sách dở chỉ vì tin vào những lời giới thiệu, quảng cáo, vừa thấy mình dại, vừa có cảm giác bực tức như bị lừa, mua phải hàng "dỏm" vậy! Tốt nhất là tránh, không đọc, hoặc chỉ dám đọc những bài "quảng cáo, giới thiệu" về cuốn sách của một tác giả quen thuộc mà mình yêu thích, dù

biết rằng nhãn hiệu không phải luôn luôn bảo đảm phẩm chất của sản phẩm, và vẫn cứ phải vừa đọc vừa... cảnh giác. Gần đây có ít tờ báo, có lẽ vì muốn bảo vệ uy tín, tôn trọng người đọc (giới thiệu một cuốn sách dở rõ ràng là thiếu tôn trọng người đọc), không muốn làm công việc quảng cáo những mặt hàng dở (hoặc chưa biết hay, dở thế nào), nhưng lại cũng không muốn làm buồn lòng các tác giả gửi sách biếu đến tòa soạn để nhờ giới thiệu (trong số lại có những tác giả quen, cộng tác với tờ báo) nên chỉ liệt kê những sách nhận được trong những mục gọi là "Nhận Được, Giới Thiệu", "Sách Mới Trong Tháng", hoặc "Giới Thiệu Sách Mới" (như ở tạp chí Văn Học)..., để gửi đến độc giả những thông tin về sách báo xuất bản, gồm tên sách, tên tác giả, tên nhà xuất bản, số trang, giá tiền, địa chỉ liên lạc..., đôi khi cũng có thêm ít hàng tóm tắt nội dung sách mà không đưa ra lời bình phẩm nào (ngoại trừ những sách được xác nhận là có giá trị). Độc giả có thể tìm thấy trong đó vàng thau lẫn lộn, tự đánh giá, tự thẩm định lấy. Tờ báo không trách nhiệm về giá trị tác phẩm. Tôi cho là cách đó tương đối chấp nhận được.

Tôi không có ý nói là những bài điểm sách trên báo chí hiện nay là không có giá trị, nhưng thực tình là những bài viết đó thường ít làm độc giả thỏa mãn, và cứ đọc mãi một lối điểm sách như vậy người đọc sẽ chẳng còn hứng thú. Có những bài điểm sách tạo cho người đọc cái cảm tưởng là người điểm sách đã không đọc kỹ quyển sách, chỉ xem qua loa, vì ít thì giờ hay vì... lười đọc. Nếu chỉ tóm tắt sơ sài nội dung sách, trích dẫn vài đoạn văn, ít câu thơ, rồi sau mỗi đoạn mỗi câu lại cho ít lời bình phẩm (thường là khen ngợi), rồi kết luận, rồi đặt một cái tựa nào đó văn vẻ một chút thì việc điểm sách cũng chẳng khó khăn gì lắm. Một bài điểm sách có thể kéo dài đến dăm, bảy trang theo lối đó, hoặc hơn thế nữa nếu đưa thêm vào những tư tưởng triết đông triết tây, diễn giải hoặc trích dẫn lời lẽ của những danh nhân kim cổ, có khi chẳng ăn nhập gì tới nội dung cuốn sách, hoặc chỉ liên hệ rất ít... Người điểm sách khéo, theo tôi, khi muốn đề cao một tác phẩm, cũng chẳng cần phải diễn giải dài dòng cho lắm, có khi chỉ cần "điểm" một hai nét chính đặc sắc trong nội dung tác phẩm, đồng thời chịu khó tìm ra, nêu bật cho được một hai cái kỹ xảo đặc biệt trong cách viết của tác giả để giới thiệu với người đọc là đủ "ăn tiền" rồi. Làm sao để độc giả thấy được cái riêng, cái hay, cái độc đáo gọi là "phong cách riêng" của tác giả, vượt trội hẳn những tác giả khác. Người điểm sách khéo, ngoài chuyện vạch ra được cái hay, cái dở của tác phẩm, còn có khả năng dẫn dắt tình cảm người đọc, dẫn dụ người đọc theo một hướng nghĩ như mình, để rồi đi tới được kết luận: đây là một tác phẩm giá

trị (nếu quả thực là một tác phẩm giá trị, hoặc cố ý muốn giới thiệu cuốn sách với người đọc như là một tác phẩm giá trị).

Thực tế, ít có quyển sách của tác giả nào gọi là hoàn hảo. Người viết, dù có cẩn trọng đến đâu, có chăm chút tác phẩm của mình tới mức nào, cũng không tránh khỏi ít nhiều khiếm khuyết. "Điểm" một cuốn sách, vì vậy, tất nhiên là có khen, có chê, có khích lệ người viết, có cổ động người đọc. Đã lâu tôi không còn đọc được những câu bình phẩm đại loại: "Tuy có một vài điểm sơ suất khó tránh khỏi như đã nêu trên, đây cũng là một quyển sách xứng đáng được nằm trên tủ sách gia đình vì đã nêu được một số vấn đề mới mẻ chưa từng được đề cập trước đây...," hoặc: "Nếu tác giả chịu khó chăm sóc câu chữ một chút, người đọc sẽ thú vị có được những bài thơ hoàn hảo, không chỉ là những câu thơ hay như đã trích..." chẳng hạn. Người điểm sách, trước hết, là một độc giả, hoặc ít nhất, tin rằng ý kiến của mình cũng phù hợp với ý kiến của số đông độc giả. Những người viết có óc cầu tiến luôn luôn muốn lắng nghe ý kiến, muốn đón nhận những tín hiệu phản hồi từ phía "đa số người đọc thầm lặng" hơn là trong giới cầm bút chuyên nghiệp (thường là quen biết) về tác phẩm xuất bản của mình, ngoại trừ những người viết chỉ muốn được nhận lời khen hơn là tiếng chê. Trong việc điểm sách, người điểm sách, tôi nghĩ, dẫu có đóng vai một độc giả khó tính (đừng khắt khe quá) cũng vẫn hơn là một độc giả dễ dãi, hời hợt... Sách cần được "điểm" từ hình thức đến nội dung: từ bìa sách, kỹ thuật ấn loát, các phụ bản (có thẩm mỹ?), cách sắp xếp các chương mục (có hợp lý?), các phần tham khảo, chú giải (có đầy đủ, rạch ròi?) cho đến bút pháp, văn phong, nội dung được chuyên chở. Về hình thức, một quyển sách có khi in ấn lem nhem, thiếu trang, nhảy hàng, đầy dẫy những lỗi chính tả, lỗi chấm câu... mà không thấy người điểm sách đả động gì tới. Về nội dung, một quyển sách nhiều khi được tán tụng lên đến tận mây xanh mà người đọc vẫn cứ hờ hững. Không ít những bài điểm sách theo lối "khen đến khen đại", vận dụng những từ ngữ hoa mỹ, gán ghép những tư tưởng cao vời mà cuốn sách không hề có. Chỗ đáng khen, tác giả tâm đắc, độc giả thú vị, thì chẳng thấy khen; lại đi khen những chỗ chẳng đáng khen chút nào. Khen tặng kiểu này dễ gây phản tác dụng, tác giả quyển sách là người được "điểm", được khen cũng nhột nhạt, cũng rầu, chẳng vui sướng tí nào, nói chi đến độc giả... Tôi có anh bạn khá thân, một hôm đưa tôi đọc thử bài viết của anh ta nhằm giới thiệu cuốn sách (truyện dài) của một người bạn văn vừa xuất bản. Anh ta muốn biết ý kiến tôi sau khi đọc xong. "Không hay," tôi trả lời. "Anh nói cái gì không hay, cuốn sách đó hay là bài tôi viết?" anh ta hỏi. Tôi cười, giải thích, "Tôi chỉ

muốn nói là đọc qua những gì anh viết, tôi chưa thấy cuốn sách đó hay ho chỗ nào... Anh thử đọc lại, viết lại xem sao. Anh muốn viết thế nào thì viết, muốn khen cách nào thì khen, chừng nào đọc bài của anh tôi chưa thấy cuốn sách đó hay thì tôi vẫn nói là không hay." Anh ta cười, viết lại, đưa tôi đọc lần thứ nhì. "Chuyến này thì OK," tôi nói. "Thực ra theo tôi, đó là một cuốn sách hay, có điều là lần trước anh chưa đọc kỹ nó." Sau đó, anh ta lại hỏi, "Thế nào gọi là một bài điểm sách hay?" "Đơn giản thôi," tôi trả lời, "là sau khi đọc nó, người ta muốn tìm mua ngay quyển sách đó." Tất nhiên, đây cũng chỉ là ý kiến của riêng tôi, anh bạn tôi và những vị khác không hẳn đã hoàn toàn đồng ý. Một quyển sách hay mà bài điểm sách không hay thì cũng ít có vấn đề. Vấn đề thường nằm ở những bài "điểm" một quyển sách "không hay". Có những chỗ vụng, sai sót, bất hợp lý... trong quyển sách mà độc giả tinh ý dễ dàng nhận thấy nhưng không thấy đề cập gì tới trong bài điểm sách. Người điểm sách chỉ cố gắng tô vẽ, khuếch đại những ưu điểm mà sẵn sàng hào sảng, rộng lượng bỏ qua những khuyết điểm. Một cuốn sách dở đâu phải cứ diễn giải cho hay là thành sách "hay" được.

Như trên đã nói, vì không tin tưởng lắm ở những bài điểm sách hiện nay, tôi đã phải tạo cho mình một thói quen mới: đọc tác phẩm trước, tự mình thẩm định lấy, đánh giá lấy trước. Nếu thấy đây là loại sách làng nhàng thì chẳng có gì đáng nói. Nếu gặp được một tác phẩm hay quá, hoặc tệ quá, hoặc "độc đáo" theo nghĩa nào đó, mới quay lại tìm đọc bài điểm sách về tác phẩm ấy để xem thử nhận định của người điểm sách như thế nào (có phù hợp nhận định của mình, có chia xẻ những suy nghĩ của mình, có nêu ra được những điểm mình tâm đắc, những chỗ hay, chỗ dở...).

Khi đề cập những điểm trên, tôi cũng muốn xin nêu lên ở đây một hai ví dụ để dẫn chứng. Thực ra thì những dạng điểm sách kiểu này khá phổ biến, chỉ xin mượn một trong nhiều trường hợp, liên hệ đến hai tờ báo văn học nghệ thuật quen thuộc tôi vẫn thường đọc là Văn và Văn Học trong những số gần đây nhất. Tôi hiểu rằng nói tới chỗ này dễ gây "đụng chạm", hiểu lầm này nọ...đây (những lời phê bình thẳng thắn, không khéo léo, dễ gây ra ngộ nhận là những lời công kích), nhưng biết sao hơn, chẳng lẽ cứ vin vào những lý do "tế nhị" để chỉ nói chung chung mà không nêu được một ví dụ nào để dẫn chứng thì đâu có còn là sự góp ý theo lối "nói thẳng, nói thật" gì nữa.. (Chỉ xin hai tờ tạp chí mà tôi vẫn yêu mến, và các tác giả tôi không quen biết được đề cập ở đây đừng có phiền hà... nhiều lắm). Tạp

chí Văn số tháng Năm vừa rồi có bài viết của ông Nguyễn Vy-Khanh có tựa là "Thi Cảm, Cấu Trúc Ngôn Ngữ và Thơ Quan Dương", nội dung giới thiệu tập thơ của tác giả này. Đây cũng là một dạng "điểm sách" mặc dù người viết không cho biết là có câu thơ trích nào và lời bình phẩm nào ở bên ngoài tập thơ đó không. Ông NVK, được nhiều người biết đến như một nhà nghiên cứu văn học, đã có những công trình biên khảo đáng chú ý (tôi cũng từng có dịp trao đổi ý kiến với ông về một bài viết trên báo Văn Học Nghệ Thuật/Liên Mạng về thơ Thanh Tâm Tuyền trước đây). Tác giả QD, một người làm thơ khá quen thuộc, có thơ đăng rải rác trên các báo, nhưng tôi lại chưa có dịp nào đọc kỹ. Như đã nói ở phần trên, do không còn cái hứng thú đọc những bài điểm sách kiểu bây giờ, nên tôi chỉ đọc lướt qua ít hàng bài viết của NVK (đoán trước được nội dung phải là những lời khen tặng) và cũng quên đi. Ít hôm sau đó, cầm trên tay tờ tạp chí Văn Học, cũng số tháng Năm, tình cờ gặp một bài thơ của QD, nhớ lại bài "điểm sách" nói trên, bèn đọc thử, hy vọng bắt được một bài thơ hay. Vừa đọc được ít câu, chưa kịp cảm nhận được điều gì thì đã phải dội lại, như xe đang chạy trên mặt đường phẳng phiu bỗng nhảy chồm lên vì đụng phải một cái "bump". *"...Cuộc sống nhấn chìm anh tuyệt tích / Như khạc cục đờm ra khoảng không", cái "bump" là câu thơ sau.* Thật bất ngờ. Tôi đã phải vội gập tờ báo lại, lật nhanh qua những trang khác, cố gắng chận đứng trí tưởng tượng... Cảm giác của tôi lúc bấy giờ giống như là người đang chạy xe ngon trớn trên đường phố Sàigòn (sau năm bảy mươi lăm), bất ngờ lãnh nguyên một bãi đờm, hay bãi nước miếng bay vào giữa mặt do người chạy xe phía trước thoải mái phun ra, không cần "signal" trước hoặc quay lại xem có kẻ nào chạy phía sau mình không... (Hẳn không ít quý vị đã từng gặp vụ này). Quả thực chưa thấy có nhà thơ nào sử dụng hình ảnh mới mẻ đến như vậy! (Những lối ví von: "Như hòn sỏi ném xuống lòng sông", hoặc: "Như cánh chim mất hút trên không..." có vẻ đã cũ kỹ, lỗi thời quá rồi nên không được sử dụng). Tôi đã không dám đọc tiếp vì... hồi hộp không biết còn những thứ gì chờ đợi mình ở phần tiếp theo của bài thơ, một... cục gì nữa chăng (?). Nói "dị ứng" thì hơi quá, nhưng thực tình tôi vẫn chưa quen với những bất ngờ kiểu này. Người khác có thể nói: "Tưởng gì. Đâu có gì quan trọng...". Vâng, có thể là chẳng có gì quan trọng, chỉ cần rút khăn tay ra lau mặt một cái là xong, nhưng vẫn không lau hết được cảm giác nhờn nhợn... Sau đó, khi đã định thần, để hiểu thêm về thơ của tác giả này, tôi có tò mò tìm đọc lại bài "điểm thơ" trên báo. Đúng như nhận định của ông NVK, thơ tác giả QD quả là có một phong cách riêng. Về hình thức "cấu trúc ngôn ngữ": mới mẻ tân kỳ không kém gì thi sĩ Du Tử Lê (với những dấu +, =,/ ... của phương trình

toán học). Về nội dung "thi cảm": táo bạo lạ lùng không thua gì thi sĩ Nguyễn Đức Sơn. Ví dụ, xin tạm trích:"... *Giọt đời tôi như cứt / Rơi. Biết dựng vào đâu*". (Định viết tắt một chữ không tiện viết rõ, nhưng lại sợ bị đọc nhầm, càng tệ hơn, nên đành cứ để nguyên vậy, và cũng để quý bạn đọc thấy rõ lỗi chính tả). Do có chuẩn bị, tôi không còn bị bất ngờ như chuyến trước, nhưng vẫn cứ bần thần. Lại một nỗ lực đổi mới thi ca nữa chăng (?)... Nhiều câu thơ khác được trích dẫn trong bài viết và được người điểm sách nhận định là "những lời thơ thanh thoát", "có những hình ảnh đẹp", "nhiều hình ảnh nên thơ"..., và phần kết luận: "Thơ cuối cùng là sáng tạo của tâm hồn, là cái đẹp không tìm hay đốt đuốc tìm đều có thể có một lúc nào đó hiển hiện..." (!). Không rõ quý bạn đọc khác còn có lối thưởng thức thơ nào khác chăng, nếu những lời nhận định ở trên là xác đáng thì tôi đành chịu mang tiếng là đầu óc thô lậu, không hiểu thấu được tính sáng tạo nghệ thuật và rung động trước nguồn "thi cảm" dạt dào của thi nhân. Xin có sao nói vậy. Dẫu biết rằng những câu thơ chỉ mang tính ẩn dụ, nhưng thiết nghĩ, đâu có thiếu những hình tượng, sự vật để ví von so sánh, cần gì phải mượn đến những đờm dãi, c... đái... (xin lỗi quý bạn đọc). Nếu những câu trên trích từ một bài thơ trào phúng thì cũng chẳng có gì đáng nói, có tục tằn một chút cũng chả sao, nhưng ở đây lại không phải vậy, những bài thơ tình thì phải. Chỉ riêng về khoản này, dòng văn học nghệ thuật trong nước (nếu có) phải chịu thua là cái chắc, và còn lâu lắm mới bắt kịp dòng văn học nghệ thuật hải ngoại về cả hai mặt tự do và sáng tạo... Trên đây chỉ xin nêu ví dụ về một trường hợp "điểm sách", thực sự không có ý bình phẩm một người làm thơ (để hiểu một tác giả cần có điều kiện đọc nhiều về tác giả đó). Nhà thơ QD có thể đã có những bài thơ hay mà tôi chưa từng được biết đến...

Tôi vẫn luôn luôn nghĩ là mục điểm sách trên các báo thực sự cần thiết và có lợi cho người đọc. Cái lợi trước hết là giới thiệu rộng rãi đến người đọc một quyển sách hay, xứng đáng được xếp vào kệ sách gia đình, một món ăn tinh thần ngon và bổ, đồng thời cũng giới thiệu được những cây bút tài năng. Người đọc tiết kiệm được nhiều thì giờ để tìm kiếm, lựa chọn cho mình một quyển sách hay (có khi tưởng là hay, mua về đọc chẳng thấy hay chút nào), nhất là trong tình hình sách báo xuất bản dễ dàng thoải mái như hiện nay, người đọc thường bận rộn, làm gì có thì giờ để thẩm định giá trị một cuốn sách khi đứng giữa một rừng sách đủ loại, lẫn lộn thượng vàng hạ cám, chẳng lẽ chỉ đọc lướt qua bài tựa hoặc trang bìa sau của cuốn sách (ngắm nghía tấm ảnh chụp chân dung của tác giả để "trông mặt mà bắt hình dong"). Người đọc, nhờ bài điểm sách, cũng

đỡ phải tiếc tiền và bực mình khi mua nhầm một cuốn sách dở. Như vậy, người điểm sách là người phục vụ lợi ích của độc giả, công việc điểm sách là công việc đáng được hoan nghênh và đề cao lắm chứ! Người đọc cũng nên biết ơn người làm công việc điểm sách. Thế nhưng, công việc này chỉ thực sự hữu ích khi người điểm sách hội đủ những "tiêu chuẩn" sau đây:

- Kiến thức sâu rộng, am hiểu tường tận các bộ môn văn học, nghệ thuật. Kiến thức này chỉ giúp người điểm sách thực hiện tốt công việc nhận định, phê bình, không phải để phô trương sự thông thái. (Như đã nói ở phần trên, một số người điểm sách hoặc viết phê bình, viết tựa, viết bạt... thường có khuynh hướng mượn bài viết để phô trương kiến thức văn học của mình, nêu tên tuổi những tác giả nổi tiếng trong nước ngoài nước, trích dẫn câu nói, câu văn, thơ phú này nọ tràng giang đại hải để tỏ ra mình đọc nhiều hiểu rộng, lâu lâu mới quay lại nói về quyển sách, về tác giả một chút, rồi lại tiếp tục dẫn giải lòng vòng... Thực tế, những điều này không cần thiết, đi ra ngoài trọng tâm bài điểm sách, khiến người đọc sốt ruột và... bực mình như nghe một bài diễn văn cà kê dê ngỗng mà không hiểu diễn giả thực sự muốn nói gì. Tất nhiên, trong một vài trường hợp cần thiết, người điểm sách có thể viện dẫn những lý lẽ từ bên ngoài để minh chứng hoặc thuyết phục điều gì đó, nhưng cũng chẳng nên lạm dụng quá. Công việc phân tích, lý luận thuộc lãnh vực của nhà phê bình văn học hơn là người điểm sách).
- Từng hoạt động, quen thuộc và nhiều kinh nghiệm đối với các thể loại sáng tác, các lãnh vực nghiên cứu, nhận định và phê bình văn học.
- Có óc thẩm mỹ, khiếu thưởng lãm tinh tế, khả năng nhận xét bén nhạy, tinh tường để nhận ra được cái độc đáo, cái vụng về, cái đẹp, cái xấu, cái hay, cái dở...
- Tính trung thực, vô tư và khách quan. Phê bình thẳng thắn nhưng không thiên kiến, không ác ý, cũng không vị tình, vị nể, không ngại đụng chạm, mất lòng tác giả quen biết. Không viết bài điểm sách theo đề nghị, theo đơn đặt hàng của tác giả, tòa báo, nhà xuất bản... (Nhiều bài viết tạo cho độc giả cảm tưởng là tác giả bài điểm sách và tác giả quyển sách có quen biết nhau, người viết sách cậy nhờ người điểm sách... "điểm" hộ cho vài cái).
- Tôn trọng độc giả (hiểu theo nghĩa không xem thường trình độ nhận thức, thẩm định và thưởng ngoạn nghệ thuật của người đọc, không quảng cáo, giới thiệu hàng "dỏm" cho người đọc).

Một số thể loại văn học như hồi ký, biên khảo, dịch thuật... cũng đòi

hỏi người điểm sách những kiến thức và khả năng chuyên biệt... Qua đó mới thấy là đóng vai nhà phê bình hoặc điểm sách quả là không dễ dàng chút nào, và chẳng phải ai cũng làm được. Cũng có người cho là người điểm sách không nên viết sách, sáng tác hay bất cứ thể loại nào, để giữ được tính cách độc lập của mình. Tôi nghĩ điều này cũng không nhất thiết, một người viết bản lãnh vẫn có thể hoàn thành xuất sắc hai vai trò khác nhau. Hơn nữa, người điểm sách ở đây không phải là một giám khảo. Về mặt nào đó, ông/bà ta cũng gần giống như người phê bình, mà người phê bình không hẳn là người mẫu mực. Ai cũng biết rằng phê bình người khác luôn luôn dễ dàng hơn là phê bình chính mình. Phê bình không tốt về công việc của người nào đó không hoàn toàn có nghĩa là nhà phê bình có khả năng làm tốt hơn công việc ấy. Thành thử, cứ để người điểm sách viết sách, một người điểm sách khác sẽ "điểm" sách của ông/bà ta. Có sao đâu.

Tôi cũng hiểu rằng, thực tế, cũng khó mà có được những nhà điểm sách "chân chính" hội đủ những "tiêu chuẩn" nêu trên, vì những lý do không đơn giản chút nào. Chúng ta đành phải chấp nhận những "tiêu chuẩn" vừa kể ở mức độ tương đối. Nói đâu xa, thử đặt câu hỏi với một vài cây bút tiếng tăm đã từng làm công việc này, hẳn các vị ấy cũng phải thú nhận rằng (nếu chịu trả lời một cách thành thực), thế nào lại chẳng có một đôi lần trong đời đành phải hạ bút viết những bài điểm sách, hay lời tựa, lời bạt quái quỉ gì đó... như là một việc chẳng đặng đừng. (Những bài viết mà có lẽ các vị ấy cũng chẳng muốn đọc lại). Thông cảm cho "những lý do tế nhị" có nghĩa là thông cảm cho việc chỉ vì muốn làm vui lòng một người viết mà đành phải phụ lòng nhiều người đọc. Thỉnh thoảng, tôi cũng có gặp đâu đó những bài viết theo lối điểm sách của một hai cây bút thường viết cho các mục điểm sách ngày trước, có điều, cách viết dường như đã thay đổi. Có thể vì lý do tế nhị nào đó như đã nói, hoặc các vị ấy nay cũng đã cao tuổi, cái nhìn cũng dễ dãi hơn, khoan nhượng hơn, nhất là đối với những người viết mới. (Cứ khen ngợi để khuyến khích bọn trẻ nó viết, chẳng nên khắt khe quá làm gì. Có được người viết, người đọc là quý rồi. Liệu ít chục năm sau còn có được bao nhiêu cuốn sách tiếng Việt nữa đâu mà "điểm"). Nếu giả thuyết này đúng, và nếu mọi người cũng đồng ý như vậy, nghĩa là người viết và người đọc đều dễ dãi, thì có cần gì đến bài viết này. Tuy nhiên, nếu mọi người vẫn cho rằng, giá trị văn học trước sau vẫn là giá trị văn học, số lượng người viết có ít đi, số lượng sách xuất bản có kém đi, chúng ta đành cam chịu, chấp nhận, nhưng những giá trị về mặt văn học nghệ thuật, vẫn luôn luôn được kiểm nghiệm

bằng thước đo duy nhất với những điểm chuẩn bất di bất dịch, thì vấn đề vẫn cứ phải đặt ra.

Kết luận bài này, người viết xin nêu một đề nghị: Vì sự cần thiết và ích lợi của công việc điểm sách, liệu nên có chăng một đội ngũ các "nhà điểm sách" chuyên nghiệp trong tình hình sinh hoạt văn học ở hải ngoại hiện nay (?). Chúng ta đã có những nhà văn, nhà báo, nhà phê bình, nhà nghiên cứu, nhà lý luận... là những vị hoạt động văn hóa trong một lãnh vực chuyên biệt, thiết tưởng cũng nên có thêm những "nhà" điểm sách. Tại sao không? Những người cầm bút tên tuổi và có uy tín ở hải ngoại hiện nay cũng đâu có thiếu. Chỉ cần các vị ấy chịu đứng ra đảm nhận công việc này, tôi nghĩ người đọc và cả người viết cũng sẽ hoan nghênh. Những tác phẩm quý, những sách báo giá trị, qua những bài điểm sách đúng đắn, sẽ được gạn lọc ra khỏi rừng sách vàng thau lẫn lộn để được "trình làng", được xuất đầu lộ diện, và có thêm cơ hội để được nhiều người đọc biết đến. Sách hay, được giới thiệu bởi những người giới thiệu có uy tín, sẽ càng tăng giá trị, làm tăng số lượng người đọc, tăng số lượng bán được, và có một vị trí xứng đáng trong mỗi tủ sách gia đình. Mục điểm sách ở các báo, cũng nhờ vậy, sẽ thu hút được người đọc. Những bài điểm sách "chỉ cần đọc vài ba câu đầu cũng đoán trước được những câu sau..." sẽ không còn tồn tại trên những trang báo. Người điểm sách sẽ không còn là người quảng cáo món hàng sách, hoặc nếu có quảng cáo thì cũng bán hàng "thật". Các báo, qua những bài điểm sách đúng đắn, cũng được thêm sự tín nhiệm của độc giả, không bị mang tiếng là đánh giá thấp trình độ thẩm định và thưởng ngoạn của người đọc. (Tôi cũng không rõ có tờ báo nào minh định là quan điểm của người viết bài điểm sách không hẳn là quan điểm của tờ báo. Trường hợp có, tờ báo cũng có lỗi chủ quan khi nhận đăng bài điểm sách đã không đọc kỹ, vì có thể cho là: "Nhiều lắm thì đại khái nội dung cũng là những lời khen ngợi thôi, có thiệt hại gì đâu." Tưởng vậy mà không phải vậy).

Ở trên tôi có nói, một bài điểm sách hay là làm thế nào để người đọc sau khi gấp tờ báo lại, muốn ...chạy ngay ra hiệu sách để tìm mua quyển sách về đọc. Thực ra, cũng ít khi có được một bài như vậy. Và cũng cần nói thêm, còn phải chờ xem người đọc, sau khi đọc xong (hay đọc được một nửa quyển sách), có lâu bầu và ném quyển sách ra ngoài cửa sổ hay không. Đó là điểm khác nhau giữa một bài điểm sách hay và một bài điểm sách "khéo". Và, tác giả bài điểm sách khéo, dù có khéo lắm, cũng chỉ được đọc có... một lần.❐

Viết văn với... cây búa

Nguyễn Hưng Quốc

Lời Tòa soạn: *Sau khi đăng bài "Quan niệm văn học" của Dạ Quỳnh và bài "Về chuyện mới cũ..." của Nhược Trần, Văn Học nhận được nhiều ý kiến của bạn đọc, trong đó nhiều ý kiến yêu cầu cho đăng lại bài "Viết văn với...cây búa" của Nguyễn Hưng Quốc, để tiện kiểm chứng các lời phê phán của Dạ Quỳnh và Nhược Trần. Vì tạp chí Việt phát hành không được rộng rãi tại Hoa Kỳ, nên Văn Học nhận thấy những yêu cầu trên rất hợp lý. Và cũng cần thiết nữa. Khi nhận định của Nguyễn Hưng Quốc là khởi điểm của cuộc tranh luận hữu ích này, chúng ta cần có văn liệu căn bản để dễ dàng đối chiếu, định giá và rút ra những ý kiến riêng. Văn Học xin cảm ơn Ban Chủ biên Tạp chí Việt ở Úc đã cho phép Văn Học được đăng lại bài "Viết văn với...cây búa" trong Việt số 3 (1.1999) dưới đây:*

Trí thức là loài nhai lại. Trong giới trí thức, có hai thành phần hay nhai lại nhất: các nhà giáo và những người cầm bút. Các nhà giáo nhai lại, đã đành. Vì nghề mà cũng vì nghiệp: nhiệm vụ của họ là truyền bá những kiến thức phổ thông, làm những cái gạch nối nho nhỏ giữa các thế hệ để bảo đảm tính liên tục của văn hoá. Còn những người cầm bút, tức những nhà sáng tạo, những kẻ có lúc tự xưng là những thượng đế con con, oái oăm thay, cũng thường xuyên nhai lại. Nhai lại những kiến thức cũ. Nhai lại những cách suy nghĩ và những cách cảm xúc cũ. Nhai lại những sáo ngữ xác xơ của thời đại. Và, như là một quy luật, bất cứ cái gì bị nhai lại nhiều lần đều bị biến thành cỏ. Một thứ văn-chương-cỏ.

Ở đâu và thời nào cũng có nạn nhai lại và cũng có loại văn-chương-cỏ. Tuy nhiên, ở Việt Nam, thành thực mà nói, việc nhai lại có phần hơi... phổ biến, và do đó, văn-chương-cỏ có phần hơi hơi... được mùa. *Cỏ non xanh rợn chân trời.* Nguyên nhân chủ yếu có lẽ là do nước chúng ta chậm

phát triển, cuộc sống lờ đờ đứng yên, có khi suốt cả hàng mấy chục năm, tức gần cả đời người, không có sự thay đổi gì đáng kể. Sự thay đổi, nếu có, thường gắn liền với ngoại xâm, với chiến tranh, với các biến cố chính trị, nghĩa là với những tai hoạ. Mỗi sự thay đổi mới lại kéo theo một sự bất hạnh mới. Hầu như luôn luôn như thế. Vì thế, người Việt Nam không những không quen với sự thay đổi mà còn kinh hãi tất cả những sự thay đổi. Ngay cả những sự thay đổi nhỏ nhoi và vô hại là sự thay đổi trong kiểu cắt tóc, trong kích thước của ống quần hay trong cách viết văn và làm thơ cũng có thể khiến nhiều người hoang mang run sợ hay phẫn nộ như khi đối diện với một cuộc bạo loạn(1). Trong khung cảnh tinh thần như thế, những người hô hào hay thực hiện việc đổi mới, dưới mắt xã hội, trở thành những kẻ khả nghi về đức hạnh. Cũng trong khung cảnh tinh thần như thế, tập thể và truyền thống là chỗ trú ẩn an toàn cho mọi người. Và khi tập thể và truyền thống là chỗ trú ẩn thì tính bầy đàn và thói trọng hương ước sẽ là đặc điểm nổi bật nhất trong đời sống tinh thần, khiến cho câu thơ của Chế Lan Viên, một câu thơ, thoạt đầu, chỉ nhằm minh hoạ cho tinh thần tập thể dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, lại trở thành một sự miêu tả chính xác lạ lùng tâm lý của phần đông giới cầm bút mọi thời: "Khi đứng riêng tây, ta thấy mình xấu hổ."

Núp dưới bóng truyền thống, văn học của ta mang hình ảnh của một cái làng quê cổ kính, trong đó, phần lớn các nhà phê bình mê mải làm phận sự của những kẻ chùi lư đồng và tượng đồng: cứ mỗi lần một trong những người được xem là xuất sắc trong bọn họ hoàn tất một tác phẩm, một cái lư hay một cái tượng nào đó lại bóng lên một tí; còn các nhà văn và nhà thơ thì thường đóng vai trò những thầy giáo làng nhai đi nhai lại không ngừng những kiến thức và những cách diễn tả cũ kỹ và rỉ mốc, những kẻ suốt đời giam mình trong vài cuốn sách và mấy luỹ tre truyền thống, luôn luôn mơ mộng đến những chân trời lạ nhưng không bao giờ dám phiêu lưu.

Không phải trong văn chương chúng ta không có những trang viết hay với nhận xét tinh tế, những cách ví von ngộ nghĩnh, những hình tượng thú vị, những sự diễn đạt bóng bẩy và những cách dùng chữ tài tình. Có. Thỉnh thoảng. Nhưng cái cần có nhất lại hiếm khi có được: sự độc đáo. Nhiều người, kể cả những người ít nhiều đã có chút tiếng tăm, cầm bút cả đời mà vẫn không viết nổi một câu văn mới mới. Chuyển từ tác phẩm này sang tác phẩm khác hay thậm chí từ tác giả này sang tác giả khác thường chỉ tương tự như chuyển một chỗ ngồi trên một chuyến xe băng qua đồng cỏ bạt ngàn. Không có hoặc có rất ít sự bất ngờ.

Thiếu tính độc đáo, chúng ta tự lừa dối mình và lừa dối nhau bằng

cách quay sang đề cao sự khiêm tốn và sự thành thực. Trong những lời phát biểu liên quan đến nghề nghiệp văn học, phần lớn người ta đều nói giống nhau: xem sự khiêm tốn và sự thành thực - và cùng với sự thành thực là chữ "tâm", lấy từ một câu thơ của Nguyễn Du: "Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"- là hai đức tính cao nhất trong bảng giá trị đạo đức của người cầm bút.(2)

Nhưng, theo tôi, trong phạm vi văn học, đó là điều rất đáng ngờ.

1. Sự khiêm tốn và sự thành thực

Xin nói ngay, tôi không phủ nhận cả sự thành thực lẫn sự khiêm tốn đều là những đức tính quý và hiếm của con người, trong cuộc đời. Tuy nhiên, những gì quý trong cuộc đời không hẳn đã quý trong văn chương. Trong văn chương, nhất là trong quá trình sáng tạo (chứ không phải quá trình tích luỹ, chuẩn bị hay công bố tác phẩm), khiêm tốn có khi là một tính xấu: nó chỉ làm cho người cầm bút e dè, không dám đi đến tận cùng sự sáng tạo, chỉ len lét đi sau các bậc đàn anh, nương mãi dưới bóng những cây cổ thụ trên 'văn đàn'. Tôi thích Nhất Linh, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu hay Hàn Mặc Tử thời 1932-45 cũng như, phần nào, Mai Thảo và Thanh Tâm Tuyền thời *Sáng Tạo* vào giữa thập niên 50 và một số người khác, sau này, ở chỗ họ biết kiêu ngạo một cách sang trọng. Tôi thêm mấy chữ 'một cách sang trọng' sau từ 'kiêu ngạo' là vì trên thực tế có rất nhiều người kiêu ngạo mà không sang trọng: họ làm ra vẻ kiêu ngạo mà lại lấm lét dòm quanh, chờ đợi sự hưởng ứng của người khác hay vừa bẽn lẽn với chính mình như đang làm một điều gì không phải. Mà không phải thật. Họ tự biết sự kiêu ngạo của họ chỉ là một sự giả vờ. Tự thâm tâm, họ không đủ tự tin để kiêu ngạo như thế. Họ làm ồn ào, khoa trương như một đứa bé khóc nhè để được bố mẹ chú ý tới mà thôi. Trong khi đó, cái tôi gọi là 'sự kiêu ngạo sang trọng' trước hết là một sự khinh thường tập thể và truyền thống để dám đi một mình vào con đường riêng của mình. Họ sang trọng chủ yếu là vì họ dám đi một mình, dám đứng một mình, dám một mình thách thức với tất cả mọi thứ thẩm quyền hiện có, mọi thứ thói quen tưởng muôn đời cứ thế tồn tại mãi.

Về sự thành thực, cũng thế. Cũng rất đáng ngờ. Trước hết, nên để ý là không ai đặt ra vấn đề này với những người hoạt động trong các ngành nghệ thuật khác, như âm nhạc, hội hoạ, nhiếp ảnh hay điện ảnh, chẳng hạn. Người ta chỉ đặt vấn đề thành thực hay không thành thực với giới cầm bút. Nhưng làm sao có thể nói được là Đặng Trần Côn thành thực khi miêu tả tâm sự của một người chinh phụ hay Nguyễn Gia Thiều thành

thực khi miêu tả tâm trạng của người cung nữ? Rồi làm sao có thể nói được là Nguyễn Du thành thực khi miêu tả tâm lý của Thuý Kiều khi bán mình hay khi ở lầu xanh? Có thể nói được là Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử và Nguyễn Bính thành thực khi làm những bài thơ tình rất mực tha thiết, làm rung động tâm hồn cả hàng triệu người, trong khi phần lớn các mối tình của họ đều là những chuyện tình tưởng tượng? Chúng ta biết tính chất "như thực" hay việc làm cho người đọc tin là thực không hẳn đã là một tiêu chuẩn chính để đo lường giá trị một tác phẩm văn học, tuy nhiên, ngay cả khi chấp nhận điều đó, như những người theo quan điểm hiện thực chủ nghĩa đã làm, trong những trường hợp vừa kể, chúng ta chỉ có thể khen là các nhà thơ ấy nhập vai giỏi, thế thôi. Tác giả nhập vai giỏi sẽ làm cho người đọc có cảm giác là thành thực; ngược lại, cảm giác thiếu thành thực, thiếu trung thực chỉ nảy sinh khi tác giả 'đóng' chưa đạt, chưa đủ tài năng để thuyết phục người đọc. Bởi vậy, căn bản là cái tài. Nhớ hai câu thơ của Nguyễn Du:

Tưởng rằng nói thế mà chơi
Song le lại động lòng người lắm thay.

Trong lãnh vực văn học nghệ thuật, một sự giả vờ tài hoa có giá trị hơn hẳn một sự thành thực vụng về.

Lý do thứ hai khiến tôi nghi ngờ chủ trương đề cao cái 'tâm', sự thành thực, chân thực hay trung thực của người viết, là vì nó làm lệch hướng cách nhìn của chúng ta: Với tư cách độc giả, thay vì chỉ nhìn vào tác phẩm, chỉ đọc tác phẩm, với quan niệm "chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài", chúng ta lại nhìn lom lom vào tác giả, đối chiếu cuộc đời và tác phẩm của hắn để hy vọng lần ra dấu vết của những sự dối trá, một cách đọc có khả năng biến chúng ta trở thành công an thay vì là tri âm, như cái điều vẫn thường xảy ra dưới những chế độ độc tài(3). Với tư cách tác giả, việc đề cao cái tâm, trên thực tế, thường là một cái cớ để người ta tránh né một trách nhiệm chính yếu và lớn lao hơn: viết cho hay. Nếu nhìn lại văn học Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, đặc biệt gần đây, khi công việc ấn loát trở thành dễ dàng khiến ai cũng có thể xuất bản tác phẩm của mình dưới hình thức này hoặc hình thức khác, chúng ta có thể thấy ngay, những kẻ hay xả rác và ỉa bậy trên sách báo nhất, những kẻ làm ô nhiễm không khí thẩm mỹ và đạo đức của thời đại nhiều nhất thường là những con người... đầy thiện chí và đầy tinh thần trách nhiệm, những công dân tốt. Tốt, nhưng bất tài.

Một lý do nữa là, khác với niềm tin ngây thơ của nhà thơ lãng mạn Pháp, Alfred de Musset, "cứ gõ cửa vào trái tim anh: thiên tài ở đó" (Ah! frappe-toi le coeur, c'est là qu'est le génie), trên thực tế, đi đến tận cùng

sự thành thực, ở sâu thẳm dưới đáy cái "tâm" của mình, nhiều khi chúng ta chỉ bắt gặp một thứ đồ giả, một bản *photocopy* nhoè nhoẹt của những tác phẩm văn học chúng ta từng đọc, từng học và từng say mê từ thuở còn là học trò trung hay tiểu học, trong đó không ít những tác phẩm vớ vẩn, nhảm nhí hoặc hoàn toàn lỗi thời. Sẽ không cường điệu chút nào nếu chúng ta nói rằng hầu như tất cả những nhà văn và nhà thơ bất tài đều... thành thực; tất cả những tác phẩm kém cỏi đều được viết ra một cách thành thực. Sự thành thực của một thứ phó bản. Của một giống vật nhai lại.

Đức tính lớn nhất đối với một người cầm bút, do đó, không phải là thành thực hay khiêm tốn mà, theo tôi, chính là sự táo bạo. Không táo bạo, không thể sáng tạo. Trong những lãnh vực khác thì tôi không biết nhưng riêng trong lãnh vực văn học, không có sự táo bạo nào là không cần thiết. Trong lãnh vực văn học, người dám xông thẳng vào bụi rậm và gai góc để lần mò một lối đi riêng bao giờ cũng có triển vọng đi xa hơn những kẻ khôn ngoan phóng mình theo những lối mòn có sẵn. Trong lãnh vực văn học, xa lộ là tử lộ. Ở đây người ta chỉ ghi nhận thành tích của những người trèo lên những đỉnh núi cao, dẫu trèo một cách ì ạch, khổ sở, chậm chạp, thậm chí, có khi thất bại. Không ai ghi nhận thành tích của những người ngày ngày hai buổi cùng muôn triệu người khác phóng xe trên xa lộ trừ phi họ gặp tai nạn.

Tiếc thay, rất nhiều người cầm bút Việt Nam nổi tiếng... oan chỉ vì những tai nạn họ gánh chịu chứ không phải vì những tài hoa mà họ có.

2. Cái mới, cái cổ điển và cái thời thượng

Một trong những biểu hiện cao nhất của tài hoa nơi người cầm bút, tức một người sáng tạo đúng nghĩa của chữ sáng tạo, là tạo ra một cái gì mới, chủ yếu là một cái đẹp mới. Trước hết, cần nói ngay, ở đây, chúng ta sẽ không đề cập đến những cái mới nho nhỏ, ở từng chi tiết, như một cách tạo từ mới, một cách mô tả mới hay một nhận xét mới về một đối tượng cụ thể nào đó, những cái mới nhấp nháy, nói theo cách ví von của Đỗ Kh., "rực rỡ như dây đèn cây thông giáng sinh."(4)

Chúng ta chỉ quan tâm đến những cái mới lớn, ở cấp độ thi pháp, những cái mới trong ngôn ngữ, trong kỹ thuật, trong tư tưởng, chủ yếu là tư tưởng thẩm mỹ hoặc có ý nghĩa thẩm mỹ, hoặc trong cả ba yếu tố vừa kể. Nhưng, hiểu theo nghĩa ấy, thế nào là cái mới?

Có lẽ không hy vọng gì tìm ra một câu định nghĩa thoả đáng. Nói như Lão Tử, "đạo khả đạo phi thường đạo", cái mới mà có thể định danh

hay miêu tả được thì hẳn không còn là một cái mới đích thực nữa. Người ta chỉ có thể định nghĩa một cách tiêu cực, đại khái: cái mới không phải là cái gì cũ, không phải là một sự lặp lại, khác với những cái đã có. Cách định nghĩa tiêu cực và mơ hồ, thậm chí hàm hồ này, lại tiết lộ hai đặc điểm nổi bật làm nên bản chất của cái mới: tính độc sáng và tính tiền phong. Cái mới không những là cái chưa từng có trước đó mà còn là cái mà, tuy bị ngờ vực hay bị phản đối trong hiện đại, nhưng sẽ được công nhận trong tương lai, hoặc gần hoặc xa.

Cái mới, trong lãnh vực văn học nghệ thuật, không chỉ là một ý niệm, do đó, trên nguyên tắc, không ai có thể hình dung trọn vẹn cái mới khi chưa hoàn tất được tác phẩm thực sự mới. Nhà văn Mai Thảo có lần tâm sự với tôi là khi hô hào đổi mới trên tạp chí *Sáng Tạo* vào những năm 1956 và 1957, ông chưa hình dung cụ thể cái mới đó là gì. Ông chỉ biết là văn học Việt Nam cần phải giã từ cái bến đậu cũ kỹ của Thơ Mới và văn xuôi Tự Lực Văn Đoàn thời 1932-45 để tìm kiếm một trời biển khác cho mình. Thế thôi.(5) Tôi nghĩ, ngay những người sau này được gọi là nhóm Tự Lực Văn Đoàn, khi viết lời hô hào "Thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng" đăng trên báo Phong Hoá số ra ngày 22 tháng 9 năm 1932, cũng chưa chắc đã ý thức đầy đủ nội dung lời hô hào của mình. Một ý thức như thế chỉ có thể dần dần hình thành khi những nhà thơ tài hoa bậc nhất trong phong trào Thơ Mới, từ Thế Lữ đến Lưu Trọng Lư, rồi Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Bích Khê, v.v... bằng tác phẩm của chính họ, xác định thế nào là một 'văn thể' mới và một 'ý tưởng' mới trong thơ. Cái mới, như vậy, có tính chất cụ thể: nó phải được tượng hình trong một tác phẩm nhất định chứ không phải là một ý niệm trừu tượng.

Hơn nữa, cái mới còn có tính chất độc nhất. Nó giống như trinh tiết, chỉ có một lần. Khi đã có một Xuân Diệu hay một Vũ Hoàng Chương... người ta không thể hy vọng phóng một bản sao để có thêm một Xuân Diệu 2 hay một Vũ Hoàng Chương 2 được. Ngay chính Xuân Diệu hay Vũ Hoàng Chương, sau khi đã định hình bản sắc của mình như một nhà thơ, cũng không được phép tự lặp lại chính họ. Họ phải lên đường tìm kiếm một cái mới khác, nếu họ muốn tiếp tục tồn tại như những nhà thơ lớn. Nhiều người đã ý thức rất sớm điều đó: thời 1932-45, sau khi đã thu gặt hết hoa trái của chủ nghĩa lãng mạn, một số người, như Hàn Mặc Tử, Bích Khê hay Nguyễn Xuân Sanh, đã dần dần thám hiểm vào những vùng đất tượng trưng và siêu thực để mở mang lãnh thổ của thơ. Con đường sáng tác, do đó, là một con đường đầy bất trắc, bất ổn và bất an.

Khi cái mới được thực hiện một cách hoàn hảo trong một tác phẩm hoặc một phong cách văn học, nó trở thành cái cổ điển (classic), tức một

giá trị lịch sử, một phạm trù văn hoá, không còn nằm trong quan hệ mới hay cũ nữa, trừ phi có nhà phê bình nào đó muốn xem xét lại bảng giá trị truyền thống của văn học. Ngày nay, trừ trường hợp ngoại lệ vừa kể, bình thường, không ai lại đặt ra vấn đề *Truyện Kiều* hay *Chinh phụ ngâm* hay *Cung oán ngâm khúc* hay thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử... thời 32-45 là mới hay là cũ. Chúng ta chỉ dùng những tác phẩm ấy làm chuẩn, như những cột cây số trên đường đi, hầu đo lường tốc độ vận động của văn học cũng như mức độ sáng tạo của những tác phẩm khác xuất hiện sau chúng. Ví dụ, khi đọc bất cứ bài lục bát nào sau này, dù muốn hay không, một cách có ý thức hay vô thức, chúng ta cũng đối chiếu ngay nó với lục bát của Nguyễn Du, của Huy Cận, của Nguyễn Bính... để đánh giá xem nó thực là một sáng tạo, một sự kế tục hay chỉ là một sự mô phỏng. Tư duy văn học luôn luôn là thứ tư duy phân bậc. Đọc, luôn luôn bao hàm một sự đánh giá và xếp hạng: tác phẩm này hay hơn tác phẩm nọ; nhà văn này tài hoa hơn nhà văn kia. Trong kiểu tư duy phân bậc như vậy, các tác phẩm cổ điển tồn tại như những điểm chuẩn cần thiết. Không có những điểm chuẩn như thế, không thể có phê bình. Có thể nói, không ai có thể hiểu một tác phẩm văn học nếu chỉ đọc mỗi một tác phẩm ấy; cũng như không ai có thể đánh giá chính xác và công bằng một tác phẩm hay một sự nghiệp văn học nếu không có kiến thức sâu sắc về toàn bộ lịch sử phát triển của cả nền văn học. Phê bình, tự bản chất, là một sự so sánh. Và mọi so sánh đều bất cập nếu không đặt trong quan hệ thời gian. T.S. Eliot có lần nhận định:

Không có nhà thơ nào, không có nghệ sĩ thuộc bất kỳ ngành nghệ thuật nào, có thể tự mình có ý nghĩa. Ý nghĩa của họ, sự hân thưởng của họ là sự hân thưởng về quan hệ giữa họ với những nhà thơ và những nghệ sĩ đã chết. Anh không thể đánh giá họ [ở trạng thái cô lập] một mình; anh phải đặt họ trong quan hệ so sánh và đối chiếu với những người đã quá cố.(6)

Việc cái mới chuyển hoá thành cái cổ điển có hai hệ quả chính. Thứ nhất, nó làm cho cái mới khác với thời trang (fashion). Một thời trang đã qua là qua hẳn. Điều đó có nghĩa là thời trang đến sau bao giờ cũng là một phủ định của cái thời trang trước nó. Cái mới không thế. Cái mới đến sau chỉ là một cái mới khác. Sự xuất hiện của phong trào Thơ Mới vào đầu thập niên 30, chẳng hạn, không làm cho thơ Tản Đà hay thơ Tú Xương dở đi; nó chỉ làm cho những cách tân vốn có trong thơ Tản Đà và thơ Tú Xương biến thành những giá trị lịch sử, tức không còn là những cái mới của thời kỳ hậu-1930 nữa. Nhưng như vậy cũng có nghĩa là, sau 1930 mà vẫn tiếp tục viết như Tú Xương hay Tản Đà thì lại là dấu hiệu của sự bất

tài. Cái lớn của những tác phẩm cổ điển, do đó, không cứu rỗi nổi những tác phẩm mô phỏng chúng. Không thể lý luận: tác phẩm của tôi giống *Truyện Kiều*, bởi vậy, tác phẩm của tôi hay. Sự thực ngược lại: chính vì tác phẩm của anh/chị giống *Truyện Kiều*, cho nên, tác phẩm của anh/chị là một tác phẩm tồi! E. Pound nhận xét: "Không có bài thơ hay nào từng được viết trong một cách thức đã có từ hai chục năm trước."(7)

Thứ hai, việc chuyển hoá từ cái mới sang cái cổ điển làm cái mới trở thành một yếu tố không thể bị chiếm hữu: cái mới luôn luôn ở trước mặt. Nó giống như một thứ "ngày mai", cứ triển hạn đến không cùng. Nó là một dự phóng, một ước mơ, một thách đố đối với từng người hoặc từng thế hệ cầm bút. Điều này cũng có nghĩa là nếu bản chất của văn học là một sự sáng tạo thì văn học cũng đồng thời là một cuộc hành trình đi tìm cái mới liên lí, bất tận.

3. Cái mới là... một phát hiện mới

Văn học là cuộc hành trình đi tìm cái mới, nhưng không phải lúc nào người ta cũng ý thức tầm quan trọng của việc tìm kiếm ấy như nhau. Chẳng hạn, trong suốt thời cổ đại và một phần thời trung đại, việc tìm kiếm cái mới chưa phải là một nhu cầu lớn. Có thể có nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, đó là lúc văn học đang ở giai đoạn mò mẫm hình thành, chưa có nhiều thành tựu sau lưng, do đó, cũng chưa có nhiều cái cũ và cái sáo để vượt qua. Thứ hai, trong quan niệm của cả người Đông phương lẫn Tây phương thời bấy giờ, văn học là một sinh hoạt tập thể, chưa có dấu ấn cá nhân, do đó, cũng chưa có ý niệm về sự độc đáo. Cuối cùng, triết học cổ đại ở cả Tây phương lẫn Đông phương đều loại trừ khả năng tìm kiếm cái mới trong văn học. Ở Tây phương, người ta quan niệm sự sáng tạo đích thực là sự sáng tạo của Thượng đế hay của tự nhiên; con người chỉ có thể mô phỏng sự sáng tạo của Thượng đế và tự nhiên mà thôi, do đó, học thuyết mô phỏng (mimesis) ra đời, được Plato và đặc biệt, Aristotle hệ thống hoá, có ảnh hưởng lớn lao cả mấy chục thế kỷ về sau, nhất là thời tân cổ điển (neo-classicism), từ giữa thế kỷ 17 đến cuối thế kỷ 18. Ở Đông phương, đặc biệt là ở Trung Hoa và Việt Nam, người ta quan niệm chức năng của thơ là để chở đạo và nói chí, mà cả đạo lẫn chí đều có tính chất vĩnh hằng, do đó, vấn đề mới và cũ cũng không được đặt ra.

Hơn nữa, ở cả Đông phương lẫn Tây phương đều diễn ra một quá trình tương tự: thoạt đầu là mô phỏng tự nhiên hoặc đạo, sau, dần dần biến thành sự mô phỏng tiền nhân. Các nhà tân cổ điển chủ trương thơ là một sự bắt chước tự nhiên để giáo dục và giải trí, mà tự nhiên, trong quan niệm

của họ, chủ yếu là bản tính của con người, một cái gì họ tin là bất biến trong thời gian và không gian. Do đó, những tác phẩm lớn là những tác phẩm nói về những bản tính chung nhất, những cái điển hình (typical) chứ không phải những sự kiện cá biệt; hơn nữa, là những tác phẩm có khả năng tạo được sự đồng cảm của con người ở mọi thời và mọi nơi. Những tác phẩm cổ điển là những tác phẩm như thế. Chúng là những tấm gương của sự thành công trong văn học. Nói cách khác, theo các nhà tân cổ điển, "cổ nhân đã bắt chước tự nhiên một cách đúng đắn và đã khám phá ra những cách thức hữu hiệu nhất để gây thích thú cho mọi người. Đi theo họ, bởi vậy, cũng có nghĩa là đi theo tự nhiên." Đó là lý do tại sao Alexander Pope xem Homer và tự nhiên là một; John Dryden xem luật lệ tự nhiên và Aristotle cũng như Horace, những kẻ diễn dịch luật lệ ấy, là một.(8)

Ở Trung Hoa, từ quan niệm "Tư vô tà" hay "Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán..." của Khổng Tử đến quan niệm "văn dĩ minh đạo" của Hàn Dũ đến "văn dĩ tải đạo" của Chu Đôn Di, tư tưởng văn học chính thống bao giờ cũng mang màu sắc chức năng luận, nhấn mạnh vào vai trò của văn học đối với đạo đức, chính trị và xã hội hơn là tập trung vào bản thân văn học như là một cái đẹp tự tại.(9) Với cách nhìn như vậy, cái lợi được coi trọng hơn cái hay; học vấn được coi trọng hơn sự tìm tòi; tính ước lệ được coi trọng hơn sự độc sáng. Tất cả đều đề cao truyền thống, đề cao tính kế thừa. Nghiêm Vũ, đời Tống, có lần khuyên: "Kẻ học thơ phải lấy kiến thức làm chủ, vào cửa phải chính, lập chí phải cao, lấy Hán, Ngụy, Tấn, thịnh Đường làm thầy."(10) Cũng đời Tống, một người khác, Y Hưởng, từng tuyên bố: "Thánh nhân nói cái gì, tôi nói cái ấy. Thánh nhân làm cái gì, tôi làm cái ấy."(11) Điều đặc biệt là những lời nói kiểu của Nghiêm Vũ và Y Hưởng không phải là hiếm; nếu không muốn nói, ngược lại, rất phổ biến.

Riêng ở Việt Nam, thì

Cách chép sử của Tư Mã Thiên, Ban Cố, phú đời Hán, thơ đời Đường, cổ văn của Bát đại gia Đường Tống và xa hơn nữa thơ trong *Kinh Thi*, văn của *Luận Ngữ, Mạnh Tử* đều là mẫu mực của cái đẹp văn chương. Mấy thế kỷ các nhà văn sĩ, thi sĩ nhà nho của ta đều lo viết cho giống. Bắt chước trước hết là để viết văn, thơ, phú, lục - các thể loại văn chương cử tử - nhưng khi viết những bài tự do, không phải văn chương để đi thi, về thể loại chủ yếu cũng là thơ phú, họ cũng không theo một quá trình sáng tác nào khác.(12)

Sự bắt chước nhiều khi được thố lộ công khai trong tựa đề của tác phẩm, chẳng hạn, Hồ Tông Thốc, đời Trần, đặt tên tập thơ của mình là *Thảo nhàn hiệu tần tập*, nghĩa là một tác phẩm bắt chước; và Ngô Thì Sĩ

(1726-1780), sau đó mấy trăm năm, lại đặt tên tập thơ của mình là *Hậu hiệu tần thi tập*, nghĩa là tập thơ bắt chước người đã bắt chước, rồi lại đặt tên cho một tập thơ khác của mình là *Anh ngôn thi tập*, nghĩa là tập thơ lời con vẹt. Khi, vì lý do nào đó, phải đi lạc ra ngoài truyền thống, làm thơ bằng chữ Nôm không giống với khuôn mẫu trong văn học Trung Hoa, lòng người ta dường như áy náy không yên: *Lời quê góp nhặt dông dài...*

Đặc điểm nổi bật nhất của văn học trung đại, cả Đông lẫn Tây, như thế, nhìn một cách tổng quát, đều khá giống nhau: tính chất quy phạm mà ba biểu hiện cụ thể nhất là tính chất giáo điều trong tư tưởng, sự tiết chế trong cảm xúc và việc lạm dụng điển cố trong ngôn ngữ. Trong một nền văn học mà tính chất qui phạm thống trị, cái bị trục xuất trước hết chắc chắn là ý niệm về cái mới.

Điều đó không có nghĩa là suốt thời cổ đại hay trung đại, không có gì mới mẻ. Có, dĩ nhiên. Ở đâu và thời nào cũng có thể có những thiên tài và thiên tài nào cũng ít nhiều làm rạn nứt những tường thành văn hoá của thời đại mình để, nếu không mở hẳn ra một con đường mới thì ít nhất cũng nấn ra được một chút không gian mới. Vả lại, bị ràng buộc trong tư tưởng giáo điều thì người ta cũng có thể cách tân ở những khía cạnh khác, chủ yếu là ở thể loại, đề tài, hình tượng và ngôn ngữ. Tuy nhiên, trong khí quyển của tính chất quy phạm, những sự cách tân như thế nếu không bị ngăn cản thì cũng không được cổ vũ và thường thì chỉ có tính chất tự phát mà hậu quả là người ta ít khi đi đến tận cùng những cái mới và do đó, trong văn học cổ đại và trung đại, tuy có những giai đoạn rất rực rỡ nhưng, một là, những giai đoạn như thế khá hoạ hoằn; hai là, ngay trong những giai đoạn ấy, rực rỡ thì có rực rỡ nhưng rất hiếm khi có được sự đa dạng; và cuối cùng, ít khi người ta hình thành được những trào lưu sâu rộng.

Cái mới chỉ thực sự được đề cao, trở thành một mức phấn đấu của những người cầm bút trong thời hiện đại, ở Tây phương, bắt đầu từ khoảng thế kỷ 18; ở Việt Nam, với một mức độ ít tự giác hơn, từ đầu thế kỷ 20. Có thể kể ra khá nhiều những nhân tố thúc đẩy sự hình thành của tính hiện đại trong văn học, trong đó, có một số nhân tố nổi bật nhất. Một là, sự hình thành của các đô thị lớn, từ đó, xuất hiện các thị dân và cùng với nó, chủ nghĩa cá nhân. Hai là, sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật, từ đó, xuất hiện học thuyết tiến hoá mang lại ảnh hưởng lớn lao trong nhiều lãnh vực, chẳng hạn, trong chính trị, sự ra đời của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa Mác, hai ý thức hệ cùng chia xẻ niềm tin tuyệt đối vào sự tiến hoá và quyền lực của con người trong việc đẩy mạnh đà tiến hoá ấy qua sự chinh phục hoặc các cuộc cách mạng; trong văn học, sự ra đời của ý niệm lịch sử văn học, xã hội học văn học và đặc biệt, niềm tin là người đời sau

có thể, bằng nỗ lực sáng tạo không ngừng của mình, vượt lên trên những thành tựu nguy nga trong quá khứ. Ba là, sự phát triển vượt bậc của nghề in và ngành xuất bản như một hoạt động thương mại: tác phẩm văn học không còn được truyền miệng hay ở dạng chép tay nữa mà được tượng hình trong một cuốn sách cụ thể với tên của một tác giả cụ thể. Ý niệm về tác giả và tác quyền vốn manh nha từ trước, đến nay, được củng cố, dẫn đến ý niệm về phong cách, nhằm phân biệt tác giả này và tác giả khác, một sự phân biệt vốn không được đặt ra trong thời kỳ tính tập thể còn thống trị sinh hoạt văn học. Đó là ba nhân tố chính quyết định sự xuất hiện của tính hiện đại của văn học mà trung tâm là ước vọng khắc khoải tìm kiếm cái mới.

4. Từ các nhà lãng mạn chủ nghĩa đến các nhà hiện đại và tiền phong chủ nghĩa

Cổ vũ cho cái mới trong văn học sớm nhất có lẽ là những cây bút thời Phục Hưng, nhưng cổ vũ một cách tự giác và nhiệt tình nhất hẳn là các nhà lãng mạn chủ nghĩa, những người, vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, đã đưa ra những cách nhìn mới mẻ về thế giới, về con người, về cái đẹp, về bản chất của văn học, và, liên quan đến vấn đề chúng ta đang bàn, về tác giả. Với các nhà lãng mạn, một hình ảnh mới được phong vương trong sinh hoạt văn học: thiên tài. Đó không phải là những bậc thầy về tu từ học, những kẻ am tường các kỹ thuật sử dụng ngôn ngữ như cách hiểu của chủ nghĩa tân cổ điển trước kia mà là, trước hết là, một cá thể độc đáo với những năng lực tưởng tượng phi thường, những cảm xúc mãnh liệt và một nguồn cảm hứng dào dạt. Đó là những kẻ có khả năng tạo ra được những gì hoàn toàn mới lạ, chưa xuất hiện trước đó bao giờ. Trong cách nhìn đó, sự độc sáng là dấu hiệu rõ rệt nhất của tài năng.(13)

Trung tâm của cái mới trong thế kỷ 20 là chủ nghĩa hiện đại (modernism) và chủ nghĩa tiền phong (avant-gardism). Hai khái niệm này thỉnh thoảng được dùng lẫn lộn như hai từ đồng nghĩa, nhưng thật ra, theo Susan R. Harrow, chúng có ít nhất ba sự khác biệt chính. Một, trong khi chủ nghĩa hiện đại được nhìn như là ý hướng tìm tòi một phong cách sáng tác mới hơn là việc ứng dụng một phong cách đã có; chủ nghĩa tiền phong, ngược lại, lại là một việc ứng dụng một số kỹ thuật và một số lý tưởng thẩm mỹ được nêu sẵn như một thứ tuyên ngôn chung. Hai, chủ nghĩa hiện đại được nhìn như một trạng thái ý thức, vì vậy, có tính phản tỉnh và phê bình, và cũng chính vì vậy, nó hay có giọng điệu hoài nghi, bi quan, mỉa mai, xung đột với tính hiện đại (modernity) trong khi nó vẫn duy trì

ít nhiều quan hệ với truyền thống; chủ nghĩa tiền phong, ngược lại, gắn bó chặt chẽ với tính hiện đại, và do đó, thường xuyên tấn công và đả phá truyền thống, cả truyền thống văn học lẫn truyền thống xã hội. Cuối cùng, khi bàn đến chủ nghĩa hiện đại, người ta thường nghĩ đến từng cá nhân riêng lẻ, từng văn nghệ sĩ cụ thể, ngược lại, nói đến chủ nghĩa tiền phong, người ta nghĩ ngay đến một trào lưu chung với tính tập thể trong tổ chức và tính giáo điều trong thái độ.(14)

Phần đông giới nghiên cứu đều cho chủ nghĩa tiền phong bao gồm các trào lưu chính như chủ nghĩa lập thể, chủ nghĩa vị lai, chủ nghĩa đa đa và chủ nghĩa siêu thực. Trong khi đó, cái gọi là chủ nghĩa hiện đại có ý nghĩa rộng hơn, bao trùm tất cả những văn nghệ sĩ dứt khoát đoạn tuyệt với những quy ước thống trị trong địa hạt văn hoá, văn nghệ của thế kỷ 19, trong đó, nổi bật nhất là chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn: Khác với các nhà văn hiện thực đề cao khía cạnh phản ánh hay mô phỏng hiện thực, các nhà hiện đại chủ nghĩa chỉ quan tâm đến việc tự phản tỉnh trong văn nghệ; cũng khác với các nhà lãng mạn vốn tin tưởng vào khả năng giao cảm và đồng cảm giữa người và người, tin tưởng vào chức năng truyền cảm và gợi cảm của văn học, các nhà hiện đại chủ nghĩa, từ T.S. Eliot đến Ezra Pound, từ D.H. Lawrence đến Franz Kafka, đều rất bi quan: tất cả đều nhìn thế giới như một sự tan rã và mục nát, trong đó sự giao cảm giữa con người với nhau rất mực khó khăn hay có thể nói là bất khả.(15)

Chia xẻ một khát vọng chung hướng về cái mới, các nhà tiền phong và hiện đại chủ nghĩa lao mình vào các cuộc phiêu lưu không ngừng nghỉ, hết thử nghiệm kỹ thuật này lại tìm tòi những kỹ thuật khác. Trào lưu này kế tiếp trào lưu kia, dồn dập và tưng bừng khiến sinh hoạt văn học đổi mới hoài hoài. Chưa bao giờ, trong suốt lịch sử nhân loại, có một thời kỳ nào văn học có tốc độ vận động nhanh chóng và phong cách văn học phát triển đa dạng đến như vậy. (Tiếc, ở Việt Nam, chưa có ai nghiên cứu và giới thiệu các trào lưu này một cách nghiêm túc, khiến ngay cả giới cầm bút cũng hiểu về những khái niệm cơ bản như siêu thực, đa đa, vị lai, duy hình (imagism)... một cách hết sức mơ hồ và sai lạc. Phần lớn giới nghiên cứu và lý luận văn học vẫn còn loay hoay quanh quẩn với các trào lưu như lãng mạn, hiện thực, tự nhiên, hay tượng trưng... vốn thuộc thế kỷ 18 và 19!)

5. Cái mới trong thời hậu hiện đại

Từ mấy chục năm nay, hào quang của cái mới mờ đi nhiều. Người ta không còn thấy sự xuất hiện rộn ràng của những trào lưu sáng tác có cái đuôi "ism" phía sau như thời trước. Nguyên nhân chủ yếu có lẽ là do sự

xuất hiện của cấu trúc luận, một trào lưu tư tưởng và là một phương pháp luận, thoạt đầu xuất phát từ ngôn ngữ học và sau đó, nhân chủng học, không những chỉ có ảnh hưởng lớn trong lãnh vực văn học mà lan rộng ra rất nhiều lãnh vực khác như xã hội học, văn hoá học, triết học, hay thậm chí, cả sử học nữa (structural history). Nó cũng ảnh hưởng cả đến nhiều nhà phê bình thuộc các trường phái khác như phân tâm học (Jacques Lacan) và Mác xít (Louis Althusser). Cuối cùng, nó cũng là tiền thân của hậu cấu trúc luận (post-structuralism) và giải cơ cấu (deconstruction).

Có thể có nhiều dị biệt trong những cách nhìn cụ thể, nhưng tất cả các nhà cấu trúc luận và những người chịu ảnh hưởng của cấu trúc luận đều chia xẻ một số tiền đề chung: lược quy mọi hiện tượng văn hoá vào văn bản (text); lược quy mọi văn bản vào ngôn ngữ; lược quy mọi ngôn ngữ vào ký hiệu (sign); và cuối cùng, lược quy mọi hệ thống ký hiệu vào những quan hệ: quan hệ giữa cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified), quan hệ giữa các yếu tố trong một hệ thống cũng như quan hệ giữa các yếu tố ấy với cả hệ thống và quan hệ giữa một hệ thống nhỏ với một hệ thống khác lớn hơn, bao trùm lấy nó. Như vậy, điều các nhà cấu trúc luận quan tâm không phải là vấn đề ý nghĩa hay giá trị mà thuần tuý chỉ là vấn đề cấu trúc, hoặc cụ thể hơn, vấn đề khác biệt giữa các bộ phận cũng như chức năng của từng bộ phận trong cấu trúc. Họ không những loại trừ tác giả ra khỏi tầm nghiên cứu mà còn loại trừ những phán đoán giá trị để tăng cường tính khoa học của nhận thức. Và như thế, vấn đề cái hay và cái dở, cái mới và cái cũ đều bị gác sang một bên.

Khác với cấu trúc luận vốn tin tưởng có một sự thực nào đó ẩn nấp đằng sau hay bên trong văn bản, hậu cấu trúc luận nhấn mạnh vào sự tương tác giữa người đọc và văn bản như một yếu tố quyết định của ý nghĩa, và bằng cách đó, chuyển hướng phê bình từ việc căn cứ trên văn bản (text-centred) sang việc căn cứ trên sự hồi ứng của người đọc (reader-centred). Cũng khác với cấu trúc luận vốn tập trung vào mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt như hai bộ phận cấu thành ngôn ngữ, hậu cấu trúc luận đặc biệt quan tâm đến cái biểu đạt, và bằng cách đó, xoá bỏ quan hệ một-đối-một giữa ngôn ngữ và thực tại, khiến ý nghĩa bị triển hạn đến không cùng, và hơn nữa, còn đặt thành nghi vấn tất cả những quan niệm về tính nhân quả, về bản sắc, về chủ thể và về chân lý. Tuy nhiên, giữa cấu trúc luận và hậu cấu trúc luận cũng có một số điểm giống nhau: cả hai cùng chống lại quan điểm duy sử (historicist view) vốn nhấn mạnh vào tính liên tục của sự phát triển; cùng xem mục tiêu tối hậu của phê bình văn học không phải nhắm đến việc tìm kiếm mà là giải trừ chủ thể tính: nếu Claude Lévis-Strauss đề cao hệ thống hơn cá nhân thì Roland

Barthes, đi xa hơn, cho sự xuất hiện của người đọc phải được trả giá bằng cái chết của tác giả(16); Michel Foucault, đi xa hơn nữa, nói về cái chết của con người, với tư cách là một chủ thể, vốn chỉ là một phát minh rất mới của nhân loại(17), còn Jacques Derrida thì có một câu tuyên bố nổi tiếng, rất thường được trích dẫn trong các bài viết về lý luận văn học: "Không có gì ở ngoài văn bản cả." (Il n'y a pas dehors texte). Và, liên quan đến vấn đề chúng ta đang bàn, khác với các phương pháp phê bình cũ vào nửa đầu thế kỷ 20, như Hình thức luận (Formalism) của Nga hay Phê Bình Mới (New Criticism) của Anh và Mỹ vốn còn quan tâm đến việc phát hiện những cái mới, cái lạ, cái lạ hoá trong văn học(18), cả cấu trúc luận lẫn hậu cấu trúc luận đều không phân biệt giữa cái mới và cái cũ, cái hay và cái dở, văn hoá cao cấp và văn hoá bình dân, thậm chí, không còn cả sự phân biệt giữa văn học và những cái phi văn học. Không có gì lạ khi chúng ta thấy các nhà phê bình văn học theo khuynh hướng cấu trúc luận và hậu cấu trúc luận không chỉ bàn đến chuyện văn chương mà còn bàn đến khá nhiều chuyện linh tinh khác, từ chuyện thời trang đến chuyện đồ vật, từ chuyện quảng cáo đến chuyện thể thao, từ một mẩu tin chính trị đến một sô văn nghệ, v.v... Tất cả giống nhau, đều là những ký hiệu.

Roland Barthes, một người được xem là cấu trúc luận ở cuối thập niên 50 và đầu thập niên 60 và là hậu cấu trúc luận từ cuối thập niên 60 về sau, xem mọi văn bản đều chỉ là một không gian trong đó có vô số các văn bản đan xen nhau, hoà trộn với nhau, và không có yếu tố nào là thực sự độc sáng cả.(19) Còn Jacques Derrida thì, qua khái niệm *"differance"*, chủ trương trong một từ chúng ta sử dụng không những có dấu vết của những lần xuất hiện trước của nó mà còn mang dấu vết của những từ khác trong văn bản mà nó xuất hiện, hơn nữa, của toàn bộ từ vựng trong cả hệ thống ngôn ngữ nói chung. Do đó, ý nghĩa chỉ nảy sinh từ quan hệ giữa những gì đã biết và những gì chưa biết, giữa cái hiện diện và cái vắng mặt. Trong cách nhìn này, văn bản không có một ý nghĩa cố định và bất biến: ý nghĩa cứ bị triển hạn mãi. Và do đó, nó chỉ còn là một mạng lưới phức tạp của những ý nghĩa dở dang, nghĩa là, nó không bao giờ thực sự hoàn tất: mỗi văn bản là một "mạng dấu tích quy chiếu hoài hoài đến những gì khác hơn là chính bản thân nó" (a fabric of traces referring endlessly to something other than itself)(20). Mọi văn bản (text), do đó, đều là liên văn bản (intertext). Tất cả các văn bản đều là một phần của một hệ thống liên văn bản rộng lớn. Các mối quan hệ chằng chịt và phức tạp giữa các yếu tố bên trong văn bản và liên văn bản ấy vượt ra ngoài tầm kiểm soát của người cầm bút. Do đó, không có bất cứ tác giả nào có thể tự hào là mình có thể diễn đạt hoàn toàn theo cách của mình một tư tưởng nào đó.

Cũng do đó, theo Derrida, mọi cái viết, thực chất, là một quá trình lắp ghép và tập hợp những mảnh vụn đã có sẵn từ trước, bất kể tác giả có ý thức về điều đó hay không.

Phát triển luận điểm của Derrida, các nhà giải cơ cấu, đặc biệt tại đại học Yale, cho văn học, tự bản chất, có tính bất định và bất quyết: theo họ, trong một tác phẩm văn học, chỉ có những chi tiết vô vị nhất như tên tác giả, tên sách, tên nhân vật, cốt truyện, ngày tháng sáng tác, là cố định. Còn lại, mọi thứ khác đều mơ hồ và hàm hồ. Mọi sự diễn dịch đều có thể đúng mà cũng có thể sai. Tất cả cái đọc đều là chủ quan và do đó, rất tương đối. Điều đó cũng có nghĩa là văn học và những giá trị văn học, trong đó có ý niệm về cái mới và sự sáng tạo, đều có tính chất tương đối.(21)

Chịu ảnh hưởng của các nhà hậu cấu trúc luận và giải cơ cấu, các nhà hậu hiện đại chủ nghĩa (postmodernists) tập trung sự chú ý vào cái biểu đạt hơn cái được biểu đạt, vào hình thức hơn nội dung, vào cái bên ngoài hơn là bề sâu. Theo Jean Baudrillard, thế giới hậu hiện đại là thế giới bị tràn ngập bởi những hình ảnh từ tivi, từ quảng cáo và từ phim ảnh, đến độ, dần dần chúng ta đánh mất cảm quan về cái thực, chúng ta không còn phân biệt giữa cái thực và cái tưởng tượng, hơn nữa, có khi chúng ta còn thấy cái tưởng tượng lại có vẻ thực hơn cả những cái có thực. Đó là thế giới của những vật thế vì (simulacrum) - giống như 'giấy thế vì khai sinh' - một thứ bản sao không có bản gốc.(22). Theo Fredric Jameson, thế giới hậu hiện đại là thế giới của sự nhại lại (pastiche), một thế giới trong đó không hy vọng gì có thể tìm ra một sự cách tân nào về phong cách được nữa; những gì người ta có thể làm được là bắt chước những gì đã có, là "nói qua những chiếc mặt nạ và với giọng điệu của những phong cách trong viện bảo tàng tưởng tượng." (to speak through the masks and with the voices of the styles in the imaginary musium)(23). John Barth, một trong những tiểu thuyết gia hàng đầu của trào lưu hậu hiện đại, lạc quan hơn, cho "một nhà văn hậu hiện đại lý tưởng không từ khước mà cũng không bắt chước các bậc bố mẹ hiện đại chủ nghĩa ở thế kỷ 20 hay các bậc ông bà tiền-hiện đại chủ nghĩa ở thế kỷ 19. Hắn có một nửa đầu của thế kỷ ở dưới nịt, nhưng không phải ở trên lưng." (He has the first half of the century under his belt, but not on his back)(24). Nghĩa là, nói cách khác, người cầm bút hậu hiện đại mặc dù không thoát được truyền thống nhưng truyền thống ấy, với hắn, không còn là một gánh nặng nữa. Hắn được tự do trong thế giới văn chương: hắn có thể phá bỏ ranh giới giữa các thể loại, pha trộn giữa thơ và văn, giữa tiểu thuyết và báo chí hay nghị luận, giữa hư cấu (fiction) và phi hư cấu (non-fiction). Hắn có thể vừa kể

chuyện vừa bình luận về câu chuyện của mình. Hắn cũng không ngần ngại sử dụng lại các thi pháp hay thủ pháp trong các trào lưu văn học hiện đại chủ nghĩa, và thậm chí còn có thể sử dụng cả những chất liệu có sẵn từ đời xưa hay những chất liệu phi văn học, lấy từ phim ảnh, báo chí, tivi, hay các loại tiểu thuyết khoa học giả tưởng, v.v...

Đây không phải là việc hạ bệ cái mới mà là một sự tái thẩm định ý nghĩa của cái mới trong một thời đại mà khát vọng hướng về cái tuyệt đối cũng như ý niệm về sự tiến hoá đã bị loại bỏ. Cái mất đi trước hết không phải là bản thân cái mới mà là nền tảng triết học trên đó cái mới được phân biệt với cái cũ. Theo Jean-Francois Lyotard, nền tảng triết học ấy là một đại tự sự (grand narrative) hay siêu tự sự (metanarrative), tức những tham vọng giải thích toàn bộ cuộc sống và lịch sử vốn cực kỳ phức tạp, muôn màu muôn vẻ với vô số những diễn tiến (narratives) đầy bất ngờ khác nhau vào một luận điểm rạch ròi và cứng nhắc theo kiểu chủ nghĩa Mác đã thâu tóm cả lịch sử nhân loại vào một khái niệm đơn giản: lịch sử đấu tranh giai cấp. Tinh thần hậu hiện đại chủ nghĩa, theo Lyotard, là tinh thần hoài nghi hoàn toàn đối với những 'siêu tự sự' như thế.(25)

Cách đây mấy thế kỷ, bắt đầu bằng một sự hoài nghi, René Descartes đã đi đến chủ nghĩa duy lý. Hiện nay, sự hoài nghi của các nhà hậu hiện đại chủ nghĩa dẫn đến cái nhìn tương đối và thái độ chế nhạo (irony). Một mặt, họ biết rất rõ sự bất toàn và bất cập của mình, mặt khác, họ vừa chấp nhận lại vừa cười cợt trên chính sự bất toàn và bất cập ấy. Trong cuốn *Reflections on the Name of the Rose*, Umberto Eco đưa ra một ví dụ:

Tôi nghĩ thái độ hậu hiện đại cũng tương tự như thái độ của một người đàn ông yêu một phụ nữ học thức cao; anh ta biết rằng anh không thể nói với cô kiểu "anh yêu em mê mệt", bởi vì anh thừa hiểu là cô ta biết (và cô ấy cũng biết là anh biết) những chữ ấy đã được Barbara Cartland viết ra rồi. Tuy nhiên, vẫn còn có cách khác. Anh có thể nói thế này: "Như Barbara Cartland đã từng nói, anh yêu em mê mệt." Như thế, vừa tránh được sự ngây thơ vờ vĩnh vừa có thể nói được rõ ràng những gì vốn không còn có thể được nói một cách ngây thơ, đồng thời, anh lại vừa nói lên được những gì anh muốn nói với người phụ nữ: anh yêu cô, nhưng anh yêu cô trong một thời đại đã mất sự ngây thơ.(26)

Mất sự ngây thơ cũng có nghĩa là mất đi sự nhẹ dạ đối với những lý thuyết ỏsiêu tự sựõ. Những người cầm bút hậu hiện đại tuy biết rõ, như gã đàn ông trong ví dụ vừa dẫn của Eco biết rõ, những gì mình sắp viết ra không phải là một phát kiến riêng của mình, nhưng đồng thời, nhờ thiếu lòng sùng tín và mê tín đối với những gì đã có hoặc hiện có, họ cũng biết là không có gì có thể bắt buộc họ phải viết như thế này chứ không được

viết như thế kia, như cái điều mà thế hệ cha anh của họ vẫn thường xuyên cảm nhận và chấp nhận.

Jean-Francois Lyotard, một trong những lý thuyết gia hàng đầu của chủ nghĩa hậu hiện đại, nhận xét một cách khái quát hơn:

Một nhà văn hay một nghệ sĩ hậu hiện đại được đặt trong vị thế của một triết gia: cái văn bản hắn viết hay tác phẩm hắn hoàn thành trên nguyên tắc không bị thống trị bởi một qui luật tiền lập nào và chúng cũng không thể bị đánh giá theo bất cứ một phán đoán tất định nào qua việc áp dụng những phạm trù quen thuộc đối với văn bản và tác phẩm. Chính những qui luật và những phạm trù ấy là những gì mà một tác phẩm văn học nghệ thuật tự nó đang tìm kiếm. Người nghệ sĩ và văn sĩ, bởi vậy, sáng tác trong tình trạng không có luật lệ nào cả để tạo ra những luật lệ cho những gì đang được hoàn tất.(27)

6. Viết... là xoá bỏ

Quan điểm sáng tác hậu hiện đại chủ nghĩa, trong cách nhìn của Jean-Francois Lyotard, đặc biệt đáng cho giới cầm bút Việt Nam suy ngẫm. Hơn ai hết, chúng ta cần sáng tác trong tinh thần "tạo ra những luật lệ cho những gì đang hoàn tất" thay vì bị khống chế bởi những luật lệ đã có sẵn từ trước. Nhưng muốn vậy, cần phải thoát ra khỏi áp lực của truyền thống. Ở Tây phương, món nợ đối với truyền thống đã được chủ nghĩa hiện đại thanh toán sạch hoặc gần sạch. Hiện nay, không còn mấy ai bị vướng víu bởi những di tích mỹ học của chủ nghĩa hiện thực hay lãng mạn, đừng nói gì là chủ nghĩa tân cổ điển, vì vậy, họ có thể an tâm tuyên bố như John Barth trong câu văn dẫn ở trên, là truyền thống chỉ nằm dưới nịt chứ không phải ở trên lưng của họ, và cũng chính vì vậy, khi họ sử dụng lại những đề tài hoặc những thủ pháp rất cũ, họ vẫn không sợ bị sa vào cái cũ. Ở Việt Nam thì khác. Do nhiều nguyên nhân lịch sử, đất nước chúng ta vẫn còn đứng trước ngưỡng cửa của thời kỳ hiện đại. Nỗ lực hiện đại hoá của giới cầm bút thời 1932-45, chưa gặt hái được thành tựu gì đáng kể, đã bị chiến tranh và sau đó, hoạ độc tài, làm cho đình trệ. Văn học Việt Nam thời kỳ gọi là đổi mới, từ giữa thập niên 80 về sau, thực chất, trên rất nhiều phương diện, là sự lặp lại quá trình hiện đại hoá thời 32-45: sự phục hồi của thể phóng sự, sự tái xuất hiện của cái tôi cảm xúc dẫn đến sự bùng nổ của dòng thơ trữ tình, sự sùng bái tinh thần khoa học trong nghiên cứu văn học, sự dằng co giữa truyền thống và hiện đại, và đề tài người nông dân tha hoá trong một xã hội vừa chớm đô thị hoá từng xuất hiện trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, giờ lại xuất hiện khá nhiều,

trong tác phẩm của phần lớn những người được xem là có tinh thần đổi mới.

Rõ ràng là về phương diện văn hoá, ở nhiều khía cạnh, chúng ta chưa tiến xa hơn thế hệ 1932-45. Trong lãnh vực tư tưởng văn học, không những ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện thực và lãng mạn còn nhiều mà ngay cả những ảnh hưởng rơi rớt của Nho giáo thuộc một thời đã khá xa xưa cũng vẫn còn vô cùng sâu đậm. Điều đó khiến cho, sâu thẳm trong đáy hồn của tuyệt đại đa số người Việt Nam, cả người viết lẫn người đọc, đều thấp thoáng hai hình ảnh trái ngược hẳn nhau: hình ảnh của một ông đồ già lụ khụ đòi văn học phải 'ngôn chí', đủ thứ 'chí', cũng như phải 'tải đạo', đủ thứ đạo, và hình ảnh của một đứa con nít thích khóc nhè với những thứ tình cảm nhão nhẹt.

Hai hình ảnh cũ kỹ ấy liên minh với nhau ngăn chặn quá trình tìm tòi cái mới của giới cầm bút Việt Nam. Điều đó làm cho công việc sáng tạo, với chúng ta, trở thành vô cùng vất vả. Chúng ta không thể đạt đến bất cứ điều gì nếu trước hết, chúng ta không chống lại một cái gì, không phá đổ một cái gì. Viết lách tất yếu trở thành một cuộc cãi cọ với lịch sử, một sự gây hấn với truyền thống. Không thể khác. Cái cách mà giới phê bình hay nghiên cứu văn học Việt Nam hay làm là nhắc lại kinh nghiệm đổi mới của thời 1932-45 với hy vọng điều chỉnh, định hướng hay phê phán những nỗ lực đổi mới văn học hiện nay, chẳng hạn, cho sự đổi mới phải nhắm tới mục tiêu tạo đồng cảm hay trên cơ sở tôn trọng vần điệu và phải có tính quần chúng, v.v... chỉ là một việc làm nhảm nhí: nó cũng điên rồ như một kẻ lái xe mà chỉ chăm chắm nhìn vào kính chiếu hậu. Một lối lập luận như thế không tiên liệu đến khả năng là tất cả những yếu tố vừa kể, từ vần điệu đến cảm xúc hay tính quần chúng đều chỉ là sản phẩm của một thời đại nhất định, với một quan điểm thẩm mỹ nhất định. Khi quan điểm thẩm mỹ thay đổi, những yếu tố ấy cũng thay đổi theo. Biến những yếu tố ấy thành những đặc điểm bất biến là biến một thời điểm lịch sử thành vĩnh cửu. Nó cũng giống việc một thằng khờ vạch dấu trên thuyền để ghi nhớ địa điểm rơi vật quý xuống dòng sông.

Hơn nữa, nên nhớ là truyền thống không phải là cái gì nằm bên ngoài ta. Truyền thống ở ngay trong tâm thức của ta, là cái tạo nên tâm thức của ta. Với một mức độ nào đó, có thể nói mỗi người chúng ta là một sản phẩm của truyền thống. Ở phạm vi nhỏ hẹp hơn, với tư cách là người đọc, mỗi người trong chúng ta luôn luôn là những đứa con rơi của vô số những tác giả chúng ta đọc từ thuở còn niên thiếu. Những tác giả ấy, qua tác phẩm của họ, đã dần dần hun đúc khiếu thẩm mỹ của chúng ta. Bởi vậy, tự bản chất, mỗi người trong chúng ta bao giờ cũng lạc hậu hơn một chút

so với nền văn học đích thực vào thời đại chúng ta đang sống. Hệ quả là, với tư cách là người đọc, bao giờ chúng ta cũng dễ đồng cảm với những dòng văn học đã qua hơn là dòng văn học đương đại; với tư cách là người viết, những dòng chữ xuất hiện một cách tự phát, hồn nhiên và dễ dãi nhất, trái với những cách nghĩ quen thuộc, thường là những dòng chữ rất đáng ngờ vực: một người, suốt thời trung học, cứ ngâm nga thơ Xuân Diệu hay thơ Nguyễn Bính mãi, đến lúc cầm bút, những câu thơ 'vụt hiện' đầu tiên thường có nguy cơ dính đầy nước dãi của Xuân Diệu và Nguyễn Bính. Nhiệm vụ của hắn ở đây không phải là nâng niu những câu thơ, nói theo chữ của Bùi Giáng, "tèm nhem tâm hồn" ấy,(28) mà là phải xoá bỏ những câu thơ ấy, nghĩa là, nói cách khác, phải chống lại chính bản thân mình, phải tái tạo chính mình, chứ không phải chỉ đơn giản là cần thành thực với chính mình mà thôi. Cũng nói theo chữ của Bùi Giáng:

Tôi từ cái bóng của anh
Dệt thêu ngôn ngữ tôi thành ra tôi.(29)

Trong tập tiểu luận *Contre Sainte-Beuve*, hoàn thành năm 1909 nhưng mãi đến năm 1954 mới được in lần đầu, nhà văn Marcel Proust (1871-1922) tuyên bố: "Một cuốn sách là sản phẩm của một cái tôi khác"(30). Thật ra, đây chỉ là vọng âm của một câu nói khác, nổi tiếng hơn, của Rimbaud, trước đó: "Tôi là một kẻ khác" (JE est un autre)(31). Viết không phải là hình thức tự bộc lộ mình như cái điều người ta thường nói mà là hình thức tự thay đổi mình, tự biến mình thành người khác, thành những cái tôi khác. Viết là tự huỷ diệt.

Quá trình tự huỷ diệt phải lặp lại không ngừng, nếu không, bất cứ người nào, dù đã đi đến tận cùng cái mới, cũng tức khắc trở thành sáo mòn và lạc hậu. Việc phá đổ truyền thống, đến lúc nào đó, tự nó, cũng biến thành một truyền thống, cần phải phá đổ tiếp. Có một bài học cực kỳ quan trọng, nhưng tiếc, đến nay, hình như chưa ai nhắc đến: có những kẻ tiên phong ở giai đoạn trước lại biến thành bảo thủ, thậm chí, bảo thủ một cách lẩn thẩn ở giai đoạn sau. Trước năm 1930, trong làng thơ Việt Nam, không ai giàu óc sáng tạo bằng Tản Đà, nhưng khi phong trào Thơ Mới xuất hiện, Tản Đà lại hoàn toàn hờ hững, không hề cảm được cái hay và cái mới của Thơ Mới.(32) Rồi trong phong trào Thơ Mới, người mới nhất vào khoảng giữa thập niên 30 chắc chắn là Xuân Diệu, nhưng chính Xuân Diệu lại là người phản đối kịch liệt sự đổi mới ít nhiều mang màu sắc siêu thực của Hàn Mặc Tử vào cuối thập niên 30,(33) cũng như những sáng kiến làm thơ không vần của Nguyễn Đình Thi vào cuối thập niên 40.34 Không phải Tản Đà hay Xuân Diệu đố kỵ những tài năng đi sau mình. Lý do, theo tôi, phức tạp hơn nhiều: họ là tù nhân của cái mới do họ sáng tạo

ra. Những cái mới ấy đã định nghĩa lại thơ và họ cứ tưởng cái định nghĩa ấy là một định nghĩa vĩnh cửu về thơ, từ đó, họ xem chỉ những gì phù hợp với định nghĩa của họ là thơ; còn lại, tất cả những nỗ lực làm mới khác đều bị xem là nhảm nhí. Từ vị trí của những nhà cách mạng, thoắt một cái, họ trở thành những kẻ phản động. Và những kẻ phản động như thế, cộng với đám con cháu tinh thần của họ, lúc nào cũng đông nghẹt. Hiện nay lại càng đông, cả trong lẫn ngoài nước. Vừa đông vừa ồn. Vừa ồn vừa khệnh khạng. Vừa khệnh khạng vừa nhố nhăng.

Viết là tự huỷ diệt. Ở đây có hai vấn đề: để trở thành một người sáng tạo, một mặt, người ta không thể không tự huỷ diệt; nhưng mặt khác, người ta lại không thể nào huỷ diệt hoàn toàn quá khứ của mình và tâm thức của chính mình. Người cầm bút ở trong một tình thế oái oăm: hắn không thể không đổi mới dù biết việc đổi mới ấy bao giờ cũng có tính chất nửa vời và đầy bi kịch. Tôi rất thích một dự án sáng tác của điêu khắc gia kiêm hoạ sĩ Lê Thành Nhơn: anh vẽ một bức tranh trong đó có hình ảnh một người-đá, một con người bằng đá đang cầm búa tự đục khối đá (là chính mình) để thành người. Bức tranh của anh mới ở dạng phác thảo nên tôi chưa biết đẹp xấu ra sao, nhưng tôi bị mê hoặc bởi cái ý tưởng ấy. Tôi tưởng tượng đó cũng chính là hình ảnh của giới văn nghệ sĩ nói chung. Chúng ta không sinh ra là nhà văn hay nhà thơ hay nhà lý luận phê bình. Chúng ta tự đục đẽo mình thành nhà văn, nhà thơ và nhà lý luận phê bình. Và đục đẽo, thực ra, cũng có nghĩa là vứt bỏ.

Nhưng như thế, điều chúng ta cần, trước hết, là một cây búa. Như Nietzsche, ở Đức, hồi cuối thế kỷ trước.(35)

Chú thích:

1. Xin hãy nhớ lại cảnh các cảnh sát (ở miền Nam, trước 1975) và các công an, du kích (trong cả nước, sau 1975) rượt đuổi, bắt bớ để cắt bỏ mái tóc dài và cắt ống quần rộng... quá khổ của một số thanh niên bị xem là hippy!

2. Xem cuốn *Nhà văn Việt Nam, chân dung tự hoạ*, tập 1, do Ngô Thảo và Lại Nguyên Ân biên tập, nxb Văn Học, Hà Nội, 1995. Cũng có thể xem thêm một số bài thuộc loại "Chân dung tự hoạ" đăng trên tạp chí *Hợp Lưu* tại California vào năm 1996 và 1997.

3. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà, trong các cuộc tranh luận văn học gần đây ở Việt Nam, những người hay nhắc đến chữ 'tâm' nhất lại là những người tồi bại và vô liêm sỉ, sẵn sàng xuyên tạc, vu khống và chụp mũ người khác nhất.

4. Đỗ Kh., mục điểm sách báo mới trên *Tạp chí Thơ* số 12 (xuân 1998), tr. 232.

5. Xem bài "Vài ghi nhận về Mai Thảo" của Nguyễn Hưng Quốc trên *Hợp Lưu* số 39 (tháng 2&3.1998), tr. 23-31.

6. T.S. Eliot, "Tradition and the individual talent" in lại trong tập *20th Century Literary Criticism, a Reader*, do David Lodge biên tập, Longman xb, London, 1972, tr. 72.

7. Dẫn theo Timothy Steele trong cuốn *Missing Measures: Modern Poetry and the Revolt agaisnt Meter* do The University of Arkansas Press xuất bản tại Fayetteville năm 1990, tr. 246.

8. Irène Simon (biên tập) (1971), *Neo-Classical Criticism: 1660-1800*, Edward Arnold, London, các trang 76, 77 & 79.

9. Xem bài "Confucius and the Ancient Chinese Literary Criticism" của Donald Holzman in trong cuốn *Chinese Approaches to Literature from Confucius to Liang Ch'i-ch'ao* do Adele Austin Rickett biên tập, Princeton University Press xuất bản tại Princeton, 1978, tr. 21-41.

10. Dẫn theo Trần Đình Sử trong cuốn *Những thế giới nghệ thuật thơ*, nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1995, tr. 13.

11. Dẫn theo Phương Lựu trong cuốn *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học trung đại Việt Nam*, nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1997, tr. 81.

12. Trần Đình Hượu, "Thực tại, cái thực và vấn đề chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam trung cận đại", in trong tập *Văn học và hiện thực*, do Phong Lê chủ biên, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1990, tr. 19.

13. Xem Dugald Williamson (1989), *Authorship and Criticism*, Local Consumption Publications xuất bản tại Sydney, tr. 3-23. Xem thêm Nguyễn Hưng Quốc (1996), *Thơ, v.v... và v.v...*, Văn Nghệ, California, tr. 159-179.

14. Susan R. Harrow, trong bài "Naming the Modernist: the Ambiguities of Apollinaire" in trong tập *The Turn of the Century*, do Christian Berg, Frank Durieux và Geert Lernout biên tập, Walter de Gruyter xuất bản tại Berlin, 1995, tr. 450-459.

15. Jeremy Hawthorn (1992), *A Glossary of Contemporary Literary Theory* (2nd edn) nxb Edward Arnold, London.

16. Xem bài "The Death of the Author" của Roland Barthes in trong tập *Modern Criticism and Theory: a Reader*, nxb Longman, London, 1988.

17. Xem cuốn *The Archaeology of Knowledge* của Michel Foucault, A.M.Sheridan-Smith dịch ra tiếng Anh, Tavistock, London, 1974.

18. Các nhà Hình thức luận của Nga (từ năm 1917 đến khoảng cuối thập niên 20) xem sự lạ hoá (ostranenie / defamiliarization) như một đặc điểm nổi bật nhất của văn học.

19. Roland Barthes, "The Death of the Author", tài liệu đã dẫn, tr. 166-172.

20. Dẫn theo David Birch trong cuốn *Language, Literature and Critical Practice: Ways of Analysing Text*, Routledge xuất bản tại London năm 1989, tr. 9.

21. Các nhà phê bình giải cơ cấu thuộc trường phái Yale gồm ba tên tuổi chính: Paul Le Man (1919-83), Geoffrey H. Hartman (1929-) và J. Hillis Miller (1928-).

22. Jean Baudrillard (1983), *Simulations*, Semiotext, New York.

23. Fredric Jameson, "Postmodernism and consumer society" in trong

Postmodern Culture do Hal Foster biên tập, Pluto xuất bản tại London năm 1985, tr. 115.

24. John Barth, "The Literature of Replenishment", *The Atlantic* số tháng Giêng 1980, tr. 71.

25. Jean-Francois Lyotard (1984), *The Postmodern Condition: A Report on Knowledge*, Manchester University Press, Manchester.

26. Dẫn lại từ cuốn *The Icon Critical Dictionary of Postmodern Thought* do Stuart Sim biên tập, Icon Books xuất bản tại Cambridge, 1998, tr. 236-7.

27. Jean-Francois Lyotard, "Answering the Question: What is Postmodernism?", in trong tập *Postmodernism, A Reader* do Thomas Docherty biên tập và giới thiệu, Harvester Wheatsheaf xuất bản tại New York, năm 1993, tr. 46.

28. Trong bài "Chép thơ" in trong tập Bùi Giáng 1994, xuất bản tại California, 1995, có hai câu mở đầu là Chép bài thơ cũ tặng em / Những bài thơ mới tèm nhem tâm hồn.

29. Bài "Từ một cái bóng" in trong tập *Đêm ngắm trăng* của Bùi Giáng, nxb Trẻ, thành phố HCM, 1997, tr. 104.

30. Dẫn theo René Wellek (1992) *A History of Modern Criticism: 1750-1950*, vol 8: French, Italian and Spanish Criticism, 1900-1950, Yale University Press, New Haven, tr. 64.

31. Một số lá thư trình bày quan niệm sống và viết của Rimbaud được Nguyễn Hữu Hiệu dịch ra tiếng Việt trong cuốn *Con đường sáng tạo* xuất bản tại Sài Gòn trước năm 1975 và được H.T. Kelton in lại tại Hoa Kỳ (không ghi năm), tr. 83-129.

32. Xem bài "Phong trào Thơ Mới, muốn cùng ai trong bạn làng thơ" đăng trên *Tiểu thuyết Thứ Bảy* số 26, ra ngày 24.11.1934, tr. 256-8; và bài "Cùng các bạn làng thơ" trên *Tiểu thuyết Thứ Bảy* số 28 ra ngày 8.12.1934, tr. 302-5. Cả hai được in lại trong *Tuyển tập Phê bình Văn học Việt Nam*, tập 3, do Nguyễn Ngọc Thiện chủ biên, nxb Văn Học, Hà Nội, 1997, tr. 98-106.

33. Trong cuốn *Thi nhânViệt Nam* (Thiếu Quang tái bản tại Sài Gòn năm 1967), khi bình thơ Hàn Mặc Tử, Hoài Thanh có nhắc đến sự kiện này như sau: "Xuân Diệu có lẽ cũng nghĩ đến Hàn Mặc Tử trong khi viết đoạn này: "Hãy so sánh thái độ can đảm kia (thái độ những nhà chân thi sĩ) với những cách đột nhiên mà khóc, đột nhiên mà cười, chân vừa nhảy, miệng vừa kêu: tôi điên đây! tôi điên đây! - Điên cũng không dễ làm như người ta tưởng đâu. Nếu không biết điên, tốt hơn là cứ tỉnh táo như thường mà yên lặng sống" (tr. 203-4).

34. Cuộc thảo luận về thơ Nguyễn Đình Thi tại Việt Bắc năm 1949 được tường thuật trên báo *Văn Nghệ* số 17 & 18 ra vào tháng 11 & 12. 1949, tr. 43-56.

35. Một trong những tác phẩm cuối cùng và rất nổi tiếng của Friedrich Nietzsche (1844-1900) là *Hoàng hôn của các thần tượng*, hay làm cách nào người ta có thể triết lý với một cây búa, trong đó Nietzsche đánh giá lại Socrates và từ đó, xét lại bảng giá trị cũng như quan niệm về chân lý vốn được công nhận rộng rãi trong lịch sử triết học Tây phương.

Tôi vẫn theo em

TRẦN HỒNG CHÂU

mình em bài thơ nguyên thủy
nét nhạc trầm trầm
bước bước hồn dâng Thái bình dương
trên áo vân vương vương bụi phấn hồng

chung quanh đây
ngọn cỏ rầu rầu
mái tranh rách nát
bội thực:
khẩu hiệu và dau ngất
bội thực:
rỗng không và câm nín
dối trá lên ngôi cuồng loạn
siết chặt cổ dắng
muối xót triều dâng
tôi đi chân ly loạn
tôi đi hồn linh loạn
sông núi ngửa nghiêng
hoàng hồn sa xầm mặt
cháy đỏ trời mắt xanh

tôi vẫn theo em
dọc ngang dòi viễn mơ
từng từng cấu trúc
tế bào thịt da
tế bào ngữ ngôn
em dìu tôi đi!

đô thành lửa sau lưng
hạt bo bo chó ngựa
giọt giọt trắng thương đau
hàng hàng bia mộ đen
sừng sững rừng cây đá
che khuất chân trời vui

tôi vẫn theo em
áo vân vương phấn hồng
vượt qua lũng đồi lệ úa
em siêu thoát
em cúu rỗi
em Thơ nhạc trầm trầm.

Một đêm

Trần Doãn Nho

Tôi về đến Huế vào ngày 15 tháng 5 năm 1975. Thế là tôi đi giáp một con đường vòng. Rời Huế ngày 21 tháng 3 vào Đà Nẵng. Rời Đà Nẵng khuya 29/3 vào Cam Ranh. Rời Cam Ranh ngày 5/4 đi Phú Quốc. Rời Phú Quốc ngày 18/4 trở lại Vũng Tàu. Rời Vũng Tàu về Sài Gòn ngày 23/4. Rời Sài Gòn ngày 12/5 để trở lại Huế Đó là một cuộc trốn chạy bước tiến quân của Cộng Sản gian nan, kinh khiếp, hãi hùng, phấn khích và tuyệt vọng.

Tôi trở về Huế trong tâm trạng của một người phương xa bị dẫn dắt vào nơi hiểm địa. Cảnh vẫn còn đó, người vẫn còn đây, nhưng mỗi một nụ cười , mỗi một ánh mắt đều khác lạ. Bạn bè biến mất. Bà con lơ láo nhìn nhau. Hàng xóm nghi kỵ. Trở lại thăm ngôi trường , tôi bắt gặp những cái nhìn tóe lửa, thù nghịch từ một số học trò cũ, mới ngày nào đây vẫn còn thầy thầy em em trong quán cà phê. Thành phố lặng đi, buồn bã, bồn chồn như đang trong tình trạng giới nghiêm, chờ đợi một cái gì ghê gớm lắm sắp xảy ra. Đứa con đầu lòng ra đời. Mẹ tròn con vuông. Ấy thế mà chẳng mấy vui, lại cũng không buồn. Mọi cảm giác lắng đi, chai lì.

Đúng một tuần sau khi đứa con ra đời, chiều hôm đó, trong khi đang loay hoay nựng con trong phòng thì có tiếng gọi cửa. Tôi nhìn ra, thấy thấp thoáng bóng người đội mũ cối đứng sau cánh cổng. Lòng tôi hồi hộp. Tôi ra mở cửa. Đang loay hoay tháo chiếc then gài, tôi nghe có giọng ai đó nói nhỏ nhẹ:

- Thưa thầy.

Tôi hơi giật mình nhìn lên, bắt gặp một khuôn mặt quen quen, nhưng nhất thời chưa nhận rõ ra là ai. Cửa mở. Người đàn ông đội mũ cối chìa tay ra. Tôi cũng chìa tay bắt. Người đàn ông tuổi cỡ trung niên, mặc áo quần

bộ đội, nhưng áo bỏ ra ngoài, chân đi dép bình trị thiên. Ông ta nhìn thẳng vào tôi:

- Anh là T.

Giọng Nghệ An đặc sệt kèm theo một nụ cười thật khó diễn tả. Dường như vui. Dường như ngạc nhiên. Dường như đe dọa. Cười mà vẫn không có vẻ gì là cười . Tôi gật đầu đáp vâng. Ông ta chưa kịp nói gì thì người thanh niên lập lại:

- Thưa thầy

Tôi nhìn người thanh niên, phân vân. Anh ta giở chiếc mũ bê rê đen ra. Tôi ngạc nhiên:

- Hưng. Phải Hưng không?

- Dạ, em đây thầy.

Đúng là Hưng, người học trò hiện đang học với tôi. Định hỏi Hưng tiếp vài câu, thì người đàn ông lên tiếng:

- Ta vào nhà cái đã. Tôi tìm anh cả tháng nay.

Tôi lặng lẽ đi trước. Tôi mời vào thẳng nhà trên, nhưng người đàn ông dừng lại ngay trước hàng hiên

- Khỏi, anh T. à. Tôi bận lắm. Gặp anh tí chút để giải quyết mấy chuyện rồi đi ngay.

Không đợi mời, người đàn ông ngồi ngay vào chiếc ghế để kế cây cột trụ mái hiên, rồi nói như ra lệnh:

- Anh kiếm ghế ngồi đây, ta nói chuyện cho tiện. Đây thoáng mát.

Tôi lấy chiếc ghế cho Hưng và tôi, rồi ngồi xuống. Người đàn ông nhìn quanh. Khi tia nhìn dừng lại ở bàn thờ, ông ta hỏi:

- Anh Phật giáo à. Thế mà tôi lại tưởng anh là Công giáo kia.

Lại nhìn quanh, săm soi. Rồi nhìn chăm tôi:

- Anh còn trẻ quá nhỉ. Đáng tiếc thật!

Cái gì mà đáng tiếc, tôi nhủ thầm. Ông ta lại nhìn quanh nữa. Rồi bỗng nhiên, ông ta đứng dậy vỗ vai tôi:

- Nào, dẫn tôi đi thăm chị và cháu một chút đi. Nghe chị vừa sinh cháu gái phải không? Thăm một chút, trở ra, ta nói chuyện sau. Cái anh chàng này lắm chuyện, tôi rủa thầm. Không đợi tôi dẫn đường, anh ta đứng dậy đi ngay xuống nhà dưới. Đến ngay cửa chính của nhà dưới, anh ta đứng đợi tôi:

- Phòng chị chỗ nào?

Tôi bước đến gần anh ta, ần ngần:

- Để tôi gọi vợ tôi ra...

Anh ta xua tay:

- Tôi muốn thăm chị ấy một chút. Anh cứ để tôi đi.

Lại cái giọng ra lệnh. Không biết làm sao hơn, tôi dẫn anh ta vào phòng. Vợ tôi vô cùng bối rối, cố gượng ngồi dậy chào. Anh ta ra dấu cho vợ tôi nằm xuống, rồi nhìn quanh. Cũng lạ, cái tay này! Bước đến đâu, anh ta cũng nhìn quanh, đôi mắt tưởng như muốn ghi nhận hết thảy những gì có mặt. Liếc thật nhanh qua cháu bé mới một tuần tuổi, anh ta nói với vợ tôi:

- Anh phải đi học tập một thời gian. Cũng không lâu đâu. Dăm ngày nửa tháng. Chị yên tâm chăm lo cho cháu, đợi anh về.

Không đợi vợ tôi trả lời, anh ta quày quả bước ra khỏi phòng.

Tôi ở lại một lát trong phòng, nói nhỏ với vợ:

- Chuyện gì đến thì phải đến thôi. Em đừng lo lắng gì cho mệt. Anh đi, rồi sẽ về.

Vợ tôi thở dài, kéo đứa con ôm vào lòng, nước mắt lưng tròng. Khi tôi trở ra, chẳng thấy tay bộ đội đâu, chỉ thấy Hưng vẫn còn ngồi đó. Tôi nhìn Hưng, dò hỏi. Hưng im lặng. Một lát sau, tôi thấy ông ta xuất hiện phía đầu kia của căn nhà, kế hàng chìa tàu. Thì ra, ông ta đi quanh sau vườn. Tôi nhìn ông ta chờ đợi một câu giải thích. Đoán chừng tôi thắc mắc, ông ta nói ngay:

- Tôi muốn xem cái vườn nhà anh một chút. Vườn rộng nhưng có vẻ như thiếu người chăm sóc, phải không?

Tôi cười gượng, không trả lời. Ông ta đến ngồi lại trên ghế, bảo tôi:

- Anh ngồi xuống đó đi, ta nói chuyện. Tôi là Lam, công tác tại Ty Công An Thừa Thiên. Bọn tôi biết anh từ lâu, khi còn ở trên rừng kia, giờ mới gặp. Theo chính sách của trên, anh nằm trong diện phải đi học tập cải tạo. Chúng tôi có ý chờ anh trình diện, nhưng mải không thấy. Anh không định đi trình diện sao?

Tôi đáp:

- Có chứ. Nhưng ông biết đấy, vợ tôi sanh.

- Tôi biết. Lẽ ra, anh không nên để chúng tôi phải tới đây. Nhưng không sao, sớm muộn gì ta cũng gặp nhau thôi. Sớm thì hay hơn. Anh chuẩn bị áo quần, giấy bút, mai đi học tập. Chúng tôi sẽ trở lại đón anh ngày mai.

- Đón tôi?

- Vâng. Anh cứ ở nhà. Chúng tôi sẽ đến.

Nói xong, Lam đứng dậy, vỗ vai tôi:

- Nhớ ở nhà, không nên đi đâu hết.

Tôi tiễn hai người ra cửa. Hưng đi chậm lại, nói nhỏ với tôi:

- Em xin lỗi thầy. Thực tình em không muốn làm như thế này tí nào. Nhưng bên Ty họ tìm thầy mãi. Vào nhà cũ, không có. Đến nhà thầy thuê,

cũng không có. Thầy thông cảm cho em. Dù gì em cũng là học trò của thầy. Thầy nhớ đem theo mền, chiếu và rán...giữ mình.

Tôi vỗ vai Hưng, cười:

- Em không có lỗi gì. Trước sau gì họ cũng tìm ra tôi thôi. Mà nào tôi có định trốn đâu. Đã trốn thì về lại Huế làm gì, phải không?

Không phải đợi đến ngày mai như tay công an tên Lam (sau này tôi mới biết đó là một công an chứ không phải bộ đội) nói với tôi, mà chỉ mười lăm phút sau khi Lam bước chân khỏi nhà, một chiếc xe jeep Liên Xô (người ta vẫn quen gọi là xe con Liên Xô) đến đỗ ngay trước cổng nhà. Bốn công an nhảy vội xuống, vào nhà, buộc tôi lên xe. Tôi chỉ kịp lấy một bộ áo quần cùng cây bút, tập vở nhét vào xách, và lấy đại một chiếc chiếu rách cầm tay, leo lên xe. Vợ tôi nghe tiếng, chạy theo, đưa cho tôi thêm hai ổ bánh mì và hai gói thuốc. Xe chạy ngay. Ra khỏi thành phố, xe chạy về hướng Kim Long. Lúc này, trời đã sâm sẩm tối. Mặt trời khuất hẳn sau đồi. Đường Kim Long vắng hoe. Giòng sông Hương đang chìm dần vào tối trong một nỗi ngậm ngùi lặng lẽ. Xe vòng qua dốc chùa Linh Mụ, đi thẳng một đoạn rồi rẽ phải vào một lối đi ngang qua một khoảng tường thành đổ nát. Xe dừng lại ngay dưới một bức thành cao, kế tầng cấp đi lên. Xuống xe, nhìn quanh, bất giác tôi rợn người. Trong cái nhá nhem tối, khung cảnh ở đây đã hoang phế lại càng hoang phế thêm, trông rất ma quái. Im lặng hoàn toàn. Mới có đầu hôm mà sông vắng, đường vắng. Cả cái làng nhỏ ven sông cũng im lìm y như đã đi ngủ từ lâu lắm. Chung quanh, cỏ dại mọc đầy, từ bờ thành lan ra khắp nơi, che lấp hết cả khoảng đất trống lót gạch. Dù đã từng qua lại con đường này, tôi bâng khuâng tự hỏi đây là nơi đâu, và sao người ta lại đưa tôi lên đây.

Trời tối hẳn. Bốn người áp tải thúc tôi đi. Hai người đi trước dẫn đường. Hai người còn lại đi kèm sát bên tôi, súng ngắn rút ra khỏi vỏ, cầm lăm lăm trên tay. Tôi mày mò bước lên từng tầng cấp, lòng hoang mang, nặng trĩu. Không ai nói với ai một tiếng nào. Lên khỏi hàng chục tầng cấp, tôi nhìn ra phía sông, nhận ra cái cổng chính quen quen, với ba lối vào. Đây là loại kiến trúc kiểu cổ thời vua chúa. À, thì ra đây là khu vực đền Văn Thánh. Tôi đã từng đi ngang đây một đôi lần đâu hồi thời trước. Chỉ trừ cái cổng tương đối nguyên vẹn, còn thì tất cả đều đầy dấu vết đổ nát. Một dãy nhà dài lợp tôn nằm dọc theo bờ thành thấp, hiện ra nhờ nhờ. Có ánh đèn dầu lay lắt ở một nơi nào đó trong dãy nhà. Bốn người dẫn tôi đi về cuối khu đất, nơi có một căn nhà. Thực ra, đó là một góc của khu đền Văn Thánh. Trời tối đậm. Một tay công an bấm đèn "pin" soi lối đi. Sỏi, đá, gạch, ngói vụn nằm rải rác trên lối đi. Cỏ dại, dây leo và tranh mọc đầy. Những thanh gỗ mục, thiếu đầu thiếu đuôi và các mảnh gỗ nằm

lẫn lộn với ngói vỡ. Căn nhà - đúng ra là cái đền lớn - hầu như không còn gì nguyên vẹn. Cột, kèo, mái, tường cho đến nền, cửa...tất cả đều xiêu vẹo, đổ nát. Chỉ còn một căn nhỏ nằm ngay góc. Mọi người lần mò từng bước tìm vào căn phòng. Lòng tôi hoang mang bất định. Tôi cố gắng không nghĩ đến một điều gì đặc biệt. Nhưng những hình ảnh đen tối , ghê rợn cứ trần vào trong đầu óc tôi.

Một người nâng nhẹ tấm cửa rời chắn ngang cửa phòng, đặt sang một bên, rồi bảo tôi:

- Vào đây.

Tôi bước vào. Anh ta rọi đèn khắp phòng, dừng ngang một góc, ở đó có một tấm ván dài kê trên mấy cục gạch. Anh ta nói:

- Đó là chỗ ngủ.

Nói xong, anh ta lẳng lặng bước ra ngoài. Tôi nghe tiếng thì thầm to nhỏ một lát. Anh ta lại trở vào:

- Chúng tôi được lệnh trên dẫn anh tới đây. Đây là chỗ ngủ của anh.

"Chỗ của tôi"? Tôi sửng sốt, môi lập bập muốn la lên như thế, nhưng kịp thời dằn lại. Anh ta nói tiếp, giọng bây giờ trở nên nặng nề:

- Anh chỉ được di chuyển nội trong phòng này. Cánh cửa kia không đóng, nhưng không được vượt qua. Có việc gì cần, đi tiêu đi tiểu chẳng hạn thì phải nói lớn, có người đến dẫn đi. Nên nhớ đây là lệnh trên, phải thi hành.

Tôi im lặng, gật đầu trong bóng tối. Anh ta rọi đèn khắp phòng một lần nữa rồi bước ra. Chợt nhớ điều gì, anh ta quay lại:

- Sẽ có người mang thức ăn lại.

Anh ta cẩn thận lấy tấm cửa rời, chắn lại. Bên ngoài nghe có tiếng lách cách của đạn lên nòng. Tôi đứng như trời trồng giữa phòng, toàn thân tê điếng hẳn đi. Tôi cố nuốt nước bọt, nhưng miệng mồm giờ khô khốc. Trong đầu vang vang một câu hỏi không được trả lời: "Chỗ của tôi. Chỗ của tôi?". Tại sao lại chỗ của tôi ở một nơi như thế này? Đã nghe vo ve tiếng muỗi. Một lát sau, đám muỗi háu đói bay quanh, vồ vập bám vào thân thể tôi, châm chích loạn xạ. Tôi hờ hững lấy tay đập vài con, rồi buông thõng, mặc kệ để chúng tự do hành sự. Nhưng có lẽ nhờ thế, tôi thấy mình có hơi tỉnh táo lại. Tôi nhìn căn phòng. Mắt đã quen với bóng tối, nên bây giờ, tôi có thể thấy mọi vật rõ ràng hơn. Đúng là một phòng với tường bao quanh. Tường nứt nhiều chỗ, các lớp xi măng bóc từng mảng lớn. Nền nhà cũng thế, hư hỏng, chỗ lồi chỗ lõm. Tôi lấy chân chà qua xát lại, không thấy có ngói gạch gì ở dưới. Như thế ở đây sạch sẽ hơn phía ngoài. Chắc người ta cũng có dọn dẹp đôi chút trước khi đưa tôi lên đây. Tuy vậy, mùi ẩm mốc xông lên nồng nặc. Phòng có một cửa lớn, hai

cửa sổ. Cửa sổ phía trong thì đóng chặt, có một tấm gỗ nẹp thêm cho chắc. Cửa sổ kia hướng ra phía ngoài, còn một số chấn song ngang, dọc, cái thẳng, cái cong không đều. Có song truột ra khỏi tường. Bên ngoài là một khoảng đồng trống. Tôi vịn chấn song, nhìn ra, mắt cố điều tiết để nhìn cho rõ. Cách một khoảng ngắn từ cửa sổ trở ra là một hàng rào thép gai dày, cao quá đầu người. Cỏ vươn cao, tự do xen giữa các ô thép gai. Xa hơn là một khoảng đất trống với nhiều gò đống lờ mờ nhấp nhô trong màn đêm. Cố gắng nhìn, tôi phát hiện ra những gò đống kia là những ngôi mộ. Hóa ra, đó là một bãi tha ma.

Điều này một lần nữa khiến tôi thốt nhiên lạnh toát cả người. Một ý nghĩ kinh khiếp mọc nhanh trong đầu. Tôi buông tay khỏi khung cửa sổ, run rẩy. Tôi bước vào, thả mình xuống tấm ván kê sẵn, hai tay ôm đầu trong một trạng thái kích xúc lạ lùng. Muỗi tấn công ào ạt. Tôi sờ soạng chung quanh, tay đụng cái túi xách. Tôi mở túi lấy hai gói thuốc bastos xanh. Tôi bật lửa đốt thuốc, hút. Tôi hít hà liên tục. Khói thuốc dường như làm cho tôi bình tĩnh đôi chút. Trong bóng tối, thỉnh thoảng đóm lửa lại lóe sáng như đốt lên một niềm hy vọng mong manh nào đó. Tôi lắng tai nghe động tịnh bên ngoài. Hoàn toàn im lặng. Bọn họ đi đâu cả? Tôi nhìn ra phía cửa chính. Tuy tối, nhưng tôi cũng lờ mờ nhận ra ngay trước căn phòng là một khoảng trống đổ nát , cây cỏ um tùm trông như một vạt rừng hoang mà lúc mới vào, vì quá bối rối tôi không để ý. Hoang liêu, vắng lặng hoàn toàn. Rõ ràng, phải từ lâu lắm, chỗ này chẳng có ai lui tới. Có tiếng động. Tôi hồi hộp lắng nghe. Tiếng bước chân lại gần. Một lát, tôi thấy khoảng không gian bên ngoài sáng lên.

Có ánh đèn. Hai cô gái bước đến trước cửa. Một cô bưng chiếc đèn dầu nhỏ, giơ cao, tay nâng tấm chấn cửa, giữ cho cô kia bước vào phòng. Cô gái nhìn quanh, rồi đặt xuống chỗ nằm một mâm cơm. Cô bưng đèn đặt cây đèn kế bên mâm cơm. Xong, cả hai cô đồng bước ra. Một cô nói, giọng cộc lốc:

- Ăn xong, để mâm và đèn ở ngoài này.

Nhìn mâm cơm, một lần nữa, tôi bất giác rùng mình , thảng thốt. Một tô canh còn bốc hơi nóng. Một đĩa đồ xào. Một tô thịt heo kho. Một đĩa cá. Chén, đũa, muỗng tươm tất. Bữa ăn dành cho tôi!? Một bữa ăn thịnh soạn dường ấy cho một tên tù trong nhà tù Cộng sản?! Tôi nhìn mâm cơm và không thể ngăn chặn được ý nghĩ về một bữa cơm ân huệ cuối cùng dành cho tử tội. Thoạt đầu, đó chỉ là một cảm giác bất thường. Nhưng hàng bao câu hỏi mọc lên trong đầu không trả lời được khiến cho ý nghĩ đó hình thành và càng lúc càng củng cố. Căn nhà đổ nát, tối tăm, xa cách nhà dân, bãi tha ma một bên, một bữa cơm đặc biệt, bốn tay công an áp

tải. Không nghĩ ngờ gì nữa, tôi sẽ bị giết đêm nay. Chết! Ý nghĩ dứt khoát này khiến tôi đứng sững bất động giữa căn phòng, mắt không rời khỏi miếng thịt, con cá, cái muỗng...Đó là những điều bình thường trong một bữa ăn bình thường. Nhưng trong tình huống này, bữa ăn lại có vẻ thịnh doạn và vì thế, rõ ràng nó không bình thường một chút nào. Những kẻ chiến thắng vẫn tự hào về cái bản chất nghèo của họ. Không những thế, họ yêu cái nghèo và ghét tất cả cái gì sang cả, ngon lành. Đó là chưa nói đến sự trả thù. Vậy thì tại sao trong lúc người ta đi "học tập" chỉ được ăn cơm với muối và phải lao động cực nhọc để gọi là "cải tạo", thì tôi lại được cho ăn một bữa ăn tươm tất như thế này? Tôi nhìn đồ ăn. Đồ ăn nhìn tôi. Con cá, những miếng thịt, muỗng, đũa...thảy đều nhìn tôi trừng rừng, thách thức. Tôi lảo đảo ngã xuống đất. Mọi nghị lực bỗng nhiên tiêu tán. Tôi chới với vịn tấm ván ở chỗ nằm, đứng lên, rồi lại nằm vật xuống. Tôi chìm sâu trong một nỗi tuyệt vọng mênh mang. Và lịm người đi.

- Này anh kia, ăn đi để còn phải bưng xuống.

Tôi giựt mình nhìn ra. Không thấy ai. Một người nào đó chõ miệng vào ném một câu nói, xong đi mất. Tôi cố ngồi dậy. Bụng đói thật, nhưng nhìn mâm cơm, tôi kinh hãi. Cái cảm giác của một bữa cơm ân huệ của người tử tội khiến tôi lợm giọng. Nhìn còn không muốn, nói gì đến chuyện ăn! Tôi nhìn trong bóng tối. Gặp cái gì, tôi nhìn trừng trừng vào cái đó. Thanh gỗ, mảng tường, chấn song, khuôn cửa, góc phòng, trần nhà...Tất cả đều toát lên một vẻ thê thiết đến cùng cực. Tôi nhìn thân thể tôi. Thừa thãi. Vô nghĩa. Cảm giác về một cái chết thấy trước khiến tôi cảm thấy chán cái thân thể buồn nản này. Y như thể nó không còn là của tôi nữa. Không gian bên ngoài bây giờ vang động lời ca và giọng nói. Từ Kim Long. Từ Long Thọ. Từ Hương Hồ. Từ phố. Xuyên qua các loa phát thanh đặt cùng khắp, các điệu nhạc chiến đấu và những chuỗi từ ngữ nối nhau tuôn ra trong bóng đêm.

...quê em miền trung du, đồng tươi lúa xanh màu.

...hành quân trên đồi cao, nhìn vô trong Huế

...trung tá Đính, một sĩ quan ngụy đầu hàng quân giải phóng, hôm nay đã nói chuyện cùng các trại viên trại cải tạo tại Ái Tử

...phát biểu của đồng chí sinh viên Hoàng thị Thọ, thành đoàn sinh viên học sinh giải phóng.

...ba giòng thác cách mạng tiến công như vũ bão vào thành lũy của tập đoàn tư bản

...Đêm và nỗi sợ vây lấy tôi. Âm thanh vây lấy đêm. Âm thanh vò

nát, cày xới đêm bằng những chuỗi từ ngữ lạ tai, chắc nịch, cao vút phát ra từ tứ phía. Bên kia sông. Bên này sông. Dưới phố. Từ chân núi. Bừng bừng. Vô tận. Âm thanh và ngôn ngữ như muốn nuốt sống cả đất trời. Người con gái từ đâu bên ngoài bước vào:

- Này, anh kia, ăn xong chưa?

-Dạ...chưa.

- Ăn mau đi. Không ai công mô đợi mãi.

Mẹ kiếp, ăn thì ăn! Tôi lấy chén đũa, xúc cơm gắp vội mấy miếng thịt, lùa đại vào miệng, cố nuốt. Nhưng không được. Nghẹn. Lại vọt ra. Không cách gì nuốt nổi. Tôi nói vói ra bên ngoài:

- Xong rồi.

Người con gái bước vào, nhìn mâm cơm rồi hỏi:

- Không ăn sao? Bộ chê cơm cách mạng há?

- No rồi.

Tôi lấp lửng cố không nói chữ dạ đầu câu. Cô gái bưng mâm cơm và đèn, bước ra ngoài. Căn phòng tối lại. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy tiếc. Tại sao lại phải làm ma đói, nếu bị chết? Nghĩ thế, tôi lục xách, lấy ra hai ổ bánh mì mang theo, nhai. Cố nuốt. Và nuốt được. Tôi nuốt những miếng bánh mì như nuốt những ý tưởng chết chóc lớn dần lên đến độ bão hòa. ừ, thì chết. Có sao đâu!

...sóc băm bô rộn rã tiếng chày khua
...giã gạo đêm đêm vì ngày bận làm mùa
...cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc nước ta
...cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở miền nam
...bác hồ dạy
...đây cầu chống mỹ xe qua dập dìu
...cùng mắc võng trên rừng trường sơn

...Tiếng hát và tiếng đọc không ngớt tuôn ra. Còn tôi, nỗi chết không rời. Tôi bắt đầu làm quen với ý nghĩ mình sẽ chết. Tôi bước trở lại khuôn cửa sổ, nhìn ra bãi tha ma. Những nấm mộ, những tấm bia cắt thanh những đường nét mơ hồ ngoài kia. Thỉnh thoảng, những đốm lửa đỏ nhờ nhờ bắn lên không trung. Tôi tưởng tượng một lúc nào đó trong đêm, tôi sẽ bị dẫn ra ngoài đó, bị trói lại, bị bắn bỏ và đạp xuống một cái hố đào sẵn. Hết. Cuộc đời tôi sẽ chấm dứt đơn giản như thế. Như những xác người hồi Tết Mậu Thân. Chết là một im lặng bất tuyệt. Thế thôi. Tôi sẽ ra ngoài đó, sẽ vĩnh viễn nằm xuống ở đó. Vĩnh viễn. Có gì đâu! Chết là rơi vào vĩnh viễn. Trút sạch hơn thua. Không ai thắng, không ai thua. Bên kia

sông, những giọng hát vang lên, bắt đầu cho một hội diễn văn nghệ nào đó, do sinh viên học sinh phụ trách. Bên này sông, những giọng nói. Từ dưới phố, những giọng nói. Cách mạng, làm chủ tập thể, công trình thủy lợi, ngụy quân ngụy quyền, tiến công, dãy chết, chủ nghĩa anh hùng cách mạng...

Giọng hát cương lên. Giọng nói cũng cương lên. Nhạc ào ạt. Tất cả như muốn nghiến ngấu những mảnh đời nhỏ bé, những thân phận đớn hèn đang âu lo trước cuộc phế hưng. Nào bạn. Nào thầy. Nào học trò. Nào hàng xóm...Rụp một cái, mọi quan hệ thay đổi tận gốc. Người ta hăm hở ùa theo kẻ thắng. Kể cả cây cỏ, giòng sông. Giả có thật có. Một kẻ mới hôm qua đây còn chửi rủa Việt cộng, thì hôm nay cầm cờ đỏ, cố chường mặt ra cho mọi người nhìn thấy. Còn những người thua cuộc thì bé lại, đột nhiên mất tăm giữa giòng cuồng lưu. Giữa đất trời chỉ còn một thứ, một loại, một âm thanh. Lảnh lót. Kiêu hãnh. Ngông nghênh. Nghiêng đổ nước ra sông. Vắt đất ra nước thay trời làm mưa. Người ta xem đó là điều có thật. Và mọi người cố tin đó là sự thật. Chỉ vì, ngoài thứ âm thanh đó, chỉ còn là một im lặng. Im lặng thảng thốt. Im lặng như hàng hàng lớp lớp mồ mả ngoài kia. Như tôi. Một mình giữa căn phòng tối tăm, u uất này. Tôi bước lui bước tới, gậm nhấm nỗi bất lực của chính mình.

...từ thành phố này người đã ra đi
...tư tưởng tiến công cách mạng
...đi thông đường để những chuyến xe băng băng qua

Trong không gian đầy cả những tạp âm ấy, bỗng nhiên một âm thanh khác lạ vang lên.

Bò...ò...oò...oò...n...g .

Tôi cố lắng nghe. Tiếng chuông! Vâng, tiếng chuông phát ra từ chùa Linh Mụ, nơi chỉ cách chỗ tôi khoảng chừng một cây số. Tôi để hết tâm trí mình lắng nghe. Âm thanh tiếng chuông cao dần lên, tan loãng ra, tưởng như biến mất, bỗng dội lại từng chút, rồi cuối cùng chan hoà trong không gian. Từ đó, chốc chốc, tiếng chuông lại đều đặn vang lên. Giữa những chuỗi từ ngữ sắc mạnh ào ạt ném vào không gian, tiếng chuông lúc đầu trông khá lạc điệu. Có cái gì như ngập ngừng, ẩn nhẫn, chịu đựng khiến tôi liên tưởng đến thái độ dè dặt của người đánh chuông. Đánh mà lòng không yên. Đánh mà không muốn đánh. Vừa đánh vừa dè chừng. Vừa đánh vừa dò dẫm.

Bò...ò...ò...òng.

..năm anh em trên một chiếc xe tăng...

...bò...ò...ò...ng
...từ thành phố này
...bò...ò...ò...ò...ng

Tôi lắng mình vào tiếng chuông. Càng về sau, tiếng chuông càng tròn trĩnh, đầy đủ, trầm lắng. Nó từ tốn vang lên, từ tốn truyền dần vào không gian, xuyên qua cây lá, thành quách, nhà cửa, nhỏ dần và biến mất. Cứ thế. Không cần người nghe. Không cần khua rộn.

bò...ò...ò...òng

Tiếng chuông hiền hòa, không lấn át nổi tiếng hát và những âm thanh chát chúa hùng hổ vang vọng trong đêm. Nhưng may thay, nó còn đó. Ít ra là nó còn đó giữa một đất nước đang bị bức bách thay đổi theo một chiều hướng vô định. Trong cái âm thanh nghe bình thường đó, tôi tự dưng linh cảm một sự cố gắng phi thường để tồn tại. Phải cố gắng lắm để cho nó bình thường. Vì mọi thứ đã trở thành bất trắc. Mọi thứ trở thành không bình thường. Như mâm cơm mà người ta vừa dọn cho tôi chẳng hạn.

Như tôi, hôm nay, tại đây, trong căn phòng đổ nát, ẩm thấp, tối tăm này. Một nhà tù không cửa khóa, không tường cao hào sâu, không kẽm gai. Người ta nhốt tôi. Tôi nhốt tôi. Sự tan vỡ của một đất nước đột ngột, ghê gớm quá đến nỗi mọi phản ứng như tê liệt đi.

bò...ò...ò...ò...ng

Tôi bước lui bước tới, nhìn ra bãi tha ma, nhìn quanh phòng, đốt hết điếu thuốc này sang điếu thuốc khác. Đêm trôi qua nặng nề, chậm chạp. Tôi chờ đợi. Một lúc nào đó, tôi thiếp đi và giật mình tỉnh lại. Thì ra tôi ngủ khi đang đứng giữa phòng đắm mình theo tiếng chuông. Tiếng nói và âm thanh nghe đã ngớt.

Chỉ còn tiếng hát vang lại từ bên kia sông, phía Long Thọ. Các giọng hát cố cương lên nhưng không nổi. Có lẽ vì đêm đã khuya. Tôi cố ý chờ đợi tiếng chuông, nhưng không còn nghe gì nữa. Bên ngoài bây giờ im lìm. Tôi bước gần cửa nhìn ra, xem thử có ai canh gác gì bên ngoài không. Chẳng thấy ai. Im lặng nặng nề, đe dọa. Đốt thuốc tiếp. Cứ thế, trong đêm tối, tôi lặng lẽ chờ đợi một cái chết. Những hoảng hốt đã qua. Nỗi sợ hãi cũng lịm dần. Tôi chờ đợi một bước chân, một tiếng lách cách của đạn lên nòng, một tiếng gọi. Không. Từng giờ, từng phút trôi qua trong vắng lặng hoàn toàn. Không hẳn thế. Còn có tiếng dế và tiếng muỗi. Nhưng trong tâm tưởng của một chờ đợi ngột ngạt, những âm thanh đó trở thành vô nghĩa. Với tử tội, mọi thứ đều vô nghĩa, kể cả niềm hy vọng. Đêm khuya khoắc, sâu dần. Tôi đi lui, đi tới, bóng dáng nghiêng ngả. Cho đến một lúc, tôi có một cảm giác thật lạ lùng: tôi chết

rồi. Bỗng nhiên, tôi cảm thấy tôi nhẹ hẫng, không trọng lượng, không vướng víu, không buồn phiền. Nhìn ra không gian bên ngoài, tôi thấy mình thoát, thoát khỏi cái xã hội đang bị kềm thúc ngoài kia, cái xã hội đang bị buộc, bị gói, bị nhốt ngoài kia, cái xã hội đang bị tiêu chuẩn hóa ngoài kia. Tôi sẽ được tự do. Dưới một cái hố nào đó ngoài bãi tha ma thầm lặng ngoài kia. Vâng, tự do. Tôi sẽ hoàn toàn tự do, ướt đẫm tự do.

Bỗng nhiên, có tiếng động. Tôi giật mình, lắng nghe. Vâng, tiếng động. Tiếng bước chân nhè nhẹ đâu đó bên ngoài. Tóc tôi dựng ngược. Đã đến lúc rồi! Đến rồi! Người tôi căng cứng. Tôi hít thật sâu thêm một hơi thuốc, vứt phần còn lại xuống đất, dí tắt, nhìn ra chờ đợi. Không có gì. Chưa có gì. Tôi đốt một điếu thuốc khác, lập bập từng hơi. Và cảm thấy mình vừa thoát chết. Mình còn tồn tại đây. Khói thuốc chất ngất trong lồng ngực, sảng khoái.

Đêm trôi. Tôi trôi. Bồng bềnh, lấp lửng giữa bờ vực tử sinh. Giữa cảm giác , tưởng tượng và hình dung, suy đoán. Bên ngoài, lâu lâu lại có tiếng động. Hình như đổi phiên gác.

Tôi chiến đấu với những cảm giác và suy luận của mình. Tôi không nằm xuống được, chỉ bước lui bước tới, bước ngang bước dọc và đứng. Tôi không thể nào ngủ được, dù chỉ là một chợp mắt. Đêm lờ đờ, chậm chạp trôi.

Bò...oò...oò...n..g

Tôi giật mình. Tiếng chuông! Lại là tiếng chuông. Tiếng chuông bỗng nhiên vang lên giữa một không gian vô cùng tịch lặng. Chuông sáng. Khác với đầu hôm, tiếng chuông lần này có vẻ tự chủ hơn, chắc hơn, tự tin hơn.

Bò...oò...oò...ng

Tiếng chuông đều đặn vang lên trong không khí trong lành sau thời gian lắng dịu của đêm. Một mình. Cả bộ máy tuyên truyền vẫn còn ngái ngủ, chưa kịp thức dậy, vì thế, tiếng chuông khoan hòa êm ái truyền đi. Qua không khí, qua gió, qua sương, qua cây, qua cỏ. Chuông nối tiếp chuông cho đến lúc trời hửng sáng. Chỉ có tiếng chuông. Khi hồi chuông cuối cùng đánh dồn dập để kết thúc, thì tôi tìm lại được chính tôi. Một tôi nhếch nhác, đờ đẫn giữa một căn phòng nhếch nhác, đờ đẫn. Tiếng chuông đã đưa tôi qua một đêm khắc khoải, hoang tưởng. Tôi ngồi ngẫm nghĩ về những sai khác trong tiếng chuông. Suy cho cùng, có lẽ tiếng chuông vẫn thế từ mấy trăm năm nay ở ngôi chùa cổ kính này. Có khác chăng là khác ở người đánh chuông và kẻ nghe chuông. Tiếng chuông làm gì có hưng phế. Chỉ có hưng phế trong phận người.

Đó là đêm đầu tiên trong 176 đêm tôi bị biệt giam nơi căn phòng đổ

Thơ Nguyễn Tu Phương

Cuối đời
cuối đời mây: mưa lũ
cuối đời đá: cát vàng
cuối đời sông: biển rộng
cuối đời mình: bóng không!

Sao nỡ ngắt trăng về
lá thỏ nhẹ sao nghe khàn ngọn gió
nhoẻn miệng cười môi để lại dòi đau
nắng còn tươi sao hoa ngừng khoe sắc
ngày ôm đêm ai nỡ ngắt trăng về.

Ngặt nỗi bóng không đi
ta rình rập ngã ba đèn chớp đỏ
em quay người ngặt nỗi bóng không đi
chiều xế nắng chia đường cây ngả ngớn
gió chợt bay tà áo chẻ eo tung
dãy trúc dào đúng mùa cây trỗi lá
ta trộm nhìn em đỏ ửng môi khô.

nát này của đền Văn Thánh để "tẩy não" trước khi được chính thức chuyển sang trại tù khổ sai , nhiều năm tháng sau.

Đây có lẽ là đêm dài nhất trong cuộc đời tôi. Rồi sau đó thì đêm nối đêm, trong bóng tối, tôi chờ đợi tiếng chuông để lấy lại thăng bằng sau khi trải qua những ngày nối ngày căng thẳng đương đầu với những cuộc thẩm vấn liên tu bất tận của hết toán công an này đến toán khác. Có một khoảng thời gian, tiếng chuông biến mất. Tôi buồn ray rứt. Rồi tiếng chuông xuất hiện trở lại. Tôi vui. Rồi biến mất hẳn cho đến ngày người ta chuyển tôi đi. Có và không có tiếng chuông vào thời đó là một tranh chấp thầm lặng giữa quyền lực và lòng người.

Sau này tôi nghe lại được nhiều tiếng chuông chùa, chuông nhà thờ nhưng có lẽ tiếng chuông nghe được trong những ngày bị biệt giam để lại trong tôi ấn tượng êm ái nhất trong suốt những năm tháng tủi nhục của đời mình.❐

Sông vẫn còn chảy mãi

Lê Minh Hà

Anh Bình trạm trưởng nhiều lần cười thằng này chưa nhớn đã già. Chỉ vì Thân trót kể mình hay lọ mọ bò dậy từ lúc trời còn tối đất. Nhưng thực ra anh Bình được lợi vì Thân quen thức như thế. Trước khi Thân về nhận việc thay chị Cúc, bao giờ anh Bình cũng phải đảm đương việc đo nước cữ này.

Đêm nay cũng vậy. Từ xế chiều anh Bình đã dóng tiếng nhờ Thân trực đêm. Bà mẹ vợ anh vừa phải võng xuống bệnh viện huyện trưa hôm trước. "Phải để chị ấy ở nhà đêm hôm với mấy đứa trẻ. Còn tao xuống trông bà. Chú trực giùm anh đận này ... Khi nào bà về ... Tao bảo anh em thằng cu kiếm mớ ếch anh em mình đánh chén, rồi là giải phóng cho chú mày về nhà hẳn một tuần!" Anh Bình cười hơ hơ hơ, chẳng hề áy náy: "Mà chú ở nhà những một tuần làm cái quái gì nhỉ. Lại ngồi như cái đụn ra cho mấy đứa em nó hầu". Tiếng cười hơ hơ hơ ròn rã theo tiếng máy chiếc Honda mới coong chị Bình mới tậu cho chồng xa dần về phía đầu cầu.

Thân đi nằm muộn. Nhưng khi chuông đồng hồ chưa reo Thân đã mở mắt, dỏng tai nghe. Tiếng mấy con gà lục sục đạp nhau trong cái chuồng chật. Tiếng gió giật mấy tàu lá chuối khô lạch phạch ở vườn chuối sau nhà chuyển dần về phía thềm. Và Thân còn có cảm giác nghe được cả tiếng một con bò thở dài từ giữa xóm vẳng lại. "Mẹ với mấy đứa giờ này chắc cũng dậy rồi!" Thân nhìn ra đầu hồi. Trời sương bàng bạc xám. Hình như chỉ ở nhà quê mới có những đêm như thế này. Trời mỏng dần như sắp sáng. Rồi lại tối sầm, tối đến xất ra miếng được. Rồi rạng lại. Và buổi sáng bắt đầu.

Nhưng với người nhà quê thì buổi sáng bắt đầu không phải từ lúc ấy,

lúc mặt trời hắt những luồng sáng hồng rực vào chân những lùm tre bên sông trước khi nhô lên. Như ở nhà Thân chẳng hạn. Đầu tiên là mẹ. Mẹ rón rén nhấc cái nọ đặt cái kia trong bếp. Rồi lửa bập bùng. Mùi cám lợn nồng nồng chua chua phả nóng sực từ bếp lên nhà, đến tận chỗ Thân nằm. Người thức dậy sau mẹ thường là cái Dậu. Nó loạng choạng tụt từ trên giường xuống đất, mắt nhắm mắt mở đi ra bể nước. Tiếng gáo chạm vào mặt nước nghe đùng đục. Tiếng nước chảy xuống rãnh. Con bé có thói quen vừa rửa mặt vừa rửa chân cho tỉnh ngủ. Rồi sau đó là tiếng thóc đổ vào cối. Tiếng cối xay ù ù. Hoặc là tiếng bàn tay nó đập đánh bẹt vào thành chiếc sàng. Con bé học xoàng nhưng ai cũng bảo nhanh nhẩu còn hơn mẹ ngày xưa. Hì hục xong được cái lớp chín, nó xin bố mẹ cho nghỉ học, bổ vào làm hàng xáo với mẹ. Gạo thì chở ra chợ huyện. Trấu để rấm bếp. Cám cho lợn. Và tấm dành cho cả nhà. Cơm tấm chạm hơi đánh với cà kháng vắt hột cho tí mỡ om lên Thân và riêng thằng út cũng có thể đánh bay già nửa cái nồi năm.

Cái cảm giác ngon lành ấm áp của bữa cơm đầu ngày ở nhà mất biến khi Thân lò dò ra khỏi nhà, lầm lũi đi dọc bờ đê ướt đẫm sương về phía bến thủy văn, cái bến duy nhất trong làng các bậc còn nguyên vẹn và đặc biệt sạch sẽ. Nhưng người trong xóm lại ít lai vãng. Ai cũng chỉ lên xuống ở bến cũ, nơi lúc nào cũng đầy lá tre rụng và những hàng gạch lát nghiêng từ hồi xửa xưa đã bong lở, lung lay như răng bà lão. Chẳng hiểu sao. Có thể là bến thủy văn của đáng tội trông cũng khí trơ. Chẳng có tre pheo. Trụi thùi lụi độc cái cầu thang xây bằng gạch vôi cát chạy qua hàng xi măng với những bậc hẹp dẫn tới mí nước, nơi lúc nào cũng thấy neo một cái thuyền đinh của trạm, chẳng mui chẳng buồm, lỏng chỏng mấy thứ vật dụng nhà nghề, mạn lại còn sơn mấy vệt đỏ choe choét.

Thân đặt nghiêng bàn chân trên những bậc thang hẹp ấy, lần tới chỗ neo thuyền, tháo dây đẩy thuyền ra chèo ngược lên mạn Thác Bà rồi lại thả xuôi về mạn Tế Tiêu. Công việc đơn giản và đơn điệu. Đo mực nước. Ghi sổ. Lấy mẫu nước về đo độ phù sa. Ghi sổ. Chuyển về trạm chính cho các ông bà kỹ sư ngồi đó mà dự báo. Ba năm trung cấp Thân học đủ thứ, rút cục chỉ làm có vậy hàng ngày.

Thân vào nghề hoàn toàn ngẫu nhiên. Bố giáo viên dạy sinh vật với kỹ thuật ở trường làng, chẳng hiểu thời trẻ thế nào, chứ tới hồi Thân biết thì bố hoàn toàn thờ ơ với việc trường việc nhà. Mẹ đâm dặm đâm dụi với mấy sào ruộng khoán và gánh hàng xáo. Vườn nhà trồng độc chuối là chuối. Chẳng thấy bố dẫn vặt với một kế hoạch vườn ao chuồng nào. Mọi việc vào tay mẹ, rồi sau này sẻ bớt sang tay con Dậu. Con bé học dốt

nhưng tính giỏi. Ruộng khoán cho thuê lại. Mẹ và con Dậu chuyên làm hàng xáo. Rồi con Dậu thôi không làm đủ các công đoạn xay giã giần sàng, xoay ra buôn gạo từ chợ huyện về Hà Nội. Sáng nó đạp xe đi. Chiều tắt nắng đạp xe về. Vừa đi vừa về, hàng ngày nó phải long nhong trên xe đạp tới bảy tám chục cây số là ít. Thóc cao gạo kém kiểu gì nó cũng xoay xỏa đủ đưa mẹ tiền chợ cho cả nhà và bảo mẹ thôi để lương bố cho bố. Rồi nó tính chuyện làm ăn lớn, ngồi một chỗ mua toàn tôm cua ốc ếch thuê chở lên Vân Đình, chất lên xe ca ra Hà Nội đưa tới các quán cơm gọi là bình dân mà trước đó nó không bao giờ dám lai vãng. Cả nhà mất mặt vì nó và đâm sợ nó - đứa con đường học hành thảm hại nhất nhà. Thân là người khiếp nó nhất dù được cô em cưng chiều nhất bằng tình của đứa con gái chịu thua thiệt dành cho ông anh sẽ sinh niềm hy vọng cho bố mẹ sau này. Chỉ vì một buổi trưa từ trường nhảy xe về nhà, tới Vân Đình, gặp em gái tóc búi ngược, da mặt khô, xoe xóe chửi mấy người khác không chịu co chân tận mặt cho nó dồn các bao gạo vào gầm ghế, rồi sau đó lại thấy cười phe phé với tay phụ lái. Không bao giờ Thân dám để em gái biết mình đã thấy nó trong bộ dạng như thế. Thân sợ nó biết khéo nó phì cười. Từ lâu rồi, cô em không còn giữ cái vẻ cam chịu nhu thuận của đứa con gái chịu thương chịu khó nhiều thua thiệt.

... Đêm nay nước lặng. Thân thả thuyền trôi, đặt cái đèn bão lên sạp thuyền,hý hoáy ghi số liệu vào cuốn sổ trực luôn được anh Bỉnh chăm lo sao cho không nhàu nát. Sương xuống dày hơn. Trời đất tối sầm. Bóng tối sóng sánh tưởng chừng múc được. Thân rùng mình, gấp sổ, vớ sào chống thuyền ngược về bến. Tiếng một con cá nhảy rơi tõm vào dòng nước. Trôi? Rói? Hay cá chày? Nhà cũng nằm ngay trên một triền đê nhưng Thân không thạo cá mú ở sông, chỉ rành rọt độc một loại trắm cỏ. Nhà Thân có cái ao thả trắm cỏ và cữ này là cữ Thân thường dậy cho cá ăn. Công việc ấy Thân quen suốt bao năm, từ hồi học cấp hai. Thế mà một buổi sáng, từ ao quay vào nhà, Thân đã bàng hoàng không hiểu vì sao mình có thể làm mãi sống mãi một nhịp như thế mà không nghĩ ngợi. Ấy là lúc đột nhiên Thân nhìn thấy bóng mẹ bóng em lửa hắt nguệu ngoào trên vách bếp. Bóng mẹ nhảy nhót, mất đầu. Bóng con Dậu ngồi sàng gạo, biến dạng gù gập, to đoành. Tiếng cá vật nặng nề từ ao vọng lại nghẹn ngang ngực Thân.

Thân muốn đi xa. Nhưng chẳng có lý do gì để đi xa. Hai năm trời, đầu hè, nhận đồng tiền mẹ với em đưa, nhận thêm cái nhìn đầy mong mỏi mà Thân có cảm giác hết sức mệt mỏi của mẹ với em, Thân bỏ ra Hà Nội, lao đầu học trong các lò luyện thi đại học lúc nào cũng đông nghẹt những

đứa nhà quê như mình. Hai năm liền Thân trượt. Bố nhờ bác cả làm ở ty Thủy lợi chạy cho một suất trung cấp. Học ba năm. Rồi Thân được bác xin cho về trạm thủy văn này, dưới quyền anh Bình từ bấy đến nay.

Trạm nằm ở mom sông đầu xóm sát chân cầu nối Hà Nội với Miếu Môn. Gọi trạm cho oai. Thực chỉ là một cái nhà ngói có thềm rất cao nằm nép bên một cái lô cốt Pháp xây từ hồi xửa hồi xưa, từ cửa lô cốt và từ tất cả các lỗ châu mai lúc nào cũng bốc ra mùi phân bò, nằm lảnh khỏi xóm bởi một vườn chuối rộng đằng sau và một gốc nhãn đại phía trước. Người qua lại bờ đê suốt ngày, nhưng chẳng mấy khi có ai rẽ tạt. Chỉ có bọn trẻ chăn bò cứ trưa trưa lại dồn bò vào tránh nắng trong lô cốt và leo trèo tìm những qủa nhãn còi cọc là biết rõ trạm thủy văn có gì và có ai.

Trước khi Thân về, trạm cũng chỉ có hai người. Anh Bình và chị Cúc. Chị Cúc gái già, bình thường rất lặng lẽ, đột nhiên giở chứng mặt mũi vênh vênh váo váo chẳng ai dám động. Đấy là lúc vạt áo chị bắt đầu so le. Thân nghe mọi người xì xào thế thì biết thế, chứ lúc Thân gặp chị Cúc thì thấy khác hẳn. Lúc đó bụng chị đã như cái thúng, bè sang hai bên, kiểu bụng "lại thị mẹt mất thôi" như mẹ vẫn hay nhăn nhó đoán hộ các chị cùng xóm độ trước. Chị Cúc bàn giao cho Thân cái giường cá nhân, cái tủ gỗ tạp, lại cho luôn cả cặp chiếu mới mua và ổ gà mới nở. Mặt chị xanh xao, cổ gầy võ, hơi thở gấp, nhưng mắt cứ rực lên, tươi roi rói: " Thôi em ở lại làm việc với anh Bình. Chị sau kỳ này có khi cũng phải xin ở lại huyện, bằng không được thì về làm ăn với bà với cậu cháu..." Anh Bình dộng dộng cái điếu cày, châm đóm mấy lần nhưng không hút, chẳng nói chẳng rằng...

Chị Cúc nghỉ rồi, anh Bình đột nhiên cực kỳ vui vẻ. Anh chỉ hơi trầm ngâm lúc Thân kể chuyện gặp chị Cúc ở phiên chợ huyện. Chị đi bán táo vườn nhà, gửi Thân mang về cho con anh Bình cả rổ. "Thế là ổn rồi. Mà chị ấy có kể con bé con đã biết làm gì rồi không?" Anh Bình hỏi rồi đột ngột im bặt. Mãi tận đến lúc đi đo nước đêm Thân mới sực băn khoăn sao anh Bình lại biết chị Cúc đẻ con gái.

Thân về thay chị Cúc vậy là đã ba năm. Tháng hai lần, đổi giờ trực với anh Bình, Thân đạp xe về nhà. LàngThân cũng nằm ngay bên bờ con sông này. Nhưng cả làng có lệ dùng nước ao. Tắm rửa giặt giũ có ao đình. Ăn uống thì có cái ao nhỏ thả bèo tấm, nước trong vắt. Bãi sông mênh mông cát, bát ngát tre, ít người qua lại. Chẳng mấy ai để ý bờ bên kia thế nào. Từ ngày về trạm thủy văn này, làm việc cùng dòng sông, sống cùng sông, Thân hay ngóng về phía bờ kia. Chiều nào cũng như chiều nào, bến sông hai bờ đều nhốn nháo người. Tiếng người lao xao vọng qua vọng lại. Có lẽ, người hai bờ đều quen hết mặt nhau. Quen mặt. Nhưng chả ai quen

ai. Bao đêm một mình đi đo nước trở về, Thân bắt gặp mình cứ nghĩ mãi về điều ấy. Bao năm rồi như thế? Bao nhiêu năm rồi con người sống với dòng sông, trẻ con hai làng bơi qua bơi lại hai bờ, nhưng dân hai làng không ai cần biết ai. Điều đó làm Thân kinh ngạc.

Anh Bình cười khì khì khi nghe Thân kể về nỗi lạ lùng của mình. "Thằng em đúng là dở người" - Anh Bình bảo - "Tao chưa nghe ai trong cái làng này thắc mắc như mày. Mày rồi sẽ tậm tịt cả đời vì cái trò lãng mạn nửa mùa này. Cố mà nghĩ cách chuồn khỏi bến sông này đi thì tốt hơn. Đừng để như anh mày đây..."

Anh Bình cứ cười khì khì, bấn một bi thuốc lào ròn tanh tách. Nhưng mặt buồn rũ rượi. Trông cực vô lý. Anh Bình người thị xã, về trạm lúc trạm mới xây. Tý toáy tình tang thế nào không rút cẳng ra được tình yêu của cô giáo viên vỡ lòng xã. Cải cách giáo dục, bỏ lớp vỡ lòng, giáo viên vỡ lòng được nâng cấp thành giáo viên lớp một. Nhưng chị vợ anh không thiết. Chị ra dựng luôn một cái quán ở đầu cầu, đặt cái máy may, nhận may vá áo cho cả ba làng nằm ở ngã ba sông. Anh Bình có lần bảo Thân: "Chú thắc mắc không biết bên kia sông người ta sống thế nào thì cứ ra quán mà hỏi chị. Chị chú biết hết dân ở đây đấy. Làng nào mà chả như làng nào. Giờ đang lao đao vì hụi. Thằng em con chú chị ấy hôm kia tận đâu qủa lựu đạn định đi ăn thua đủ với người giật hụi. Cả nhà xúm vào can khóc như cha chết. Chủ nợ thành con nợ. Mẹ kiếp... Tính giết nhau. Mà nhìn quanh toàn trong họ ngoài làng. Chị mày là tao cấm ngặt. Năm nay nước lên sớm thế này...Khéo rồi gạo kém. Rồi trấu cũng chả có mà nhai đừng nói ủ bếp...Hụi với chả hè..."

Anh Bình có cái kiểu nói năng như thế. Lúc thì cực trắng trợn. Lúc lại cực dịu dàng. Khi Thân kể cho anh Bình nghe về cô bạn học con ông phó chủ tịch huyện, anh Bình mắng thẳng mặt Thân. "Mày ngu lâu khó đào tạo mất rồi. Mặt nó có to như cái giần, trứng cá có dày như bánh đa kê thì cũng có sao. Mặt thế dễ đẻ, mày trẻ ranh không biết. Cái chính là nó mê mày. Bao nhiêu thằng mong ỷ chim lập nghiệp! Mỗi mình mày...." Rồi anh thở dài đầy vẻ ngán ngẩm, chuyển giọng nửa khinh bỉ nửa chọc ngoáy. "Anh có kinh nghiệm này truyền cho thằng em: Bố mẹ nghèo hèn thì không phải lỗi tại mình, nhưng bố mẹ vợ nghèo hèn thì mình không chạy tội được. Mà đã rơi đánh phịch vào trong cái cảnh ấy thì chỉ còn có mỗi cách thoát là ... chơi hụi."

Hụi cũng đang như bão thổi qua làng Thân. Con Dậu vỡ hụi, ngồi một đống ở nhà không dám bước ra khỏi ngõ. Mẹ phải gỡ cả đôi khuyên trên tai con út để trả nợ đầy cho nó. Nhà Thân đúng là chỉ còn độc một cái xác nhà mà nếu không phải do bố mẹ làm chủ thì khéo đến nước người ta

vác xà beng đến đào cả móng lấy gạch mang về. Thân không nói với anh Bình, nhưng cuối tuần rồi đã theo bố đến nhà ông bác nhờ ông lo cho một xuất đi Tây. "Không được Đức thì phải chịu. Nhưng anh cố sao cho cháu không phải đi Liên Xô." Ông giáo làng lần đầu tiên tỏ ra thiết tha với sự nghiệp của thằng con.

... Lúc Thân đẩy thuyền về bến, mặt trời đã lấp ló dưới chân tre làng bên. Sương đã gần tan hết. Nhưng mặt sông vẫn còn phủ một làn hơi xám mong manh. Dưới bến sông đầu xóm, mấy dáng người đang lúi húi. Một bà xởi lởi "Anh thủy văn đo nước về sớm nhẩy?" và Thân mau mắn "Các bà hôm nay không ra đồng?"

... Thân trả lời, nhưng tâm trí đổn hết vào dáng đứa con gái đang vén quần lội xuống nước. Cô bé ở ngay ngôi nhà sát vườn chuối sau trạm thủy văn, vẫn quảy đôi thùng sang xin nước mưa ở trạm những khi sông đục nước lên. Cô bé trông thật khác bọn con gái nhà quê cùng lứa. Da trắng. Mắt to. Mũi thẳng. Anh Bình có lần xúc động: "Nó là con thằng cha y sỹ ở trạm xá đấy. Thằng cha có tới ba thằng ông mãnh con. Mà sợ vợ không dám nhận nó. Cứ nhìn thấy bố là con bé len lén len lén lảng, không thì chạy hộc tốc xốc gan. Mẹ nó phải mồi tội thọt, chứ người ấy nết ấy thì... Hồi trước nhìn mẹ nó bế con đi trên đường làng, mẹ tập tễnh, con như cái dải khoai, thế mà giờ nó đã xốc vác đỡ mẹ được bao nhiêu việc..." "Rồi nó còn xinh hơn cả mẹ" - chị vợ anh Bình lườm chồng - "Làm cái thân đàn bà thật là tội nợ".

Cái tội nợ ấy chưa in được một dấu vết gì lên dáng hình cô bé. Cô bé đang giặt chiếu. Cái chiếu trải rộng, dập dềnh trên mặt sông sát bắp đùi nó. Ánh mặt trời chan hòa trên bến sông, trong sóng nước, chan hòa trên cái thân dáng mảnh mai. Nó đứng thẳng người, không để ý cái chiếu dập dềnh trôi ra xa, nhìn thuyền Thân trôi ngang, nhìn sang bờ kia, nhìn trời, háo hức. Thân lạ lùng nghĩ mình sẽ nhớ nó, khi rời bến sông này, đất nước này, tới một thành phố, chắc thế, phải là một thành phố, của một đất nước xa xôi. Nỗi nhớ tưởng tượng làm lòng Thân dịu dàng thắt lại, khi Thân buộc thuyền, lên bến, đi dọc bờ đê còn ngai ngái cái mùi tươi mát của cây dại ướt sương. Sông có ngừng trôi đâu. Sông sẽ còn chảy mãi.❐

Hàng tháng đọc Văn Học để:
* tìm hiểu những vấn đề đang tranh luận trong sinh hoạt chữ nghĩa
* thưởng thức những sáng tác mới của những cây bút uy tín
* khám phá những tài năng mới trên văn đàn hải ngoại

Cuồng Lưu Chữ

LÊ THỊ HUỆ

Tôi ngã xuống những thảm chữ êm nhẹ
Theo tiếng guốc ấu thời vang giòng mực xanh xa
Hàng giấy trắng lao xao linh hồn tuổi nhỏ
Trăng tuổi thơ treo trăm cửa ô quan bút mầu

Tôi cúi xuống hôn lên vai những dấu phẩy
Len lén chép thư trai trong tập vở học trò
Tuổi trẻ tôi tầm dấu sắc xế cống lòng phiếm giấy
Xô tè nhiều mối tình dưới những kè dấu nặng
Của hàng rào ngũ cung chàng

Tôi đánh động năm nghìn cánh cửa của thi ca
Những cánh cửa niêm luật
Rêu phong văn hiến xanh tóc hoàng triều
Tôi đẩy tới bằng đám lau sậy chữ nghĩa
Quơ dạt hết những nhà độc tài xuống hố

Tôi dựa lưng trời viết đôi câu hoang dàng mộng mị
Giọng cải lương sầu đời tuyệt vọng của riêng tôi
Ngộ trong âm hưởng sáng tạo tiếng phèng la sự thật
Những cơn thổ huyết làm hồng hào da thịt nhân gian

Tôi thở không kịp với giòng cuồng lưu tiếng nói mẹ
Nơi chốn trú ẩn cuối cùng của tôi trên mặt đất
Tôi nằm lút muốn trút hơi thở của mình trên
quê hương đó.

Đôi cánh ước mơ của con

Bùi Bích Hà

Cô con gái út của tôi gần như không bao giờ mình thị ngỏ lời yêu cầu mẹ làm thêm một việc gì ngoài những công việc thuộc trách nhiệm tối thiểu mà tôi thường phải chu toàn đối với cô: tiền nhà, tiền mua sách, tiền ghi danh một lớp học phụ trội v.v... Ngày cô tốt nghiệp cử nhân dự bị luật khoa tại UCLA, cô không mời mẹ dự lễ ra trường với lý do cô không thấy chuyện tốn tiền thuê lễ phục là cần thiết nên làm. Ngày cô tốt nghiệp bác sĩ luật khoa đại học North Eastern tiểu bang Massachusetts cô cũng không muốn mẹ nhọc lòng đi một hành trình xa chỉ để dự lễ cô ra trường. Cô gọi điện thoại về nói "đàng nào thì con cũng học xong rồi. Nếu mẹ muốn thưởng, mẹ con mình nên gặp nhau đâu đó để cùng đi chơi thì hữu lý hơn". Một chỗ đâu đó và chuyến du lịch giải trí sau mùa thi này đã do cô con gái thứ hai của tôi lo giùm vì tôi mới nhận một công việc mới nên chưa có ngày nghỉ phép.

Thế mà đến lúc cô qua được kỳ thi lấy bằng hành nghề luật sư thực thụ của tiểu bang Massachusetts, cô lại ngỏ ý "mẹ qua dự lễ tuyên thệ của con nhé". Tôi là một người già, vốn cả tin vào mọi quyết định của người trẻ nên chỉ chờ cô nói có thế là vội vã đặt mua vé máy bay. Cuối cùng thì tôi cũng đến được phi trường Logan, thành phố Boston, vào một buổi tối giữa tháng 6-99, sau chín tiếng rưỡi đồng hồ hoặc ngồi trên phi cơ, hoặc chạy như ma đuổi trên các hành lang sân bay đông đầy người, hoặc chờ đợi cho cơn mưa giông có sấm sét ở Detroit tan hẳn để phi cơ có thể cất cánh an toàn ở chặng bay cuối.

Các phi đạo của sân bay Logan chạy dọc theo những vũng biển nhỏ, ban đêm lấp loáng ánh đèn. Cô bé ra đón mẹ bằng chiếc xe hơi cũ, mượn của bạn. Căn chung cư cô ở thuê nằm ở vùng ven thành phố Boston, trong khu vực dành cho giới có lợi tức thấp. Nhà cửa quanh đây không có đất

làm gara, không có sân chơi cho trẻ con, xe đậu bên lề đường sát nhau, chiếc nọ cách chiếc kia chừng vài gang tay, khiến tôi có ý nghĩ ngộ nghĩnh là nếu chiếc đầu tiên không chạy, như mối chỉ bung ra, thì cả đoàn xe sẽ không nhúc nhích được.

Vì buổi lễ tuyên thệ được tổ chức vào lúc một giờ chiều thứ hai nên mẹ con tôi có nguyên một ngày chủ nhật tự do rong chơi. Sáng sớm, cô bé dậy làm điểm tâm cho mẹ gồm một ly trà chanh pha mật ong, mấy cái bánh bột nướng rắc đường mịn. Ăn uống xong, cô chở tôi xuống phố. Boston có nhiều cầu băng qua những khúc sông. Bên kia sông là thành phố Cambridge, mây xuống lưng chừng các tòa cao ốc, tưởng như một người nào mở một cánh cửa sổ ra là có thể với tay vốc được một nắm mây.

Đường sá ở cái thành phố những người di dân đầu tiên đến khai sinh Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ, chật hẹp và cũ kỹ. Lề đường mấp mô gạch đỏ, đông đầy bộ hành. Người ta băng qua đường bất cứ nơi nào họ cần, ngay trước mũi những tài xế xe hơi chắc là đã quen nhường người đi bộ. Phụ nữ ăn mặc đẹp nhưng đi giày tiện dụng, đa số mang sneakers. Một đặc điểm nữa của Boston mùa hè là du khách và gió. Gió lộng khắp mọi nơi, thổi tung mái tóc người qua đường. Gió như đàn ngựa hoang, lồng qua những con phố hẹp, gọi dậy trong ký ức mơ hồ nỗi nhớ nhung một thời của những giấc mơ viển vông. Có một đoạn đường, vào mùa gió chướng, những người đàn bà muốn băng từ bờ lề này qua bờ lề bên kia phải được nhân viên an ninh hộ tống để khỏi bị gió cuốn đi như cọng lá khô. Boston có nhiều trường đại học danh tiếng. Sinh viên khắp nơi trên nước Mỹ lựa chọn theo học ở cái thành phố có truyền thống văn hóa này, lôi cuốn thân nhân, bạn bè đến cùng trong mùa hè. Chịu ảnh hưởng giao lưu mạnh mẽ của nhiều lượt người đến và đi từ nhiều vùng khác nhau, người dân Boston phóng khoáng và cởi mở so với bề ngoài địa dư cổ xưa.

Ở khu trung tâm thành phố, thư viện cộng đồng được dân chúng góp công góp của xây cất từ thế kỷ 19 để phục vụ cho "nền học vấn tiến bộ". Làm thành một góc vuông ở hai mặt thư viện là hai ngôi nhà thờ kiến trúc mỹ lệ, ngôi ở chính diện thư viện soi bóng lồng lộng trên toàn bộ mặt tiền lộng kiếng của tòa cao ốc John Hancocks. Chuyện kể rằng có một lần, khi mới xây cất xong, những tấm kiếng lớn của tòa cao ốc này rơi xuống đường phố nhưng không làm một ai bị thương. Người dân Boston tin rằng Chúa và Đức Mẹ đã làm phép lành để tránh được một tai nạn lớn cho họ. Rõ ràng kiến thức và đức tin là hai yếu tố tinh thần đậm nét của khu vực này trên bản đồ của nước Mỹ.

Chúng tôi cũng đi qua công viên rộng lớn của thành phố, với hồ nước và cây cỏ xanh tươi trong mùa hè. Sát công viên vẫn còn một khu nghĩa

trang cổ mà có lẽ người dân muốn giữ lại như một vết tích của tiền nhân. Khu phố Tàu cách nơi này một quãng đường không xa lắm. Con gái tôi kể lại có những buổi trưa nắng đẹp trong mùa thi, cô lội bộ ra phố Tàu mua thức ăn rồi vào công viên học, mệt hay buồn ngủ thì ngủ thoải mái trên cỏ. Nghe con hồn nhiên nói, lòng tôi bỗng đau thắt. Những chặng đường cô đi, những kinh nghiệm sống cô trải qua, một mình, thật đã vô cùng xa lạ đối với sự hiểu biết và khả năng bảo bọc của một bà mẹ như tôi, được nuôi dưỡng lớn khôn, được học hành, được ngủ trưa trong bóng mát khu vườn nhỏ bé của cha mẹ. Thế giới của cô không có chút gì giống với cái thế giới tôi từng quen thuộc. Những khám phá của cô có biên giới ngoài tầm với của tôi ngàn lần hơn. Những đương cự của cô gay gắt, khó khăn gấp bội so với hoàn cảnh tôi phải trải qua. Cho nên, cô không bao giờ là âm bản của mẹ cô được. Cô lớn lên từ thịt da của mẹ nhưng sự lớn mạnh ấy phải xé rách thịt da kia để sống phần đời phát triển của riêng cô. Tôi vừa kinh ngạc, vừa hạnh phúc nhìn ngắm cái phần hóa thân tuyệt đẹp trên sự khô héo và tàn rữa của chính mình, bỗng dưng muốn ngợi ca Thượng đế và hiểu ra ý nghĩa màu nhiệm của mọi chu kỳ sinh diệt trong tạo vật.

Chúng tôi đi qua trường đại học Harvard, nhìn vào những lối đi cây lá xanh bên sau mặt tiền cổng kiến trúc vững chãi và cổ kính, đọc thấy trên đó hàng chữ "Enter to grow in wisdom". Ngoài bằng cấp, phải chăng giấc mơ lớn nhất của nhiều thế hệ sinh viên theo học ở đây, của những người đã đặt viên đá đầu tiên để xây dựng ngôi trường danh tiếng này từ năm 1873, chính là ước mong được nhìn thấy con người ngày một biết sống khôn ngoan hơn trên địa cầu này? Có bao nhiêu sinh viên hàng ngày vào ra qua cổng trường hay đã tốt nghiệp và bay đi những phương trời khác, còn mang theo trong trí nhớ dòng chữ khắc trên đá ấy? Hay nó như chiếc chìa khóa mở cửa vào cõi chân như hạnh phúc bị vùi lấp mất tăm giữa bề bộn lo toan của đời người?

Buổi lễ tuyên thệ vào nghề của khoảng 180 tân luật sư thuộc tiểu bang Massachusetts được tổ chức vào lúc một giờ trưa ngày 14-9 tại tòa nhà Faneuil Hall, trước kia là tòa thị chính của thành phố Boston và nay được dùng cho các sinh hoạt đặc biệt của thị xã. Cô con gái út của tôi là người phụ nữ Việt Nam duy nhất, tầm vóc nhỏ bé, lọt thỏm giữa các đồng nghiệp "râu hùm hàm én mày ngài, vai năm tấc rộng lưng mười thước cao" và các nữ đồng nghiệp oai phong, bệ vệ hơn hẳn cô. Buổi lễ được điều động bởi bà Maura S. Doyle, chánh thư ký tòa án tỉnh hạt Boston, vốn cũng là sinh viên xuất thân từ trường luật North Eastern, đẹp sắc sảo ở tuổi trung niên, thông minh, lưu loát, tóc cắt ngắn, mặc lễ phục áo đuôi tôm khiến bà trông ngộ nghĩnh và duyên dáng thêm. Buổi lễ tất nhiên còn

có sự hiện diện của hai vị Chủ tịch luật sư đoàn, một nam, một nữ, thuộc luật sư đoàn Boston và Massachusetts. Họ ứng khẩu những bài diễn văn ngắn gọn, kêu gọi các tân luật sư luôn trau đồi nghề nghiệp, bảo vệ thanh danh, là những người kiến tạo hòa bình hữu hiệu trong các cuộc tranh chấp. Giữa chừng buổi lễ, vị Chánh án Tối cao Pháp viện của tiểu bang Massachusetts đến ban huấn từ. Ông là người da màu, phong thái vui tươi, giản dị so với nghi thức long trọng chào đón ông lúc tới và rời đi. Với một nụ cười rộng, ông kể lại kinh nghiệm ngày đầu tiên bước chân vào tòa trong vai trò một luật sư trẻ tuổi mới ra lò, lòng háo hức với rất nhiều kiến thức sách vở. Ông nhắc nhở đám người quần áo tề chỉnh, ngồi chờ nhận chứng chỉ hành nghề trên mấy hàng ghế trước mặt ông, là họ nên luôn luôn nhìn lại đằng sau và nhìn xuống dưới, để thấu hiểu những kẻ chậm chân hơn họ và thấp hơn họ. Tiếp theo chương trình là phần tuyên thệ, trước bạ chữ ký, nhận bằng và chụp hình của các tân luật sư cùng với thân nhân và bè bạn.

Buổi lễ kết thúc trong ánh nắng nửa ngày bắt đầu oi bức của mùa hè ở Boston. Sát cạnh tòa nhà Faneuil Hall là khu chợ cổ Quincy Market nay cải biến thành khu chợ trời bán đủ loại thức ăn, hoa tươi, thời trang và kỷ vật cho du khách. Chúng tôi đi phất phơ, nhìn ngắm dọc hai bên hàng phố có những bờ lề lót gạch đỏ mà thời gian lâu năm đã làm cho sồi sụt, mấp mô. Tôi nói với con gái "nếu mẹ vấp ngã thì con có thêm một thân chủ". Cô bé cười, lương thiện trả lời "Nhưng mẹ phải gãy xương mới được" (Thôi, vậy thì tôi cố đi những bước thận trọng là hơn). Buổi tối, chúng tôi đi ăn khao ở một nhà hàng Pháp lai Cam Bốt. Họ có món cháo gà, nấu giống hệt người Việt Nam mà khi dọn ra rồi mới biết thế. Thức ăn ở Boston rất đắt so với Quận Cam. Thực đơn bình thường cho bốn người không uống rượu, phải trả trên một trăm đô la. Món clam chowder nấu kiểu Anh là đặc sản của Boston, ăn ở đâu cũng ngon. Thấy tôi đòi Tabasco sauce để nêm vị cay vào xúp, con gái tôi kêu ầm lên "Thế thì còn đâu là mùi thơm của nghêu nữa hả mẹ?" Bàn tay tôi đang cầm chai tương ớt bỗng tê dại, con bé vô tình vừa gọi dậy trong trí nhớ cùn mòn của mẹ cô cả cái Cồn Hến xanh tươi tắm mình giữa dòng sông Hương nên thơ và êm đềm của quê hương ngày nào. Những con hến ở đấy chỉ bé bằng những đầu đũa, mình chúng dòn tan, chứa trong chúng cả cái ngọt ngào và thơm mát của sông nước Hương giang hiền hậu, ngày đêm trôi chảy êm đềm dưới ánh mặt trời và trăng sao, giữ trong chúng cả cái non tơ đậm đà của thổ ngơi nuôi xanh những luống bắp trên cồn. Đối với tôi, cái hương vị biển cả trong tô xúp nghêu nấu bằng sữa tươi và khoai tây ở đây không có gì riêng biệt đến nỗi phải tránh gia vị nó với Tabasco sauce.

Nói đến chuyện ăn, tôi nhớ có một lần đi dạo loanh quanh với con trên đường phố Boston, tôi và cô bé gặp một cô bạn người Hoa, vừa tuyên thệ trước cô bé vài tháng. Cô bạn đi chợ ở phố Tàu. Trong giỏ xách của cô chỉ có mấy hộp sữa đậu nành bột, mấy cây cải Đài loan. Tôi hỏi "Cô chỉ cần có thế là đủ cho cả tuần lễ ư?" Cô mỉm cười trả lời "Tôi không cần gì khác nữa". Câu hỏi của tôi có vẻ thiếu tế nhị nhưng tôi gởi vào đó cả tấm lòng ngưỡng phục, biết rằng nhiều người xung quanh tôi có cuộc sống phong phú riêng của họ mà nếu tôi có cơ may biết tới, gặp gỡ, nguồn sinh thú của tôi hẳn sẽ có thêm nhiều sắc thái mới lạ lắm.

Qua ngày hôm sau, chúng tôi đi thăm tiểu bang Maine, chỉ cách Massachusetts khoảng hai tiếng đồng hồ lái xe về hướng bắc, băng ngang New Hampshire. Khác với Boston nặng về học thuật và hành chánh, nhịp sống không vội vã nhưng có cái xô bồ, náo nhiệt vì lưu lượng du khách tập trung vào thành phố, Maine hiền hòa, sâu lắng, nhiều thiên nhiên bên cạnh các công trình nhân tạo trau chuốt. Chúng tôi đến bãi biển Ogunquit, theo thổ ngữ da đỏ có nghĩa là "nơi đẹp nhất ven biển". Bãi ở đây ngắn, ít cát, nhiều đá, nước xanh màu ngọc thạch. Hôm đó sóng hơi lớn. Người ta thả mấy dây phao để làm dấu vùng nguy hiểm cho người tắm. Ngồi nghe sóng vỗ một lúc, ăn cà rem xong, chúng tôi nhổ neo vào thành phố. Ra đến bãi đậu xe, đã thấy nhân viên an ninh đang lui cui kiểm soát các xe đậu lố giờ để biên giấy phạt.

Maine nổi tiếng về kỹ nghệ nuôi tôm hùm. Bảng số xe ở Maine có con tôm hùm màu đỏ nằm vắt ngang. Chúng tôi đi ăn ở cái nhà hàng mặt trước ngó chơ vơ ra con lộ vắng đầy nắng, mặt sau nhìn xuống những vũng đầm cạn bờ bụi hoang vu. Gió lộng mát lạnh qua những khung cửa sổ mở. Nghêu hấp, tôm hùm hấp hoặc nhồi gia vị bỏ lò, dọn cho khách kèm với khoai tây chiên hay nướng, xà lách, bắp luộc và cơm pilaf nấu bằng hương liệu trộn ngò tây. Bữa ăn rất ngon, tiền bạc đã có công ty cấp tín dụng thanh thỏa, chúng tôi ra về, nghe mùi tôm hùm tỏa ra từ các lỗ chân lông trên mình.

Maine cũng có những khu mua sắm với các bảng hiệu danh tiếng và quen thuộc như ở Cali, chỉ khác là mỗi cửa tiệm có một tòa nhà riêng nằm dài theo phố chứ không tập trung thành Mall lớn. Loanh quanh một lúc rồi chúng tôi lên xe trở lại Boston. Đậu xe ở Maine không phải trả tiền, chả bù với người dân ở Boston đa số sử dụng xe buýt và xe lửa vì không chịu nổi lệ phí đậu xe gần hai mươi đô la cho một ngày.

Buổi tối sau cùng của hai mẹ con, chúng tôi đi dạo trên mấy con đường quanh khu chung cư cô bé ở thuê. Cửa sổ phòng cô trông ra mấy cây phong mùa này lá đang xanh. Tiếng trẻ con khóc, tiếng chân di chuyển

ở tầng trên, dãy hành lang có cửa sắt và đèn mở suốt ngày (mà cô chị đi thăm em một lần về mô tả cho mẹ nghe là "giống như một nhà tù"), lũ trẻ da màu giành nhau khiêng mấy bình nước uống sau lưng một người đàn bà có đôi mắt bối rối khi nhìn thấy khách lạ, ngần ấy thứ dường như đã rất quen thuộc cùng cô bé, không làm cô bận tâm chút nào như đối với mẹ cô. Trong lúc mẹ con râm ran chuyện trò, có khi cũng va chạm và mâu thuẫn trong các quan điểm trao đổi về một số vấn đề. Tôi có cái nhậy bén của một người viết lách ưa quan sát tỉ mỉ. Cô con gái tôi chấp nhận người và việc xung quanh cô trong cái tổng thể khách quan mà cô tôn trọng, không thắc mắc, không phê phán. Cô khó chịu vì cách nhìn chi li của mẹ mà không biết rằng từ trong bản chất, tôi không khác gì cô cả. Tôi chỉ ham hố hơn cô, muốn cảm nhận và thẩm thấu nhiều thêm nữa những mảng đời lung linh màu sắc quanh tôi. Khi tôi trỏ những ngôi nhà hai bên con đường cô qua lại hàng ngày và nói "Nhà ở đây không có sân chơi cho trẻ con", tôi không ngụ ý chê bai gì cả, tôi chỉ bâng khuâng tự hỏi những lứa trẻ lớn lên ở những ngôi nhà này sẽ có những kỷ niệm vui đùa thời thơ ấu như thế nào? Thật ra, những ngôi nhà ấy tồn tại nhiều chục năm qua, có đời sống riêng của chúng với biết bao nhịp thở sinh động, chẳng liên quan hề hấn gì với bất cứ ý kiến nào của những người qua đường như tôi. Không những thế, tôi yêu mến, quyến luyến tất cả cảnh trí ở cái khu phố nghèo này, chúng giữ của con gái tôi những ánh mắt buồn vui, những bước chân ròn rã hay mỏi mệt, những sáng đi, những chiều về khăng khít một thời.

Trong căn phòng ngủ nhỏ của cô bé, ban đêm khi đèn đóm đã tắt hết, khung tường đầu giường cô sáng trưng những vì sao, mặt trăng, mặt trời, thái dương hệ, cả cái không gian bát ngát cô dựng lên cho cõi mộng mơ của cô. Đối với những người trẻ tuổi, giấc mơ là một lên đường không bao giờ chấm dứt, một hành trình đi không bao giờ tới, là những chân trời cứ dàn trải đến chỗ vô cùng. Tôi có nỗi xót xa của bà mẹ đứng bên lề những giấc mơ của con. Tôi cũng có niềm hạnh phúc hình dung ra vẻ đẹp của cái thế giới đầy hứa hẹn tuyệt diệu ấy.

Trở về lại Cali, bước chân vào sở, làm lại các công việc thường nhật, tôi hiểu rằng từ nay, đồng tiền đổi được từ những công việc này sẽ không còn để chắt chiu gửi cho con gái tôi trang trải nhà cửa, thức ăn, quần áo v.v... nữa nhưng tôi vẫn cần phải tiếp tục để đôi cánh ước mơ của cô được thêm dài rộng.

Cali 6-99

Mua đông ở APPEX

ĐẶNG HIỂN

Không dùa không thật
Những chiếc bóng ngã vào nhau
Cơn mơ chiều đông vừa phải như hạnh phúc em
Cơn mơ chiều đông buồn bã
Cơn mơ xuyên qua tàng cây
Những cành tháng bảy

Em bay qua ngày, em bay qua đêm
Em bay qua tôi một lần
Em bay qua hồn tôi xa xỉ
Giọt nước biển từ ngực lớn lên
Tôi dại tôi buồn trước sau cũng vậy

Tôi bắt đầu từ hang sâu
Con đường, hành lang, lung linh diệu múa
Vở kịch nhập vai lúc nào ai biết
Khi em về tôi có được buồn không
Không dùa không thật...

July -1999

Mười ngày ở Bled

Nguyễn Quí Đức

Đêm đã khuya. Phi trường Orly vắng khách. Lác đác còn vài người ở cổng ra vào của những chuyến bay xuyên đêm.

Hơn một tiếng nữa máy bay sẽ cất cánh.

Cuối cùng, em giữ lời hứa với anh. Mười năm để em làm được điều đã hứa.

Nhưng đừng hỏi. Đừng hỏi, vì em không có câu trả lời.

Từ khi sau khi đặt vé máy bay, em đã rối loạn trong thâm tâm.

Làm sao em biết được mình buồn hay vui?

Người thiếu phụ đã gần bốn mươi, nhưng còn vẻ tươi tắn. Tầm vóc vừa vặn, cử chỉ và dáng vẻ quí phái. Trên người chỉ một chiếc sơ-mi trắng, quần lụa thô màu sữa nhạt, giày thấp gót. Mái tóc vàng rơi tự nhiên trên vai. Người phụ nữ đeo trên lưng một chiếc túi da đã bạc màu, hình dạng cổ điển, vượt thoát những đòi hỏi thời trang.

Khi lên máy bay, em sẽ bước vào đêm tối. Phi đạo ở phía bên kia, nơi em đáp xuống, sẽ dẫn em đến nơi em biết sẽ là kết cuộc của mười năm mong nhớ, khắc khoải.

Mười năm của những câu hỏi vang lên trơ trọi. Những câu hỏi vấn vương từ năm em vừa hai mươi sáu tuổi.

Rồi câu trả lời có nằm đâu đó ở bờ bên kia không anh?

Ở phần phi cảng quốc tế ở Orly, vài chuyến bay muộn giờ nhả ra những người hành khách hối hả bước dọc hành lang, hướng về phía quầy

hải quan. Một vài người đàn ông đi ngang phòng đợi, trộm mắt nhìn người phụ nữ ngồi một mình với chiếc túi da.

Có phải là một cuộc tình không, nếu ta không được gặp, không ôm ấp nhau trong ba ngàn sáu trăm năm chục ngày? Có là một cuộc tình không, mà em vẫn cất giữ hình bóng anh trong thâm tâm? Và lo âu cho anh giữa chốn đạn bom?

Có là cuộc tình không nếu chúng ta chỉ vọn vẹn có với nhau mười ngày?

Đôi khi người phụ nữ ngẩng đầu, rời mắt khỏi cuốn sổ tay, bắt gặp những ánh mắt đang nhìn mình. Nụ cười của nàng ẩn hiện, một bày tỏ lịch sự, nhưng tuyệt đối không mời mọc gì thêm. Ánh mắt thoáng chốc ghé lại những khuôn mặt những người đi qua, rồi lại cúi xuống trên trang giấy nhỏ.

Lần đầu tiên nhìn thấy anh trên triền núi, làm sao em biết em sẽ yêu anh?

Làm sao em biết mười năm sau em vẫn sẽ nhớ anh?

Làm sao em biết mười năm sau bóng dáng chiến tranh sẽ đổ xuống vùng núi đồi, hồ nước, nơi ta đã gặp nhau, nơi em nghĩ anh vẫn sống?

Người phụ nữ rời khỏi ghế phòng đợi, đi như quen thuộc ngõ ngách trong phi trường, bước vào một quầy bán sách báo và giải khát. Người bán hàng nghe lời yêu cầu của nàng, quay lưng lại pha một cốc rượu. Nàng nốc cạn cốc rượu–nhăn mặt–rồi chìa tay nhận tách cà phê.

Mười ngày để em biết về anh, biết gần hết, biết những điều sâu đậm nhất trong con người anh. Những viên đạn, những vết sẹo, những cuộc biểu tình, những lý tưởng, tìm tòi và trốn chạy thời sinh viên. Rừng cao su. Vũng lầy. Đồi núi. Những tên gọi xa lạ, và những suy tư em không thể có về một đất nước mất tự chủ.

Mười ngày có đủ không, để vĩnh viễn trói chặt vào tâm trí của em câu chuyện về cuộc chiến gây tang tóc, chia ly ở bên kia địa cầu, ở chân trời xa hút với em? Trói chặt vào tâm trí em hình bóng của anh?

Nàng đứng ở quầy, lấy sổ tay ra, ghi vài hàng, hớp một ngụm cà phê, lại bỏ sổ tay trở vào túi da. Đưa tay kiểm giờ, lơ đãng nhìn quanh. Nàng mua của người bán hàng một bao thuốc, châm thuốc hút, mấy hơi làm

nàng ho. Nàng dụi điếu thuốc hút dở vào gạt tàng, cho bao thuốc vào túi da, rời quầy rượu, rồi đi quanh quẩn bên ngoài những cửa tiệm, sạp quán đã đóng cửa. Ở một góc hành lang, một chàng trai tóc dài nghiêng người tới lui, mãi mê với cây đại hồ cầm trong tay.

Mười ngày có là cuộc tình không, để em dày vò với tội lỗi ngoại tình?

Thiếu phụ nhận ra tấu khúc của Elgar, bắt chéo đôi chân, đứng nghe. Tiếng nhạc như lưỡi dao, tới lui èo uột, lê thê, trầm xuống mãi.

Năm đó em thấy mình lớn lắm. Đã trầm tĩnh. Đã có chồng, đã bước qua ngưỡng cửa hôn nhân, đã lập gia đình.

Còn anh. Đuôi mắt đã nhiều vết nhăn, đã từng trải. Em nhận thấy điều đó ngay lúc gặp anh. Không biết tại sao em nhận thấy điều đó, ngay lúc đó, tức thì. Em đoán trong thâm tâm anh, những vết nhăn chắc cũng đã chồng chất.

Thiếu phụ bỏ đi trước khi bản nhạc chấm dứt. Những bước chân thoăn thoắt. Tờ giấy bạc rơi lặng lẽ vào thùng đàn mở nắp. Người nhạc sĩ khẻ nghiêng đầu, mỉm cười, tay không ngừng đẩy đưa những giòng nhạc vẫn cứ trầm xuống, trầm xuống mãi, trườn xuống đáy vực, ê chề mà cuốn quýt, mời gọi. Những giòng nhạc luồng xuống, vờn quanh đôi chân người thiếu phụ, đuổi bắt dáng vóc như đang trốn chạy, như đã mất sự trầm tĩnh cố hữu của nàng.

Hôm đến Bled là ngày sinh nhật của em. Sinh nhật đầu tiên từ khi về với Pierre. Chiều trước đó ở Venise, Pierre phải đột ngột trở về Pháp. Em tiễn Pierre ra nhà ga, hẹn về lại Paris sẽ đón mừng sinh nhật một dịp khác. Em đặt ngón tay lên môi Pierre, không cho Pierre nói lời tạ lỗi. Lúc chuyến tàu của Pierre mất hút trong đường hầm em mới nhận thấy nước mắt nặng hạt trên bờ mi.

Ở cửa ra, em đứng nhìn tấm ảnh phóng lớn, có triền núi của Bled, và mặt hồ tĩnh lặng.

Hãy Nói Ừ Với Bled.

Một đám đông tụ tập ở cổng máy bay. Phần lớn là những cặp vợ chồng già. Đêm đã khuya, những người đàn bà không giấu giếm vẻ mệt nhọc. Những ông cụ chụp hình, lục túi, làm quen với những bộ đồ mới chỉ mặc trong những chuyến du lịch. Vài người cười nói, gượng tỏ nỗi

hân hoan trước chuyến đi.

Mắt em vẫn nhạt nhòa, nhưng trong thâm tâm, đúng lúc đó, em đã biết rõ, phải đến Bled. Làm theo lời mời gọi ở bên dưới tấm ảnh. Hãy Nói Ừ Với Bled.

Em dành cho Bled mười ngày còn lại trong chuyến du lịch dự định. Không phải vì chán Venise, không phải vì em đang lẻ loi.

Càng không phải vì em biết ở Bled sẽ có anh.

Nhân viên hàng không báo máy bay sẽ khởi hành trễ hai mươi phút. Người ta xì xào.

Thiếu phụ thả người xuống ghế, làm ngơ với đám đông. Nàng đưa ngón tay mơn trớn những đường viền của chiếc túi da. Một lát, nàng trở lại với cuốn sổ tay.

Bled mời gọi. Em đáp chuyến tàu từ sáng tinh sương. Ngày sinh nhật khởi đầu với chuyến tàu từ Ý, vòng qua núi, hướng về biên giới Yugoslavia.

Ở bên ngoài, núi đồi mờ nhạt trong buổi mai, có vẻ gì thần thoại. Em ớn lạnh, quay vào trong toa xe, và nghĩ đến nỗi ngạc nhiên của Pierre. Em nường tượng đến những gì sẽ nói trên đường dây, rồi sắp đặt những câu ngắn ngủi, để đánh điện về Paris: Sinh nhật ở Bled. Không thèm nhớ anh đâu. Đây là Yugoslavia. Coi chừng em sẽ biến mất.

Bled mời gọi, và em đã đến.

Một người đàn bà đẫy đà, trạc gần 70, ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh nàng. Bà thở dài. Chắc còn lâu đó. Họ nói hai mươi phút, chắc chắn phải một tiếng đồng hồ.

Chắc vậy. Nàng đáp, rồi lại cúi đầu.

Người đàn bà cạnh nàng bĩu môi, tôi đi du lịch khắp nơi, đi nhiều lắm rồi. Tôi biết mấy hãng máy bay mà. Hãng nào cũng vậy, chuyên môn đi trễ. Cô đi một mình à?

Nàng ngước mặt, nở nụ cười thay cho câu trả lời.

Ôi, trẻ như cô, cứ thản nhiên mà đi bất cứ đâu, tự do như chim bay. Tôi hả, lúc nào cũng có ông ấy kè kè bên hông. Bốn mươi tám năm rồi đó. Hồi đó tôi không chịu cưới, ông dụ đi trăng mật ở Hy Lạp. Chiến tranh vừa chấm dứt, tôi mới hai mươi tuổi. Hy Lạp xa tít mù. Hy Lạp là thiên đường.

Người đàn bà già chợt cười khẩy. Người ta mời đi xa tít mù như vậy,

mời lên tận thiên đường, làm sao từ chối được, phải không cô?

Em đã khước từ, không đọc sách báo nào về đất nước của anh. Không nghe bất kỳ những gì ai kể lại. Mảnh đất đó phải là khám phá riêng tư của em.

Rừng tràm, đồn điền cao su, những ngôi chùa, sông ngòi. Tất cả đều phải là nơi chốn riêng tư của em, của anh.

Đừng, đừng hỏi về Pierre. Pierre biết em đi sang đó. Thế thôi. Từ sau lần ở Bled–từ sau lần ở Venise–đã có lần Pierre với em đi riêng. Công tác, hay là thời khóa biểu bất tiện.

Những năm đầu, những năm sau Bled, em tìm đọc hết những chuyện gì liên quan đến quê hương của anh. Mọi cuốn tiểu thuyết về mảnh đất đó, và cả những cuốn biên khảo. Với Pierre, em giải thích là đang theo học một lớp sử thuộc địa. Em ngụp lặn trong những trang giấy, tìm bóng dáng, quá khứ của anh. Em làm điều vô vọng mà không cưỡng được chính mình.

Rồi một hôm, em ngừng. Em ngừng, không vì sao hết. Hay là vì em không thể tiếp tục nữa. Làm sao tiếp tục được? Đọc bao nhiêu cũng không hết thương anh.

Càng đọc càng yêu anh.

Câu chuyện của người hành khách cùng chuyến bay sắp tới đã đến chỗ thừa thãi. Những gì bà già sắp nói, sắp đặt thành câu hỏi, người thiếu phụ đã đoán ra.

Tôi nên gọi là cô hay gọi bà? Cô đi một mình như thế này chắc là có công tác. Bây giờ người mình trở về đó nhiều lắm rồi đó cô. Kinh doanh đủ cỡ, đủ kiểu. Năm ngoái, tháng rồi, người hàng xóm, bà bạn, thằng cháu đi một chuyến, thích thú lắm, mang về đủ thứ. Buồn cười, nó vào đến tận cung điện ngày xưa, mặc cả áo nhà vua của người ta, ngồi bệ vệ trên ngai. Tôi chỉ sợ ăn cơm đau bụng, với lại cái nóng nhiệt đới nữa.

Cô, bà đã đi sang đó lần nào chưa?

Lúc gặp anh lần đầu, linh tính đã căn dặn. Phải từ khước đôi mắt đó.

Mà không đôi mắt đó, thì cũng khước từ. Một thiếu nữ hai mươi sáu tuổi, vừa bước qua ngưỡng cửa hôn nhân, khước từ là điều bắt buộc, tự nhiên, dễ dàng.

Em hạnh phúc với Pierre. Hài lòng với người yêu, người chồng của mình.

Cám dỗ nào mà em không khước từ được?

Thiếu phụ giấu cuốn sổ tay vào túi da, quay người. Xin lỗi, có lẽ tôi nên dùng phòng vệ sinh, lát nữa lên máy bay lại phải chờ. Nàng quàng túi lên vai. Những bước chân cố trầm tĩnh tự nhiên, rời phòng đợi về phía hành lang.

Người lao công phi trường đẩy chiếc xe con có thau nước, một tay giữ chiếc chổi chùi nhà. Bánh xe kẽo kẹt trong đêm.

Anh vụt hiện ra trên triền núi. Em từ dưới đi lên, anh từ trên đi xuống. Em ngỡ ngàng với đầu tóc màu đen, với ánh mắt dò hỏi của anh.

Thưa bà, ở đây có lối đi phía trước, có những bậc thang lên tới cửa chính tòa lâu đài. Sao bà lại đi ngã này?

Làm sao em biết được ngõ nào với ngõ nào? Theo ngõ trước, chính chắn, đàng hoàng như mọi người khách du lịch khác thì có lẽ em đã không gặp anh.

Mà ta có gặp nhau, cũng chỉ gặp như mọi người khác gặp nhau. Tức là anh mời chào, làm công việc của anh, bán cho em một chiếc vé vào cửa. Em sẽ vào xem lâu đài, và em chỉ sẽ vỏn vẹn nói với anhợ hai chữ cám ơn. Em sẽ không hỏi, xin lỗi, chứ ông làm gì ở đây?

Nếu lúc đó mà anh nói, tôi trốn ở đây, tôi tá túc ở xứ sở này, thì có lẽ cũng được. Tức là một câu trả lời đúng với sự thật.

Nhưng anh không trả lời, mà lại hỏi em. Ồ, bà là người Pháp? May mà tôi cũng biết nói tiếng Pháp.

Rồi anh hỏi lại em. Chứ bà lên đây làm gì?

Em đùa, tôi có hẹn với Bled.

Để cho anh hỏi lại, chứ không phải bà có hẹn với người nào ở Bled?

Em lại đùa, không hiểu tại sao. Ông hẹn với tôi hồi nào?

Lúc đó thì em biết em đã trao được sự ngỡ ngàng trong thâm tâm sang cho anh.

Người thiếu phụ cúi đầu trước bồn nước, chìa cả hai tay dưới vòi. Nước chảy khá lâu thiếu phụ mới ngẩng đầu. Trong gương, nàng nhìn thấy mấy vết nhăn còn rất mỏng ở đuôi mắt. Nàng nhận thấy câu hỏi dấy lên một lần nữa. Sang đấy, để làm gì?

Làm sao tìm được bóng dáng người thanh niên mà mình chỉ gặp lúc đôi mắt người ta đã có vết nhăn? Làm sao tìm được tiền thân của một người gặp gỡ chỉ trong mười ngày, mười năm trước, ở Bled?

Anh đang ngủ hay đang nằm nghe tiếng đại bác?

Những ngày đầu tiên khi mới có tin về chiến sự Bosnia-Herzegovina,

em đã loay hoay với những câu hỏi ngày, đêm. Tại sao anh dở sống, dở chết trong chiến tranh, thoát đi, rồi lại ẩn náu ở Yugoslavia? Tại sao ở chung quanh anh luôn luôn có chiến tranh? Tại sao anh sinh ra trong cuộc chiến?

Câu hỏi lần đầu tiên em đặt ra ở Bled khơi dộng sự chua chát, để anh nói thành lời. Người dân nước anh sinh ra và lớn lên thường là trong chiến tranh.

Khi rời phòng vệ sinh, nàng nghe lời thông báo trên loa phóng thanh. Air France 1172, cổng số 24. Xin quý hành khách vui lòng cầm sẵn thẻ lên phi cơ.

Bi quan là cá tính của riêng anh, hay của cả nước?

Chắc là của riêng anh. Giọng anh mơ hồ, thiếu tự tin. Cũng không phải là chọn lựa của anh đâu. Số phận không là một sự chọn lựa.

Còn em, còn anh? Gặp nhau ở Bled, hôm nay, trong hoàn cảnh này?

Chúng ta? Vừa là một chọn lựa, vừa là số phận.

Gặp nhau, nhìn thấy nhau, đã biết là hẹn nhau từ kiếp trước. Nói chuyện với nhau trong suốt mấy tiếng đồng hồ, rồi từ triền núi dắt nhau xuống quán nước, ra bờ hồ là một chọn lựa.

Anh ơi, chọn lựa sao vẫn có đắn đo?

Ghế ngồi của nàng cạnh cửa sổ. Nàng trầm tĩnh. Rút từ trong túi da ra một cuốn tạp chí, một cuốn sách, nhét vào lưng ghế trước. Cuốn sổ nhỏ nàng cầm trong tay. Nàng ngồi xuống ghế, cài giây nịt, và đưa mắt nhìn ra ngoài, nơi chỉ có bóng tối.

Lúc đó, em không còn chọn lựa nào khác. Đến một lúc, em biết, cả anh lẫn em đều nhìn nhận điều gì phải đến sẽ đến. Đắn đo chừng nào đi nữa thì em vẫn đón nhận đôi môi anh, và gởi trả đôi môi mình trên đôi môi anh.

Lúc gặp nhau ở triền núi đến lúc đó là bảy tiếng đồng hồ. Ở quán cà phê, em đã nhìn thấy đôi môi em nằm trong mắt anh.

Em đã tin vào đôi mắt đó từ trước đó nữa. Cho dù em có muốn khước từ, có đắn đo, có suy nghĩ phải trái.

Càng suy nghĩ, càng không tránh thoát được anh, và câu chuyện của anh.

Trong bóng đêm, nàng nhìn mà không thấy những nhân viên phi

trường đang di chuyển hành lý, chuẩn bị cho chuyến bay. Trong bóng đêm, nàng chỉ nhìn thấy quá khứ của người đàn ông nàng đã từng yêu.

Em tưởng tượng lúc anh leo qua bức tường đại học để đi theo đoàn người biểu tình.

Em nhìn thấy anh, trẻ hơn, vững tin vào những khẩu hiệu anh đã la to trước trụ sở thông tin. Em định hỏi thì anh đã nói. Chống đối chính quyền như anh lúc đầu chỉ là sự hưng hăng của tuổi trẻ, nhưng một thời gian thì anh không thoát được ma lực của mặt trận.

Khi viên đạn đầu tiên phát nổ trong cuộc xuống đường thì số phận anh đã được sắp xếp. Thế giới dùng sức mạnh để đối đáp với anh. Mặt trận là lối thoát, lựa chọn, vì anh đã vượt quá mọi sự lựa chọn khác.

Phi cơ cất cánh lúc quá nửa đêm. Người phụ nữ rùng mình với tiếng phản lực đâm vào không gian. Từ ở ruột gan, dạ dày, nàng muốn khóc.

Bàn tay dìu em đi trên những mảnh gỗ để xuống chiếc thuyền con là một bàn tay mềm mỏng.

Lúc đó đã gần nữa đêm. Anh loay hoay với chùm chìa khóa của nhân viên cai quản khu du lịch. Em biết anh cố gắng đưa em ra giữa hồ trước khi ngày sinh nhật chấm dứt.

Trên lưng em, bàn tay anh không có cái chai lì của thời gian vào rừng, đốn củi đun cơm, tước tre cột võng. Được bao nhiêu lâu thì anh chán chường với cuộc sống ở bưng?

Hay là những bài học tập tuyên truyền hàng ngày vẫn nuôi sống lòng tin vào sự hy sinh để tìm tới những gì tốt đẹp cho quê hương anh?

Người đàn bà lơ đãng theo dõi những cử chỉ của tiếp viên hàng không, chuẩn bị hành khách cho trường hợp khẩn cấp. Những lời chỉ dẫn từ loa phóng thanh trên đầu trôi vào tai, nhưng không được ghi lại trong trí. Nếu máy bay rơi xuống biển, có lẽ nàng sẽ ngồi im, không tìm phao cấp cứu, không đeo mặt nạ hơi. Nàng sẽ bỏ rơi tất cả.

Hay là đến lúc đó, bản năng sẽ điều khiển mọi hành động của nàng?

Em chống chỏi những rạo rực trong thân thể lúc anh đẩy chiếc thuyền con khỏi cầu tàu. Em nhìn vào khu rừng phía bờ xa, tưởng tượng trong đó có lính chính quyền săn đuổi, rình rập anh.

Mặt hồ phẳng lặng. Em nghe tiếng muỗi vùng sông ngòi nhiệt đới khi anh chèo chiếc thuyền con ra đến giữa hồ. Ánh trăng rọi sáng giữa thinh

không của Bled.

Anh thở đều với tay chèo. Em tưởng tượng anh thở đều, thở đều trên thân thể em.

Thiếu phụ giật mình vì lời chào trên loa phóng thanh. Phi công trưởng phi hành đoàn nói chuyến bay sẽ kéo dài mười sáu tiếng, không dự tính gặp phải những luồng khí, những đám mây trắc trở nào. Ước mong quý vị sẽ thoải mái trong suốt chuyến bay.

Em đã sợ mình vội vã, bối rối quá lúc trao cho anh ly rượu.

Anh buông tay chèo, đón những ngón tay em. Anh nói, mừng sinh nhật. Em đã tưởng anh sẽ hôn em. Ở trên môi. Vậy mà anh chỉ cầm tay em đặt lên môi, lại cám ơn em dành cho anh ngày sinh nhật.

Người thiếu phụ khua tay, thầm thì lời cám ơn. Tiếp viên mang khay nước sang hàng ghế phía sau, nhưng vẫn dặn dò. Phải nhớ uống nước, chuyến bay còn dài.

Đòi hỏi của anh làm em nghe như có giòng nước chảy từ trong lòng, xuống giữa đôi chân.

Ư, ừ em hứa. Em hứa một ngày kia sẽ đến thăm quê hương anh.

Thăm đồng lầy, lau sậy nơi anh đốt lửa nuôi ảo tưởng. Rừng cao su nơi anh mắc võng nằm mơ thanh bình. Bến tàu, bụi tre, nơi anh gởi nỗi nhớ người thân.

Em hứa, sẽ đến, sẽ thăm năm tháng anh đã mất. Thăm cho anh, cho em.

Hôn em.

Nhiều lần người thiếu phụ cầm lấy cuốn sách từ lưng ghế hành khách trước. Những giòng chữ không chiếm được tâm trí nàng. Bên ngoài vẫn là đêm tối, bóng đen. Chuyến bay vượt không phận nước Pháp.

Biên giới phải trái đã bị xóa mất. Bầu trời đen thẳm, nước hồ lặng câm, và sự im vắng bốn bề đã bao bọc, che chở cho anh và cho em.

Nụ hôn kéo dài không dứt. Bàn tay lần mò không dứt. Em kinh hoảng nhận biết cả hai bàn tay của mình cũng vượt quá mọi biên giới. Ngực, cổ, quá khứ của anh.

Em đã nói ừ với Bled.

Những lời chuyện vãn của các hành khách đã lắng xuống. Chỉ còn là tiếng xầm xì rải rác ở một vài hàng ghế.

Nàng nhắm mắt. Còn rất lâu chuyến bay mới rời khỏi vùng bóng tối. Nàng lơ lững trong ấy, và trong bóng tối của riêng nàng.

Anh đang ngủ hay đang nằm nghe tiếng đại bác? Ở gần anh là lính Serb hay là kháng chiến quân? Trong giấc ngủ của anh là lời khích động du kích quân, hay tiếng xuống rẻ nước sông?

Bên ngoài cửa sổ của anh có ai rình rập, trông chờ?

Anh dạng đôi chân em ra, dễ dàng như anh đẩy cánh cửa sổ phòng trọ của em.

Anh luồng vào người em, nhẹ nhàng như anh trườn người qua khung cửa, vào phòng trọ trong căn nhà gỗ.

Đêm ở Bled, trong phòng trọ, mình yêu nhau lặng thinh. Em chết đi, sống lại, mất hết, chỉ còn nhịp thở của anh.

Đêm ở Bled đổ nóng.

Nàng đã thôi, không còn mân mê cuốn sổ trong hai bàn tay. Bây giờ, mười ngón tay nàng bám vào hai bên đùi. Nàng không còn biết mình ở không phận nướÔc nào. Mất hút trong không trung, trong giấc mộng và ký ức của riêng mình.

Sáng ra, anh thì thầm. Hôm qua em dám cả gan cắn đại diện của Chính phủ Cách mạng Lâm thời tại Yugoslavia.

Em cười ở ngoài, buồn ở trong, vì không được cắn anh lúc anh chưa vượt qua bức tường đại học, lúc em chưa bước qua ngưỡng cửa hôn nhân. Để có thể cho anh, cho em, cho cả hai, tất cả những ngày tháng trước, sau, trong đời mình.

Em hoảng hốt với chín ngày còn lại ở Bled. Và những ngày còn lại trong đời, sẽ không còn cắn được anh.

Em hứa, em hứa, sẽ vào sân trường, sẽ xuôi sông, ngược suối, vào rừng tràm và lên đồn điền, tìm lại quá khứ cho anh, và tìm anh cho em.

Và gì nữa?

Em sẽ nhìn thấy hòa bình trên đất nước anh.

Máy bay trườn sâu vào trong đêm tối. Đêm tối vô tận với thiếu phụ. Nàng mệt mà không ngủ được. Nàng lục túi da, thấy mình không mang thuốc ngủ, và sực nhớ không hề chích thuốc hay mua thuốc ngăn ngừa sốt rét và những căn bịnh khác của vùng nhiệt đới.

Trong tiềm thức, có khi là ý muốn mang bịnh, mang vào người những gì chàng đã hứng chịu thời trẻ.

Đừng, đừng nói hòa bình. Hòa bình không có trên xứ sở anh. Người ta vẫn đưa nhau vào tù. Người ta vẫn còn cấm cản nhau, ruồng bỏ nhau.

Anh ơi, em không biết. Em chỉ biết người ta vẫn cấm cản anh, để cho anh lơ lững ở bên ngoài.

Thiếu phụ đã khước từ mọi buổi cơm trên phi cơ. Đến gần năm tiếng đồng hồ sau khi cất cánh, nàng đuối sức, ngồi co gối trong lòng phi cơ đang lơ lững trên không trung, rơi vào cơn mê ngủ.

Những giấc mơ của nàng có những hình ảnh về sông ngòi, những triền đồi, lẫn lộn với lau sậy, rừng cao su.

Rồi có lúc nàng thấy từng đoàn lính chiến. Người thì mặc quân phục như những lính chiến nàng đã thấy trong các đoạn phim truyền hình về chiến trận Bosnia-Herzegovina. Những người lính tóc vàng bao vây bờ hồ.

Tại sao anh sáng hôm đó anh lại nói điềm gở? Hòa bình không có trong số phận anh.

Nàng thấy mình ngồi trên chiếc thuyền, ngồi một mình. Hai tay chèo nằm chơ vơ. Con thuyền trôi giạt, xoay tròn trên mặt nước, còn nàng thì tê liệt.

Những người lính lạnh lùng chờ chiếc thuyền con trôi vào bờ.

Có khi nàng lại thấy Pierre chạy từ đám lính này sang đám lính khác.

Trên chiếc thuyền con, nàng vẫn ngồi bất động. Nàng chỉ đảo được đôi mắt.

Trong tầm nhìn, nàng không tìm thấy người mình muốn thấy.

Có phải anh cố chống chỏi với nỗi bi quan không? May mà anh còn có em, để có mười ngày ở đây. Và có tương lai trong mắt em. Để em nhìn thấy mảnh đất của anh, thay thế cho anh.

Những người lính vẫn đứng yên, chờ đợi nàng. Những mái tóc vàng của họ bây giờ là những mái tóc màu đen. Những bộ quân phục của họ bây giờ cũng mau đen, của du kích quân. Những bộ áo quần lồng lộng trong cơn gió.

Họ đứng rải dài xung quanh hồ. Họ thả tay hai bên người, cầm những

khẩu súng trường, băng đạn cong cong, chĩa mũi súng xuống đất.

Họ thản nhiên chờ nàng trôi giạt vào bờ.

Anh. Anh đã trôi giạt từ hưng sang những rừng núi bên kia biên giới đất nước của anh. Rồi lúc lên máy bay sang đến tận bên này quả địa cầu, anh có biết là số phận anh đã sắp đặt cho anh vĩnh viễn rời quê hương không?

Em vẫn cám ơn số phận. Anh rời khỏi hiểm nguy. Anh sang phần đất bên này để có ngày hẹn với em. Anh cũng đã vô tình nói ừ với Bled.

Trong giấc mơ là những khuôn mặt lạnh lùng của những người mặc đồng phục nhân viên hải quan.

Trong giấc mơ, những khuôn mặt của họ vừa lạnh lùng vừa đầy vẻ nghi ngờ.

Hình như họ dàn hàng, không quan tâm gì đến những người hành khách nào khác. Mọi con mắt của họ đổ về phía nàng lúc nàng đang đứng trong đám hành khách. Hình như họ biết nàng là ai, họ đang chờ đón nàng. Họ đã sẵn sàng.

Em nói ừ với Bled, mà vô tình nói ừ với anh, với quê hương của anh.

Anh bị cấm không về được với quá khứ nguồn cội của mình. Vì anh chọn lựa hưng biển, mặt trận. Bây giờ, khi chiến cuộc đã tàn, người ta ruồng rẫy anh và đồng đội. Người đồng minh cũ nay không làm gì được cho họ nữa, một khi họ đã chiếm được trọn vẹn lãnh thổ.

Anh nói họ phản bội. Nhưng từ ngày đầu, họ vẫn trung thành với kế hoạch của họ.

Trong tất cả những năm tháng đó, anh có bao giờ muốn liều mình về thử một lần không? Về quê hương đối diện với bản án họ dành cho anh?

Trong giấc mơ, nàng chợt hiểu nàng phải cứng cỏi, đối diện với những săn đuổi, rình rập, với bản án từ thửo xưa. Nàng hiểu bây giờ nàng đã dính dấp đến lịch sử và số phận này.

Phi cơ đưa nàng đi sâu vào đêm tối, vượt khoảng cách, vượt thời gian.

Em đã sắp đặt chân lên vùng quá khứ của anh. Đặt chân không trong trí óc em. Mà thật sự đối đầu với không khí nhiệt đới, thật sự thở những hơi thở anh đã thở.

Em sợ. Em không ngại ngùng bản án. Em không sợ lính hải quan.

Em chấp nhận chuyến đi như một lần giữ lời hứa với anh. Mười ngày ở với anh ở Bled, em đã lập lại lời hứa. Em biết mình không hứa suông. Em muốn biết tất cả về anh. Em đã thuộc về anh hoàn toàn, trong mười ngày đó. Và mười năm sau anh vẫn là nỗi ám ảnh nơi em.

Còn bây giờ, trước mặt em là vùng trời đã ám ảnh anh từ ngày chuyến bay cất cánh đưa anh sang Bled.

Mười ngày với nhau rồi mình chấp nhận không hề gặp nhau nữa.

Máy bay đáp xuống phi trường. Thiếu phụ đã vụt tỉnh khỏi những cơn mê.

Nàng vừa nôn nóng muốn rời khỏi phi cơ, vừa e ngại với quang cảnh phía bên ngoài. Với những gì nàng đã mường tượng trong trí óc từ mười năm nay.

Em chào. Giã từ Bled. Giã từ vòng tay anh. Anh vẫn nói như mê man rằng số phận đã cho mình gặp nhau một lần, số phận sẽ cho mình gặp nhau lại.

Em nói ừ, mà không nói với anh rằng mười ngày với anh, em đã học được một điều. Nên bi quan trước số phận. Số phận không định đoạt được những gì hợp với ý thích của mình.

Bằng chứng là số phận đã đưa cho em gặp anh sau khi gặp Pierre.

Số phận đặt anh ở Bled. Em ở Paris.

Mười năm sau, em biết số phận vẫn giữ anh ở chỗ có chiến tranh. Em thì ở nơi xa, lo cho anh, và mang nỗi ám ảnh về anh, về quá khứ của anh.

Nàng theo đoàn người, rời máy bay. Một tiếng đồng hồ lấy hành lý, qua khu hải quan, vật lộn với sức nóng nhiệt đới. Rồi bước ra khỏi phi cảng.

Bên ngoài phi trường là một ngàn khuôn mặt. Là những đầu tóc màu đen như màu tóc anh. Là những người cùng giòng máu với anh, cùng quê hương với anh.

Nhưng rõ ràng là họ không cùng số phận với anh.

Trong hai tuần ở nơi đây, em sẽ làm tất cả những điều anh đã dặn dò từ mười năm trước. Đến rừng tràm, lên đồn điền cao su, vào sau lưng sân đại học. Đưa tay vuốt ve bông lúa. Dẫm chân nghe cơn đau của lau sậy.

Có thể em sẽ tìm được một chiếc võng, máng vào giữa hai cành cây, nằm mơ hòa bình cho anh.

Có thể em sẽ tìm ra được vết tích của anh.

Nỗi nhà
HUỲNH LIỄU NGẠN

qua sông đợi một bóng hình
anh về quê mẹ tỏ tình với đêm
trăng nghiêng cuối bãi dầu thềm
mà buồn vơi lại đầy thêm nỗi nhà
biết em tơ tóc lụa là
đường thôn làng vắng tiếng gà dậy sương
nghe như thôn xóm cũng thường
mà quê quán lại dặm trường thế thôi
bấy lâu vắng cả tiếng cười
tơ vương thuở nọ đầy vơi đến giờ

Có thể em sẽ thất bại. Sẽ không tìm thấy được gì.

Em không biết những câu hỏi của mười năm rồi có được lời đáp hay không.

Em đang ngồi trên chuyến taxi, đi vào thành phố. Tài xế nói chuyến xe sẽ mất hai mươi phút đồng hồ.

Em có hai mươi phút, để chấp nhận một điều mà em đã biết từ trước tới nay.

Em tin là anh sẽ hiểu điều này, nhưng em không dám ước mong anh sẽ chấp nhận nó.

Anh ơi, một khi em đến nơi, nhìn thấy tất cả những gì anh đã gieo vào tâm trí em, em sẽ mất đi những gì chúng ta đã có riêng với nhau.

Khi quá khứ đó trở thành sự thật thì cùng lúc quá khứ cũng sẽ tẩy trừ những hình ảnh trong tâm trí.

Anh, số phận của em định đoạt điều này: quá khứ nhìn thấy trước mắt sẽ giết chết quá khứ trong ý tưởng.

Anh sẽ chết. Mười ngày của chúng ta, mười năm của em sẽ chết. Em sẽ chết.

Và Bled, Bled cũng sẽ chết.

New York, tháng 7, 1999.

Trầm luân

Nguyễn Hiền

Dằng dai đến tháng thứ sáu thì vợ chồng Thuận đã mất kiên nhẫn và cùng đi đến quyết định là phải chỉnh đốn lại bàn thờ. Chỉnh đốn hiểu theo nghĩa của hai vợ chồng là thay bức tượng Phật trên bàn thờ bằng một bức tượng khác hợp thời trang hơn. Chỉ khổ cho bức tượng, nếu gỗ đá cũng có linh hồn thì hẳn nó cũng đang lo cho số phận mình, chẳng biết sẽ đi về đâu.

Nếu nói là cả hai cùng đi đến quyết định thì cũng không đúng lắm. Thực ra là vợ Thuận quyết định, như đã từng quyết định những chuyện quan trọng hàng ngày. Thuận chỉ có mỗi việc là chiều theo. Quyết định quan trọng độc nhất trong đời Thuận có lẽ là quyết định lấy Diễm làm vợ. Đây có lẽ cũng là quyết định quan trọng cuối cùng, bởi theo như miệng lưỡi người đời là vợ con chỉ làm hèn đi chí nam nhi. Có lẽ cũng vì cớ ấy, cho đến bây giờ, mọi chuyện trong nhà nhất nhất đều trông cậy vào hai tay và một miệng Diễm.

Nói đúng ra, việc 'chỉnh đốn' lại bàn thờ không phải hoàn toàn không có ý kiến của Thuận. Thực ra anh cũng thấy có cái gì đó không ổn, không hài hòa ở đám đồ vật chung quanh anh, theo ngày tháng, đã dần trở thành thân quen. Hôm đám cưới, dì Ba của Diễm mang từ trong nước ra cho hai người một bức tượng Phật làm quà. Bức tượng là nguyên một khối gỗ nâu sậm, được thợ khéo ra công chuốt, đánh bằng lá mít đến nhẵn bóng (dì bảo vậy), lại còn cẩn thêm một vòng hào quang có những bóng điện tí hon vàng và đỏ thay phiên nhau chớp tắt. 'Đồ này hiện đang mốt ở Việt Nam đó, dì cho hai cháu để bàn thờ, chưng vừa đẹp, vừa có Phật phù hộ hai cháu làm ăn phát đạt. Dì đã lên chùa thỉnh thầy Trí Huệ xin Phật gia ân rồi, tượng bán ngoài chợ có khi ma quỉ ám vô không tốt đâu cháu.' Có lẽ Phật phù hộ hai vợ chồng mới cưới thực, nên chỉ vài tháng sau Thuận đã

xin được chỗ làm tốt hơn. Diễm cũng ra được cửa hàng bán đồ ăn dặm. Hai vợ chồng tậu xe, mua nhà, chỉ trong vòng bốn năm nhìn lại đã thấy bạn bè mình ở tuốt dưới xa ngước lên thèm thuồng.

Nhưng cũng chính vì vậy mà mới đâm ra cớ sự. Một tối, sau khi đã bật nhang và đèn cây điện trên bàn thờ, đặt lên đó một dĩa trái cây mới mua ngoài chợ theo thói quen, Diễm bỗng buột miệng:

'Anh à! Mình để hoài bức tượng đó coi quê quá đi.'

Khi người ta buột miệng nói một điều gì, thì điều ấy luôn từ tiềm thức trồi lên, không gạn lọc, không sửa chữa. Nhưng vì vậy, thường làm người khác mích lòng.

Thuận cũng không thoát khỏi những qui luật trần tục như thế. Anh đỏ mặt nạt ngang:

'Bậy nào! Tượng để bàn thờ đâu có phải muốn thay là thay như thay áo được đâu.'

'Hôm qua con Hồng nó sang đây chơi, nó nói với em: trong nhà mày cái gì cũng xịn, chỉ có cái bàn thờ là đồ mã.'

'Em mà nghe nó có ngày bán lúa giống mà ăn. Con quỉ ấy lúc nào cũng muốn kê mỏ vô chuyện người khác.'

'Thì em đã nói với nó là thời này ai cũng chơi nhang điện, đèn cây điện hết. Bên nhà con Bé Tư chồng nó còn mua thêm cái timer có vô chương trình sẵn, tới mồng một và rằm là tự động bật đúng từ sáu giờ sáng đến chín giờ khuya, em thấy nó cũng tiện. Hay là mình mua một cái để khỏi mất công coi ngày...'

'Anh thì anh để nhang đèn tối ngày sáng đêm hoài, khỏi mất công tắt.'

'Để như vậy nó giống nhà Tàu lắm. Mà coi nó u ám làm sao ấy. Nhưng thôi. Con Hồng nó nói với em là mày có cái nhà đẹp, đồ chưng toàn thứ xịn, chỉ có cái bàn Phật chớp đèn xanh đỏ là không giống ai.'

Cũng bằng chừng đó ý, nhưng lời nói được thêm mắm dặm muối đã trôi được một nửa. Thuận buông xuôi:

'Vậy em tính làm sao?'

'Em đã nói với con Hồng thấy có tiệm nào bán tượng lớn mà đẹp thì kêu mình đi coi. Không chừng để hè này mình về nhờ dì Ba đi coi mua giùm cho mình, bằng không mình ghé Hồng Kông hay Đài Loan gì đó mua một cái. Tượng Phật mà mua tận gốc chắc chắn phải đẹp hơn đồ nhái lại anh há.'...

Thế là một ngày kia, sau khi bức tượng Phật mới đã được thỉnh lên

bàn thờ cùng một bữa cỗ chay mời bạn bè, vợ chồng Thuận và Diễm trịnh trọng mang bức tượng có phần số hẩm hiu đến gặp thầy trụ trì ngôi chùa hai người thỉnh thoảng vẫn đến thăm vào những ngày rằm chính.

Diễm bàn với chồng:

'Để lần này em cúng trước một trăm đồng thì mọi chuyện sẽ êm đẹp, đầu xuôi rồi thì đuôi lọt được ngay.'

Thuận tiếp bằng bản nhạc ruột:

'Ừ thì em muốn làm gì đó thì làm.'

'Nhưng anh phải cất cái bản mặt hâm của anh đi, ra đường họ thấy họ lại nói em ăn hiếp chồng.'

'Ừ thì em tính làm sao đó thì tính, miễn là đừng để mình phải mang cái tượng về thì không ra cái gì cả.'

Anh chàng bồi thêm một phát: 'Sao em không xem bạn bè ai cần thì cho họ, khỏi phải mất công tính tới tính lui xem cúng một trăm hay cúng năm chục.'

'Em đã hỏi mấy con bạn rồi. Nhưng đứa nào cũng có bàn thờ, không thờ Phật thì thờ Chúa. Ai mà vượt biên lọt cũng phải vội vàng lập bàn thờ tạ ơn. Còn mấy gia đình bên Tiệp mới chạy sang thì em không biết, nhưng anh đừng có láng cháng qua bên đó, mấy đứa bạn anh họ thấy họ đồn tùm lum lên thì tiệm mình có nước dẹp.'

Vợ chồng anh tiếp tục lái xe, không nhìn lại phía sau. Trên băng nệm pho tượng nằm lăn lóc. Nếu tình cờ ngoái lại, may ra chị thấy pho tượng tủi thân chảy nước mắt. Đọc tới đây có lẽ bạn sẽ nghĩ như vậy, nhưng từ xưa tới nay người ta chỉ thấy tượng Mẹ Maria chảy nước mắt. Bằng nước mắt, nỗi đau của con người được cất đi. Nhưng nỗi đau trần thế cũng giảm khi con người biết mang nụ cười vào đời. Pho tượng Phật tắt hào quang néon thấm tư tưởng này, đã mỉm cười ở yên trong tư thế tòa sen trên suốt khoảng đường dài, mặc cho xe dằn, bỏ ngoài tai những lời toan tính trần tục.

Cũng may mọi sự xảy ra dễ dàng hơn hai vợ chồng đã nghĩ. Thầy trụ trì nhìn hai vợ chồng trẻ rón rén đặt pho tượng lên bàn, nhỏ nhẻ nói:

'Con đừng nên câu nệ tượng lớn tượng nhỏ. Phật ở trong tâm. Tượng chỉ là phương tiện, là một phần nhỏ trong Tam Bảo...'

'Nhưng thầy nghĩ coi. Chúng con ở căn nhà rộng rinh, tượng nầy nhỏ quá để trên bàn thờ huốt trong một góc không ai thấy hết. Thầy tính coi,' – chị van nài – 'Nếu thầy để bức tượng nhỏ chút xíu trên bàn thờ trong chánh điện thì nó chướng mắt lắm, mà người ta thấy tượng nhỏ họ lại nói tới nói lui...'

Phải nói miệng lưỡi đàn bà... Chỉ một câu từ tốn đã dồn vị tăng mười

mấy năm tu luyện đến một tình thế khó xử. Hoặc giả trên con đường tu tập không có những khóa học dậy cách đối phó với những mánh khóe điên đảo ngoài đời. Thầy ngần ngừ trước một tình thế nan giải, trước một nan đề chưa ai đặt ra với thầy. Bởi vì, khi mới nghe ban trị sự bắn tin khởi công khơi mở lại cảnh chùa lớn hơn và có ngăn nắp hơn, một Phật tử mộ đạo đã khẩn khoản xin thỉnh cả một bộ ba tượng cũ của chùa, Phật Thích Ca, Quan Âm và Di Lặc, để mang về giữ làm kỷ niệm. Đổi lại, gia đình đó đã chịu một nửa kinh phí mua và chở bộ tượng mới, thếp kim nhũ, đặt thợ làm từ Hồng Kông.

Tội nghiệp cho Thuận và Diễm. Họ chưa có gì để nổi tiếng ngoài mấy món đồ ăn vặt bán cho một đám khách bụng bự quen ăn quà chợ. Bức tượng của họ vì thế giá cũng chẳng hơn được lũ tượng đất nung sờn sứt bày ngoài chợ đồ cũ.

Cũng may bác Thọ, ông già lụm cụm, người giữ việc coi sóc ngôi chùa, làm những chuyện lặt vặt tình nguyện như nhổ cỏ, thổi cơm... đang ngồi tiếp nước, đã nhanh trí đỡ lời:

'Thôi nếu hai cháu đã thỉnh tượng mới rồi thì cứ để Phật ở đây,' bác nói một cách thành kính như sợ phạm thượng. 'Để bác hỏi những người mới đến quy y, thế nào cũng có người cần.'

Vợ chồng mừng rỡ cám ơn, ríu rít dắt nhau ra về. Xe chưa khuất, thầy trụ trì đã cau mặt nhìn bác quản chùa:

'Bác nhận như vậy rồi cất chỗ nào đây?'

Thầy đang nghĩ đến chuyện trong tương lai không khéo Phật tử khi nghe chuyện này đồn ra, họ sẽ dùng ngôi chùa làm chỗ tống khứ đồ tế tự thì thật phiền. Bác Thọ đoán được ý thầy, thưa:

'Chuyện đó để con tính. Thầy khỏi lo. Con cất nó dưới nhà hậu, chừng có dịp tuần chay thế nào cũng có người hỏi...'

Tuy thế bức tượng để trong nhà kho chùa đã trải qua mấy mùa Phật Đản, Vu Lan, rồi mấy bận rằm tháng giêng, tháng mười trôi qua không ai thăm nom đến. Cho tới một hôm, tình cờ trong câu chuyện sau buổi lễ cầu siêu, các bà từ chuyện đạo nhảy sang chuyện đời, so sánh đạo Phật với đạo Thiên Chúa. Một bà hỏi bác Thọ vì sao thầy không làm phép hôn phối như cha sở nhà thờ. Nghe bác hỏi tới, bà kể:

'Tôi mới làm đám hỏi cho con bé nhà tôi, bên đàng trai họ tính năm tới thì rước dâu. Tôi chỉ muốn chúng nó cưới sớm chừng nào hay chừng nấy. Nếu bên Phật mà mấy thầy cũng chịu đi làm phép cưới, tụng kinh cho bọn trẻ thì nói gì nó chẳng nghe. Tôi chỉ sợ chúng nó hư, thời này mới nứt mắt chưa gì đã ngủ với nhau.'

'Nhưng còn hơn để thằng rể tương lai của bà đi ngủ lang rồi sau này đổ bệnh cho con vợ nó,' bà bạn ngắt lời.

Bác Thọ bỗng trực nhớ ra pho tượng Phật bỏ lăn trong hậu liêu. Được dịp, bác nói:

'Trong chùa có cái tượng Phật của họ để lại cho chùa giữ. Chị có muốn thỉnh thì nói với thầy một tiếng.'

Bác đắt bà tín chủ xuống gian nhà ngang cất bên hông chùa, bên trong linh kinh đồ làm vườn chung lộn với đồ nấu tiệc. Chiếc hộp giày được mang xuống, nét chữ bằng mực bút lông bên ngoài còn nguyên: 'Tượng Phật'. Bác mở hộp, kính cẩn lấy pho tượng ra, se sẽ thổi bụi và đưa cho bà nọ:

'Bà về lấy nước chùi lại là nó sạch bóng như mới liền. Của hai vợ chồng ông đó, nhờ có bức tượng mà họ ăn nên làm ra...'

'Sao họ không giữ mà lại cho đi?' bà kia ngần ngại hỏi.

'Họ không ở đây nữa,' bác Thọ nói, dường như vì thấy kết quả sắp tới bác đã quên cả giới thứ tư. 'Mà thường thì khi người ta thành công rồi lại hay quên ơn người đã giúp. Đời mà chị.'

Thế là pho tượng đã có chủ mới. Thùng phước sương cũng được lót thêm ít tờ bạc. Bác Thọ mừng rỡ. Chiều đó bác định làm một món gì đó ngon dâng thầy, nhưng cả đời bác chỉ quay trong vòng dăm bảy món: hết đậu hũ kho tương chung với cà rốt, mì căn xào măng thì tới canh trái su bắp cải. Đồ chay khó làm tiệc hơn đồ mặn. Thế là bác đành quay lại bản cũ: một đĩa gỏi chay, một tô canh cà rốt củ cải và một ơ nhỏ dăm miếng tàu hũ chiên, kho với đu đủ xanh xắt quân cờ. Hai thầy trò im lặng ăn, mùi hương phảng phất từ chánh điện đưa xuống dẫn cả hai tâm hồn theo ngõ của ý. Bác Thọ tưởng đến nét hớn hở của bà khách khi mang bức tượng đến nhà cậu con rể tương lai, như một thứ bùa trấn yểm, để những chuyện bậy bạ ngoài ý muốn của bà sẽ không xảy ra. Còn vị đại đức. Ông đang suy tư về những hệ lụy giữa đạo và đời, hai phạm trù cần nương tựa vào nhau, không thể tách lìa. Cũng như ông và bác Thọ. Cả hai đều cần đến nhau. Không có ông, chắc bác Thọ giờ này đang quay cuồng theo những toan tính người trần. Không có bác Thọ, chắc giờ ông cũng vẫn còn tiếp tục ngồi thiền trên căn gác nhỏ, cả chuông lẫn mõ đều phải ngậm giẻ tránh phiền hàng xóm. Chân lý mầu nhiệm nhưng đơn giản ấy, giờ như mới thấm vào tâm của vị sư già.

Chỉ riêng pho tượng vẫn nguyên vẻ hồn nhiên, nụ cười muôn thuở vẫn như đạo nào, không thay đổi, dù chỉ một nét nhỏ.❐

Thơ không lời đáp

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Những buổi sáng buổi chiều ở đây
mặc một màu đồng phục
những con người ơ hờ gặp gỡ
rồi cũng ơ hờ chia tay nhau
ở một ngã ba đời sống
tôi lùi về hoang mạc mình
anh chui ra từ mớ bóng tối hỗn độn
nỗi cô đơn tái sinh

Tôi muốn mình hoàn toàn triệt tiêu
khi lội vào vũng tối anh
đẫu sao
tôi cũng đâu thể là cái xương sườn làm anh vui được
Chúa Giêsu ở đâu
sau mấy trăm năm cứu chuộc nhân loài
ơi con người được dẫn dắt về đâu
trên những hành trình trắc trở
ơi con đường nào băng qua được những ngõ ngách mình
ơi Chúa ơi Phật sao ở quá xa
cho những lời hỏi đáp
chiếc chìa khóa tôi đã giục ngay trước ngưỡng
cửa dịa đàng
ôi sao tôi giống một con đàn bà ngu xuẩn đến
đỗi tuyệt vời
có cách chi giúp tôi cáo lỗi cùng giấc mơ trắng
có cách chi giữ mãi những cơn điên
ngày vẫn rực nắng và tôi vẫn khát thèm mấy giọt mưa

Có đi qua ngàn con phố rộng
Virginia / New York / Ba lê / Luân Đôn...
vẫn quẩn quanh những chấn song buồn nhược tiểu
tôi nói với những ngụm gió vù qua đại dương
hãy nuốt giùm tôi mấy ngụm chán chường
ôi tiếng nói da vàng tím nát buồng gan
ôi trên chiếc ghế đá câm một người đi tản gục đầu
nhớ lan man
con phố xưa ngủ gật trên những vỉa hè
những công viên
với muôn vàn những người làn bà trẻ ăn sương
dưới những cột đèn soi không thấu những
chiếc bóng xiêu đổ
của những đứa bé bụi đời / những kẻ ăn mày /
những ả không nhà mắc bệnh AIDS

Chúa Giêsu ở đâu
nỗi cô đơn tôi rực rỡ
Chúa cũng là ánh sáng đến rực rỡ
từ những tăm tối của con người
con người vừa là chúa tể vừa là tên đồ dệ thần kỳ
của chính mình
tôi là sự bào chế không may
trong một cơn hứng rầu rĩ của đấng sinh thành
cuộc đời vốn thả đàn những nỗi tình cờ
tôi có lúc tình cờ không nhận ra mình
là ai là ai là ai

Đêm cũng tình cờ phủ lên địa cầu
tấm vải liệm bơ phờ sương khói
thì ra cũng có lúc anh không nhận ra
con đồng thiếp của trăng
đã tan chảy về chốn mây xa.

Cửa sổ

Phạm Hải Anh

Cửa sổ nhà tôi trông xuống dãy mái ngói của khu tập thể một tầng đối diện. Chẳng có hoa và cây xanh làm cho vui mắt, cũng không lăn tăn gợn sóng hồ để thư giãn tinh thần. Những cái đó xa xỉ quá, trong một góc thành phố bê tông bề bộn và mờ mịt bụi này.

Nhưng tôi đã quen với nó. Đến độ có thể đọc được những buồn vui trên mái ngói tưởng chừng vô hồn kia. Những hôm mưa dầm, mái thẫm lại, ẩm ướt và buồn như mái tóc người thiếu phụ buông xõa chờ chồng. Có hôm nắng hanh hao, hàng ngói khô cong, vênh váo lên miễn cưỡng. Có lúc thì xám xịt, trang nghiêm. Lúc lại hừng lên vui vẻ ... Cứ thế, tôi tiêu thì giờ của một anh cán bộ nghiên cứu bằng cách ngắm mái ngói nhà hàng xóm như đọc tâm trạng một con người. Đã có lúc tôi nảy ý định điên rồ, thử nạy một hàng ngói trên đó để nhìn sâu vào trong. Liệu những cảnh sinh hoạt dưới đó có làm tôi xao lãng, hết băn khoăn về buồn vui của cái mái ngói?

Tôi biết dưới dãy mái đó là bốn hộ gia đình đang sống. Gia đình ông Mỹ khá giả nhất, bán thịt lợn. Hai cô con gái là Mỹ Hạnh và Hồng Hoa đã lấy chồng, chỉ còn cô Bích Liên ở nhà nối nghiệp bố và cậu út Tuấn Tú đang học dở lớp mười một. Hình như ông Mỹ muốn trả thù cái nghề bán thịt lợn không mấy lãng mạn bằng cách đặt tên thật kêu cho các con. Bản thân ông cũng yêu văn nghệ lắm. Tối nào về ông cũng làm hàng xóm giật nẩy mình bằng cách vặn cát-sét lên to hết cỡ và ông ổng hát theo. Cô Bích Liên tuy chỉ học hết cấp hai rồi thôi, cậu Tuấn Tú thì đúp lên đúp xuống, nhưng buổi tối, khi hai cô cậu thắng bộ đi chơi thì ông rất có quyền tự hào mà khen thật to lên rằng: "Trông chúng nó cũng ra dáng con nhà lòi

nắm!".

Hàng xóm nhà ông Mỹ là nhà Tâm và Định. Họ có vẻ yên tĩnh hơn, hay là an phận hơn! Vợ chồng Tâm là cán bộ nhà nước. Sáng sáng, chồng xe cúp bãi rác, vợ mi-pha đi làm. Đứa con gái gầy nhom, lặng lẽ. Nó mới học lớp tám mà trông nghiêm nghị quá, như là đã mang dòng máu công chức bẩm sinh. Ngày Tết, tôi sang chơi, cả nhà đi vắng, con bé pha trà, mời nước như người lớn rồi chúc tôi "Mạnh khỏe, công tác tốt!". Tôi cười bảo: "Thế cháu muốn chú chúc lại gì nào?". Nó nói: "Tùy chú. Ai cũng chúc cháu ngoan, học giỏi. Thế thôi!". Tôi hỏi: "Thế cháu không ước có cái gì khác à? Ví dụ được thưởng đi nghỉ ở biển chẳng hạn...?". Con bé đáp: "Cháu chưa đi biển bao giờ. Nhưng chả cần. Ước làm gì cho mệt. Chú có chúc cháu cũng không được đi cơ mà!". Tôi thấy nhói lòng. Thuở bé, tôi hay chơi thả thuyền. Nhà ở thành phố, không có ao cũng chẳng gần sông, chỉ có cái cống. Con thuyền giấy trắng bé tẹo, thả xuống cống cứ trôi lừ đừ rồi mắc lại. Thuyền giấy của tôi chẳng bao giờ ra đến biển. Còn tôi thì khát biển đến tận bây giờ.

Nhà bà Định hay làm phiền tôi nhất bằng khói bếp than và mùi nước gạo. Ngày hai buổi đều đặn, tôi phải đóng chặt cửa sổ để căn phòng nhỏ khỏi bị mịt mờ vì khói than. Còn mùi nước gạo thì vô phương cứu chữa. Nó cứ thoang thoảng cả ngày và đặc biệt dậy lên vào lúc bà đổ ra đun cho lợn. Được cái bà hồ hởi, hay chuyện. Ở cái làng bê tông này, không chuyện gì bà không biết. Theo chồng từ Thái Bình lên đây đã mấy chục năm rồi nhưng bà vẫn cố gắng Thái Bình hoá một góc Hà Nội bằng quần đen, áo cánh, nghề nuôi lợn cổ truyền và những lời bình luận ngang phè về "cái con ở trên tivi hôm qua đẹp gái quá nhẩy". Bà ghét "nhà Mỹ" mua rẻ bán đắt những lứa lợn của bà nhưng lại phục "con cái nhà nó đeo tinh những vàng". Giá con trai bà phải lòng cô Bích Liên thì bà cũng đồng ý lắm. Bà có bốn anh con trai thì ba anh đã lấy vợ và đi ở chỗ khác. Chỉ còn cậu út là công nhân điện, vẫn chưa có ai. Tôi biết cậu tên là Phúc, hai tám tuổi, tính lầm lì, ít nói như ông bố.

Và cuối cùng là nhân vật quan trọng nhất. Tôi tạm gọi là Nàng. Nàng làm mái ngói nhà hàng xóm của tôi thêm xao xuyến buồn vui. Cả khu nhà tập thể này để ý đến nàng, vì nàng đẹp, lại chưa chồng. Nàng sống với mẹ và gia đình anh trai. Tôi nghĩ, nàng không hạnh phúc. Mẹ nàng tóc bạc trắng, gương mặt còn phảng phất nét đẹp thời con gái, nhưng mệt mỏi, phiền muộn và già nua như thể đã sống hàng trăm năm vô vọng. Ông anh trai và bà chị dâu xấu xí, cau có, suốt ngày chỉ lủng bủng về tiền nong rồi

đá mèo quèo chó. Mấy đứa cháu còn bé nhưng chỉ nhông nhổng đi chơi và chửi bậy rất thành thạo. Sống trong một gia đình như thế, làm sao nàng có hạnh phúc?

Buổi chiều, khi nhìn nàng dắt xe chui vào căn nhà tối om không cửa sổ ấy, tôi lại cảm thấy bất nhẫn. Và bừng bực khi thấy nàng cười, một nụ cười tươi tắn, rạng rỡ, với hai hàm răng ngà ngọc tỏa sáng trong cái khung cảnh xám xịt bao quanh nàng. Giá như tôi là một ông giám đốc đi xe hơi đời mới, hay là một anh nhân viên công ti nước ngoài cưỡi Dream cũng được, tôi sẽ đưa nàng đi thật xa khỏi cái làng bê tông này, khỏi căn nhà không cửa sổ đầy mùi nước gạo và khói bếp than này, để nụ cười nàng thật sự tỏa sáng trong khung cảnh xứng hợp với nàng. Nhưng tôi chỉ là một viên chức quèn có quá nhiều mơ mộng, một triệu phú thời gian nhưng lại rất ít tiền. Tôi ở căn hộ tầng ba nhìn xuống mái nhà nàng, xuống cái lối đi chật hẹp tun hút giữa hai dãy nhà tập thể, và chỉ thế mà thôi. Mẹ đã lập cho tôi kế hoạch đi ở rể, vì căn hộ này đã quá tải người, hai bốn mét vuông cho bảy nhân mạng!

Nàng thân với em gái tôi. Đó là cái cớ để tôi được gặp nàng nhiều hơn và đôi khi nói chuyện tay đôi. Tôi biết nàng thích đọc, nhưng chỉ đọc truyện Việt Nam. Nàng bảo truyện nước ngoài xa vời quá, còn thơ của họ thì khó hiểu. Trước đây nàng đã thức trắng đêm để đọc những thiên truyện lãng mạn, đầy tình người và những mơ ước cao cả xa vời. Nhưng bây giờ thì đủ rồi. Tôi hỏi: "Nghĩa là em không còn mơ ước nữa?". Nàng bảo: "Có chứ. Em mơ một ngôi nhà có nhiều cửa sổ... Em có một bà chị rất lãng mạn. Chị ấy chỉ mơ một ngày nào đó được tặng một ôm hoa hồng màu đỏ chói lọi. Nhưng bạn trai chị ấy không thích hoa, chỉ thích gà. Sinh nhật chị, lần nào anh ta cũng vác đến một con gà luộc. Hai người chấm muối chanh ớt, liên hoan với nhau. Rồi chị ấy lấy anh-gà-luộc ấy. Bây giờ hai người ở một cái nhà to, có rất nhiều cửa sổ..."

Hôm ấy trời mưa, nàng ở chơi lâu hơn. Tôi chưa bao giờ gần nàng đến vậy. Những ngón tay nàng buông hờ hững trên bậu cửa sổ, chúng trắng và thon thả đến nao lòng. Tôi chỉ muốn nắm gọn chúng trong lòng bàn tay mình để xoá đi cái vẻ cô đơn trên từng ngón tay buồn kia. Nhưng trời sinh ra tôi có hai bàn tay lạnh, chẳng đủ sưởi ấm cho chính mình, làm sao đem hơi ấm được cho ai? Tôi bỗng thấy giận mình, rồi giận cả nàng. Tại sao nàng lại đem so sánh hoa hồng với gà luộc. Cả hai thứ đó tôi đều không có, mà nàng có lẽ cũng không cần. Tôi hỏi lại nàng:

"Thế bà chị em có hạnh phúc với anh-gà-luộc ấy không? "

Nàng lắc đầu:

"Anh chị ấy bận lắm. Hai vợ chồng đều đi làm đến tối mịt. Về nhà là cơm nước, dạy con học, thì giờ đâu mà ngồi nghĩ là có hạnh phúc hay không!"

"Thế cứ bận là không có khái niệm về hạnh phúc hay đau khổ hay sao?"

Nàng bật cười, cái vẻ cười làm tôi vừa thích, vừa khó chịu -như là nàng chưa biết rằng nàng đang khổ, như là một cô bé quá ngây thơ, như là một gái giang hồ quá dạn dĩ ...:

"Anh triết lý thế thì sống sao nổi. Sướng khổ tại tâm chứ."

Tôi bỗng thương nàng da diết. Nàng chê tôi triết lý, nhưng chính nàng lại đi triết lý. Đàn bà hay triết lý thì khổ, mẹ tôi vẫn bảo thế. Nàng sẽ không bao giờ hợp với Phúc - anh thợ điện hàng xóm vẫn mượn cớ sang nhà nàng sửa giúp cái này, chữa hộ cái kia. Nàng cũng sẽ không hợp với anh chàng cưỡi xe Dream và đeo dây chuyền vàng trĩu cổ đang hứa hẹn dâng tặng nàng cương vị bà chủ một cửa hàng vàng có cửa sắt kéo ở ngay mặt phố. Nàng cũng chẳng thuộc về tôi trong cái hộp bê tông chen chúc những người này.

Mẹ tôi đã chán nhìn tôi ngồi ì sau khung cửa sổ ngắm mái ngói nhà hàng xóm. Bà giục tôi lấy vợ: "Con Bích Liên nó để ý đến mày đấy. Lần nào mua thịt nó cũng hỏi thăm, mà lại cân tươi lắm! Con bé được cái đảm. Nó mà diện lên thì cũng ra dáng lắm...". Tôi ậm ừ. Hôm qua trong men bia, ông Mỹ đã tuyên bố sẽ "cải tạo lòi giống, cho con Bích Niên nấy hẳn một anh chồng trí thức, xem nợn nai có hơn đứt nợn ỉ không!". Ấy là ông bực vợ chồng nhà Tâm nghèo kiết xác mà cứ khinh khỉnh chê nhà ông ít chữ. Nhưng cô Bích Liên hình như có để ý đến tôi thật. Mấy lần tôi thấy cô đánh phấn, mặc váy đầm đi lướt qua tôi, thả một cái liếc ngọt sắc như dao pha của ông bố. Chẳng hiểu có phải vì thế, hay vì những lời nói gần nói xa của mẹ, tôi đã quyết định ra chợ, đến mua thịt ở hàng ông Mỹ.

Giá như số phận đừng run rủi thì bây giờ có lẽ tôi đã yên tâm nhắm lòng lợn tiết canh với bố con ông Mỹ hàng ngày và thôi không băn khoăn nhìn cái mái ngói nhà hàng xóm nữa. Nhưng bữa đó tôi lại gặp nàng. Nàng đứng cạnh cô Bích Liên, chọn một miếng thịt lên cân và cười. Cô Bích Liên cũng cười. Ban ngày không son phấn, trông cô đen và thô. Cả đến cái cười cũng đượm mùi nghề nghiệp. Tôi đi như chạy ra khỏi chợ. Tôi biết nụ cười của nàng đã xua đuổi tôi. Tại sao nàng có thể cười rạng rỡ

Tâm Huế
NGŨ AN

thuở về đứng bên giòng Hương giang chảy
tìm lại hương xưa Thạch xương bồ
bao năm sông nước buồn không dạt
những mảnh đời theo bóng xa đưa
thuở về gõ tay sầu lên thành quách
nghe hồn dâu bể đọng rêu xanh
trăm năm chưa tận, đời sao tận
quận chúa em xưa đã biệt thành
thủ một ngày lang thang trong nội
để nghe mưa nắng nói lời chi
nắng mưa chỉ nói lời hoang phế
chỉ nói lời người bỏ nhau đi
thủ đêm đêm ngồi chờ nguyệt nở
trên tay người mấy đóa ngọc lan
Huế ơi, đêm Huế là hư ảo
nói giùm người lời nói sương tan
thủ về lại nhà xưa miền Gia hội
thấy chi nhân ảnh giữa muôn trùng
Huế ơi, tâm Huế là hoa lá
ngát hương đời trong mỗi trái tim.

đến thế khi cả nàng và tôi đều khổ...?

Cuối năm ấy, nàng đi lấy chồng. Nàng theo chồng đến một nơi xa, rất xa. Tôi thầm cầu mong nàng sẽ sống trong một ngôi nhà với rất nhiều cửa sổ, và nàng sẽ hạnh phúc. Nhưng em gái tôi lại buồn. Nó bảo số nàng vất vả, chẳng được nhờ chồng, bây giờ lại còn lo đến mẹ già ở xa không ai chăm sóc. Tôi thẫn thờ ngồi ngắm mái ngói nhà hàng xóm đầm trong cơn mưa chiều. Hàng hàng ngói xuôi xuống như suốt đời ép mình nhẫn nhục. Ở dưới ấy là bao nhiêu con người sống không cần cửa sổ. Mẹ tôi cũng đang bàn hay là quây cót ép và nilông biến cái góc cửa sổ và ban công sau nhà này thành "chuồng cọp" chứa đồ. Nó thiết thực hơn là cửa sổ. Nhà tôi đã có một cửa ra vào trông xuống phố là đủ. Thời buổi bây giờ, ai cũng quay ra đường lớn....❐

Vĩnh biệt Bố già

Thạch Hãn

Mario Puzo, nhà văn Mỹ gốc Ý, tác giả cuốn truyện và bộ phim nổi tiếng The Godfather đã từ trần hôm 2 tháng 7 năm 1999 tại nhà riêng ở Long Island, Nữu Ước, hưởng thọ 78 tuổi, sau nhiều năm bị bệnh tiểu đường và chứng suy tim.

Tác giả của tác phẩm bất hủ *The Godfather* sinh ngày 15 tháng 10 năm 1920 trong một gia đình di dân từ Ý đại lợi nghèo khó. Thuở nhỏ ông sống trong khu nghèo của thành phố Nữu Ước, có hỗn danh là "Nhà bếp của Địa ngục" (Hell's Kitchen), một khu ổ chuột phía Tây Manhattan. Trong Thế chiến thứ hai, ông phục vụ trong Không lực Hoa Kỳ, đóng ở Đức và Đông Á. Sau chiến tranh, ông theo học ở New School for Social Research ở Nữu Ước và sau đó ở Đại Học Columbia. Ông làm công chức, ngạch thư ký trong suốt hai mươi năm, phục vụ trong các công sở ở Nữu Ước cũng như hải ngoại.

Mario Puzo khởi sự văn nghiệp của mình bằng những truyện ngắn đăng rải rác trên các tạp chí, và cuốn sách đầu tay Dark Arena (Đấu Trường Đen) xuất hiện năm 1955, gây xôn xao dư luận. Năm 1964, ông chiếm được lòng thán phục và mến mộ của giới phê bình với cuốn *The Fortunate Pilgrim* (Người hành hương may mắn) mà ông đã mất 9 năm trời để viết. Cho đến gần cuối đời Mario Puzo vẫn cho đó là cuốn tiểu thuyết hay nhất của ông, mặc dù không mang lại lợi tức giúp ông thoát khỏi cảnh sống nghèo túng lúc đó. Cái nghèo đeo đuổi ông trong suốt gần nửa thế kỷ, và phải đợi đến khi *The Godfather* (Bố già) xuất bản năm 1969, ông mới có tiền. Khi *The Fortunate Pilgrim* không mang lại lợi nhuận như ông mong đợi, ông đã quyết tâm viết một cuốn truyện thật ăn khách, và nói là làm, ông nhận một món tiền $5000 do nhà xuất bản Putnam ứng trước cho một cuốn tiểu thuyết mà cả tác giả lẫn nhà xuất bản

chưa biết nó sẽ hay dở ra sao rồi bắt đầu viết. Kết quả ngoài sức tưởng tượng! *The Godfather* bán được 21 triệu cuốn trước khi được quay thành phim.

Trong một cuộc phỏng vấn do Larry King thực hiện trong chương trình Larry King Live của đài truyền hình CNN ngày 2 tháng 8 năm 1996 – một biến cố hiếm hoi, vì trong suốt 20 năm, Mario Puzo không hề cho ai phỏng vấn – ông thú nhận chưa bằng lòng mấy với phẩm chất của *The Godfather*. Hãy nghe đoạn đối thoại giữa Larry King và Mario Puzo sau đây:

Larry King (LK): *Có thật ông viết nó [The Godfather] chỉ vì tiền không? Tôi còn nhớ người ta bàn tán rằng có một ông nhà văn rất nghiêm túc, Mario Puzo, viết truyện rất hay, và có người đến tìm ông để gạ ông viết một cuốn truyện Mafia?*

Mario Puzo (MP): Không, chuyện xảy ra là vầy – tôi đã xuất bản hai cuốn sách, được khen ngợi, nhất là cuốn thứ hai, The Fortunate Pilgrim, nhưng mà chẳng kiếm được xu nào.

LK: *The Fortunate Pilgrim là một cuốn truyện hay.*

MP: Vâng. Tôi cũng nghĩ đó là cuốn hay nhất của tôi. Nhưng chẳng kiếm được tiền. Tôi nhìn quanh rồi nghĩ "Chà, phải kiếm tiền chứ." Ông biết mà, hồi đó tôi làm công chức ngạch thư ký, có viết đôi chút cho các tạp chí, các tờ báo phiêu lưu mạo hiểm ấy mà, rồi nghĩ mình có 5 đứa con, phải lo mà kiến tiền chứ.

LK: *Vậy cho nên ông sáng tác cuốn này là cốt để thu hút người đọc đấy à?*

MP: Vâng, vâng. Đúng. Tôi cố gắng viết một cuốn truyện hay, nhưng tôi vẫn cứ nghĩ đến chuyện viết sao cho ăn khách. Thật ra, chú tâm như thế cũng đã giúp tôi rất nhiều, mặc dù tôi cũng muốn viết như James Joyce, mà tôi lại có tài kể chuyện hơn là có tài sử dụng ngôn ngữ như Joyce, mặc dù tôi biết mình cũng có văn tài đấy.

LK: V*ậy The Godfather có là một tác phẩm không xứng với tài ông không?*

MP: Xem nào. À..

LK *Hay nó là khác.*

MP: Khi nào tôi cũng muốn viết hay hơn nữa. Lúc đó tôi phải đi Âu châu, có dặn người đại diện xuất bản là tôi cần soát lại một lần nữa, thế nhưng khi trở về thì người ta đã bán cho một nhà xuất bản để in ấn bản bìa mềm lấy $450,000 rồi. Tôi không dám viết lại, sợ người ta đòi tiền lui...

Sau khi cuốn sách được quần chúng đón nhận nồng nhiệt, giới làm phim Hollywood nghĩ đến chuyện đưa lên màn bạc. Nhà đạo diễn trứ danh Francis Coppola, lúc đầu không thích *The Godfather*, ngỏ lời yêu cầu tác giả viết chuyện phim. Đây cũng là một trường hợp ngoại lệ, thường tác giả các cuốn truyện không phải là người viết phiên bản để quay phim. Mario Puzo lúc đầu cũng không thích làm việc này, nhưng sau lại nghĩ là làm gì có tiền thì làm, và nhận lời. Ông nói với Larry King: "Tôi làm [viết chuyện phim] vì tiền. Xem nào, tôi muốn nói là như tôi đã nói trước đây, rằng mấy người viết truyện phim ở đó vất vả lắm, việc làm của họ khó khăn chứ không dễ, nhưng ông cũng biết là họ kiếm nhiều tiền. Ông cũng biết là đối với tôi, khi mất nhiều năm để viết một cuốn truyện dài như vậy, giờ viết chuyện phim thì chỉ mất vài tháng trời thôi mà họ lại trả cho một món tiền lớn đến thế thì làm sao tôi từ chối được." Kết quả cuốn phim đạt thành công vượt bực về tài chánh cũng như nghệ thuật, do Marlon Brando thủ vai chính cùng với nhiều tài tử gạo cội khác của nền điện ảnh Hoa Kỳ. Thay vì chỉ có một phim, Francis Coppola thực hiện ba cuốn I, II và III. Phim được nhiều giải Oscar về diễn xuất cũng như chuyện phim. Từ đó, Mario Puzo bước vào nghề viết chuyện phim chuyên nghiệp. Ngoài ba phim *The Godftaher I, II và III*, ông còn là tác giả các chuyện phim có số thu cao như *Earthquake, Superman I* và *II*, *Christopher Columbus* và *The Cotton Club*.

The Godfather, sách cũng như phim, dần dà trở thành một phần của đời sống Mỹ. Độc giả và khán giả trên thế giới cũng đã có dịp thưởng thức qua các bản dịch ra nhiều thứ tiếng và phim có phụ đề. Thế giới tội ác ở trong sách và phim, tuy có lúc ghê gớm đến độ tàn nhẫn, lồng trong khung cảnh gia đình của một đại gia người Ý, và những âm mưu cùng thủ đoạn của vị trưởng lão và các thành viên gia đình qua ba bốn đời lột trần mặt trái của xã hội qua nhiều giai đoạn. Bạo động xảy ra do phản trắc, bội ước. Nhất là khi những sự giao ước với các tổ chức tội ác bị vi phạm, bạo động càng tàn nhẫn và mãnh liệt vô cùng.

Mario Puzo là một bậc thầy khi viết về tội ác và cách xử thế vô cùng phi nhân của nhân vật của ông, nhưng ông lại là người bao giờ cũng xem trọng đạo đức. Ông nói: "Tôi không ưa gì tội ác. Trái lại tôi rất chống tội ác. Trong tác phẩm của tôi, một phần lớn dành phê phán xã hội Hoa Kỳ và hệ thống tư pháp của nó. Đó là một hệ thống khôi hài, bất công. Ai có tiền thì thoát. Công lý phải đồng đều. Trong khế ước xã hội hiện thời, kẻ phạm tội lại được che chở nhiều hơn tôi, một kẻ biết tuân luật lệ." Một đặc điểm khác trong tác phẩm của Puzo, ông đề cao tình gia đình, liên hệ huyết thống, những tranh chấp dằng co thoát thai từ cá tính và từ những

khiếm khuyết cá biệt nơi mỗi con người. Puzo giải thích: "Lớp người cũ trọng danh dự, họ tôn trọng giá trị gia đình, nhưng tôi không biết là hiện giờ người ta có còn coi trọng bậc thang giá trị đó nữa không, vì đó là nhãn quan của những người chủ trương chế độ tộc trưởng. Ngày nay, hệ thống gia đình đã dần dà bị Mỹ hóa. Những tay đầu đảng của thời 1930 không còn muốn thấy con cái mình nối nghiệp mà muốn chúng trở thành những người tốt hơn họ, thành công hơn họ. Họ cho con đi học West Point, gởi học ở những trường nổi tiếng nhất. Đó cũng là một sự đổi thay trong giấc mơ Mỹ."

Lớn lên trong nghèo khó, lại xuất thân từ một gia đình người Ý di dân, Puzo phấn đấu không ngừng để tiến thân. Năm lên 12 tuổi, cha bỏ bê gia đình gồm 6 anh chị em, phó mặc cho bà mẹ chạy vạy kiếm ăn từng bữa. Ông khởi đầu nghiệp văn của mình bằng cách ghi lại những nhọc nhằn của kinh nghiệm di dân lột tả qua nhân vật chính Lucia Santa trong *The Fortunate Pilgrim*. Đó chính là người mẹ đảm đang có cá tính mạnh, nghiêm khắc với con cái, chênh vênh giữa hai nếp sống: một của người nông dân Ý đại lợi và một của kẻ sống ngoài đường phố. Trong tác phẩm *The Last Don* (1996), tác giả lại xác nhận chính mẹ ông đã tạo cảm hứng cho ôngxây dựng nhân vật Don Corleone. Ông nói: "Mỗi khi Bố Già mở miệng, trong đầu tôi, tôi chỉ nghe giọng mẹ tôi nói."

Cùng với Bernard Malamud và Phillip Roth, Mario Puzo là một trong những nhà văn Mỹ gốc di dân thành công nhất trong lịch sử văn học hiện đại Hoa Kỳ.

Những năm gần đây, sức khỏe ông sa sút do biến chứng của bịnh tiểu đường và suy tim khiến ông phải vào bệnh viện mổ tim nối bốn động mạch (quadruple bypass) năm 1992, Puzo dành nhiều thì giờ đọc lại các tác phẩm cổ điển của Dickens, Thackeray, Garlsworthy cùng với tác phẩm của các tác giả cận đại như Anita Brooker, Muriel Spark, và nhất là Fyodor Dostoevsky. Ảnh hưởng của Dostoevesky bàng bạc trong nhiều tác phẩm của Mario Puzo. Tác phẩm cuối cùng *Omerta* (Điều luật im lặng) của ông vừa hoàn tất trước khi qua đời sẽ được xuất bản vào tháng 7 năm 2000. Cho đến cuối đời, Mario Puzo vẫn chỉ dùng chiếc máy đánh chữ của ông từ năm 1947 để đánh bản thảo.

(Xem thêm "Chọn một Giấc Mơ" ở trang 129. Nguyên tácAnh ngữ "Choosing a Dream: Italians in Hell's Kitchen" của Mario Puzo, trích trong The Immigrant Experience do Thomas C. Wheeler chủ biên, Doubleday xuất bản năm 1971. Nhật báo Los Angeles Tines đăng lại trong Book Review ngày 11 tháng 1999.)

Chọn Một Giấc Mơ

Mario Puzo - Thạch Hãn dịch

Hồi còn bé cũng như lúc thiếu thời, sống trong lòng khu ổ chuột của người thiểu số ở New York, tôi chưa hề nghe một người Ý mở miệng hát. Không ai trong số những người lớn tôi quen biết thời đó là đáng yêu, thông cảm hay biết thương yêu kẻ khác. Trái lại, họ thô kệch, tục tằn, hay chửi rủa. Vì thế mà về sau này, khi nghe những sáo ngữ nào là người Ý đáng yêu, người Ý ưa hát, người Ý dễ tính, tôi tự hỏi không biết các nhà làm phim, viết truyện...ấy lấy những ý đó ở đâu ra.

Ngay từ lúc còn rất nhỏ, tôi đã quyết định tránh xa những con người thô lỗ này bằng cách trở thành một nghệ sĩ, một nhà văn. Thời đó, nó là một giấc mơ không bao giờ có thực. Cả cha lẫn mẹ tôi đều thất học, cũng như ông bà tôi ngày trước. Nhưng càng viết tôi càng cố nhìn những người lớn với cặp mắt bao dung hơn, và đi đến kết luận là họ chỉ có cái tội là người ngoại quốc; còn tôi là một người Mỹ. Nghĩ như thế cũng chưa ổn, bởi vì tôi chỉ là người Mỹ có một nửa. Hồi đó thì tôi cũng là người ngoại quốc vậy! Họ lại còn có vẻ "Mỹ" nhiều hơn tôi nữa là khác.

Nhưng lúc đó hình như những người Ý di dân, các ông cha bà mẹ mà tôi biết, họ đều là những kẻ băng hăng bó hó: luôn luôn quát tháo, tức giận, sẵn sàng gây gổ hơn là mở vòng tay ôm. Điều tôi không biết là để kiếm được miếng ăn hàng ngày, họ phải lao động trong nhiều tiếng đồng hồ; và sự mệt nhọc về thể xác không bao giờ làm cho bản tính con người trở nên dịu ngọt.

Và vì thế, ngay từ lúc còn bé, tôi sợ khi lớn lên mình sẽ giống như những người lớn chung quanh tôi. Tôi đã nghe họ nói những lời cay độc nhất về những người bạn chí thiết của họ, nhìn thấy không biết bao vòng tay ôm những kẻ họ vừa mới thóa mạ, chứng kiến trong kinh hoàng cơn giận dữ của họ vì một vài việc lặt vặt, hay vì chút tự ái rởm. Họ không bao giờ biết tha thứ. Tóm lại, họ không có được lòng quảng đại vô tâm của trẻ con.

Tuổi thanh niên, tôi cũng coi thường những người trưởng thượng, kể cả một vài người dưới tuổi ba mươi. Tôi nghĩ là tôi có khinh mạn họ thì cũng chỉ là những trường hợp cá biệt mà thôi. Về sau, khi viết về những người thất học, lúc tôi nghĩ tôi đã hiểu được họ, tôi lại thấy tội nghiệp họ vô cùng. Xét cho cùng, họ đã khổ sở, đã vất vả lao động suốt đời họ. Họ chưa bao giờ được nếm thứ gì xa xỉ, đời sống kinh tế của họ thì cũng chưa chắc gì đã vững hơn đám nô tì thời đế quốc La mã, tổ tiên ông bà của họ. À, còn điều này nữa, khi có được cái nhìn có tính nghệ thuật tôi mới khám phá ra: họ còn bị cách ly với con cái bởi một thứ tiếng Mỹ lạ lùng đối với họ, nhưng lại là tiếng bản địa của con cái họ.

Khi đã là một nghệ sĩ nhưng chưa làm chồng, làm cha, tôi suy nghĩ mãi về cái bi kịch của họ, lại một lần nữa cho đó là hoàn cảnh cá biệt hơn là một hằng số của phận người. Tôi còn chưa hiểu được tại sao những người đàn ông đàn bà đó đã khứng chịu chấp nhận thiệt thòi cho đời họ, chịu nhận phần ít hơn phần họ xứng đáng được hưởng, mà ngay cả cái "ít" hơn đó, đối với họ cũng đã là khá lắm rồi. Tôi đã không hiểu được rằng chỉ vì họ không đủ sức ước mơ một thứ gì. Riêng tôi, tôi có cả trăm giấc mơ để chọn lựa. Tôi cầm chắc là sẽ thoát ra khỏi đời sống lam lũ đó, tôi là một trong những người được chọn lựa. Tôi sẽ sống trong giàu sang danh vọng. Tôi sẽ làm chủ lấy số phận của tôi.

Do thế, lúc cha tôi qua đời, mẹ tôi trở thành chủ hộ, tôi - một đứa bé con giống như những đứa bé con khác sống trong khu ổ chuột nghèo khó ở trên đất Mỹ - bị khóa cứng trong một cuộc dằng co giữa tôi và những người lớn chịu trách nhiệm nuôi nấng tôi, cũng chỉ là một điều hết sức tự nhiên. Việc mẹ con tôi trở thành thù nghịch với nhau là điều không thể tránh.

Lúc còn bé tôi có những ước mơ bình thường. Tôi muốn mình đẹp trai, giống như những tài tử trong các phim cao bồi. Tôi muốn trở thành một thứ người hùng giết giặc trong các trận thế chiến. Hay nếu không có chiến tranh (thầy cô giáo chúng tôi dạy là chẳng thể nào có chiến tranh nữa đâu), chí ít tôi cũng muốn trở thành một kẻ phiêu lưu rày đây mai đó. Rồi tôi lại muốn trở thành một nghệ sĩ, có lúc còn muốn trở thành một tên tội phạm khét tiếng.

Mẹ tôi, trái lại, chỉ muốn tôi trở thành một thư ký Sở Hỏa xa. Và đó chính là cái tham vọng tột đỉnh của bà; nếu có thấp hơn một chút thì bà cũng chịu thôi. Năm 16 tuổi, khi tôi nói với mọi người rằng tôi sẽ trở thành một nhà văn lớn, bạn bè và gia đình đều tỏ ra dửng dưng, kể cả mẹ tôi. Bà không giận. Một cách đơn giản, bà nghĩ tôi bị mất dây. Bà thất học, và qua một đời làm nông ở Ý, bà nghĩ chỉ có con cái của giới quý tộc may

ra mới có thể trở thành một nhà văn. Cái đẹp trong nghệ thuật chỉ có thể xuất phát từ những nơi quần là áo lượt, cao lương mỹ vị, đời sống xa hoa mà thôi. Thế thì làm sao con của một người đàn bà thất học như bà lại có thể là một nhà văn được? Bà vẫn chưa chịu tin ngay cả sau khi tôi đã xuất bản được hai cuốn sách. Phải đợi cho đến khi tôi thành công về mặt kinh tế sau khi xuất bản cuốn truyện thứ ba, bà mới chịu ban cho tôi danh hiệu "thi sĩ".

Tôi lớn lên cùng gia đình ở Đường 10, giữa đường 13 và 31, một phần của khu phố có biệt danh là Nhà bếp của Địa ngục. Khu phố này rất thích hợp làm cảnh cho một trong những phim thuộc loại Bọn trẻ đường cùng, hay làm bối cảnh cho những bi kịch xã hội của Khu Phía Đông (East Side) trong đó John Garfield thủ vai chính. Chỗ chúng tôi trú ngụ chính là bức tường phía tây của thành phố. Bên dưới cửa sổ nhà chúng tôi là khoảng sân bao la đen kịt của Sở Hỏa xa Trung ương Nữu Ước, tràn ngập những toa xe hôi thối mùi bò heo vừa mới lùa đến các nhà tể sinh của thành phố. Thỉnh thoảng bò sổng chuồng chạy tung tăng, một đám trẻ chưa hề thấy bò bao giờ trố mắt ngạc nhiên chạy theo quan sát.

Sân ga trải dài xuống tận sông Hudson, và ở bên kia bờ nước tanh tưởi đó, là bức thành đá Palisades của New Jersey. Có đường xe lửa đi xuống phố ở trên đường 10, đến một trạm tàu hàng khác gọi là St. John's Park. Vì đường xe lửa làm choán mất một lối đi của hai con phố nên người ta bắc ngang qua đường 10 một cây cầu gỗ, trông thật tình tứ, mặc dù bên dưới cầu không có nước chảy, không có cá lội, chỉ có những cỗ xe nặng nề cọc cạch kéo bởi những con ngựa già nua, một vài chiếc xe chở hàng, vài chiếc ô tô, và hẳn nhiên là còn có những chuỗi toa tàu nối nhau dài lê thê, kéo bằng những chiếc đầu máy đen ngòm xấu xí.

Điều mà tôi cho là thú vị, là huyền ảo nhất chính là lúc ngồi trên thành cầu, thòng hai chân, rồi để cho đầu máy xe lửa bên dưới phun hơi nước thành một cụm mây bao phủ cả người, để rồi một lát sau lại hiện ra, người ướt sũng và nồng nặc mùi than mùi thép. Lúc tôi lên bảy, lần đầu tiên tôi cảm thấy biết yêu, một đứa bé gái bạo dạn đã nắm lấy tay để cùng tôi biến mất trong đám hơi nước huyền ảo đó. Kinh nghiệm này quả thực đã làm cho tôi hết sức dao động và ảnh hưởng sâu xa đến những mối liên hệ của tôi với phụ nữ về sau này, còn ảnh hưởng hơn cả những cuộc phiêu lưu không mấy tốt đẹp của trẻ con mà các nhà tiểu thuyết dựa vào lý thuyết của Freud để biện minh cho sự tuột dốc của những người hùng trong truyện của họ.

Cha tôi làm lao công cho Sở Hỏa xa Trung Ương Nữu Ước để kiếm tiền nuôi vợ và bảy con. Anh cả tôi làm việc cho Sở Hỏa xa có nhiệm vụ

thắng tàu. Một người anh khác làm thư ký phòng gởi hàng. Sau đó, tôi cũng đã sống qua mấy tháng đen tối nhất đời trong vai một thằng bé chạy công văn dở nhất của Sở Hỏa xa.

Chị lớn của tôi cũng không khá gì hơn, chị làm thợ may cho kỹ nghệ may mặc. Chị muốn làm cô giáo. Hai người anh còn lại của tôi hình như cũng có một lúc nào đó làm cho Hỏa xa- sáu người đàn ông trong gia đình đã làm nhân viên của sở. Hai người chị và mẹ tôi may thoát, dù năm nào vào dịp Giáng sinh bà cũng biếu xén mấy ông sếp của chúng tôi mỗi người một bình rượu nho cất tại gia. Ai cũng ghét công việc làm của mình chỉ trừ người anh cả đi làm ca đêm, và cứ chui vào các toa xe nằm ngủ trong giờ làm việc. Cha tôi cuối cùng bị đuổi việc vì khi ông cai bảo ông xách một thùng nước cho kíp lái tàu và trở lại ngay đừng có cà rần, ông lấy chiếc thùng rồi đi luôn một mạch.

Hầu hết những người đàn ông Ý sống ở đường số 10 làm việc cho Sở Hỏa xa để nuôi gia đình. Con cái họ kiếm chút tiền tiêu vặt bằng cách ăn cắp nước đá trên các toa xe chở thực phẩm có trang bị máy lạnh nếu là mùa hè, về mùa đông chúng lại lấy than đem bán. Thỉnh thoảng có đứa lớn bạo gan phá niêm cửa các toa xe chở hàng để nhìn xem thử bên trong có gì. Thường những lúc như thế, mấy ông "Bò Húc" (hỗn danh cảnh sát hỏa xa) ập đến. Thường hàng hóa chứa trong xe "nặng nề", khó di chuyển và tiêu thụ, hay những thứ khác như rau cải hay kẹo sô-cô-la thì bán không ai mua.

Những đứa lớn hơn, vừa đến tuổi đi bầu, kiếm tiền dễ dàng bằng cách chận cướp các xe chở tơ lụa cho các xưởng may ở Đường 31. Sau đó bọn chúng mang hàng vải đến bán từng nhà, với một giá hời đến nỗi không một tiệm hàng nào dù có bán giá thấp bao nhiêu cũng không địch nổi. Từ trộm cắp vặt vãnh, một vài đứa trong bọn tiến dần đến các tội phạm có tổ chức, lại được các tay săn lùng thanh niên quen nghề đấm đá tuyển mộ. Tuy vậy, hầu hết các trẻ con lớn lên thành người lương thiện, bằng lòng với số lợi tức 50 đô một tuần làm lái xe vận tải, người giao hàng hay thư ký trong các công sở.

Rất nhiều lần tôi đã muốn hư hỏng, nhưng lại không có dịp. Cơ cấu gia đình của người Ý quả thật kinh khủng.

Chưa bao giờ tôi được bước chân vào một căn nhà trống; lúc nào cũng ngửi thấy được mùi xào nấu. Mẹ tôi luôn luôn có mặt ở đó chực chờ tôi, có lúc tay cầm cây ba tong của cảnh sát (không ai biết bà lấy thứ nầy ở đâu ra). Nhưng khi nào trong nhà cũng có mặt mẹ, nếu không thì có người phụ tá đắc lực là bà chị cả của tôi, người thường lấy hộp sữa ném vào đầu các em mỗi khi thấy điểm xấu trên sổ điểm của chúng. Trong

những năm Khủng hoảng Kinh tế thập niên 1930, dù cho gia đình chúng tôi nghèo nhất trong số người nghèo, tôi nhớ là chưa bao giờ phải thiếu ăn. Nhiều năm về sau, lúc đến dự tiệc ở câu lạc bộ các triệu phú gia, tôi lại nhận ra rằng gia đình nghèo của chúng tôi hồi đó ăn uống còn khá hơn một vài người giàu có nhất nước Mỹ.

Mẹ tôi không bao giờ mơ ước mình dùng một thứ gì khác hơn là dầu olive thượng hạng nhập cảng và thứ phó mát danh tiếng nhất của Ý. Cha tôi lại còn kiếm được cả trái cây tươi trên các tàu hàng, rau cải từ các toa xe lửa, trước khi qua các tay trung gian, và mẹ tôi, cũng như nhiều phụ nữ Ý khác, nấu ăn rất giỏi, theo kiểu nhà quê.

Về tính khí, mẹ tôi cũng đáng nể như tài nấu ăn của bà. Đừng ai bao giờ cư xử thô lỗ với bà. Anh cả tôi năm lên 16 đã tậu được một chiếc xe Ford con con, dùng nó vào việc biến mình thành một Don Juan của Đại lộ 10. Một hôm mẹ tôi bảo anh lái xe đưa bà ra chợ ở Đại lộ 9 và Đường 40, một chuyến xe mất không quá năm phút. Anh tôi lại đang có kế hoạch khác nên trả lời là anh bận đi làm theo ca mới ở Sở Hỏa xa. Lấy cớ đi làm thường được chấp nhận, ngay cả việc tránh dự đám tang. Nhưng khoảng một giờ sau, khi mẹ tôi ra khỏi nhà, bà thấy ngay trên xe có ba cô gái xinh đẹp ở trong xóm, trong lúc người anh Don Juan của tôi đang sắp lái xe chạy đi. Rủi thay, bên vệ đường lại có một viên đá. Mẹ tôi thả chiếc xách đi chợ bằng da mầu đen, lấy hai tay vực viên đá lên. Trong lúc bọn tôi đang đứng nhìn trong kinh hoàng, bà ném viên đá vào cái vè xe gần chỗ bà đứng nhất, làm nó hỏng nát. Sau đó bà nhặt chiếc xách đi chợ tiếp tục đi ra Đại lộ 9 mua bán như không có gì xảy ra. Cho đến ngày nay, hơn bốn mươi năm sau, trong giọng nói của anh tôi khi kể lại chuyện này vẫn còn đượm vẻ sợ hãi kinh hoàng. Anh vẫn không hiểu nổi sao mẹ lại có thể làm thế được.

Mẹ tôi còn có những huyền thoại riêng của bà về cách tích lũy tiền của. Chúng tôi có một ông cậu làm phụ bếp ở một tiệm ăn Ý nổi tiếng. Mỗi ngày, sáu ngày mỗi tuần, ông cậu này giấu trong áo mang về nhà sáu quả trứng, một thỏi bơ và một bao bột mì nhỏ. Cứ thế trong suốt ba mươi năm ông để dành đủ tiền để mua một căn nhà trị giá 15 ngàn đô la ở Long Island và hai căn khác nhỏ hơn cho con trai và con gái. Một người anh họ khác, may có được bằng cấp đại học, làm việc với tư cách một hóa học gia cho một công ty sản xuất lớn. Dùng nguyên vật liệu và máy móc của công ty, ông chế ra được một thứ sáp đánh bóng sàn nhà mà ông mang đến từng nhà gõ cửa gạ bán trong những giờ rảnh. Đó là một thứ sáp rất tốt, và giá lại rẻ vì ông chẳng tốn một xu sở hụi. Mẹ tôi và những người bạn của bà không hề cho đó là một sự trộm cắp. Họ cho như thế là biết tằn tiện.

Người anh họ bán sấp đó về sau đã không còn được tiếng tằn tiện khi ông sắm một chiếc thuyền buồm; chẳng khác gì chuyện một người con trai một gia đình quý tộc ở Boston đem đốt một trăm ngàn đô la trong nhà thổ.

Trong khi bọn đàn ông giàu có trốn vợ đi chơi bằng cách đến các câu lạc bộ của họ, tôi thoát ra khỏi vòng tay của mẹ bằng cách đến Nhà Định cư khu Hudson. Nhiều người không biết rằng "nhà định cư" cũng là một thứ câu lạc bộ cộng thêm với dịch vụ xã hội. Nhà Nghiệp đoàn Hudson cao năm tầng, là nơi cung cấp niềm vui cho bọn trẻ con sống trong những khu ổ chuột. ở đó có phòng thọc bi da, chơi bóng bàn, có một phòng làm đèn, một nhà hát nhỏ để dựng kịch, một phòng thể dục để tập đánh bốc hay chơi bóng rổ. Ngoài ra còn có những phòng riêng để mỗi nhóm có nơi tụ họp. Nhà Nghiệp đoàn có thể tước mất tư cách hội viên nếu ai có hành vi sai quấy hay không trả món tiền hội phí tượng trưng. Đối với một đứa trẻ sống trong các khu ổ chuột, thấy tên mình được ghi trên bảng bị hội đồng cấm không cho đến quả là một thứ kinh nghiệm nhức đầu.

Ở đó có các thanh niên trẻ dìu dắt chúng tôi, họ là những khải đạo viên mà cho đến ngày nay tôi vẫn mến nhớ họ. Đối với chúng tôi, họ là bạn hơn là những người lớn có phận sự coi sóc bọn trẻ. Tôi vẫn còn nhớ một người giúp chúng tôi ăn hết một hộp kẹo sô-cô-la ăn trộm, thay vì la mắng. Anh ta làm như thế quả thật đúng, vì từ đó về sau bọn tôi hoàn toàn tin tưởng vào anh ta. Nhà Nghiệp đoàn Hudson này đã ngăn được nhiều trẻ vướng vào đường tù tội hơn cả ngàn người cảnh sát. Ngày nay Nhà Nghiệp đoàn đó vẫn còn, phục vụ những người di dân mới đến, người da đen và người Puerto Rico.

Hồi đó có một đêm những người giàu có ở Nữu Ước tụ hội để những người tổ chức moi một món tiền lớn chi tiêu cho các chương trình của Nhà Định cư. Tôi nghĩ là có một bữa tiệc, diễn kịch, mỗi đầu người tốn một trăm đô la. Tài xế của họ đỗ những chiếc limousine dài dọc theo Đường 27 và Đại lộ 10. Bọn trẻ nghèo thiếu may mắn chúng tôi, do tôi cầm đầu, đêm đó đi xả xì bánh xe của họ. Noblesse oblige. Đành thôi.

Nhưng chúng tôi không hoàn toàn hư hỏng đâu. Ở các trường công, có một năm người ta kêu gọi học sinh cố gắng mang mỗi người một hộp thức ăn đến đóng góp cứu trợ người nghèo nhân lễ Tạ Ơn. Thầy cô giáo dường như không nhận ra người nghèo chính là bọn tôi. Chúng tôi cũng không cho mình là nghèo. Mỗi đứa trẻ trong trường năm đó đều ra tiệm tạp hóa địa phương ăn cắp mỗi đứa một hộp thực phẩm. Trường tôi đạt kỷ lục có số đóng góp cao nhất trong thành phố.

Một trong số những ngày tươi đẹp trong đời tôi, tôi đã sống ở nhà

Nghiệp đoàn Hudson. Năm lên 11 tuổi, tôi trở thành đội trưởng đội bóng bầu dục trong suốt bảy năm và làm hội trưởng Câu lạc Bộ Star trong năm năm. Tôi yêu thích những thành quả đó hơn bất cứ thứ thành công nào khác trong đời. Tôi cũng học được rất nhiều điều ở đó. Năm 15 tuổi, tôi đã bị quyền lực hủ hóa như bất cứ một nhà độc tài nào cho đến khi tôi bị truất phế qua một cuộc bầu phiếu, do những kẻ đối nghịch tôi chủ mưu. Quả là một bài học quý hiếm cho tuổi mười lăm!

Câu lạc bộ Star gồm nhiều đứa trẻ trạc tuổi tôi, đúng hơn là một băng đảng, đã được chương trình định cư của Nhà Nghiệp đoàn Hudson cải tạo. Chúng tôi có một đội banh football. Chúng tôi có niên giám. Chúng tôi được dành phòng riêng, nơi chúng tôi hội họp và có một khải đạo viên, thường là một nam sinh viên. Có một người tên là Ray Dooley mà cho đến ngày hôm nay tôi vẫn mến. Anh dẫn bọn tôi ra ngoại ô du ngoạn, đến thăm nông trại của Nhà Nghiệp đoàn ở bên New Jersey vào những cuối tuần mùa đông, để chúng tôi cột những chiếc ván đi tuyết vào xe anh chạy với tốc độ 30 dặm một giờ. Để trả ơn, bọn tôi ném tinh thể kiềm dùng chế tạo xà phòng vào mặt anh, suýt làm anh mù. Bọn tôi cứ tưởng đó là bột mì. Anh chẳng hề la mắng chúng tôi, và mọi việc rồi cũng êm xuôi. Kể từ đó chúng tôi xem anh như thần tượng. Tôi thích anh chỉ vì dường như anh chưa bao giờ tìm cách truất quyền tôi, hay ít ra tôi chưa thấy.

Nhà Nghiệp đoàn Hudson còn mang lại cho tôi những ngày hạnh phúc nhất của thời thơ ấu. Lúc tôi được 9 hay 10 tuổi, họ đưa tôi đến một nơi khác, tham dự vào chương trình gọi là Quỹ Không Khí Trong Lành (Fesh Air Fund). Đây là một chương trình nhằm đưa những đứa trẻ sống trong các khu ổ chuột đến sinh sống với những gia đình khác ở những nơi như New Hampshire trong hai tuần.

Lúc còn nhỏ, tôi chỉ biết thành phố nơi tôi ở. Tôi không có được chút ý niệm thôn dã như thế nào. Khi đặt chân đến New Hampshire, khi ngửi thấy mùi hoa cỏ cây cối, khi chạy nhảy bằng đôi chân trần trên các con đường đất, khi lùa đàn bò từ thảo nguyên về chuồng, khi chạy phóng ngang qua các ruộng ngô và lội bì bõm qua các con suối, khi đi nhặt từng quả trứng gà màu nâu nằm rải rác trong chuồng, khi lái một chiếc xe ngựa chở cỏ khô do hai ngựa kéo, làm tất cả những việc đó, tôi suýt muốn điên lên vì quá thú vị. Nói một cách hết sức đơn giản, đây là một câu chuyện thần tiên biến thành thực.

Gia đình nhận tôi đến ở là một cặp vợ chồng trung niên không con, theo đạo Báp tít, rất ngoan đạo đến nỗi ngay cả đánh cờ vào ngày nghỉ của Chúa cũng bị cấm. Chúa nhật chúng tôi đi lễ trong suốt ba tiếng đồng hồ, kể luôn cả lớp Thánh kinh, tối lại tiếp tục. Vào tối thứ Năm chúng tôi

dự những buổi họp cầu nguyện. Gia đình bảo trợ tôi chưa hề đi xem chiếu bóng vì lý do tôn giáo. Họ không chấp thuận việc nhảy nhót, rõ ràng họ là những người có đầu óc phản động về chính trị. Ở nơi họ có đầy đủ những thứ mà về sau này tôi chống đối quyết liệt.

Thế nhưng họ vẫn tạo được cho tôi những ngày huyền ảo mà trẻ con không bao giờ quên. Cứ mỗi mùa hè, từ năm 9 tuổi đến năm 15 tuổi, tôi sống với họ hai tuần, khoảng thời gian hạnh phúc nhất trong đời tôi, trước cũng như sau. Ông chủ nhà thì giỏi nghề mộc, làm cho tôi một khoảng sân chơi có đu, có hồ nước để tôi trượt từ trên xuống, có cả ván đu bập bênh. Bà chăm sóc một vườn hoa và rau cải xinh xắn, thỉnh thoảng cho phép tôi hái rau quả. Một quả dưa chuột hay một trái dâu hái từ mặt đất đối với tôi là cả một sự kỳ diệu. Và sau đó, khi biết ra rằng tôi rất thích chơi ngoài trời, khoái nghe tiếng xúc xích găm trên que sôi lèo xéo trên lửa củi, trái bắp nướng vàng rực thơm nức, họ lái xe chở tôi ra một khoảnh cỏ xanh tươi nằm bên triền núi vào những buổi chiều chúa nhật. Chỉ có điều là vào ngày chúa nhật họ không gọi đó là buổi du ngoạn ngoài trời, thay vì họ nói "mang thức ăn trưa ra ngoài." Hồi đó cũng như bây giờ, tôi cho đó là một sự giả dối đáng yêu.

Vị mục sư Báp-tít ở trong căn nhà cách đó chừng vài trăm thước, thỉnh thoảng ông ấy cũng "mang thức ăn trưa ra ngoài" cùng với chúng tôi vào những buổi trưa chúa nhật, mang theo cả vợ con. Ở bên ngoài nhà thờ, ông là một người đàn ông mập béo vui tính, xuề xòa. Ông khoái mua nhiều đồ chơi cho con. Tôi mượn mấy món đồ chơi của đám con ông, và vào một ngày cuối tháng Tám, tôi lái chiếc tàu buồm của thằng con trai ông chạy xuôi theo một con suối trong quanh co rồi cho đâu đâm vào một bờ suối có nhiều rêu, giấu chiếc tàu vào đó để mùa hè sau lại tìm chơi. Nhưng sau đó tôi không còn thấy chiếc tàu nữa.

Rồi cũng đến lúc, khoảng năm 15 tuổi, người ta bảo tôi đã lớn, không còn trong lứa tuổi được tham dự vào chương trình Fresh Air Fund nữa. Đó là lời cảnh báo đầu tiên rằng tôi đang bước vào thế giới của người lớn, dù cho tôi có sẵn sàng hay chưa. Nhưng tôi luôn luôn nhớ đến ông bà đó với một lòng cảm mến, có thể hơn thế nữa. Lúc nào tôi đến họ đều mua sắm áo quần cho tôi, chính họ là người mua cho tôi bộ áo quần ngủ đầu tiên. Giáng sinh họ gởi quà cho tôi, và khi tôi sắp đăng lính tôi có đến thăm họ, lúc đó tôi 21 tuổi. Hồi đó thanh niên còn biết kính trọng người lớn nên tôi đã không hút thuốc trong nhà họ, hay đuổi theo tán tỉnh một thiếu nữ nào đó trong vùng.

Lúc còn nhỏ, tôi tin là tiểu bang New Hampshire có một thứ hàng rào nào đó đã ngăn được bọn trộm đạo không héo lánh tới. Tôi tin như thế bởi

vì nhà không bao giờ phải khóa cửa mỗi lần chúng tôi đi lễ nhà thờ vào chúa nhật cũng như tối thứ Năm. Tôi tin thế vì tôi chưa bao giờ nghe ai chưởi thề hay gây gổ to tiếng. Tôi tin bởi vì tin như thế quả thật tuyệt.

Khi tôi trở về nhà sau mỗi kỳ hè như thế, tôi lại có thêm một vài trò mới. Tôi cúi đầu cầu nguyện trước khi ăn bữa ăn quen thuộc gồm bún sợi và thịt viên. Mẹ tôi chịu đựng không nói năng gì trong mấy hôm tôi bày trò như thế. Vả lại, hai tuần lễ sống xa đứa con ngỗ nghịch nhất nhà cũng đáng đổi lấy một vài buổi cầu nguyện theo phái Báp tít vậy.

Từ Thiên đường mà người ta né, tôi vào Địa ngục. Nói như thế có nghĩa là tôi phải phụ giúp vào sinh kế gia đình, bằng cách làm việc cho Sở Hỏa xa. Dĩ nhiên là sau giờ học. Đây cũng là Sở Hỏa xa đã cung cấp nước đá vào mùa hè, than vào mùa đông mà lúc còn bé tôi đã lấy trộm mà chẳng hề bị ai quở trách. Sau khi tan học lúc 3 giờ chiều, tôi đi làm cho văn phòng chuyển hàng, giữ chân chạy giấy. Tôi còn làm luôn cả thứ bảy, chúa nhật và bất cứ lúc nào có việc cần làm.

Tôi ghét công việc này. Một trong những truyện ngắn đầu tiên của tôi nói về việc tôi chán ghét công việc này đến mức nào. Nhưng dĩ nhiên điều tôi chán ghét thật sự chính là việc tôi phải bước vào thế giới người lớn. Đối với tôi, thế giới người lớn tối tăm và không tự nhiên. Không tự nhiên chút nào đối với những mộng mơ của con người, tựa như cái chết. Và không tránh khỏi.

Người trẻ không đủ kiên nhẫn đối đầu với những đổi thay bởi vì họ không nắm bắt được cái sức mạnh của thời gian; nó không những chỉ là kẻ thù nghịch của thịt da, mầm đưa đến cái chết, nhưng thời gian còn là một thứ ung thư nhẩn nha chờ chực. Và cũng vì người trẻ không nắm bắt được cái điều tình yêu luôn luôn phải là nạn nhân của thời gian cho nên họ cũng không hiểu được những bất công xã hội, những gai góc kinh tế của cuộc tồn vong cũng là nạn nhân của thời gian vậy.

Và vì thế mà tôi đã nghĩ rằng suốt đời tôi, tôi sẽ làm thư ký hỏa xa. Rằng không bao giờ tôi có thể trở thành một nhà văn. Rằng tôi sẽ lấy vợ, sinh con, dự lễ rửa tội, đưa ma, và đến thăm mẹ mỗi chiều chúa nhật. Rằng tôi sẽ không bao giờ tậu được nhà, mua được xe. Rằng tôi chẳng bao giờ nhìn thấy Âu châu, Paris hay La mã và Hy Lạp, những nơi chốn tôi đọc được trong sách mượn ở thư viện công cộng. Rằng tôi sẽ bị mắc kẹt muôn đời trong khốn khó do gia đình, do xã hội, do sự thiếu kiến thức và kỹ năng.

Nhưng rồi tôi cũng lại thoát ra được. Năm 18 tuổi, tôi bắt đầu mơ mộng đến những niềm hạnh phúc của thời thơ ấu. Cũng như về sau này, lúc ở vào tuổi 30, tôi mơ mộng đến niềm vui của một thời thanh niên đã

qua, và ở tuổi 35, tôi quay về với khoảng thời gian tuyệt vời ở trong lính, nơi mà tôi lại không ưa tham dự chút nào. Cũng như ở tuổi 45 tôi mơ về những năm dài hạnh phúc nhưng cũng vất vả của đời làm người chồng hết lòng với vợ, làm người cha yêu thương con. Tôi có được cái bản tính quý giá nhất của con người là chỉ nhớ đến cái gì tốt, quên hẳn những gì xấu.

Tôi vẫn còn mơ đến những danh vọng huy hoàng của ngày sau. Tôi vẫn còn sáng tác truyện ngắn, mỗi năm chừng một hay hai truyện. Tôi vẫn còn BIẾT mình sẽ là một nhà văn lớn, nhưng tôi cũng vẫn nhận ra rằng tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào và điều chọn lựa thứ hai của tôi là làm một tội phạm khét tiếng cũng đang ngày càng dồn dập đến. Nhưng đối với người trẻ, mọi thứ vẫn xảy ra một cách chậm chạp, nên tôi có thể ngồi chờ cho nó đi qua. Cả thế giới này sẽ đợi tôi. Tôi vẫn còn đủ thì giờ đem đời mình ra quay thành những giấc mơ.

Vào mùa hè, tôi là một trong những lực sĩ giỏi của Đại lộ thứ 10, nhưng vào mùa đông tôi lại co cụm, ngồi nhà đọc sách. Ở vào một tuổi rất nhỏ tôi đã khám phá ra thư viện, ở Nhà Nghiệp đoàn Hudson và nơi công cộng. Tôi rất thích đọc sách ở Nhà Nghiệp đoàn vì tôi đã làm bạn với người quản thủ ở đó. Tôi thích đọc những chuyện của Joseph Altsheler (tên ông tôi thuộc nằm lòng) về các trận đánh giữa bộ lạc da đỏ Seneca và Iroquoi của bang Nữu Ước. Tôi khám phá ra Doc Savage và chiếc bóng mờ, rồi Sabatini. Một phần tính tình của tôi cho đến giờ là của Sacramouche, tôi muốn nghĩ thế. Và rồi ở vào tuổi 14, 15 hay 16, tôi khám phá ra Dostoevsky. Tôi đọc tất cả những sách của ông mà tôi có thể kiếm ra được. Tôi khóc cho Ông Hoàng Myshkin trong cuốn "Thằng Khờ", tôi thấy mình cũng tội lỗi không kém Raskolnikov. Và khi tôi đọc xong "Anh Em Nhà Karamazov" lần đầu tiên, tôi hiểu được những gì thật sự đang xảy ra cho tôi và những người chung quanh tôi. Trước đây tôi vẫn ghét chuyện tôn giáo, ngay cả lúc còn tấm bé, nhưng bây giờ tôi lại là người ngoan đạo hơn hết. Tôi có lòng tin vào nghệ thuật. Lòng tin đó đã giúp tôi rất nhiều cũng như đã giúp rất nhiều kẻ khác.

Mẹ tôi xem chuyện tôi mê đọc sách bằng con mắt ngờ vực. Bà không thấy lợi lộc gì nơi việc đọc sách, nhưng khổ nỗi bầy con của bà lại ham đọc, bà cũng biết là chỉ huy một đội quân bướng bỉnh cứng đầu như bọn tôi, tốt hơn hết là tránh đối chọi với chúng. Biết đâu còn có thêm chút ganh tị. Nếu mẹ tôi biết đọc, có lẽ bà là người đọc sách giỏi nhất trong gia đình tôi.

Tổ tiên tôi trong suốt cả ngàn năm có lẽ đều thất học. Ý đại lợi, vùng đất hoàng kim hấp dẫn biết bao du khách người Anh, với một ngôn ngữ và một gia tài văn hóa tráng lệ (họ gọi đây là cái nôi của nền văn minh

nhân loại, tôi nghĩ thế), lại chưa bao giờ để tâm chăm sóc cho đám dân nghèo của mình. Cả cha lẫn mẹ tôi đều thất học. Cả hai cùng trưởng thành trên những mảnh đất sỏi đá núi non nằm cạnh Naples. Mẹ tôi còn nhớ chưa hề được nếm mùi thịt từ những con heo do họ ngã thịt hàng năm. Thịt heo mang ra chợ bán được giá, mà lúc đó lại cần tiền. Mẹ tôi còn được gia đình báo cho biết là vì quá nghèo không thể nào sắm nổi món quà cưới cổ truyền khi mẹ tôi đi lấy chồng, và cũng vì lí do đó mẹ tôi phải di cư sang Mỹ, lấy người chồng đầu bà chưa hề quen biết. Khi ông này chết vì một tai nạn nghề nghiệp thảm khốc, mẹ tái giá với cha tôi, người đã chịu cưu mang một người đàn bà góa cùng với bốn đứa con, phần có lẽ vì ngu ngốc, phần thương hại, phần nữa có lẽ do tình yêu. Không ai biết đích xác. Ông là một con người bí ẩn, gốc miền Nam, mắt xanh, lìa bỏ gia đình sau khi đã có với mẹ tôi ba đứa con, lúc tôi lên 12 tuổi. Cha tôi đã nguyền rủa Ý đại lợi còn hơn cả mẹ tôi. Nhưng ông cũng chẳng bằng lòng gì hơn về nước Mỹ. Mẹ tôi chưa bao giờ nghe ai nói đến tên Michelangelo, chưa bao giờ biết được những gì Cesar đã làm. Bà chưa hề nghe được tiếng nhạc thánh thót của quê hương mình. Bà còn không biết ký tên mình ra sao nữa!

Và vì thế mà mẹ tôi khó lòng tin tưởng con trai của mình có ngày sẽ trở thành một nghệ sĩ. Nói cho cùng, mục đích của bà đến Mỹ là để kiếm được bữa ăn hàng ngày, chừng đó thôi cũng đã là một giấc mộng lớn rồi. Và khi nhìn lại, mẹ đã nghĩ đúng hoàn toàn. Con trai của bà là một nghệ sĩ ư? Cho tới giờ, mẹ vẫn còn lắc đầu nguầy nguậy. Tôi cũng lắc đầu theo mẹ luôn.

Ngày nay, nước Mỹ có thể là một quốc gia phát xít, hiếu chiến, kỳ thị chủng tộc. Nó đáng bị lớp người trẻ có đầu óc cách mạng chỉ trích phê phán. Nhưng trước đây có lần nước Mỹ đã là một sự nhiệm mầu! Những gì đã xảy ra ở đây chưa hề xảy ra ở một nơi nào khác, vào một thời nào khác. Những người nghèo chịu nghèo hàng thế kỷ, ngay từ đầu kỷ niên thiên chúa, con cái của họ đã thừa hưởng sự nghèo đói, sự dốt nát, sự vô vọng, nay đã đạt được ít nhiều cải thiện về mặt kinh tế và có được chút tự do. Không phải tự dưng mà có được đâu, ai cũng phải trả giá bằng nước mắt, bằng khổ đau, nhưng tại sao lại không nhỉ? Một vài người còn trở thành nghệ sĩ nữa kia!

Ngay cả cái bẩm tính quên đi chuyện xấu của tôi cũng không biến những năm từ 18 đến 21 tuổi thành những năm vui sướng trong đời. Tôi ghét cuộc sống của tôi. Tôi đang bị vướng vào một chiếc bẫy sập tôi đã lo sợ sẽ dính vào và đã tiên liệu từ lúc còn nhỏ. Tất cả vẫn còn sờ sờ ra đó, một công việc làm cố định, một cô gái xinh đẹp bị quyến dụ đến mang

bầu, rồi đám cưới, rồi những lần cãi cọ từng xu dè sẻng cho đủ tiêu. Tôi nhận ra lắm lúc mình chẳng hào hiệp chút nào cả. Tôi phải nói dối cốt để biện hộ cho mình, và tôi cũng không tha thứ ai một cách dễ dàng.

Nhưng tôi cũng thoát ra được cái bẫy. Khi thế chiến thứ hai bùng nổ, tôi vui mừng vô cùng.Không có từ nào khác, cho dù nghe có thậm tệ đến đâu: Tiếng gọi của Tổ quốc. Tôi thoát khỏi vòng vây của mẹ, của gia đình, của người con gái tôi say đắm mà chẳng hề yêu. Thoát mà KHÔNG MANG TỘI. Một cách hào hùng. Tổ quốc kêu gọi, ra lệnh cho tôi cầm súng bảo vệ. Tôi hẳn là một trong triệu triệu người con, người chồng, người cha, người tình thoát ra khỏi vòng vây của những người thân một cách vô tội vạ, trước sự sững sờ của họ. Quả là một cú thoát ngoạn mục. Chiến tranh đã biến những giấc mơ của tôi thành sự thực. Tôi lái xe Jeep đi khắp Âu châu, dan díu vài cuộc tình, kiếm được vợ, và sống trong hoàn cảnh về sau làm chất liệu sáng tác cuốn truyện đầu tay.

Nhưng thế thì tại sao năm năm sau tôi lại sa vào bẫy với một vợ một con và một việc làm công chức mà tôi hăm hở nhận? Sau năm năm sống một cuộc đời mơ ước, bên gái đẹp rượu nồng, tiền bạc dư thừa, chẳng có việc gì làm, chỉ đàn đúm với bạn bè, lại du lịch đây đó, v.v...vậy tại sao tôi lại bước trở vào cái lồng gia đình, bổn phận, công ăn việc làm như thế?

Lý do rất giản dị, chỉ vì tôi chưa bao giờ có thể thoát nợ: tôi không thoát được mẹ, không thoát được gia đình, cũng chẳng thoát được sức ép đạo đức của xã hội. Thời gian lại một lần nữa xuống tay. Tôi lại chun vào lồng, mà lại tìm thấy hạnh phúc, tôi nghĩ thế. Trong hai mươi năm tiếp theo, tôi viết ba cuốn tiểu thuyết. Hai trong số ba cuốn được nhiệt liệt khen ngợi, nhưng lại chẳng thu được bao nhiêu tiền. Cuốn thứ ba, tuy không hay bằng hai cuốn trước đã làm cho tôi giàu có. Cuối cùng tôi cũng đã tìm được tự do. Ít ra tôi nghĩ như vậy.

Thế thì tại sao tôi lại cứ mơ đến chuyện những người di dân gốc Ý có một đời sống hạnh phúc? Tôi còn nhớ họ kể chuyện tổ tiên như thế nào, suốt đời chỉ biết cày cấy trồng tỉa trên mảnh đất cằn cỗi ở những triền đồi miền Nam nước Ý. "Ông ấy chết trong chính căn nhà ông đã ra chào đời," họ hay nói một cách thèm thuồng ao ước. "Suốt cả đời ông ấy chưa bao giờ ra khỏi làng một tiếng đồng hồ", họ thường than thở.

Không, thật sự bây giờ chúng tôi có hạnh phúc hơn. Đời sống có khá hơn. Hay như lời mẹ tôi thường nói: "Đừng màng chuyện sống sung sướng. Còn sống là quí lắm rồi."

Khi viết cuốn "Tự Truyện" của tôi, cuốn sách mà bất cứ tác giả nào cũng viết về đời mình, tôi đã dự định mô tả mình như là một người hùng nhạy cảm, ít được cảm thông, bị chính bà mẹ và gia đình dồn vào chỗ bí.

Tôi vô cùng kinh ngạc khi thấy chính mẹ tôi đã chiếm trọn cuốn sách [The Fortunate Pilgrim]. Thay vì tìm được cơ hội phục hận, tôi lại bị thêm một đòn đích đáng. Nhưng tôi vẫn cho đó là cuốn truyện hay nhất của tôi. Ngay cả những nhân vật người Ý bảo thủ quê mùa cổ lỗ mà tôi không hề ưa thích, rốt cuộc cũng trở thành những người hùng. Dù là không do tôi chủ định. Tôi hết sức ngạc nhiên. Điều làm cho tôi khâm phục họ nhất là lòng can đảm của họ. Vậy thì những chiếc Quốc hội Danh dự bội tinh của họ ở đâu? Những Binh nghiệp bội tinh của họ ở đâu? Làm sao họ dám cả gan lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái, đi kiếm sống ở một nơi xa lạ, không nghề, lại cũng chẳng hề ú ớ được chút tiếng nào nơi vùng họ sống? Họ đã vượt qua được những trở ngại đó mà không có thuốc an thần, thuốc ngủ, chẳng có bác sĩ tâm thần mà cũng chẳng hề có một giấc mơ. Anh hùng! Chung quanh tôi toàn cả anh hùng. Thế mà tôi chẳng bao giờ nhìn thấy họ.

Nhưng làm sao tôi có thể thấy được? Họ tròng lên người những chiếc áo thùng thình, miệng mang hàm râu mép thẳng ngang như tay lái xe đạp, hỉ mũi vào đầu ngón tay, người lùn xịt đến nỗi con cái ở tuổi trung học còn cao lớn hơn họ. Họ nói một thứ tiếng Mỹ ngập ngọng buồn cười, và mơ ước xa nhất của đời họ là kiếm được bữa ăn hàng ngày. Họ là những người đàn ông dạn dày, những người đàn bà gan dạ, họ đã chiến đấu để sống một cuộc sống không hề có một giấc mơ. Do nhu cầu sống còn, trí óc họ thu hẹp lại chỉ còn là một đường thẳng mỏng manh của cuộc sinh tồn.

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi còn trẻ tôi đã không ưa gì họ. Vậy mà họ đã lìa bỏ Ý, vượt đại dương đến một vùng đất mới để rồi gởi nắm xương tàn trên đất Mỹ. Họ là những Colombo thất học đi tìm miền đất hứa. Và khi làm thế họ cũng đã mơ được một giấc mơ.

Bốn mươi năm về trước, năm 1930 lúc tôi lên 10 tuổi, tôi còn nhớ là có đèn đường thắp bằng hơi đốt lập lòe khiến cho khu nhà chúng tôi ở như có ma.

Căn chúng cư của chúng tôi tốt nhất đại lộ thứ 10, nguyên một căn hộ nằm trên cùng gồm sáu phòng ngủ, hành lang có chỗ chứa đồ đạc, mái biến thành sân thượng. Từ đó chúng tôi có thể nhìn về hai phía, một phía là bờ nước vùng New Jersey, phía kia nhìn ra sân sau, lúc nhúc những chú mèo đực mà ai cũng tìm cách bắn bằng súng BB. Ở giữa hai phòng có thể nhìn ra ngoài này là ba phòng khác không có cửa sổ, kiểu nhà quen thuộc của Sở Hỏa xa. Nhà bếp có một lối thoát hỏa hoạn mà đêm đến tôi thường lẻn ra ngoài. Tôi rất thích căn chúng cư đó dù không có máy sưởi toàn nhà

mà chỉ có một lò đốt bằng than để ở một đầu và ở đầu kia là lò sưởi dầu. Tôi nhớ căn nhà đó ở thoải mái, cho dù có xập xệ đến đâu.

Mấy người anh của tôi nghe đài bằng một chiếc máy thu thanh làm bằng tinh thể gắn vào ống nghe mang trên đầu. Tôi thường đi ké theo xe thổ mộ, các anh tôi bạo gan hơn đeo theo tàu điện. Chỉ có 40 năm về trước, tính theo thời gian trên lịch, nhưng lại cả ngàn năm nếu kể đến những đổi thay trong đời sống vật chất của chúng ta. Bây giờ có cả máy bay phản lực, TV, thuốc trụ sinh trị được bệnh giang mai, có cobalt trị ung thư, phụ nữ được bình đẳng về tình dục, thế mà bọn trẻ ngày nay vẫn xem thường các bậc trưởng thượng của chúng.

Nhưng cũng có thể lần này bọn trẻ đi đúng đường. Biết đâu bọn họ đã nhận ra rằng những mơ tưởng của các bậc cha anh của chúng rất độc hại. Có lẽ cách duy nhất để thoát ra khỏi những vây bủa của cuộc đời thật sự chỉ có thể tìm thấy nơi sự nhiệm mầu của các viên thuốc hòa tan trong máu. Tất cả những người Ý tôi quen biết hay trưởng thành cùng thời đã vượt thoát và họ cũng đã thành công. Bây giờ tất cả chúng ta ai cũng là người Mỹ, ai cũng thành công. Tuy vậy người Ý thành công nhất tôi được biết cũng đã thú nhận là ông chưa hề biết đến chuyện tự sát, nhưng khi đạt được thành công thì ông cũng hiểu ra được tại sao. Không phải là ông có ý định tự sát, theo ý ông, không một người nào mang trong người giòng máu Ý đại lợi lại có thể tự sát hay trở thành một kẻ đồng tính. Nhưng ít ra việc tự sát cũng có lúc đã thoáng qua đầu. Vậy thì đi tìm cho được một giấc mơ để làm gì? Ông trở về Ý, tìm cách sống lại cuộc đời của một nông dân. Nhưng không bao giờ ông còn có thể lờ đi những cạm bẫy kín đáo khác hơn là sự nghèo đói.

Có một sự khác biệt giữa sống đầy đủ và sống hạnh phúc. Cuộc đời của mẹ tôi là những chuỗi ngày dài cam go, nhưng tôi nghĩ mẹ đã sống hạnh phúc. Tạm nhận là một bằng chứng khi thấy ở tuổi 82, bà đã tỏ ra xem thường cái chết, chưa chấp nhận là Thần Chết đã gần kề. Nhưng không phải bất cứ ai cũng sống được cuộc đời đó cả.

Nghĩ lại, tôi tự hỏi tại sao tôi trở thành một nhà văn. Vì nghèo, hay vì những cuốn sách tôi đã đọc. Ai đã làm cho tôi chấn thương, mẹ tôi hay anh em nhà Karamazov? Hay tại tôi có gốc Ý? Hay là do đứa con gái ngồi với tôi trên chiếc cầu gỗ khi để cho đầu máy xe lửa phun hơi che khuất hai đứa? Nếu tôi lớn lên từ gốc một người Ái nhĩ lan hay người da đen thì có khác hơn không?

Chắc không. Những ngày huy hoàng đang bắt đầu, tôi đang trở thành một người Ý thành công. Tuy không được danh vọng như DiMaggio hay Sinatra nhưng bao nhiêu đó đối với tôi cũng đủ. Và tôi cũng lại đang tìm

cách thoát. Tôi có được cái bẩm tính chỉ nhớ chuyện tốt, quên chuyện xấu kia mà (gớm sao tôi thích cách nói này quá!) Giờ tôi có thể mơ đến một thời thơ ấu hạnh phúc, sống trong căn chúng cư, chơi đùa trên những con phố tuy dơ bẩn nhưng lại rất huyền ảo, sống trong cảnh nghèo khiến mẹ tôi nhiều lần bật khóc. Đúng, năm 15 tuổi tôi là một nhà độc tài bị truất phế, nhưng không ai treo đầu tôi. Và giờ đây, tôi nhớ lại tất cả những giấc mơ dường như không thể có dàn trải trước mắt tôi, chực chờ tôi chọn lựa, không hề hay biết rằng chính cuộc sống của tuổi ấu thơ sẽ là giấc mơ cuối cùng của đời tôi.❐

Hãy trở thành độc giả dài hạn của

sáng tác, phê bình & lý luận văn học
P.O.Box 64, Altona, VIC 3018, Australia
Tel: (03) 9688 4308 - (03) 9688 4049
Fax: (03) 9688 4063 - Email: tuannguyen@vu.edu.au
http://www.vietnet.com.au/viet/

Chủ nhiệm: Phan Việt Thủy - *Chủ bút:* Nguyễn Hưng Quốc

Mỗi số một chủ đề.
Số 1 (đầu năm 1998): Thơ (đã hết)
Số 2 (giữa năm 1998): Sống và viết ở hải ngoại
số 3 (đầu năm 1999): cái mới trong văn chương
Số 4 (sẽ ra vào giữa 1999): Tình yêu, tình dục
và vấn đề phái tính trong văn học

Mỗi năm 2 số. Giá tại Úc: A$12.00. Overseas: US$30.00

Đọc "Chân mang giày số 6" của Song Thao

Nguyễn Mộng Giác

Mai sau người đọc Việt Nam khi giở những trang sách văn chương hải ngoại, thế nào họ cũng tò mò tìm hiểu kinh nghiệm lưu vong và di dân của thế hệ chúng ta. Và họ sẽ thấy biến chuyển phong phú của kinh nghiệm ấy.

Thật vậy, những đợt di tản đầu tiên sang định cư ở xứ người sau tháng Tư năm 1975 đã trải qua những kinh nghiệm bi thảm, những khó khăn bất ngờ thường dành cho những người mở đường. Chưa kịp qua khỏi cơn bàng hoàng vì đột biến thảm khốc của lịch sử, họ đã phải đối diện với một tương lai bất trắc. Như Nguyễn Bá Trạc viết trong "Ngọn Cỏ Bồng", họ ngơ ngác nhũn nhận thu mình như những củ khoai khi các hội thiện nguyện bảo lãnh họ về, trình diện họ trước họ đạo để kêu gọi lòng nhân đạo. Họ lạc lõng trước một nếp sống hoàn toàn xa lạ, tự cô lập và đầy mặc cảm. Họ là bà mẹ quê bị bật gốc trong "Chuyến xe về làng Đại Từ" của Trần Diệu Hằng, là bà ngoại lúng túng không biết cư xử thế nào trước chàng rể dị chủng trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Lớp trẻ hơn cũng không gặp may mắn. Không phải vì trở ngại do lòng kỳ thị của người bản xứ. Không phải vì óc đố kỳ thường có của dân địa phương trước một lớp di dân mới. Không. Tôi nhớ thời đó cả thế giới mở rộng vòng tay đón tiếp những người tị nạn Việt Nam, lòng nhân đạo chưa bị "mệt mỏi" như khoảng thập niên về sau. Trở ngại chính, là một trở ngại thuộc về nội tâm. Lịch sử chuyển biến đột ngột quá, cuộc di tản ra khỏi nước vội vã quá, đến nỗi đặt chân tới xứ người, nhiều người vẫn chưa hiểu vì sao ta ra đi, vì sao ta đến đây. Lời thơ của Cao Tần, Thanh Nam diễn tả chính xác, trọn vẹn tâm trạng bi đát của lớp người di tản thời ấy, và tôi tin rằng sau này, nếu muốn viết một bộ sử về các cuộc di dân quan trọng của

dân tộc chúng ta, những lời thơ ấy là một sử liệu quí giá.

Những đợt vượt biên ồ ạt từ cuối thập niên 70 kéo dài cho đến giữa thập niên 90 tuy cũng bi thảm như đợt di tản, nhưng tâm trạng của người vượt biển ít phức tạp hơn. Thứ nhất, họ đã trải qua kinh nghiệm sống dưới chế độ cộng sản, nên quyết định ra đi là một quyết định dứt khoát, chấp nhận trước các bất trắc nguy hiểm và sẵn sàng chịu đựng những rủi ro bất lợi nếu phải bắt đầu lại từ số không ở xứ người. Thành thực mà nói, những người vượt biển chỉ lo cho những bất trắc ttrên đường vượt thoát, còn đời sống nơi xứ người thì do thư từ của những người đi trước, họ biết tương lai chắc chắn sáng sủa hơn cuộc sống hiện tại. Cộng đồng người Việt ở ngoài biên giới đã thành hình, tin về các thành công của con em những người di tản trong thương trường, giáo dục...khiến những người di tản có căn cứ để quyết tâm hơn trong các quyết định ra đi hay ở lại. Người vượt biển đến các nước định cư với một gương mặt khác. Họ hăm hở chứ không ngậm ngùi hối tiếc. Họ tự tín xông xáo chứ không nhũn nhặn chịu đựng như những củ khoai. Những cụ già mơ về làng Đại Từ, những bà ngoại ngại mùi nhang làm phiền chàng rể vẫn còn đó, nhưng tring quan hệ với dân bản xứ, mặc cảm tự ti đã giảm bớt. Nhờ số đông, người Việt đã tự động tụ tập nhau lại thành những cộng đồng, cuối tuần gặp nhau nấu nướng nhậu nhẹt tán dóc theo kiểu Việt Nam, nhờ thế quên được cảm giác vong thân lạc lõng của mấy ngày phải sinh sống ttrong một môi trường xa lạ. Văn chương lưu vong bắt đầu có tiếng cười. Đọc "Hợp lưu" của Hồ Trường An, chúng ta thấy đời sống nơi xứ lạ không phải chỉ có buồn, khổ, lưu lạc, tiếc nuối... Nhân vật của Hồ Trường An, nhất là các nữ nhân vật, dù sống nơi xứ người vẫn cười nói rôm rả, đấu hót tưng bừng về đủ thứ chuyện đâu cua tai nheo trên đời. Họ không hề "mang trên vai thân phận lưu vong, thân phận nhược tiểu" như cách nói khuôn sáo thường thấy. Họ sống ở Pháp, ở Mỹ, ở Đức mà như đang sống tại Mỹ Tho, Cần Thơ, Sài Gòn... Chưa phải đã "hội nhập" trọn vẹn vào cuộc sống mới, nhưng họ dựng được cuộc sống cũ trên đất mới, và tìm thấy được sự an toàn thoải mái trong khoảnh đất tự tạo ấy.

Hơn hai mươi ba năm đã trôi qua, kể từ ngày Sài Gòn thất thủ. Sau đợt di tản và vượt biển, là các đợt ODP đoàn tụ gia đình, đợt HO của những gia đình cải tạo, đợt "tường nhân" sau khi bức tường Bá linh sập xuống. Lớp nọ chồng lên lớp kia, tâm trạng người mới tới của lớp sau chắc chắn không khác tâm trạng của những lớp trước. Vẫn còn "những củ khoai" của Nguyễn Bá Trạc, những cụ già tìm chuyến xe về Đại Từ của Trần Diệu

Hằng, những bà ngoại của Nguyễn Thị Hoàng Bắc. Nhưng xét trên đại thể, các tâm trạng ấy, kinh nghiệm ấy, cảnh huống ấy ngày càng trở thành cá biệt. Lớp già đã có "đất cũ" để mà sinh hoạt vào cuối tuần, ở đó họ tìm ra được bạn bè cùng thế hệ còn đông đúc đây đủ hơn ở quê hương. Họ thoải mái lật *album* để ôn chuyện cũ, thoải mái tôn xưng nhau đúng theo hệ thống giá trị cũ trước 1975, thoải mái nhắc nhở cái thời hoàng kim óng ánh hào quang thủa nào. Lớp trẻ đầy tự tín vì trưởng thành trong hệ thống giáo dục và xã hội mới, không cần phải tìm đến những *ghetto* như lớp đi trước, chỉ có một mối quan tâm là làm sao thăng tiến trên "đất mới" của mình.

Tôi tìm thấy thành quả đáng mừng ấy của kinh nghiệm lưu vong trong tập truyện ngắn "Chân mang giày số 6" của Song Thao.

Nhân vật truyện ngắn của Song Thao khác với mẫu hình chung trong văn chương hải ngoại ở một điểm quan trọng: họ đã bước ra khỏi cái *ghetto*, dù là thứ *ghetto* rộn ràng vui vẻ như trong "Hợp lưu" của Hồ Trường An.

Họ dứt khoát với trò chơi bệnh hoạn đã cũ: ngồi thu lu ở chỗ khuất nẻo ngắm nghía vết thương của mình mà than thở, hối tiếc; lắng nghe tiếng thở dài của mình để rán tìm một ý nghĩa rồi khuếch đại thành một bản hợp xướng... Không phải truyện của Song Thao chỉ có những nhân vật trẻ trung mạnh khoẻ, và họ gặp toàn may mắn trên đời. Không! Vào cái tuổi đã nếm đủ mùi thăng trầm của đời sống, ông không hồn nhiên cả tin như những người viết trẻ. Nếu làm một cuộc thống kê nhỏ, chúng ta sẽ thấy nhân vật của ông thuộc lớp già nhiều hơn lớp trẻ. Nhân vật chính của các truyện, dĩ nhiên là người Việt. Câu chuyện diễn tiến qua "cái nhìn" của nhân vật Việt. Nhưng điều quan trọng nhất, độc đáo nhất trong cách viết của Song Thao, là nhân vật chính người Việt của ông không còn là tù nhân của bất cứ thứ *ghetto* nào, bất cứ thứ mặc cảm nào, bất cứ thứ hoang tưởng nào.

Ra khỏi cái *ghetto* quá khứ Việt Nam, nhân vật truyện Song Thao mới ý thức được rằng nỗi đau Việt Nam không phải là nỗi đau duy nhất chỉ có dân tộc chúng ta phải gánh chịu. Khi chấm dứt trò chơi nuôi sẹo và ngắm sẹo, chúng ta sẽ thấy những người di dân thuộc các sắc tộc khác sống chung quanh chúng ta cũng có những bi kịch riêng của họ, nhiều khi bi kịch của họ còn khốc liệt hơn cả những gì chúng ta đã trải qua. Như trường hợp Eva (trong truyện Eva):

"Đại chiến thế giới là một khúc ngoặc quan trọng trong cuộc đời

Eva. Bằng cách này hay cách khác, nó đã cướp đi của bà hai chỗ dựa vững chắc nhất của đời người. Cha bà tử trận trong quân phục của quân đội Ba lan. Mẹ bà vùi thây ở một nơi chốn nào đó dưới rừng bom đạn gào thét dữ dội như những lằn roi lửa trong tay những ngạ quỉ ở chốn địa ngục. Còn trơ trọi một mình trên cõi đời, bà bị lùa vào trong trại tập trung. Ông không thể tưởng tượng được tuổi thơ của tôi đâu. Mà nói cho cùng, tôi làm gì có tuổi thơ. Trong trại tập trung, chúng tôi làm việc quần quật như một đám nô lệ. Mùa đông, tuyết phủ ngập trời, chúng tôi phải đi chân không làm việc ngoài trời...".

Như trường hợp Liwah, cô sinh viên Hoa lục du học lấy chồng người Việt, vừa lạc lõng trong một gia đình khác chủng tộc vừa mang nặng mặc cảm của một người đến từ một đất nước có thể chế chính trị cộng sản.

Sau khi nhận thức được rằng bất hạnh của chúng ta không phải là duy nhất, chúng ta mới tò mò tìm hiểu xem các di dân khác đối phó làm sao với nỗi bất hạnh của họ. Hãy nghe Eva nói:

"Cho tới bây giờ tôi vẫn một mình. Cô đơn vẫn hoàn cô đơn. Phải chi tôi có được với anh ấy một đứa con. Nhưng đâu có thể đòi hỏi nơi anh ấy điều anh ấy không thể làm được. Mình cũng đâu có thể tính lời tính lỗ với cuộc sống của mình được, ông nhỉ. Cái được nhiều khi chẳng phải là được. Cái thua nhiều lúc cũng chẳng ra thua. Người ta bảo nó như một trò chơi. Ừ thì chơi!"

Ra khỏi cái *ghetto* quá khứ Việt Nam, nhân vật truyện Song Thao mới thấy những người cùng làm việc ở sở, những người láng giềng, những khách qua đường khác chủng tộc với mình cũng "hiện diện", có những nỗi lo riêng, nỗi buồn riêng, có tiếng cười tiếng khóc của riêng họ, và xét đến cùng thì tiếng khóc tiếng cười của họ không khác tiếng khóc tiếng cười của chúng ta bao nhiêu. Nhờ mối quan tâm chính đáng của Song Thao đối với các nhân vật khác với chủng tộc Việt, mà các nhân vật ngoại quốc trong tập truyện hết sức linh động. Sở làm không còn là chỗ đày ải, chỗ phải thui thủi cam chịu để có miếng cơm manh áo, mà trở thành một không gian sinh động, đầy chất sống, đầy chất người; khi vui vẻ ngộ nghĩnh như trong "Ôm rơm", khi cay đắng ngậm ngùi như trong "Auld Lang Syne". Trong sở làm, nhân vật Việt của Song Thao cũng không co ro thu mình như những củ khoai của Nguyễn Bá Trạc. Họ tự tín, mạnh dạn, nói chuyện và cư xử với đồng nghiệp ngoại quốc trong tư thế bình đẳng.

Ra khỏi cái *ghetto* quá khứ Việt Nam, nhân vật truyện Song Thao

mang cho bạn đọc một món quà lớn nữa: họ xóa bỏ cho chúng ta nỗi lo bị mất gốc, bị đời sống vật chất tha hoá, con cháu chúng ta quên mất truyền thống và lai căn khi tiếp xúc và trưởng thành trong xã hội mới. Có thể Song Thao quá lạc quan trong vấn đề này. Nhưng các dẫn chứng của anh qua các truyện "Hạnh phúc", "Tưởng có cơn bão", "Chân mang giày số 6" cho thấy anh không "lạc quan tếu". Anh chỉ cho chúng ta thấy nếp sống tưởng là buông tuồng phóng túng của người da trắng thực ra là biểu hiện phần tích cực của quan niệm tự do cá nhân, lòng tự tín và nội lực mạnh mẽ của những người ý thức được quyền lợi và trách nhiệm của hai chữ Tự Do, giống như phong tục cha mẹ để con cái đến tuổi 18 được tự do dọn ra ở riêng để tự lập. Lấy kinh nghiệm thu lượm được qua cuộc sống bất trắc để làm khuôn thước cho giới trẻ lớn lên trong trật tự ổn định, liệu những nỗi lo của chúng ta có hợp lý hay không?

Tập truyện của Song Thao mang đến cho tôi nhiều tin vui, trả lời cho tôi nhiều câu hỏi mà lâu nay tôi chưa tìm ra lời đáp. Anh là người lạc quan. Nhờ thế, nhân vật của anh lạc quan trong những tình huống đáng lẽ phải buồn thương chán nản. Người bệnh vẫn nói cười rôm rả. Người già sống cô độc nhưng không hề cảm thấy lạc lõng. Mỗi truyện mới đọc tưởng là một thảm cảnh. Đang đọc thấy đúng là thảm cảnh. Nhưng đọc xong thấy loé sáng niềm tin. Con người dù sao vẫn còn rất tốt. Cuộc đời dù đầy bất trắc nhưng vẫn là nơi đáng sống nhất. Xin cảm ơn anh Song Thao, về món quà quí giá này.❐

thiên nga giữa cõi người

tập truyện ngắn của

Tâm Thanh

Tạp chí Văn Học xuất bản

"Chủ ý của Tâm Thanh là truy tầm những bi kịch muôn thuở ngay trong những hoàn cảnh bất ngờ nhất, nơi người ta tưởng không bao giờ có bi kịch. Người đọc bước vào truyện như lạc vào một cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngơ ngẩn bàng hoàng vì băn khoăn không hiểu nổi những vấn nạn muôn thuở của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý."

Văn Nghệ phát hành. - Sách dày 200 trang. Giá 10 Mỹ kim

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Trần Bình An, ***Cảm ơn đời ta sống trọn bao năm,*** tập thơ do tác giả tự xuất bản, sưu tập những bài thơ làm từ thời niên thiếu du học ở Nhật cho đến tuổi trung niên ở Mỹ. Hầu hết những bài thơ đều ngắn gọn, chịu ảnh hưởng phần nào lối thơ haiku của Nhật.Thi tập dày 224 trang. Tác giả là một nhà khoa học thành công trong ngành Vật lý, in thơ nhằm mục đích trao đổi tâm cảm với những người yêu thơ. Bạn nào muốn có tập thơ (miễn phí), xin liên lạc về địa chỉ:

Năng Trần
P.O. Box 28658
St. Paul MN 55128

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 Trần Hoài Thư, ***Mặc niệm chiến tranh,*** tập truyện , tác giả xuất bản, tranh và trình bày bìa Vũ Đức Thanh. Sách dày 204 trang, giá 12 MK. Tác phẩm thứ năm được xuất bản của Trần Hoài Thư tại hải ngoại, từ năm anh cầm bút trở lại (1995). Cũng như bốn tác phẩm trước, đề tài chính của tập truyện này là ám ảnh của cuộc chiến hai mươi lăm năm trước, trong tâm khảm người lính VNCH. Vinh danh người lính VNCH, phục hồi danh dự cho người lính VNCH, đó là nguồn hứng và mục tiêu của Trần Hoài Thư, khi anh trở lại cầm bút.

Địa chỉ liên lạc: Trần Hoài Thư

PO Box 58, S. Bound Brook NJ 08880
Email: tranhoaithu@netscape.net
Phone: (908) 769-1718

🕮 Lâm Thanh Huyền, ***Những hạt đậu biết nhảy***, bản dịch của Phạm Huê, Văn Nghệ xuất bản và phát hành, sách dày 260 trang, giá 13 MK. Lâm Thanh Huyền là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và tản văn ở Đài Loan. Mười lăm năm trước đây ông bắt đều tìm hiểu đạo Phật. Những truyện ngắn Phật học của ông ngay sau khi phát hành ở Đài Loan đã được bạn đọc hâm mộ, tái bản đến lần thứ 30 trang năm đầu tiên xuất bản. Truyện của ông được phổ biến rộng rãi chẳng những trên các báo Phật giáo, mà còn trên các báo Thiên chúa giáo nữa. Thành công của sách Lâm Thanh Huyền do tư tưởng thâm trầm của Phật học được Lâm Thanh Huyền diễn giải một cách nhẹ nhàng, trong sáng, dưới hình thức văn chương. Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách, hoặc liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ.

🕮 Nguyễn Huy Thiệp, ***Như những ngọn gió***, tuyển tập 30 truyện ngắn hay của Nguyễn Huy Thiệp, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 570 trang, giá 22 MK. Bạn đọc đã quá quen với những truyện ngắn đặc sắc của Nguyễn Huy Thiệp. Nay nhà Văn Nghệ, được tác giả đồng ý, đã in thành tuyển tập 30 truyện ngắn tiêu biểu nhất của nhà văn. Sách đã phát hành khắp nơi.

🕮 Câu lạc bộ Văn Hữu, ***Văn Tập Xuân Hạ 1999, số 2***, tuyển tập thơ văn của một số những người cầm bút ở Canada, do Phạm Quân Khanh chủ trương. Mục đích chính của Văn Tập là thực hiện chủ trương văn học của Câu lạc bộ Văn Hữu. Những cây bút có đóng góp bài vở trong Văn T20p 2 có: Hoàng Châu Hợp, Lê Bạch Lựu, Y Định, Xuân NGuyệt, Huệ Thu, Dương Kiền, Phạm văn Hải, Chính Danh, Cao Nguyên, Minh Vũ Hồ văn Châm, Nguyễn Tường Tứ, Nguyễn Định, Lưu Trọng, Viễn Du, Phạm Quân Khanh, Dưỡng Điềm, Nguyễn Thiên Thụ, Tôn Thất Thiện, Cổ Trúc, Trần Mộng Lâm, Thời Đàm, Kim Lão, Hoàng Du Thụy, Nguyễn Huy Bích, Nguyễn Vỹ, Hai Khê, Trần Sông Yên, Nguyễn Đức Tường, Quỳnh Anh, Lưu Trọng, Long Giang Tử, Ngô Nhựt Tân, Nguyễn văn Tài, Hồ văn Mẫn, Mộng Du, Lờ Phờ, Song An, Nguyễn Hữu Chi, Nguyễn Mạnh Tiêu, Tống Minh Long Quân, Khổng Có Chi.

Địa chỉ liên lạc:

174 Forward Ave Ottawa Ontario, Canada K1Y 1L2
Email: vanhuu@hotmail.com

📖 Nguyễn thị Phong Dinh, ***Giữa hai mùa gió,*** tuyển tập truyện ngắn, Văn Tuyển xuất bản 1999, lời giới thiệu của Trần Kiêm Đoàn, lời Dẫn nhập của Duy Năng, bìa và phụ bản của Huỳnh Ngọc Diệp.Đây là tác phẩm đầu tay của một cây bút có truyện ngắn đăng trên nhiều báo Việt ngữ. Tác phẩm gồm 10 truyện ngắn mà theo người viết lời dẫn nhập, là "mười mảnh đời chứa đựng xung đột mâu thuẫn của tâm trạng có quê hương mà phải rời bỏ, nhưng đến xứ người thì cảm thấy đây dị biệt cô đơn, không dễ dàng thích ứng". Lối viết của Nguyễn thị Phong Dinh (bút hiệu của một nhà văn nam, không phải nữ) chú trọng đến tình tiết phức tạp ly kỳ, dàn trải chiều rộng hơn đi vào chiều sâu.

Sách dày 200 trang, giá 12 MK.
Địa chỉ liên lạc: Nguyễn thị Phong Dinh
4814 Glendarion Drive
Duraham, NC 27713
email: ntphongdinh@aol.com

📖 ***Báo nhận được trong tháng:*** Văn Học đã nhận được các tạp chí gửi tặng cho Tòa soạn Văn Học: Văn (San Jose CA), Hợp Lưu (Garden Grove CA), Làng Văn (Toronto Canada), Việt (số 4, 7.1999, Australia)Văn Tuyển (Hayward CA), Hoa Sen (Garden Grove CA), Phật giáo Việt Nam (Los Angeles CA), Dân Chủ Cho Việt Nam, Dân Chủ & Phát Triển (Germany).

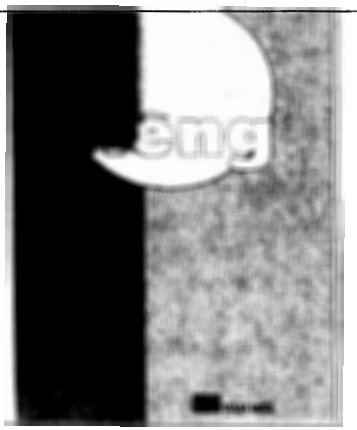

MIÊNG
(Nguyễn Thị Xuân Sương)

Những lượng sóng ngầm,
trong một văn phong
chừng mực, trầm tĩnh

Giá 12MK

VĂN MỚI xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành

thư tín

Ông Võ Công (Redmond WA):

Tôi xin chân thành gửi lời đến ông Tạ Chí Đại Trường, tác giả bài "Vương hóa..." đăng trên Văn Học tháng Năm 1999. Bài ông viết hay quá, đọc vừa cười vừa đau đớn, ngậm ngùi. Một người viết sử theo "cách đó" thật ít có ai (vì thường các tay viết sử đều viết rất khô khan).

Đối với các độc giả khác tôi không biết sao, chứ tôi cứ mỗi lần đọc xong bài ông viết đăng trên Văn Học là phải đi photo để dành, một người viết sử đáng tin hơn các "sử gia".

Ông Ngô B. Tạng (Saltlake City):

Xin cảm ơn các anh về việc tạp chí Văn Học suốt một năm qua đã tới tôi rất đều đặn. Tôi cũng rất vui mừng vì thấy các anh đã giữ cho Văn Học ngày càng đặc biệt, đẹp, hay hơn. Nhất là sự giới thiệu các nhà văn mới. Đặc biệt là nhà văn Tâm Thanh. Xin anh nếu có dịp báo cho ảnh: tôi rất kính phục và yêu văn của ảnh, càng thèm muốn đời sống ở Bắc Âu.

Ông Tạ Xuân Tắc (Eden Prairie):

Sau đây xin Ông vui lòng chuyển lời đến nhà văn Tâm Thanh giùm tôi:

Chuyện Lụa Bạch viết rất khéo và thật cảm động. Nếu không phải người trong cuộc thì khó hư cấu một chuyện như vậy. Tuy già song tinh thần yếu đuối như tôi cứ bắt buộc phải đọc đi đọc lại để "được" khắc khoải. Cũng trách cái ông Tường nào đó được người vợ như thế mà không biết quí còn bày đặt cờ bạc làm khổ vợ. Có điều trách thì trách mà thương thì vẫn thương, bởi cái chính yếu là chung tình, phải không quí vị?

Anh Nhược Trần, Hoà lan:

Rất vui khi thấy bài "Về

chuyện mới cũ" của tôi có góp mặt với văn hữu trên Văn Học số 159.

Có một chi tiết nho nhỏ xin góp ý. Phần đầu trong bài viết (Văn Học 159, trang 23) câu: "...nguồn gốc rồng tiên của mình", người viết cố tình dùng chữ "rồng ***chim***" với một ẩn ý. Trong huyền thoại "Lạc long quân và nàng Âu cơ", hiện thân của "Lạc long quân" là "rồng", và "Âu cơ" là một loài chim. Người viết muốn nêu lên một khía cạnh hình như không được ổn lắm trong ý niệm về nguồn cội của dân tộc Việt Nam. "Rồng chim" là hai loài cầm thú. Như thế, chẳng lẽ nguồn gốc dân tộc Việt Nam lại bắt đầu từ loài cầm thú? Vậy thì, chính nó có gì liên quan đến thú tính của con người được thể hiện trong nhiều thế kỷ qua?

Bổ túc thêm một ý tưởng khá quan trọng (Văn Học, giữa trang 23) để làm sáng tỏ hơn vấn đề mà người viết muốn đề cập tới:

"Mấy năm gần đây, do những biến động toàn cầu, hoàn cảnh đất nước đã ít nhiều thay đổi. Từ lâu, sự áp đặt có hệ thống ý niệm "yêu chủ nghĩa xã hội là yêu nước" (thay thế cho nền giáo dục dựa trên nền tảng yêu thương truyền thống) và không nhân nhượng bất cứ một "sai lệch" nào khác về phạm trù tư tưởng đã vô tình gieo cấu vào tâm tư người dân một niềm tin có điều kiện. Và khi niềm tin này bị phân hóa hay sụp đổ, nó kéo theo một hậu quả đáng sợ; tình cảm gắn bó với gia đình, với quê hương xóm làng, với đất nước cha ông...sẽ trở nên vô cùng lố bịch và rất mơ hồ."

Nếu thấy tiện, xin cho đăng hai phần bổ túc này trong mục "Thư tín"

Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm
(Chicago)

Bàn thêm với Nguyễn Hưng Quốc về bài "Sống và Viết như những người lưu vong".

Tôi đóng góp thêm ý kiến về hai nhận định sau của NHQ:

- Người lưu vong, đặc biệt là giới cầm bút, là tù nhân của quá khứ
- Người lưu vong là tù chung thân của tiếng mẹ đẻ.

Tù nhân của quá khứ:

NHQ viết: "Quê hương chỉ còn là một nỗi nhớ mà nỗi nhớ nào cũng có khả năng biến mọi thứ thành quá khứ..."

Theo tôi, nhớ không mang khả năng biến mọi thứ thành quá khứ. Nhiều thứ hôm nay gợi lại quá khứ. Quá khứ là đối tượng của nhớ. Nhớ là nhớ cái đã qua. Qua mau hay lâu không là vấn đề. NHQ khi nói đến quá khứ có lẽ muốn nói đến thời gian khi còn ở trong nước trước 1975 hay trước khi ra sống ở nước ngoài.

NHQ cho rằng người lưu vong là tù nhân của quá khứ. Ôm giữ những hình ảnh cũ dẫn đến nguy

cơ rõ nhất, cụ thể nhất là việc tiếp nhận cái mới trở thành khó khăn.

Theo tôi, người lưu vong cho dù bất cứ ai, lưu vong vì lý do gì, cũng đều sống nhiều với quá khứ. Điều này phải chăng là thuộc tính của lưu vong? Nếu cắt lìa quá khứ hay quên quá khứ đi (chuyện này không thực tế) để hội nhập vào hiện tại, thì còn gọi là lưu vong nữa không? Người cầm bút lưu vong nếu viết về quá khứ thì cũng chỉ vì hiện tại chưa đủ kích thích cảm hứng sáng tác thay thế cảm hứng chồng chất ngút ngàn từ những đau thương mất mát khốn cùng của giai đoạn lịch sử mà mình là nhân chứng. Điều này không hề kìm hãm việc tiếp thu các phong cách diễn cảm của các trào lưu văn học hiện đại.

"Tù nhân của quá khứ" không phải là một lực trì tiêu cực.Theo tôi, trong nhà tù quá khứ đó, những người cầm bút lưu vong chưa lãnh đủ án, ở tù đủ năm, nhận đủ bề dày kinh nghiệm của đau thương mất mát tận cùng của thân phận Việt. Ngày tù chưa đủ chất, chưa đủ lượng nên chưa sáng tạo được những tác phẩm mang tầm vóc lớn lao của thời đại, tác phẩm có thể cảnh cáo cho thế giới về chiến tranh và hận thù. Chưa nói được hay chưa nói hết cái mong manh của phận người, cũng như niềm hy vọng vương lên từ cõi chết, từ tù đày. Chiến Tranh Và Hoà Bình của Leon Tolstoi, Ulysses của James Joyce, Gone With The Wind của Margaret Mitchell lấy chất liệu từ đâu, nếu không phải là từ đau thương của quá khứ? Vô số ví dụ khác nữa.

Tù chung thân của tiếng mẹ đẻ.

Tù là trói buộc, mất tự do. Tiếng mẹ đẻ không hề trói buộc, mà chắp cánh cho bất cứ nhà thơ nhà văn nào trên thế giới bay cao trên khung trời sáng tạo. Sử dụng tiếng mẹ đẻ để sáng tác không phải là nguyên nhân mang đến hậu quả: "quanh quẩn trong sân chơi nho nhỏ của cộng đồng mình, và đứng bên lề hội hè, đình đám văn nghệ quốc tế" (NHQ). Gabriel Garcia Marquez (Nobel 82) viết "Trăm năm cô đơn" bằng tiếng mẹ đẻ. Yasumari Kawabata (Nobel 68) viết "Ngàn cánh hạc" bằng tiếng mẹ đẻ...Họ là tù nhân của tiếng mẹ đẻ đó. Họ có đứng bên lề hay không? Vấn đề là tài năng sáng tạo và giá trị tác phẩm chứ không phải vì khả năng song ngữ. Dù là nhà văn đang ở trên đất nước mình hay đang lưu vong ở xứ người, đối tượng độc giả trước tiên vẫn là đồng bào mình. Cứ viết bằng tiếng nói của mình. Giá trị thực sự của tác phẩm nếu vượt ra khỏi biên giới quốc gia, ra khỏi hàng rào ghetto cộng đồng, sẽ hội nhập vào giòng thác văn học "hội hè, đình đám" quốc tế. Theo tôi vấn đề cần là những dịch giả tài ba để giới thiệu tác phẩm viết bằng tiếng mẹ đẻ cho người nước ngoài.

Một vấn đề cũng cần bàn cãi: Nguyễn Du viết Truyện Kiều, chuyện xảy ra bên Tàu. Shakespeare viết kịch dựa vào kho tàng truyện cổ Hy lạp, Ý...Họ viết bằng tiếng mẹ đẻ Việt, Anh. Không những họ chỉ góp phần làm phong phú mà còn sáng tạo thêm cho ngôn ngữ quê hương. Không có gì phải bàn cãi, tác phẩm của họ là kho tàng văn học của các nước ngôn ngữ sử dụng chứ không thuộc các nước nơi phát sinh cốt truyện.

Nếu người Việt không còn là "tù nhân của tiếng mẹ đẻ", viết chuyện Tây chuyện Mỹ và cả chuyện ta bằng tiếng Anh, tiếng Pháp...thì tác phẩm của họ còn thuộc văn học Việt Nam chính thống hay lưu vong hay không?

Đã phát hành tập truyện mới nhất của Trần Hoài Thư

Mặc niệm chiến tranh

Đây không phải là một tập truyện chiến tranh thường tình, mà trái lại là những trang xa xót, uất nghẹn, phi lý về cuộc chiến hôm qua. Những chi tiết rất sống từ trận đánh năm Mậu Thân, đến chiến trường Tân Cảnh mùa hè 72, hay Ban Mê Thuột với những người lao công đào binh vừa dọn xác, vừa bảo vệ phòng tuyến, hay Quảng Nam, Quảng Tín với đôi mắt sưng húp của những người lính tan hàng trở về phố Hội trong những ngày miền Nam hấp hối trong lúc cấp chỉ huy của họ tháo chạy. Nó mặc niệm chiến tranh, nhưng cũng đề cập đến một nan đề của thời hậu chiến qua sự trở về chiến trường cũ của hai người từng là kẻ thù. Một người là cựu lính thám báo VNCH và một người là cựu lính trinh sát BV. Họ sẽ chứng minh về sự trung thực của Nỗi Buồn Chiến tranh của Bảo Ninh hay Tiểu thuyết Vô Đề của Dương Thu Hương.

Ngoài kích thước của một tác phẩm văn học, nó còn có một chủ đích về lịch sử. Nó chứng tỏ rằng Sự thật không phải luôn luôn ở trong tay kẻ thắng trận.
Được viết bởi một cựu trung đội trưởng thám kích Bộ Binh và là một cây bút rất quen thuộc của các tạp chí văn học hàng đầu của miền Nam trước 1975.
Xin hỏi nhà sách trong vùng.
Muốn có chữ ký lưu niệm của tác giả xin liên lạc

Trần Hoài Thư
PO BOX 58
S. Bound Brook, NJ 08880
phone:(908)769-1718

Email: tranhoaithu@netscape.net. Giá $12 (Ngoài Hoa Kỳ thêm $2)

hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Thêm Hồng (Corona CA), Justine Trang Vo (Garland TX), Trần Doãn Nho (Worcester MA), Trần Đức Hoan (Westminster CA), Hoài Ziang Duy (Falls Church VA), Dr. Bùi Xuân Nhiếp (Toronto Canada), Cao thị Nga (Alexandria VA), Đỗ văn Lục (Houston TX), Trần văn Điền (Westminster CA), Trần Hoài Thư (S. Bound Brook NJ), Nguyễn Thị Thanh Bình (Springfield VA), Nguyễn Công Chánh (Harvey LA), Thuy Nguyen (Falls Church VA), Phạm Thoan (SF CA), Lê Đức Long (H. Beach CA), Vũ văn Tâm (Germany, gia hạn và đổi địa chỉ), Nguyễn văn Minh (Mission Viejo CA), Nguyễn Đức Cung (R.S.M. CA), Tự Do Bookstore, Thư lâm Bookstore, Hồng Bàng Bookstore (San Jose CA), Đỗ Thị Cẩm Giao (Anaheim CA), Minh Châu Đào (Westminster CA), Tôn Thất Chiểu (Langley Park MD), Trương Vinh (Devon PA), Ngô Ý Liên (Temple City CA), Lê Đình Kỳ (Anaheim CA), Lai Xuyên (Seattle WA), Tang Ba Ngo (Saltlake City UT), Nhung Lam (Sarasota FL), Tạ Xuân Tắc (Eden Prairie MN), Lâm Minh Tài (San Jose CA), Dr. Trần Xuân Dũng (Footscray Australia), Trịnh Y Thư (Irvine CA), Phan Minh Nga (Anaheim CA), Trương văn Thành (Elk Grove CA), Nguyen Thiep (Oakland CA)

● Bài nhận được trong tháng:

"Lấy gì mà đắp nhớ thương" gửi từ San Jose CA, "Thay nhẫn đính hôn", "Nụ hôn đầu", "Nhờ em chỉ lối" gửi từ Tampa FL, "Về thăm vùng đất năm xưa", "Bàn tay" gửi từ Costa Mesa CA, "Thiên kỷ" gửi từ Dortmund Germany, "Đôi cánh ước mơ của con" gửi từ Tustin CA, "Anh họa sĩ cà lăm" gửi từ Royal Palm Beach FL, "Thư không lời đáp" gửi từ Falls Church VA, "Nỗi nhà" gửi từ Rosemead CA , "Một áng mây bay" gửi từ Milano, Italia; "Màn kịch cuối" gửi từ Boston MA, "Thời gian" gửi từ Dallas TX, "Hoa tím bằng lăng", "Kể chuyện tương tư", "Lấy gì mà đắp nhớ nhung", "Nỗi lòng chia xa" gửi từ San Jose CA, "Ý kiến..." gửi từ Hoà Lan, "Sách vần quốc ngữ năm 1939" gửi từ Mountain View CA, "Tịch mịch hồng" gửi từ Bonn Germany, "Ánh đèn viện sách" gửi từ San Francisco CA, "Thử điểm qua các bài điểm sách trên các báo văn học nghệ thuật" gửi từ Seattle WA.

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

NHỮNG SÁCH DO TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Tạp chí Văn Học tuyển chọn những tác phẩm giá trị của các văn hữu cộng tác với Văn Học để xuất bản và giới thiệu cùng bạn đọc. Sau đây là những tác phẩm bạn đọc cần tìm mua:

Nụ tầm xuân
Tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ phát hành, Giá 10 MK

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Thiên nga giữa cõi người
Tập truyện ngắn của Tâm Thanh
Dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

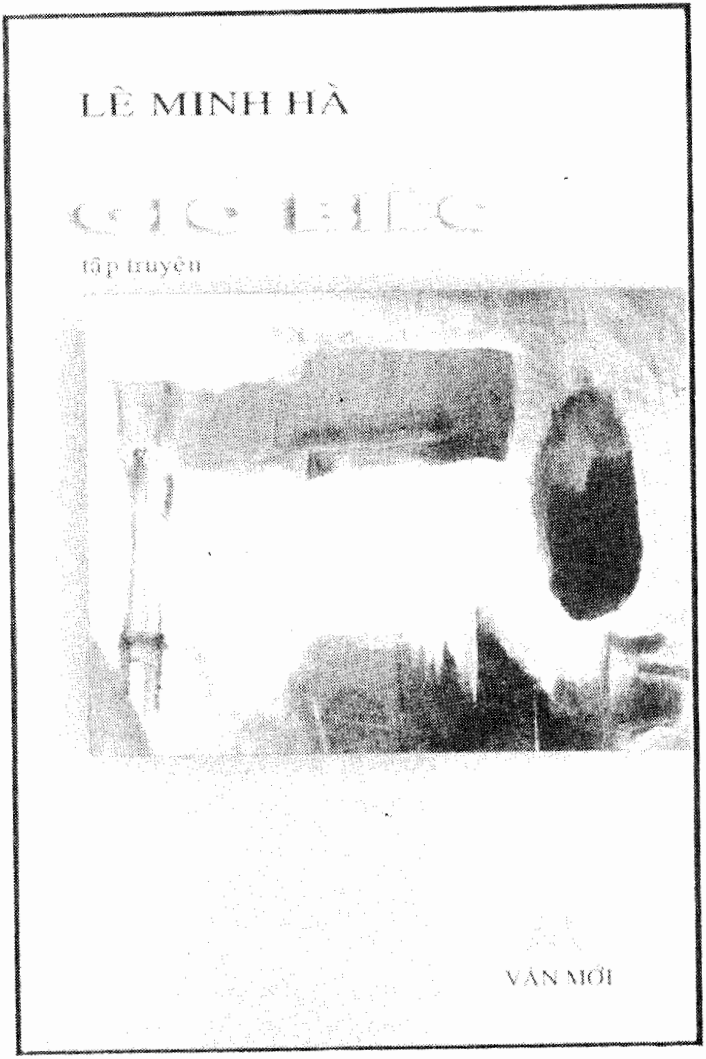

VĂN MỚI xuất bản
VĂN NGHỆ tổng phát hành

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:
MIÊNG - Tuyển tập truyện ngắn.
Bìa Khánh Trường, Phụ bản Đinh Cường, Tựa Nguyễn Nam Trân

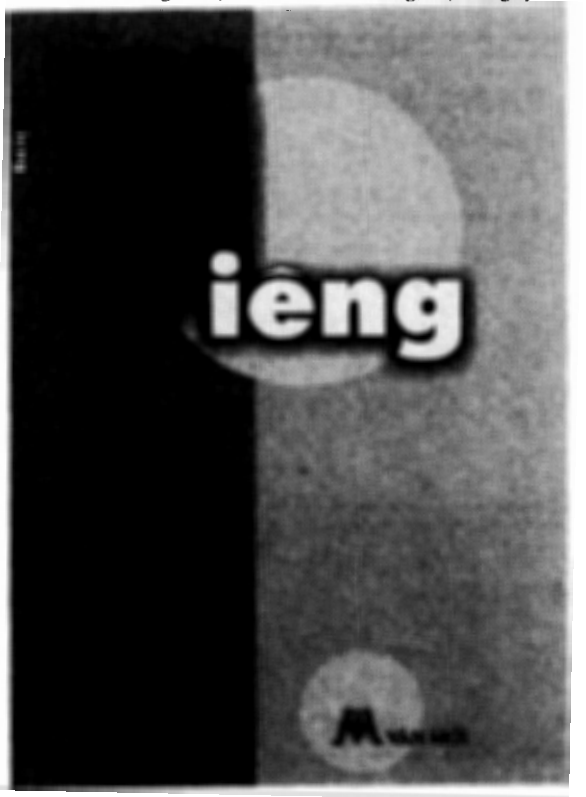

Sách đã bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301, Wesminster, CA 92683.Tel: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY
CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 BOLSA AVE., STE. # 123 • WESTMINSTER • CA 92683 •
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

SÁCH MỚI VỀ

20 năm binh nghiệp - Hồi ký Tôn Thất Đính (455 p.) $22.00
Những huyền thoại & Sự thật về Chế độ Ngô Đình Diệm (493 p.) Vĩnh Phúc $22.00
Xóm Đạo (612 p.) Truyện dài mới nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn $25.00
Truyện Kiều và Tuổi trẻ (694 p.) Lê Hữu Mục & Phạm thị Nhung $32.00
Việt Nam một thế kỷ qua (323 p.) hồi ký của Nguyễn Tường Bách $16.00
Mây mù thế kỷ (338 p.) Tiết lộ mới về hậu trường chính trị Hà nội, Bùi Tín $18.00
Hồi ký Nguyên Sa (412 p.) di sản quí của nhà thơ bất hủ Nguyên Sa $18.00
Đường mây trong cõi mộng (416 p.) Đại sư Hán Sơn, Nguyên Phong phóng tác $18.00
Góc trời Ngô Thụy Miên (55 p. khổ 8.11) tập nhạc của Ngô Thụy Miên $13.00
Cẩm nang căn bản điện toán (322 p.) sách thực dụng của Tôn Thất Thái $14.00

Ở xa xin gửi chi phiếu đề cho Văn Khoa, giá tiền bằng giá ghi trên, miễn cước phí ở Mỹ.

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN

GÓC TRỜI NGÔ THỤY MIÊN
(Tập Nhạc 56tr.) $13.00

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL&FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- NHỮNG HUYỀN THOẠI VÀ SỰ THẬT VỀ CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM *Vĩnh Phúc* cựu chủ biên Ban Việt Ngữ đài BBC Luân Đôn 22MK
- BÚT KHẢO VỀ XUÂN I *BS Lê Văn Lân* 18MK
- BÚT KHẢO VỀ XUÂN II *BS Lê Văn Lân* 13MK
- DƯỚI BÓNG TỪ BI Nữ Phật Tử Nga *Inna Malkhanova* 11MK
- CÔ RƠM VÀ CÁC TRUYỆN NGẮN *Trần Mộng Tú* 12MK
- HỒ CHÍ MINH TẠI TRUNG QUỐC (Một Kẻ Ngụy Trang Chủ Nghĩa Dân Tộc Việt Nam) biên khảo *Tường Vĩnh Kính*, *Thượng Huyền* dịch 18MK
- HỒI KÝ VIẾT TRÊN GÁC BÚT 13MK
  Nguyễn Thụy Long
- CHUYỆN LÃO TƯỢNG PHẬT DI LẶC VÀ NÀNG NỆM MÂY truyện *Phạm Thị Hoài* 8MK
- NGƯỜI TRUNG QUỐC XẤU XÍ 15MK
  Bá Dương, Nguyễn Hối Thủ dịch

SÁCH PHÁT HÀNH

- TUYỂN TẬP BÌNH NGUYÊN LỘC *Võ Phiến* giới thiệu 20MK
- MÂY MÙ THẾ KỶ *Bùi Tín* 18MK
- TUYỂN TẬP SỰ THẬT 99 *Lê Hữu Dãn* 25MK
- QUỶ MA VÀ HỌC TRÒ phiếm và truyện *Huỳnh Văn Phú* 12MK
- NHỮNG BÀI VĂN SỬ *Tạ Chí Đại Trường* 10MK

Ngoài Hoa Kỳ, xin thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục
với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.
E-Mail: **vannghe@pacbell.net**
Homepage:**http://home.pacbell.net/vannghe**

Giá:$4.00